

Kiều Mỹ Duyên

Chinh Chiến Điêu Linh



Lời mở đầu

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Trước năm 1975, là một phóng viên chiến trường, tôi có dịp theo bước chân hành quân của các chiến sĩ miền Nam Việt Nam khắp bốn vùng chiến thuật. Hơn mười lăm năm làm báo, tôi đã viết nhiều về sự can đảm và hào hùng của người lính miền Nam, những kẻ đã hy sinh quá nhiều cho người khác được ấm no, hạnh phúc. Dù hôm nay, chung cuộc như thế nào, trong lòng tôi, những hình ảnh oai hùng và sự hy sinh cao cả của các anh, vẫn không bao giờ phai nhạt. Cuốn sách này như một đóa hồng nhỏ gửi đến tất cả chiến sĩ QLVNCH để tri ân và để tưởng niệm những chiến sĩ đã đi vào lòng đất mẹ.

Kiều Mỹ Duyên

Cuốn sách này hoàn tất với sự giúp đỡ của thầy Trần Bích Lan, anh Tạ Ty, anh Nguyễn Hòa, chuyên viên về Đông Dương tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ, cùng tất cả quý vị quen biết, bạn bè, những nhân vật trong truyện, đã bỏ

túc nhiều dữ kiện và cho mượn hình ảnh. Đặc biệt, nhiếp ảnh gia Nguyễn Ngọc Hạnh cho phép dùng những bức ảnh nghệ thuật của anh. Xin cảm ơn tất cả với lòng chân thành.

Kiều Mỹ Duyên

Chinh Chiến Diêu Linh

Tựa

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Tôi vẫn thích tiểu thuyết về chiến tranh, thích những cơn lốc cảm xúc ghê gớm của con người trong những tình thế cực đoan, những sự hãi đến kinh hoàng, những mừng vui như sóng ủa vào, như núi đổ xập xuống làm cười to, làm lặng câm, làm bụi ngùi nhỏ lệ. Đúng thế, ở đó, chỉ có ở đó, ở bờ vực của sự sống và cái chết, mới có tình bạn, mới có ý nghĩa của sự sống và tình ái tới mức đam mê. Bi kịch, với những người sống chết ở chiến trường được dựng lên trên sân khấu lớn của thiên nhiên với bối cảnh là núi thật, sông thật, tiếng súng thật vang vang, viên đạn thật xuyên qua cơ thể, màu đỏ tươi chuyển qua đỏ sẫm trước khi chuyển qua tím đen chan hoà trên mặt đất thật sự, thì làm gì còn có tình cảm giả trá, yêu đương trục lợi, nhớ hão thương hờ. Tình bằng hữu ở đó là người bạn lao mình lên phía trước truy cản đỡ lấy viên đạn cho người bạn còn ở lại phía sau. Hình ảnh của người tình, người vợ, hình cha mẹ, dù nhỏ bằng bàn tay, dù cất dấu trong trí nhớ là những mặt

trời của giao thông hào, của đêm biên trấn, của chiều bay trên lửa đạn, mặt trời kỳ lạ, có hơi ẩm của mặt trời thiên nhiên tích tụ một ngàn năm. Sợ như chưa từng sợ, vui như chưa bao giờ vui thế, cảm xúc ở chỗ vũ bão nhất của cảm xúc, đam mê đến tận cùng, cho nên, những người từ cõi chết đó trở về hơn một người trở thành xa cách trong thế giới bình an, thế giới của những đam mê phân nửa, cảm xúc nhẹ nhàng, thế giới mà sự sống, so với sự sống bên bờ vực cái chết, chỉ còn là một phó bản của sự sống.

Tôi thích tiểu thuyết chiến tranh từ khi còn đi học . Thích Chiến tranh và hoà bình. Thích Pilote de guerre. Thích Le silence de la mer. Thích Hồi chuông báo tử đổ cho ai? St Exupery, tác giả Pilote de Guerre, nhìn chiến tranh từ trời cao. Vercors, trong Niềm Im Lặng Của Biển Cả, nhìn chiến tranh từ một thành phố bị chiếm đóng. Có cây viết nhìn chiến tranh từ Bộ tham mưu hành quân, người này ở mặt trận miền Tây, người kia trong tiểu đội du kích Tây Ban Nha, có người mang lại cho chúng ta cuộc chiến nhìn từ một giao thông hào, cuộc chiến từ tiềm thủy đình ở đáy biển.

Chinh Chiến Điều Linh của Kiều Mỹ Duyên là cuộc chiến nhìn từ lỗ châu mai của những đồn Địa phương quân ở Sơn Tịnh, ở Minh Lang, ở Sa Huỳnh, ở Đức Phổ, ở Ba Tư. Cuộc chiến của đoàn quân mà Kiều Mỹ Duyên yêu mến bị vây hãm bởi Sư Đoàn 3 Sao Vàng, trước, Sư Đoàn 304 và 308, sau, bị pháo kích như mưa bởi những hòng đại bác của Trung Đoàn Pháo 38, bởi những dàn phóng của Trung Đoàn Tên Lửa 84.

Điều linh của chiến tranh không phải chỉ có mặt tại những đồn binh bị vây khốn, còn có mặt ở những làng mạc bốc cháy, những ngôi trường học bỏ hoang vu. Kiều Mỹ Duyên di chuyển cùng những em học sinh bị thổi bay trong lửa đạn di tản từ phía Nam khởi đi từ Hương Trà, Phú Vang, từ Cam Lộ, La Vang, Hải Lăng, Quảng Trị. Kiều Mỹ Duyên, cùng với những đồng nghiệp, những Barney Seibert, của UPI, Sam Kai Faye, của ABC, cùng

Enrico Iacobucci, Ý, Ted Kurrus, Mỹ, nhìn cuộc chiến từ bên bờ sông Mỹ Chánh, từ điểm tựa đóng quân nhất định không lùi thêm một tấc đất nào nữa của Đại tá Phạm Văn Chung. Kiều Mỹ Duyên nhìn cuộc chiến ngày đó ở ngay chân cổ thành Quảng Trị, nhìn lá cờ được kéo vút lên cao trong đêm, lá cờ bay, "cờ bay, cờ bay trên thành phố thân yêu" được nhìn thấy lần đầu ngay khi tiếng súng còn vang động cùng khắp, lá cờ bay mà Ted Kurrus so sánh với lá cờ ở Iwo Jima. LỖ cờ bay ở cổ thành Quảng Trị mà nhiều người trong chúng ta nhìn thấy qua hình ảnh bài hát của Phạm Duy, nhiều người đã đến vùng đất cần sỏi đá này đã nhìn thấy tận mắt nền vàng sọc đỏ, Kiều Mỹ Duyên đã nhìn thấy cờ bay trên trời cao và cờ bay trong đáy mắt anh Binh Nhất Hồ Khang, người giữ và cắm lá cờ trên đỉnh cao của Cổ Thành, Hồ Khang Binh Nhất, trong Toán Quyết Tử cắm cờ của Binh Nhất Trưởng Toán Trần Tâm. Kiều Mỹ Duyên nhìn thấy lá cờ bay trong mắt Hồ Khang, khi đi. Không bao giờ nhìn thấy trong mắt Hồ Khang trở về, người anh hùng đã chết khi thi hành nhiệm vụ. Lá cờ bay bằng Máu quê hương.

Người ký giả chiến trường và nhà văn viết tiểu thuyết chiến tranh khác biệt: người thứ nhất có trong tay sức mạnh của thực tại, người thứ nhì xử dụng quyền lực của hư cấu. Tiểu thuyết chiến tranh là sự sâu thẳm đào xuống sâu hơn nữa, có khi xuống tới kiếp người, khởi đi từ hố sâu của chiến hào, phóng sự chiến trường là chiều rộng, là cái rộng lớn mênh mông ghê gớm của những thân người đã đổ la liệt trên chiến địa, là chiều rộng chi chít những sự kiện có thật, thật đến nỗi phần đất nhỏ còn dành lại cho tác phẩm như chữ, như dụng văn, như hoàn chỉnh bố cục dù sáng chói đôi lúc vẫn hiện ra bị lấn áp. Chiến trường của Kiều Mỹ Duyên trong Chinh Chiến Điều Linh cũng mênh mông. Khi thì người nữ ký giả chiến trường này mang lại cho chúng ta cái nhìn đêm cổ thành kéo cờ oanh liệt, cặp mắt ngơ ngác của những em nhỏ bỏ trường học Hương Trà lại phía sau lưng, khi thì Kiều Mỹ

Duyên mang lại cho chúng ta cuộc chiến nhìn từ bờ sông Mỹ Chánh. Kiều Mỹ Duyên nhìn cuộc chiến từ phi cơ L19, cái nhìn hướng dẫn hành quân, quan sát mục tiêu, phối hợp hỏa lực. Chương khác là cái nhìn cuộc chiến từ trực thăng tải thương. Chương Biên Trấn là cuộc chiến nhìn từ căn cứ hỏa lực 5 Tam Biên với Liên đoàn 81 Biệt cách Dù với bác sĩ nhà văn Ngô Thế Vinh, với Trung Tá Lân, Trung TỶ Thông, người đóng phim Người Tình Không Chân Dung, Trung tá Phan Văn Huân, Liên đoàn trưởng. Phóng sự chiến trường bám sát thực tế, bay lượn cùng khắp với kích thước của thực tế, chi chít thực tế, sôi động thực tế, bát ngát thực tế, ngơ ngác thực tế, ngậm ngùi thực tế, Chinh Chiến Điều Linh của Kiều Mỹ Duyên, sách gấp lại còn bàng hoàng, còn nhớ mãi trên trời cao có những giải mây tuyệt vời có những cái tên rất văn chương như "Mùi Máu Tươi Trong Rừng Cây Khuynh Diệp", như "Chiều Mưa Trên Đồi Sim", như "Bay Trên Lửa Đạn", như "Chàng Từ Khi Vào Nơi Gió Cát", còn nhớ mãi trên mặt đất những thân thể của bằng hữu ngã đổ, máu đỏ chan hoà cùng khắp, trong mắt, trên mặt, trên thân thể, dưới vạt áo của Mẹ Quê Hương.

Tôi rất yêu cuốn sách này của Kiều Mỹ Duyên.

Nguyễn Sa

Chinh Chiến Điều Linh

Viên Đạn Đã Lên Nòng

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Giữa tháng giêng năm 1972, trong khi người dân miền Nam đang chuẩn bị đón xuân Nhâm Tý, thì những giới chức thẩm quyền từ Vùng I xa xôi cho đến Dinh Độc Lập đang ngày đêm theo dõi những biến chuyển hoạt động quân sự của Cộng quân. Đã có nhiều bằng chứng cho thấy địch đang gia tăng tiềm lực quân sự vào miền Nam với mức độ đáng kể.

Các nguồn tin tình báo ghi nhận, cho đến hôm nay, đã có 3 sư đoàn Cộng quân tiến sát vùng phi quân sự, 15000 quân đã xâm nhập vào Cao Nguyên Trung Phần và hai trung đoàn bộ binh đã xâm nhập Vùng III, gồm mười một tỉnh chung quanh Sài Gòn.

Những quan sát viên ở trong và ngoài miền Nam Việt Nam đa số cùng chung sự tiên đoán: một cuộc tấn công của Cộng Sản Bắc Việt tại khu phi quân sự hoặc Cao Nguyên có thể xảy ra vào dịp Tết Nhâm Tý này, tức là khoảng giữa tháng hai năm 1972, vào dịp Tổng Thống Hoa Kỳ Richard Nixon đến hội đàm tại Bắc Kinh.

Điều hầu như ai cũng thấy rõ là quân số mà Cộng quân đang tập trung tại Cao Nguyên nhiều nhất kể từ trước đến nay, thêm vào đó, tình trạng suy sụp tại Lào và Kampuchia thì đang phải tự lo lấy thân mình vì các lực lượng của

miền Nam Việt Nam đã rút về để bố phòng tại các tỉnh ven đô, khiến cho người ta nghĩ rằng tình hình Đông Dương sắp tới hồi biến chuyển.

Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ (VOA) nhận định như sau: "Hoạt động quân sự của Cộng Sản ở Lào và Kampuchia vẫn tăng mạnh, điều đó chứng tỏ một cách rõ rệt sự leo thang chiến tranh có lẽ cũng sắp xảy ra ở miền Nam Việt Nam. Tại Lào, các lực lượng Bắc Việt đã chiếm được vùng cao nguyên Bolovens và hiện đang đe dọa Long Cheng, một căn cứ quan trọng của quân đội Hoàng Gia Lào. Các lực lượng Bắc Việt đã kiểm soát được vùng Đồng Chum từ hồi trung tuần tháng 12 vừa qua, và tình hình nghiêm trọng đến độ Hoàng Thân Thủ Tướng Souvana Phouma phải kêu gọi Liên Hiệp Quốc lưu ý về điều này.

Tại Kampuchia, các đơn vị Việt Nam Cộng Hòa đã rút về để chuẩn bị chống lại một cuộc tấn công quy mô mà Cộng Sản có thể phát động. Ngay tại miền Nam Việt Nam, những cuộc tấn công của Cộng quân hiện nay tuy nhỏ và lẻ tẻ, nhưng đạt tới mức độ cao nhất trong 3 tháng vừa qua.

Tất cả những điều nói trên, đã khiến cho dư luận suy đoán rằng, Hà Nội có lẽ đang đặt kế hoạch cho một cuộc tổng công kích như hồi Tết Mậu Thân năm 1968. Theo sự suy đoán, cuộc tấn công này sẽ xảy ra vào tháng sau, gần đúng vào dịp Tết, nghĩa là vào khoảng trung tuần tháng hai Dương Lịch.

Báo chí Mỹ có tờ thì tiên đoán mục tiêu đích xác của cuộc tấn công kỳ này là Kontum, có tờ tiên đoán là Sài Gòn, với nhiều lý do khác nhau được dẫn giải: người thì cho rằng Cộng Sản muốn người ta có cái cảm tưởng là lực lượng Mỹ đang triệt thoái đang gặp phải một sự trở ngại, người thì cho rằng Cộng Sản muốn chứng tỏ sự thất bại của chương trình Việt hóa ... và cái giả thuyết được nhiều người nói tới nhất là Cộng Sản muốn gây bối rối cho cả Tổng Thống Nixon lẫn các lãnh tụ của Trung Cộng trong những cuộc hội đàm giữa hai bên tại Bắc Kinh dự trù sẽ diễn ra một tuần lễ sau Tết.

Theo các tin tức tình báo thu thập được, Bộ Tư Lệnh Quân Khu II cho rằng Cộng Quân sẽ mở một cuộc tấn công mà mục tiêu cuối cùng là thành phố Kontum. Cuộc tấn công này sẽ kéo dài trong một tháng, từ khoảng cuối tháng giêng đến cuối tháng hai và gồm ba giai đoạn: tấn công vùng Pleiku để kiểm soát các sắc dân Thượng; tấn công vùng Bình Định để chiếm Quốc Lộ 19, từ Pleiku xuống Qui Nhơn và như vậy sẽ cắt miền Nam ra làm đôi; và giai đoạn thứ ba là cô lập Kontum rồi đánh chiếm thành phố này.

Tuy nhiên, Bộ Tổng Tham Mưu của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà còn nghĩ rằng Cộng quân vào phút chót có thể chuyển hướng mà mục tiêu là thị xã Đông Hà, thuộc tỉnh Quảng Trị. Lợi thế của Cộng quân khi mở mặt trận tại đây là thị xã Đông Hà nằm trong tầm đại pháo, hỏa tiễn trí sẵn bên kia bờ Bến Hải, phần tiếp vận cũng không quá khó khăn và thêm vào đó, Sư Đoàn 3 Bộ Binh đang trấn ải địa đầu là một đơn vị mới thành lập, chưa đủ khả năng để chịu được một cuộc tấn công lớn. Theo các quan sát viên chính trị, nếu chiếm và giữ được Đông Hà, Cộng quân có thể dùng làm thủ đô cho một chính phủ gọi là Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời để đòi ngưng bắn và thương thuyết.

Cũng bởi có hai giả thuyết như vậy, cho nên Bộ Tổng Tham Mưu đang còn phân vân chưa biết phải tăng phái một lữ đoàn Dù lên Cao Nguyên hay ra Miền Hỏa Tuyến. Vì vậy, lữ đoàn này sau khi từ Tây Ninh rút về vẫn còn ở Sài Gòn chờ lệnh.

Tại Vùng I, Tư Lệnh Sư Đoàn I Bộ Binh, Thiếu Tướng Phạm Văn Phú nhận định rằng: theo quan niệm chiến thuật của Cộng quân, hai Quân Khu I và Quân Khu II sẽ một là "diện" và một là "điểm", mà theo Tướng Phú thì cho đến giờ phút này, chưa thể xác quyết quân khu nào là "điểm", mặc dù tình hình quân sự tại Quân Khu II đang sôi động hơn. Mọi người chờ đợi.

Trên khắp miền Nam, cho đến hôm nay, cuộc sống ở những thành phố vẫn

còn bình lặng. Một chút không khí rộn ràng của những ngày Tết đã thoáng hiện đâu đây. Người ta bình thản không phải vì người ta sống vô tình. Nhưng qua bao thế hệ, từ ngày mở mắt chào đời, tai đã nghe tiếng súng, lớn lên và nay đã nửa cuộc đời, bom đạn vẫn còn trút xuống trên đầu. Họ bình thản vì họ đã sống quen với cảnh chinh chiến triền miên. Và mọi người chờ đợi những gì sẽ đến. Những gì sẽ đến không phải đã đến trong những ngày Tết với tiếng súng kinh hoàng thay tiếng pháo như hồi Mậu Thân, cũng không phải đến giữa những ngày xuân hoa nở muôn màu, mà đã đến với những cơn gió đầu hè của miền Trung, những cơn gió mang cái nóng của vùng Hạ Lào thổi qua rừng Trường Sơn, hứa hẹn một mùa hè rực lửa.

Chinh Chiến Diêu Linh

Buổi Chiều Trên Sân Bay Đà Nẵng

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Một buổi chiều của mùa Hè năm 1972, chiếc C130 cất cánh từ Tân Sơn Nhất thả tôi xuống phi trường Đà Nẵng. Đây là một phi trường lớn của Vùng I, cả hai mặt dân sự và quân sự. Buổi chiều mùa hè của miền Trung, thời tiết nóng oi bức, dù Đà Nẵng là một thành phố nằm ven biển. Người ta có cảm tưởng sự ngọt ngào ngày càng nhiều hơn từ khi những người lính Mỹ đầu tiên đặt chân đến hải cảng này.

Một cuộc đời có vẻ âm thầm, cay đắng cũng bắt đầu với sự xuất hiện của những lon Coca, lon bia Hem và những snack bar mọc lên nhanh chóng trên cái thành phố từ trước đến nay, vẫn giữ được nét sang trọng của giới thượng lưu thứ thiệt trong suốt thời kỳ còn dấu chân của người Pháp. Nhịp độ sinh hoạt của thành phố có vẻ sôi động hơn, tăng theo sự hiện diện ngày càng đông của quân đội Mỹ. Một nấc thang mới của xã hội nảy sinh. Một lớp người bỗng nhiên trở nên giàu có nhanh chóng, nhờ đủ mọi dịch vụ dính líu đến quân đội Mỹ: từ những xe hàng êm xuôi ra khỏi kho của PX, những đồng rác đầu thầu được, cho đến cả những ông thông dịch viên độc quyền dịch hôn thú cho mấy bà vợ theo chồng về nước.

Chỉ tội cho lớp người trí thức như công, tư chức, đang phải đứng giữa ngã ba đường: chạy theo cuộc sống, hay cưỡng lại với hai chữ “kẻ sĩ” uơu gàn, bất lực? Thiệt thối nhất vẫn là những người lính chiến. Dù cho cuộc sống có thay đổi thế nào, họ vẫn là những kẻ hy sinh, những kẻ ngày đêm miệt mài với chiến trận. Họ hy sinh để bảo vệ cho đồng bào. Hai chữ đồng bào gồm cả những người đã tận dụng quyền lực để hãm hại với nhau, tranh dành với nhau từng đồng rác của Mỹ, tại cái thành phố mà tôi vừa đặt chân xuống đây.

Chiều hè trong phi trường chỉ có từng cơn gió lửa, thổi từ ống phản lực của những chiếc phi cơ cất cánh liên tục trên các phi đạo chạy dài hun hút. Tôi đặt xách tay dưới chân và đứng nhìn ra bên ngoài. Những chiếc phản lực cơ cất cánh liên liên. Trên bầu trời Đà Nẵng, hầu như không bao giờ im tiếng máy bay gầm thét, ngày cũng như đêm. Chỉ cần đứng ở một phi trường quân sự để nhìn nhịp độ cất cánh của các chiến đấu cơ, hoặc vào các quân y viện để xem tổng số lượng bệnh binh nhập viện hằng ngày, người ta cũng thấy được mức độ cuộc chiến của vùng đó mà khỏi cần nghe phòng hành quân thuyết trình.

Nhìn những phản lực cơ mang những ám số bắt đầu bằng chữ F nối đuôi nhau cất cánh từ phi trường quân sự Đà Nẵng, tôi chợt nghĩ đến sự sống và sự chết của những người chiến sĩ Không Quân vừa tung đôi cánh chim bằng kia, hướng về một trận đánh đang khai diễn ở nơi nào đó, và có thể bên dưới, một viên đạn phòng không, một trái hỏa tiễn địa không đã sẵn sàng chờ họ. Giả sử tôi rảnh rỗi đứng tại đây, ghi số một chiếc máy bay nào vừa cất cánh, và chỉ một hoặc hai giờ sau, không thấy chiếc máy bay đó đáp xuống lại, thì có nghĩa là người đi không về.... Chim bằng đã gãy cánh. Người chết, chết âm thầm, người sống vẫn tiếp tục nhiệm vụ cao cả. Và bên ngoài phi trường, thành phố Đà Nẵng nằm bên hải cảng vẫn đẹp đẽ, vẫn xô bồ, ồn ào và náo nhiệt. Thành phố đó có đại bản doanh của Quân Đoàn I/Quân Khu I và bộ chỉ huy của các lực lượng Mỹ cũng trú đóng tại đây. Sự hiện diện của người Mỹ tại Việt Nam đã khiến cho cuộc sống có phần đảo lộn. Đà Nẵng là một trong số những thành phố trở mình đầu tiên. Sự ồn ào bên những đồng rác chỉ là ngôn ngữ của đám ruồi nhặng. Những kẻ đó không phải tiêu biểu để đánh giá cho những con người từ đời này qua đời khác, đã đổ bao nhiêu mồ hôi, nước mắt và xương máu để giữ vững mảnh đất tuy cằn khô, nhưng vẫn là quê hương của mình.

Quê hương em nghèo lắm ai ơi.

Mùa đông thiếu áo, hè thời thiếu cơm...

Sống trên mảnh đất cày lên sỏi đá, nhưng lòng người không khô cằn. Thiếu cơm, thiếu áo, nhưng không thiếu tình người. Đó không phải chỉ là sự ngạc nhiên của riêng tôi, trong những lần ra thăm miền Trung, mà còn là ấn tượng đẹp đẽ đến mức độ cảm phục của một viên tướng đến từ bên kia bờ đại dương: Tướng Lewis Walt, Tư Lệnh Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ tại Việt Nam. Trong cuốn hồi ký "Strange War - Strange Strategy", Tướng Walt đã kể lại một câu chuyện xảy ra trong những ngày ông cầm quân tại Đà Nẵng.

Một buổi sáng, khi tới bản doanh để làm việc. Bước vào văn phòng, Tướng Walt thấy một cô bé Việt Nam khoảng mười một tuổi đang ngồi chờ ông ở phòng khách. Cô bé rất hiền, xinh xắn, dễ thương và có vẻ e thẹn. Tướng Walt hỏi viên sĩ quan tùy viên vì lý do nào mà cô bé đến văn phòng của ông ta vào lúc quá sớm như vậy. Sĩ quan tùy viên trình bày là cô bé đến để trả lại một chiếc đồng hồ đeo tay bằng vàng của một binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đánh rơi mà cô bé nhặt được.

Tướng Walt tiếp cô bé trong văn phòng và khuyến khích cô bé nói chuyện. Cô bé nói được tiếng Anh. Cô bé giải thích là cô nhặt được chiếc đồng hồ vàng có khắc tên và đơn vị của người lính đã làm rơi. Cô không muốn giữ hoặc bán chiếc đồng hồ, vì đó là vật tư hữu của một binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến Mỹ, một binh chủng mà cô bé thương mến.

Khi Tướng Walt hỏi tại sao cô bé mến Thủy Quân Lục Chiến, cô bé trả lời:
- Vì cha tôi là một Hạ Sĩ Quan Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam. Cha tôi bị Việt Cộng giết cách đây hai năm.

Tướng Walt hỏi cô bé làm sao học được tiếng Anh giỏi như vậy, cô bé đáp:
- Anh tôi đã dạy cho tôi đó. Mẹ tôi chỉ đủ tiền cho một đứa con đi học, nên anh tôi được đi học. Rồi tôi đến, anh tôi dạy cho tôi và hai em tôi những gì anh ấy học được ban ngày.

Trong cuốn hồi ký, Tướng Walt thú thật là vẫn còn cảm thấy bồi hồi mỗi khi nhớ lại câu chuyện chiếc đồng hồ và cô bé Việt Nam. Ông biết rõ rằng, trị giá chiếc đồng hồ đó nhiều hơn lợi tức mà gia đình cô bé kiếm được trong một năm, thế mà cô ta và gia đình đã trả lại cho sở hữu chủ không một chút do dự.

Ông viết tiếp: "Cô bé 11 tuổi ấy đã lớn lên trong một thành phố nghèo đói, bệnh tật, chiến tranh và sự chết chóc bao trùm chung quanh. Nhưng cô bé đã học được những nét cao thượng của cha, của anh là những chiến sĩ, và từ

những người lớn khác, niềm kiêu hãnh và sự tự trọng..."

Tôi sinh trưởng và lớn lên ở miền Nam, một miền trù phú với nhiều ưu đãi của thiên nhiên. Với nghề nghiệp của một phóng viên chiến trường, tôi đã có dịp đặt chân lên khắp nơi của nửa phần đất nước Việt Nam: từ Bến Hải đến mũi Cà Mau. Tôi không có dịp ra miền Trung thường xuyên. Nhưng quả thật miền đất đó, đã có những mời gọi âm thầm đối với tôi. Chỉ riêng về phương diện nghề nghiệp thôi, phần đất từng được mệnh danh là Miền Hỏa Tuyền thật đáng là nơi cho những phóng viên chiến trường có mặt.

Tôi thương cái nghèo khó của miền Trung, và kính phục sự vươn lên mãnh liệt của người dân ở vùng này. Và ngày hôm đó, một ngày giữa mùa hè năm 1972, tôi có mặt tại chiến trường Trị Thiên để chính mắt quan sát và ghi lại những trận đánh lẫy lừng của những người chiến sĩ can trường đang trấn giữ vùng địa đầu.

Tôi có mặt để xin được chia sẻ sự chua xót bằng ngậm ngùi của những người khốn khổ, đến một mái tranh nghèo, một mảnh vườn con cũng không giữ được trước thiên tai và cả bao nhiêu cuộc chiến tiếp diễn đã bao lâu nay trên mảnh đất khô cằn, mà họ vẫn sống bám vào cho trọn tình với ông cha. Bởi thế, từ lòng thương mến và cảm phục đó, mỗi lần khi viết về miền Trung, tôi viết với tất cả sự trang trọng vốn có trong tâm tư.

Chinh Chiến Điều Linh

Mùi Máu Tươi Trong Rừng Cây Khuynh Diệp

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Rời phi trường Đà Nẵng, tôi về nhà của luật sư Đào Ngọc Thụy, bạn học cũ ở Luật Khoa. Phu quân của Thụy cũng đang phục vụ tại Quân Đoàn I. Sáng hôm sau, tôi vào Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I thật sớm để chuẩn bị cho chuyến đi thăm những trận đánh đã và đang xảy ra ở Quảng Ngãi. Vài ngày trước khi quyết định ra miền Trung, những tin tức về tình hình chiến sự ở tòa soạn cho thấy những trận đánh chung quanh tỉnh Quảng Ngãi đang tới hồi khốc liệt. Vì vậy, Quảng Ngãi là nơi đầu tiên ở miền Trung mà tôi có mặt khi vừa đến. Và cũng mới đêm hôm qua, Chi Khu Ba Tơ đã trở thành một địa danh nổi tiếng, bởi một trận đánh anh dũng của những người chiến sĩ Địa Phương Quân tỉnh Quảng Ngãi.

Tôi ngồi yên lặng, vừa lắng nghe vừa ghi nhanh những điều mà Đại Tá Ngô Văn Lợi, Tỉnh Trưởng kiêm Tiểu Khu Trưởng Tiểu Khu Quảng Ngãi nói với tôi về sự tàn bạo của Việt Cộng đối với người dân vô tội. Trên bản đồ hành quân trải rộng, Đại Tá Lợi chỉ cho tôi những làng mạc đã bị đốt phá:

- Đây là Sơn Tịnh, Minh Lang, Ba Tơ... Những làng xóm này đã thành đồng tro tàn, một số dân bị bắt đi, một số dân bị giết chết.

Chi Khu Ba Tơ nằm gần biên giới Lào, là một nút chặn, ngăn cản sự xâm

nhập của Việt Cộng từ phía Lào qua Quảng Ngãi. Những ngày trước đó, Việt Cộng đã đưa Sư Đoàn 711 tấn công và chiếm quận Quế Sơn. Quế Sơn mất, áp lực của Cộng quân ngày càng nặng nề chung quanh quận Ba Tơ và dọc theo Quốc Lộ I của vùng này.

Người ta lo ngại cho số phận của Quảng Ngãi. Chỉ trong vòng một tháng trời, hai ông quận trưởng của Mộ Đức đã hy sinh. Những quận xa xôi ở miền rừng núi đã có dấu hiệu của sự đánh phá. Tuy nhiên, chưa có một làng, một quận nào của Quảng Ngãi phải di tản chiến thuật, kể cả Sa Huỳnh ở về phía Nam của thành phố Quảng Ngãi, giáp với phần đất của Bình Định vẫn còn giữ được yên. Trước Tết tôi đã ghé qua Quảng Ngãi, và khi đi đường bộ đến Sa Huỳnh, bắt đầu đoạn đường từ Đức Phổ, tôi phải mặc áo giáp, đội nón sắt, vì sợ bắn sẻ. Ngồi trong thiết giáp, ló đầu qua pháo tháp để quan sát tình hình hai bên đường. Thế mà bây giờ cũng trên đoạn đường này, sự di chuyển bằng đường bộ tương đối an ninh. Đó là một niềm hãnh diện của những đơn vị có trách nhiệm bảo vệ cho đồng bào ở Quảng Ngãi.

Trong sự yên tĩnh của hôm nay, hình như những người chiến sĩ đang chờ đợi một cái gì sẽ xảy ra cho tỉnh lỵ của mình. Chỉ có ngư ông mới nhìn thấy những luồng sóng ngầm dưới lòng biển cả. Chỉ có những người lính chiến dày kinh nghiệm mới có cái trực giác bén nhạy trước những toan tính của địch. Và sự chờ đợi đã đến. Những chiến sĩ Địa Phương Quân của Chi Khu Ba Tơ với sự yểm trợ của Biệt Động Quân Biên Phòng đã kiêu hùng chiến đấu với Trung Đoàn 22 thuộc Sư Đoàn 3 Sao Vàng của Cộng quân ròng rã suốt 4 ngày đêm liên tục mà không được tiếp tế, không tải thương được và cuối cùng đã đẩy lui địch quân, để cho tiền đồn nhỏ bé này vẫn ngạo nghễ trấn giữ giữa một vùng rừng núi.

Lát nữa đây tôi sẽ có mặt tại Ba Tơ. Trung Tướng Lâm Quang Thi, Tư Lệnh Phó Quân Đoàn I/Quân Khu I sắp đáp trực thăng xuống bãi đáp ở sau lưng

Toà Án Quảng Ngãi, Đại Tá Lợi đợi ở đây để cùng bay với Tướng Thi đến Chi Khu Ba Tư gắn huy chương và thăng cấp tại mặt trận cho các chiến sĩ Địa Phương Quân và Biệt Động Quân của Tiểu Đoàn 69 Biệt Động Quân Biên Phòng đã có công trong trận chiến vừa qua.

Trung Tướng Lâm Quang Thi vừa rời chức vụ Chỉ Huy Trưởng trường Võ Bị Đà Lạt về Quân Đoàn I, đặc trách mặt trận ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Quảng Tín. Đơn vị chủ lực của vùng này là Sư Đoàn 2 và Sư Đoàn 3 Bộ Binh. Sư Đoàn 3 có nhiệm vụ bảo vệ Quảng Nam và Đà Nẵng. Sư Đoàn 2 bảo vệ Quảng Ngãi, nhưng có một trung đoàn bị rút đi tăng cường cho mặt trận phía Bắc Quảng Trị. Sau khi quận Quế Sơn lọt vào tay Việt Cộng, Chuẩn Tướng Phan Hòa Hiệp gọi cho Tướng Thi xin từ chức Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh. Tướng Thi gọi cho Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư Lệnh Quân Đoàn I/Quân Khu I đang có mặt tại Bộ Tư Lệnh Tiền Phương ở Huế. Ông nói:

- Tôi gọi cho Tướng Trưởng lúc 2 giờ sáng. Tình hình lúc đó quá căng, không ai ngủ được. Tướng Trưởng hỏi tôi muốn chọn ai thay thế cho Tướng Phan Hoà Hiệp. Tôi đề nghị Đại Tá Trần Văn Nhựt. Tướng Trưởng hỏi tại sao chọn Đại Tá Nhựt? Tôi chưa hề biết Đại Tá Nhựt, nhưng mấy tháng trước nghe kể Đại Tá Nhựt, lúc đó là Tỉnh Trưởng Bình Long, đang nghỉ phép ở Sài Gòn, được tin tình của mình bị đánh, ông bỏ phép trở về ngay, và sau đó đã anh dũng tử thủ An Lộc. Như vậy đúng là một vị chỉ huy có tinh thần trách nhiệm.

Dáng người cao lớn, nét mặt trầm tĩnh, ông có dáng dấp của một viên võ tướng. Ông nói với tôi, ông yêu mến binh chủng Nhảy Dù và trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, nơi mà ông hãnh diện vì đã đào tạo nên các khoá 22B, 23, 24 và 25, là những khoá xuất sắc với tiêu chuẩn cho một sinh viên sĩ quan tốt nghiệp là ngoài căn bản quân sự, phải có trình độ Cử Nhân Khoa Học,

một bằng Dù và một đai đen Thái Cực Đạo.

Ông nói tiếp về trận Quế Sơn:

- Sau khi Đại Tá Nhựt ra chỉ huy Sư Đoàn 2 Bộ Binh, tôi trình với Tướng Trường rút trung đoàn đang tăng phái ở Quảng Trị về, xin B52 và pháo binh yểm trợ, đã lấy lại quận Quế Sơn. Trong trận Quế Sơn, bên ta tổn thất khá nặng, hơn một trăm người tử trận.

Đây là lần thứ hai tôi gặp Tướng Thi. Lần thứ nhất mới cách mấy tháng trước tại Canberra, thủ đô của Úc, lúc đó tôi đang du học tại đây. Tướng Thi cùng với Đề Đốc Chung Tấn Cang ở trong phái đoàn của Việt Nam Cộng Hoà đến dự hội nghị quốc tế về vấn đề bài trừ ma túy. Ngày cuối của hội nghị, Toà Đại Sứ Việt Nam Cộng Hoà mở tiệc khoản đãi. Toà đại sứ không có nữ nhân viên, nên nhờ các nữ sinh viên Việt Nam du học mặc áo dài tiếp tân dùm. Và hôm đó, Tướng Thi với tư cách đại diện phái đoàn, đứng bắt tay cả ngàn quan khách.

Chiếc trực thăng, ngoài phi công, chỉ có Tướng Thi, Đại Tá Lợi, một xạ thủ và tôi. Mới buổi sáng mà trời đã nóng. Tôi mặc quân phục, nếu không có mái tóc dài, thì trông cũng giống một người lính chiến. Tôi từ Úc mới về nước chừng hơn một tháng. Sau một thời gian sống quen với cái lạnh dưới không độ ở Úc, nên khí hậu của miền Trung trong mùa hè, đối với tôi thật nóng như lửa.

Trực thăng bay với tốc độ nhanh. Có khi bay dọc theo Quốc Lộ I về hướng Nam. Nhìn những ruộng vườn xanh tươi, những hàng cau, hàng tre thấp thoáng, nếu không có tiếng súng và âm thanh xé gió của những chiếc phản lực cơ trên trời, thì nơi đây quả thật là một quê hương thanh bình. Ruộng vườn không bát ngát, trù phú như miền Nam, nhưng chính trong cuộc sống nghèo khó đó, có một cái gì gắn bó. Phải chăng là tình người, ngọt ngào như những thềm đường phôi của Quảng Ngãi, như những lon mạch nha của phố

nhỏ Tam Kỳ.

Chỉ trong một thoáng, những ruộng vườn mát hút đằng sau. Tôi nhìn xuống bên dưới, núi rừng trùng trùng, điệp điệp như một tấm thảm màu xanh. Cái nhìn sẽ thoải mái biết bao nhiêu trước cảnh đẹp thiên nhiên của quê hương, nhưng làm sao thoát cho khỏi được thực tế của chiến tranh, cái cảm giác của sự bất trắc: một loạt đạn phòng không, một trái hỏa tiễn SA7, từ dưới "tấm thảm xanh" đó phóng lên...

Không biết có phải Tướng Thi đọc được những ý nghĩ của tôi chẳng, bỗng nghe ông nói:

- Tại Quảng Ngãi có cụ Đạt xem Tử Vi hay lắm. Tháng trước ông nói tôi coi chừng rớt máy bay, và tháng đó tôi rớt máy bay thật. Không phải vì bị bắn, mà vì lý do kỹ thuật.

Tôi nghĩ thầm, những người mà ngày ngày phải cận kề với sự hiểm nguy, nếu tin tưởng được vào số mệnh, chắc tâm hồn sẽ thanh thản hơn. Đến gần Ba Tơ, máy bay bay sát ngọn cây để dễ quan sát. Đại Tá Lợi nói với tôi:

- Cô nhìn xem bên dưới, Việt Cộng đốt rụi hết cả nhà cửa của dân trong trận đánh vừa rồi.

Tôi hỏi Đại Tá Lợi:

- Tại sao Việt Cộng lại đốt nhà của dân?

- Mục đích là muốn người dân trở về sống trong vùng kiểm soát của chúng. Nhưng đồng bào bây giờ đã chán Việt Cộng lắm rồi, một số bỏ ra tỉnh sinh sống, một số gắng xây dựng lại.

Máy bay đáp xuống bãi cỏ trong hàng rào của Chi Khu Ba Tơ. Đứng trên bãi đáp trực thăng nhìn ra bốn hướng, chỉ thấy toàn là đồi núi chập chùng. Giữa vùng đất trống, một khoảng rộng chưa bằng nửa cái sân banh, với những lều trại dã chiến, với những công sự phòng thủ, mà mới đêm qua, những người trấn đóng ở đây đã phải đem máu của mình để giữ vững mảnh đất nhỏ bé

trên ngọn đồi này, dưới sự tấn công như vũ bão của quân thù.

Tướng Thi đến rất bất ngờ, nên không có một sĩ quan nào của chi khu chào đón ông. Cũng bất ngờ và đáng nói đến như lần ông bay thị sát mặt trận Thanh Quít ở Quảng Nam, lúc đó một đơn vị của Trung Đoàn 56 thuộc Sư Đoàn 3 Bộ Binh đang chạm địch. Có 4 thương binh đang cần máy bay để tải thương cấp cứu, Tướng Thi đã ra lệnh cho phi công đáp trực thăng của mình xuống giữa những làn đạn bốc 4 thương binh đó về Tổng Y Viện Duy Tân. Chỉ một thái độ quan tâm như vậy của cấp chỉ huy, cũng khích lệ được tinh thần chiến đấu của binh sĩ biết bao nhiêu.

Tôi theo chân Tướng Thi đi một vòng quan sát chung quanh hàng rào phòng thủ của Chi Khu. Ngay trước mắt tôi, xác Cộng quân nằm la liệt, trên những mô đất, bên những gốc cây, hoặc còn vắt ngang trên hàng rào kẽm gai. Rất nhiều xác không còn nguyên vẹn, thịt xương rơi vãi khắp nơi. Máu đọng thành vũng. Dưới ánh mặt trời buổi sáng, màu máu vẫn còn đỏ thắm. Mùi máu tươi trộn lẫn với mùi thơm thoang thoảng của những hàng cây khuynh diệp mọc hoang dã trên đồi, gây cho tôi một cảm giác khó tả... Những hàng cây khuynh diệp, thân cây thẳng tắp, những cành lá đong đưa trong gió trông thật bình thản, nhưng đã là chứng nhân trong những giây phút hào hùng của những người đã chiến đấu tại đây đêm qua.

Dân số của quận Ba Tư khoảng 16 ngàn người. Trấn giữ Chi Khu Ba Tư là hai đại đội Địa Phương Quân, quân số mỗi đại đội khoảng 80 người. Tuy nhiên khi lâm trận, quân số ứng chiến sẽ nhiều hơn quân số thực sự. Quân số yểm trợ không có trong bảng cấp số chính là vợ con của một số quân nhân đang trú đóng ở đây.

Trong lúc Chi Khu Ba Tư bị tấn công bốn mặt, thì đại đội hậu cứ của Tiểu Đoàn 69 Biệt Động Quân Biên Phòng, là đơn vị đang yểm trợ cho chi khu này, cũng bị tấn công từ hướng Đông Nam sang Tây Bắc bởi một đại đội đặc

công của Việt Cộng tràn vào sau làn mưa pháo, vẫn theo chiến thuật cổ điển "tiền pháo hậu xung".

Để nhỏ đi cái chốt Ba Tơ, cắt đứt yết hầu của Quảng Ngãi, địch đã điều động một trung đoàn bộ binh, một đại đội đặc công và một đơn vị pháo nặng. Một lực lượng gấp mấy lần tấn công một chi khu nhỏ bé liên tục 4 ngày đêm. Những chiến sĩ Địa Phương Quân và Biệt Động Quân Biên Phòng đã chiến đấu dũng mãnh để bảo vệ phòng tuyến. Suốt 4 ngày đêm trực thăng không tiếp tế được, không tải thương được. Những họng súng của địch đặt ngang lưng chừng núi, máy bay vừa đến là bị bắn rớt ngay. Những phi công liều lĩnh nhất cũng không thể nào đáp xuống.

Trận Ba Tơ được xem là chiến thắng lớn nhất của tỉnh Quảng Ngãi trong những ngày mặt trận Trị Thiên bùng nổ. Sau khi đi quan sát tình hình chung quanh chi khu, tôi trở vào trò chuyện với một số anh em Địa Phương Quân. Thiếu Úy Nguyễn Đức Phú kể lại:

- Chúng tôi biết trước và đoán chừng khoảng trong vòng 5 hôm nữa là Việt Cộng sẽ đánh chi khu này. Nhưng đến đêm thứ hai, lúc 4 giờ 30 sáng, địch pháo như mưa vào chi khu. Pháo từng loạt, từng loạt, mỗi loạt chừng 30, 40 quả. Bên mình có hai cây 105 ly của anh em Biệt Động Quân bắn trả đũa lại không ngừng để yểm trợ cho chúng tôi.

Nhìn những dãy nhà tranh của dân phía bên ngoài vòng rào kẽm gai, tôi hỏi:

- Việt Cộng pháo có trúng nhà dân nhiều không?

- Nhiều. Dân chết trong trận này cũng nhiều. Hàm trú ẩn của đồng bào rất chắc chắn, sâu dưới 2 mét. Nhưng khi Việt Cộng tràn vào, chúng đốt nhà, ngăn không cho dân chạy, đồng bào bị chết cháy dưới hầm. Sau khi giải toả được chi khu, chúng tôi tìm được nhiều xác đàn bà, trẻ con chết cháy trong hầm. Việt Cộng đốt hơn 200 căn nhà của dân và bắt đi khoảng 120 người gồm đàn bà, trẻ con. Những người dân còn sống sót trốn thoát được kể cho

chúng tôi nghe rằng, Việt Cộng bắt đồng bào làm bia đỡ đạn cho chúng. Bởi vậy trong trận này, dân chết và bị thương nhiều hơn lính.

Trung Tướng Thi và Đại Tá Lợi gắn lon và huy chương cho một số chiến sĩ Địa Phương Quân và Biệt Động Quân Biên Phòng có công trong nhiệm vụ đẩy lui địch một cách anh dũng. Thượng Sĩ Định, EO của Chi Khu Ba Tơ được thăng cấp tại mặt trận và được khen thưởng nhiệt liệt. Buổi lễ không kèn không trống, không có diễn văn dài dòng, nhưng vô cùng xúc động. Sự xúc động tự trong thâm tâm của những người đang đứng đây, giữa một bãi chiến trường còn nồng khói súng, xác địch còn ngổn ngang và mùi máu tươi vẫn còn trộn lẫn với hương thơm của những hàng cây khuynh diệp. Đâu đây như phảng phất vong hồn của những người vừa hy sinh, trở về chứng kiến giây phút vinh quang của đồng đội, và của cả chính mình.

Tôi trở vào sau doanh trại trò chuyện với những người đàn bà và trẻ em đã cùng chồng, cùng cha mình chung lưng chiến đấu với quân thù trong những ngày qua. Khuôn mặt còn lấm lem những dấu đất cát và khói súng cùng sự mệt mỏi, nhưng đầy nét tự hào.

Tôi hỏi một chị đang có bầu:

- Mỗi khi địch tấn công đồn, chị làm gì?

Chị trả lời thản nhiên:

- Em đứng bên anh mà bắn theo sự chỉ huy của anh. Thường ngày anh dạy cho em bắn.

Tôi hỏi một em bé khoảng tám tuổi:

- Đêm qua khi cha và mẹ em đánh nhau với Việt Cộng, em làm gì? Có sợ không?

Em bé cười hồn nhiên:

- Sợ chứ cô. Đạn pháo điếc cả tai, nhưng con vẫn mang đạn ra cho ba con.

- Em mang đạn ra bằng cách nào?

Em bé vừa kể vừa làm bộ để diễn tả lại:

- Con bò sát đất, dùng hai tay và đầu đẩy thùng đạn về phía trước. Đẩy từ trong hầm ra tới giao thông hào.

Tôi nghĩ người chinh phụ ngày xưa là hình ảnh của một người đàn bà thụ động, chịu đựng và chấp nhận sự mất mát, xa cách. Người chinh phụ ngày xưa chỉ khép kín cuộc sống sau khung cửa để hướng về chồng mình đang chinh chiến nơi xa:

Lòng thiếp tựa bóng trăng theo dõi

Dạ chàng xa ngoài cõi thiên san

Còn người vợ lính ngày nay phải nói là:

Dù nơi quan ải, thiếp chàng có nhau.

Tôi nhìn những người đàn bà đang đứng trước mặt tôi. Họ bỏ lại sau lưng những tiện nghi, những vui thú của một cuộc sống thành thị, để đến một nơi giữa rừng núi heo hút như Chi Khu Ba Tơ này, là chỉ để chia xẻ với chồng mình đang từng phút, từng giây đối diện với quân thù.

Tôi nhìn những đứa bé gầy guộc bởi những bao gạo sấy qua ngày. Tôi nhìn những bàn tay nhỏ xíu đã tải những thùng đạn nặng trĩu đêm qua, những bàn tay thay vì chia ra nhận bánh kẹo, đồ chơi một cách hồn nhiên vô tư, hoặc đang nắm chặt cán bút, cắm cúi với bài học trên ghế nhà trường như những đứa bé cùng tuổi khác trong giờ phút này, thì các em lại đang đứng đây, tại một nơi không phải dành cho tuổi thơ.

Chinh Chiến Điều Linh

Trái Tim Của Miền Trung

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Từ Đà Nẵng qua khỏi đèo Hải Vân, đến Lăng Cô là đã vào địa phận tỉnh Thừa Thiên. Gần hai trăm năm trước, sau khi thống nhất sơn hà, vua Gia Long chọn đất Phú Xuân làm kinh đô. Giờ đây, ai hiểu được ý tứ của vị vua khai nguyên ra triều Nguyễn này khi quyết định chọn Huế để đóng đô: vì lý do địa lý, vì tâm lý hay là do thiên định như truyền thuyết?

Nói rằng vì địa lý, thì với cái nhìn thô thiển của tôi, Huế chưa phải là nơi địa linh nhân kiệt. Bởi vì Huế không có sông sâu, không có núi cao, khung cảnh đầy vẻ trầm mặc, trữ tình, cho nên triều Nguyễn có những vị vua như vua Tự Đức, hoặc những vị vương như Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương, đều nổi tiếng về văn chương, thi phú hơn là chính trị. Chỉ một vua Duy Tân, một vua Hàm Nghi còn nổi được chí khí ông cha, nhưng bánh xe lịch sử đã chuyển... Cái ưu điểm về địa lý duy nhất, có thể Huế như đầu não ở giữa, để hai cánh tay quyền lực được vươn đều đến tận hai miền Bắc và Nam. Nói rằng vì tâm lý, thấy cũng hợp tình, vì trước khi dựng được đế nghiệp, vua Gia Long đã phải nửa đời bôn ba mệt mỏi, và đất Phú Xuân, thật lý tưởng cho một người cần yên nghỉ. Từng là một mảnh đất triều bái của một nước, tuy lịch sử đã đổi thay, ngày nay, Huế vẫn còn là Trái Tim Của Miền Trung.

Huế thật là Huế với những năm đầu của thập niên 60. Đó mới là thời gian Huế với áo dài Đồng Khánh thướt tha, với cầu Trường Tiền nghiêng bóng trên sông Hương, với núi Ngự Bình, với chùa Thiên Mụ, với những món ăn độc đáo, ngọt ngào và quyến rũ như giọng nói của người gái Huế. Trước khi trở thành Miền Hỏa Tuyền, Huế là thành phố của học trò, thành phố cổ kính với cuộc sống trầm lặng. Tất cả các thú vui giải trí đều nhẹ nhàng và chừng mực. Huế cổ kính, nghiêm khắc, nên Huế có những địa danh thơ mộng và kín đáo cho những cặp tình nhân hò hẹn.

Huế có những quán ăn bình dân nhưng nổi tiếng, bởi thế, chẳng phải từ những nhà hàng sang trọng, mà chính những nơi này đã lưu truyền đi những hương vị đặc biệt của các món ăn Huế. Huế cũng nổi tiếng với những món ăn cầu kỳ. Cầu kỳ từ cách làm cho đến cách ăn.

Điều đó dễ hiểu, vì Huế là kinh đô, đã hơn một trăm năm, bóng những cung miếu, đền đài đã phủ lên những mái nhà tranh, một vùng của sông Hương, núi Ngự, ít nhiều thì cái cung cách vương giả đã thấm nhuần trong dân chúng. Trước khi Huế thành vùng lửa đạn, du khách bao giờ cũng nhìn thấy người đàn bà Huế với chiếc áo dài khi ra khỏi nhà, dù là những người buôn thúng, bán bung. Cái cung cách đó, đã một thời làm bối rối lẫn thích thú cho khách phương xa đến thăm Huế.

Đi trên phố Huế, thỉnh thoảng gặp những người lính quân phục gọn gàng, sạch sẽ. Cách ăn nói cũng như cử chỉ hiền lành, dễ thương. Phù hiệu trên vai áo của họ mang số I, cái dấu hiệu mà họ hay gọi đùa là "Cây Đèn Cây". Đó là những người lính của Sư Đoàn I Bộ Binh. Bộ Tư Lệnh của sư đoàn này đóng ngay trong thành nội Huế: Đồn Mang Cá, một doanh trại cũ của Pháp để lại, nên vẫn còn những nét kiến trúc của một thời xa xưa. Sư đoàn đó được mang số I làm phù hiệu trên nhiều ý nghĩa: là sư đoàn trấn ải địa đầu của miền Nam, và cũng là sư đoàn với nhiều chiến tích lẫy lừng nhất của

Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Đa số quân nhân của Sư Đoàn I là người miền Trung, đó là một lý do tâm lý ảnh hưởng rất mạnh đến tinh thần chiến đấu của sư đoàn. Điều này thấy được trong những trận đánh hồi Tết Mậu Thân để bảo vệ Kinh Đô Huế.

Có ra thăm miền Trung, có đi đến tận những nơi xa xôi gần giáp vĩ tuyến 17 như Quảng Trị, Cam Lộ, Gio Linh, Đông Hà... mới thấy được cái tình yêu quê hương, yêu mảnh đất nơi chôn nhau, cắt rốn của người miền Trung mãnh liệt như thế nào. Những vùng đất đúng là những vùng đất cày lên sỏi đá, mùa đông lạnh cắt da, cái lạnh từ dãy Trường Sơn tỏa ra, mùa hè với gió Hạ Lào thổi về từng cơn bão lửa, một giọt nước uống là một giọt mồ hôi. Vậy mà thiên tai, mặc thiên tai. Lửa đạn, mặc lửa đạn. Đã bao lần giặc Cộng tràn về đốt làng, phá xóm. Từ già tới trẻ bồng bế nhau mà chạy. Nhưng khi yên rồi, vẫn trở về với mảnh vườn nhỏ, mái tranh nghèo của mình, rất ít người chịu bỏ xứ mà đi. Bởi cái tình quê hương đậm đà, nồng thắm đó, người lính Miền Hòa Tuyến chiến đấu với một tinh thần thực tiễn: chiến đấu cho quê hương mình, bảo vệ cho chính gia đình mình. Trong đầu óc chơn chất của người lính, Sài Gòn đối với họ xa xôi quá, họ chỉ biết cấp chỉ huy trực tiếp của họ, và họ vẫn là những quân nhân tốt, có quan niệm giản dị của một người lính chiến: "giặc về, ta đánh".

Ngoài những yếu tố tâm lý đó, Sư Đoàn I Bộ Binh đã may mắn được chỉ huy, rèn luyện ngay trên chiến trường bởi những danh tướng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà như Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, Trung Tướng Phạm Văn Phú. Trong suốt thời gian chỉ huy của hai vị tướng lãnh đó, Sư Đoàn I đã đạt được nhiều chiến tích lẫy lừng, xứng đáng với phù hiệu mang trên vai.

Chinh Chiến Điều Linh

Lời Thề Bên Dòng Sông Mỹ Chánh

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Khoảng lúc 12 giờ trưa ngày 30 tháng 3 năm 1972, những đơn vị tiên phong của Cộng quân tràn qua sông Bến Hải, vượt vùng phi quân sự, tấn công quy mô vào miền Nam, mục tiêu đầu tiên là tỉnh Quảng Trị. Lực lượng gồm hai sư đoàn chính quy là Sư Đoàn 304, Sư Đoàn 308 và 4 trung đoàn bộ binh biệt lập, hai trung đoàn chiến xa, gồm hơn 400 chiếc, là Trung Đoàn 203 và Trung Đoàn 204; hai trung đoàn pháo binh, Trung Đoàn 38 Pháo và Trung Đoàn 84 Tên Lửa cùng với nhiều đơn vị yểm trợ khác.

Ngay giây phút đầu, các căn cứ hỏa lực của Sư Đoàn 3 Bộ Binh và của các đơn vị tăng phái Biệt Động Quân, Thủy Quân Lục Chiến ở Camp Carroll, Mai Lộc, Sarge, Núi Bà Hồ, căn cứ Alpha 2 và Alpha 4, Charlie 1 và Charlie 2 cũng như thị trấn Đông Hà và thành phố Quảng Trị đều bị những trận pháo phủ đầu rất khốc liệt. Sư Đoàn 308 của Cộng quân sau khi vượt qua sông Bến Hải, tiến thẳng vào các căn cứ hỏa lực Fuller, Alpha 2, Charlie 1 và Charlie 2, rồi vượt qua sông Cam Lộ để tiến về Đông Hà, Ái Tử, nơi trú đóng của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 3 Bộ Binh do Chuẩn Tướng Vũ Văn Giai chỉ huy. Sư Đoàn 304 của Cộng quân sau khi qua sông Bến Hải, đánh bọc từ hướng Tây vào các căn cứ hỏa lực Sarge, Núi Bà Hồ, Mai Lộc, Thung Lũng

Ba Lòng để tiến về thành phố Quảng Trị.

Những loạt pháo kích đầu tiên của Cộng quân vào thành phố Quảng Trị khiến cho dân ở đây bàng hoàng khiếp sợ. Không phải như những đợt pháo kích lẻ tẻ dăm ba chục trái mà trước đây vẫn thường như cơm bữa. Lần này thì không ai còn đủ bình tĩnh để đếm là bao nhiêu trái đạn và hỏa tiễn đã trút lên thành phố thân yêu của mình. Họ linh cảm được sự chết chóc và tang thương đang kề cận.

Những ngày đầu của tháng 4, nếu đứng ở trạm kiểm soát An Hoà, cửa vào mặt Bắc của thành phố Huế, người ta thấy đã có những gia đình từ Quảng Trị di chuyển về Huế, và mức độ này ngày càng tăng lên. Kể từ giữa tháng 4 trở về sau, những chuyến xe đò từ Quảng Trị vào, trên xe đều có một số gia đình di tản. Thỉnh thoảng mới thấy một gia đình di tản bằng xe nhà, họ thuộc vào những gia đình khá giả. Những người di tản sớm, mang theo được nhiều của cải cùng những đồ dùng cho gia đình giống như dọn nhà chứ không phải là chạy giặc.

Vào những ngày cuối tháng 4, trận chiến đã đến hồi đẫm máu. Cộng quân pháo đạn 130 ly vào các căn cứ Ái Tử, Đông Hà và thành phố Quảng Trị như mưa trút nước. Những người di tản trong lúc này ngay cả sinh mạng cũng khó giữ toàn vẹn, chứ đừng nói đến của cải. Địch quân đã nỗ lực cắt Quốc Lộ I để cô lập Quảng Trị. Bởi vậy, càng thấy Quảng Trị sắp bị cô lập, người dân Quảng Trị bằng mọi giá cố gắng chạy thoát về Huế. Họ bỏ nhà cửa, ruộng vườn, của cải, chỉ mong chạy thoát thân được là phước đức.

Buổi sáng, sau khi gửi bài về toà soạn, tôi đến thăm đồng bào từ Quảng Trị chạy về Huế. Họ mới về đây đêm qua và hiện đang tạm trú ở trường trung học quận Hương Trà và ở các trường tiểu học quận Phú Vang. Ông già, bà già và trẻ con ngồi bẹp giữa sân trường, trên các bãi cỏ vì quá mệt mỏi.

Tiếng loa phóng thanh vang lên không ngừng, những lời kêu gọi, những

thông cáo, nhấn tin... Trường trung học Hương Trà bỗng chốc đã biến thành trại tị nạn Cộng Sản, tiếp nhận những người mới thoát về được đêm hôm qua và một số mới đến sáng nay. Trên một khoảng sân gần cổng trường, các sơ và sư cô đang phát quà không ngừng tay. Quà này do cơ quan Caritas mang đến, mỗi phần là một gói áo quần nhỏ. Các sơ cho biết, đây là áo quần cho trẻ em. Các sơ đại diện cho Caritas, các sư cô đại diện cho Hội Phật Giáo Thừa Thiên, tặng mỗi người \$50. Kế bên là Chi Y Tế quận Hương Trà cũng đang phát thuốc cho đồng bào. Không thấy bóng dáng của Hội Hồng Thập Tự Việt Nam đâu cả, mặc dầu hội này có trụ sở tại Huế.

Một người đàn bà tóc tai rũ rượi, nét mặt hốc hác vì quá mệt mỏi, bế một đứa bé đang khóc ngất, đến trước mặt tôi xin tiền mua sữa:

- Cô ơi, cha của cháu chết trận rồi. Mẹ thì mới chết vì đạn Việt Cộng pháo kích trên đường chạy vào đây. Bây giờ tôi phải lãnh nuôi nó...

Tôi cúi nhanh những tờ giấy bạc vào tay người đàn bà để cho chị khỏi kể lể nữa. Hoàn cảnh của chị ngay trong giây phút này, không cần phải kể lể để được một sự giúp đỡ nhỏ nhất như vậy, mà cũng như những đồng bào đang có mặt ở đây, họ phải được sự thông cảm và chia xẻ của những người đang sống an lành.

Cuộc chiến tại các căn cứ hỏa lực bảo vệ cho Quảng Trị vẫn diễn ra rất tàn khốc. Một trong các căn cứ hỏa lực đó như căn cứ Pedro, nằm về phía Tây của thành phố Quảng Trị và bên bờ Bắc của sông Thạch Hãn, được trấn giữ bởi khoảng 200 Thủy Quân Lục Chiến, đã chiến đấu anh dũng đến độ những quân nhân Mỹ ở đây đã chứng kiến và mệnh danh cho trận đánh tại căn cứ này là "Vietnamese Alamo".

Đại Úy Ripley kể lại trong hồi ký của ông, những điều mà chính ông đã nhìn thấy, đã làm cho ông thật sự cảm phục và ông cho rằng chưa chắc cả một đời binh nghiệp của một quân nhân nào có dịp chứng kiến được sự dũng cảm

của một người lính chiến như vậy:

"Anh ta chính là người lính Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam mà tôi đã gặp hai ngày trước. Lúc đó anh lính trẻ này đã bị thương 7 lần trong vòng 4 ngày. Vết thương nặng nhất là vết thương sau lưng, phía gần trên cổ. Vậy mà bây giờ anh đã trở lại đây, tại chiến tuyến này, súng trong tay và đang chiến đấu bên các đồng đội của anh".

Trận chiến không phải một hai ngày là dứt. Trận chiến kéo dài. Địch tấn công như vũ bão. Ta chống trả bằng mọi giá, một chống bốn, có nơi địch gấp mười. Những người lính của Sư Đoàn 3 Bộ Binh, Biệt Động Quân và Thủy Quân Lục Chiến chiến đấu trong các hố cá nhân, ăn, ngủ ngay trong giao thông hào. Những chiếc ponchos căng trên đầu che mưa, che nắng. Họ sống giữa bom đạn, cát bụi và bùn lầy. Họ sống trong những giây phút chờ đợi, căng thẳng và lòng quyết chiến.

Những trường học của thành phố Huế và các quận ven biên đã thành những trại tị nạn tạm thời. Chỉ trong một thời gian ngắn, các trung tâm này đã đầy nghẹt đồng bào từ vùng bom đạn chạy về. Sự cứu trợ của chính quyền và các cơ quan từ thiện không thể nào đáp ứng nổi với tình hình. Người lớn và trẻ con ăn gạo sấy không cần nước, cứ xé bịch ni lông xong là đổ gạo ra lòng bàn tay, cho vào miệng nhai một cách ngon lành vì họ đã quá đói sau bao nhiêu ngày gian khổ, thoát chết biết bao nhiêu lần mới đem được cái mạng về đây.

Tôi thật xúc động khi nhìn một em bé chừng ba tuổi vừa chìa tay nhận hộp sữa là đưa lên miệng nút, mà không biết rằng hộp sữa chưa khai. Cái cử chỉ vô thức đó biểu lộ sự đói khát đã lâu của đứa bé.

Những người mới đến, đàn bà thì ông quần xắn cao lên quá đầu gối, trên vai mỗi người một gánh nhỏ gồm áo quần và những thứ cần thiết. Có người gánh theo được mấy lít gạo. Có người chẳng có gì trong gánh, chỉ mỗi đầu là

một đứa con nhỏ. Những đứa bé ngồi gọn lỏn trong thúng, nước mắt nước mũi chảy dài, lem luốc cát bụi, hai tay giăng ra vịn chặt vào vành thúng để khỏi văng ra ngoài mỗi khi người mẹ di chuyển, hoặc qua những đoạn đường mà người mẹ phải vừa gánh vừa chạy cho kịp với đoàn người tị nạn, hoặc là những đoạn đường gặp Việt Cộng, chúng châu súng lại pháo ngay trên đầu. Có đứa bé chẳng cần biết trời trăng gì, hoặc có thể là đã là người vì mệt và đói khát, nằm khoanh tròn trong thúng mà ngủ.

Tôi ngạc nhiên khi thấy một số các người lớn tuổi đều mặc áo quần màu trắng. Hỏi mới biết là họ đã kinh nghiệm mấy lần chạy giặc trong đời rồi, nên cẩn thận, mặc như vậy máy bay của ta khỏi oanh tạc lắm.

Khi những người dân Quảng Trị đầu tiên chạy vào Huế, thì người dân Huế bắt đầu theo dõi tình hình chiến sự từng giây, từng phút. Và những người lo xa đã sớm bỏ Huế chạy vào Đà Nẵng. Rồi Huế bị pháo kích. Thoạt đầu, Cộng quân pháo vào đồn Mang Cá, nơi trú đóng của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn I Bộ Binh và sân bay Thành Nội. Sau đó pháo bừa cả vào phố xá và nhà của dân. Cánh cửa mặt Nam của thành phố Huế tức là ngõ vào Đà Nẵng, như bỗng nhiên mở toang ra. Từng đoàn xe của người đi lánh bom đạn nối đuôi nhau trên Quốc Lộ I, hướng vào Đà Nẵng. Và đã có nhiều người không chết vì bom đạn, nhưng chết vì xe lật nhào xuống đèo Hải Vân. Người ta kể rằng, có ngày chiếc xe đầu đoàn mới vào thành phố Đà Nẵng, thì chiếc cuối còn ở tận Lăng Cô, và mãi tới ngày sau mới vào Đà Nẵng được, vì phải qua những trạm kiểm soát để thanh lọc đặc công Việt Cộng trà trộn với dân. Chừng nửa tháng sau, khi thấy Huế vẫn bình yên, những người đi tị nạn lại kéo nhau trở về để làm ăn sinh hoạt như trước. Có gia đình khi trở về, đã bị trộm dọn sạch sẽ, không còn một đôi đũa để ăn cơm.

Trong lúc đó, cũng trên Quốc Lộ I, đoạn đường từ Quảng Trị vào Huế vẫn còn hàng ngàn, hàng ngàn người, di chuyển thành một đoàn dài cả mấy cây

số, toàn là ông già, bà già, đàn bà và trẻ con, họ đang cố gắng bỏ xa vùng trận chiến. Nhưng đã hàng trăm, hàng ngàn người bỏ xác lại bên đường hoặc vẫn cố lết đi với những vết thương không được băng bó vì đạn pháo kích của Cộng quân bắn như mưa vào đám người đang cố chạy vào phương Nam. Họ chỉ thấy được tình người khi đi qua chỗ những đơn vị của Thủy Quân Lục Chiến đang hành quân. Những người lính Thủy Quân Lục Chiến trút hết tiền bạc, lương thực và cả nước uống cho những nhóm nào đi ngang qua gần họ. Những người chiến sĩ này không cảm lòng được trước cảnh đau thương đó. Họ muốn trao hết những gì sở hữu mà họ đang mang trên người cho đồng bào khốn khổ của mình, trước khi trao mạng sống của họ cho Tổ Quốc trên chiến địa.

Đó là ngày thứ 35, kể từ ngày 30 tháng 3, ngày đầu tiên tràn qua sông Bến Hải, Cộng quân đã chiếm được thành phố Quảng Trị bởi một lực lượng gấp ba lần lực lượng trấn đóng của quân đội miền Nam. Thoạt đầu, Cộng quân tung vào 2 sư đoàn chính quy: Sư Đoàn 304 và Sư Đoàn 308 với sự yểm trợ của 2 trung đoàn pháo binh nặng và hai trung đoàn chiến xa để thực hiện giai đoạn một là đánh bật các căn cứ hỏa lực đang làm thành một hàng rào dọc vùng phi quân sự. Vào khoảng gần cuối tháng 4, Sư Đoàn 320 của Cộng quân mới đến thay thế cho hai sư đoàn kia nghỉ mệt, và đánh chiếm Cam Lộ, La Vang, Hải Lăng, hoàn tất giai đoạn 2. Cuối tháng 4, Sư Đoàn 325 của Cộng quân tiến vào, bắt đầu giai đoạn 3, đánh chiếm Quảng Trị.

Trong lúc đó, quân ta chỉ có Sư Đoàn 3 Bộ Binh với các đơn vị yểm trợ gồm có Thiết Giáp, Biệt Động Quân, Thủy Quân Lục Chiến và Địa Phương Quân, tổng cộng khoảng hai sư đoàn. Hai chống với năm và phải chiến đấu liên tục cả tháng trời, chứ không được thay chân theo chiến thuật "lấy khỏe đánh mệt" như địch quân. Vậy mà những chiến sĩ trấn đóng tại ải địa đầu đã anh dũng giao chiến, cầm cự suốt cả tháng dưới những trận mưa pháo tưng

chừng như không cất đầu lên được.

Đại Tá Gerald H. Turley, Cố Vấn Trưởng của Sư Đoàn 3 Bộ Binh đã viết lại trong cuốn The Easter Offensive những giây phút cảm khái của Thiếu Tá Bob Sheridan, một cố vấn quân sự của Thủy Quân Lục Chiến, những giây phút mà ông nhớ mãi bên bờ sông Mỹ Chánh:

Buổi trưa ngày 2 tháng 5, Đại Tá Phạm Văn Chung, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 369 Thủy Quân Lục Chiến và những sĩ quan tham mưu của ông dừng lại bên bờ phía Nam sông Mỹ Chánh. Đại Tá Chung đứng yên lặng buồn bã nhìn đoàn người tị nạn đang chen nhau vượt qua cầu Mỹ Chánh, đổ vào thành phố Huế. Cây cầu nhỏ chỉ dài chừng vài chục thước. Qua khỏi cây cầu đó là đã vào vùng an toàn. Chừng một giờ sau, khi đoàn người đã qua sông và xuôi về phương Nam, Thiếu Tá Bob Sheridan quay lại hỏi Đại Tá Chung:

- Đại Tá, mọi người đã đi hết rồi. Bây giờ chúng ta làm gì đây? Có lui vào trong đó không?

Đại Tá Chung quay lại nhìn người sĩ quan Hoa Kỳ và nói với một giọng cương quyết:

- Không, không. Chúng ta không lui nữa. Chúng ta là những chiến sĩ, chúng ta ở lại đây, bên bờ sông này để chặn địch. Sẽ không có một tên Việt Cộng nào có thể vượt qua sông Mỹ Chánh mà còn mạng sống trở về.

Lời nói sắt đá của Đại Tá Chung y như một lời thề. Cộng quân bằng mọi nỗ lực cũng không vượt qua được phòng tuyến trấn giữ bởi Lữ Đoàn 258, Lữ Đoàn 369 Thủy Quân Lục Chiến. Và đúng như lời của người quân nhân hơn nửa đời trải qua bao trận mạc, những ngày sau đó khi các đơn vị Dù và Thủy Quân Lục Chiến mở những đợt phản công, máu quân thù đã đổ xuống bên bờ sông Mỹ Chánh.

Quảng Trị mất, cả miền Trung bàng hoàng, rung động. Ngày 3 tháng 5 năm 1972, Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm đương kim Tư Lệnh Quân Đoàn

I/Quân Khu I được lệnh bàn giao chức vụ lại cho Trung Tướng Ngô Quang Trưởng đương kim tư Lệnh Quân Đoàn 4/Quân Khu 4 để vào Sài Gòn giữ một chức vụ không quan trọng.

Tin Trung Tướng Ngô Quang Trưởng về chỉ huy Vùng I như một luồng sinh khí thổi vào miền Trung. Quân và dân đều một lòng tin tưởng. Họ tin cậy vị tướng này không phải chỉ bằng vào những bài báo trong và ngoài nước đã từng ca ngợi và đánh giá ông như một danh tướng, hoặc qua những lời truyền tụng trong quân đội miền Nam, mà chính người dân và những người lính trú đóng tại Miền Hoả Tuyến này đã chính mắt nhìn thấy những khả năng và đức độ của ông, khi ông còn là Tư Lệnh của Sư Đoàn I Bộ Binh, đánh bại Cộng quân trong vụ Tết Mậu Thân để chiếm lại Kinh Đô Huế.

Người ta cho rằng Tướng Ngô Quang Trưởng trở lại Huế hôm nay, cũng như Tướng De Lattre De Tassigny của Pháp đến Hà Nội năm 1950 để cứu nguy Hà Nội khi tình hình của thành phố này đang bị Việt Minh đe dọa trầm trọng.

Vừa đặt chân đến Đà Nẵng, nơi trú đóng của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I, việc đầu tiên của Tướng Trưởng không phải là chuyện phản công đánh địch ngay, mà là vấn đề được ông coi như hàng đầu, đó là củng cố tinh thần binh sĩ.

Tướng Trưởng làm việc gần như 24/24 giờ mỗi ngày. Không có đơn vị nào mà ông không đến thăm. Cho đến một trạm kiểm soát ở Lăng Cô, dưới chân đèo Hải Vân, chỉ có hai nhân viên Quân Cảnh và một nhân viên Cảnh Sát, mà Tướng Trưởng cũng đáp trực thẳng xuống bên đường và bước vào hỏi han công việc. Những chuyện đó được loan truyền rất nhanh trong các đơn vị, ngoài dân chúng và tạo thành niềm tin. Cả thành phố Huế kinh hoàng chờ chạy giặc, bỗng như quên mất địch quân đang tập trung lực lượng để chuẩn bị đánh thốc vào phòng tuyến Mỹ Chánh. Quân nhân thuộc mọi binh chủng quân phục tươm tất, tóc hớt ngắn như thời bình. Đơn vị trưởng thì luôn luôn

có mặt tại đơn vị, vì không biết ông Tướng bất thần ghé thăm vào bất cứ lúc nào. Và tinh thần quân dân cán chính lên cao, bừng bừng một ý chí đẩy lui địch quân, lấy lại những vùng đất đã mất.

Ngày 13 tháng 5 năm 1972, một lực lượng gồm có Tiểu Đoàn 3 và Tiểu Đoàn 9 Thủy Quân Lục Chiến được trực thăng vận đã bất thần đổ xuống ngay trên đầu địch quân tại quận Hải Lăng, một quận về phía Nam của thành phố Quảng Trị. Đây là cuộc phản công đầu tiên của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa từ bên này phòng tuyến sông Mỹ Chánh. Cuộc phản công bất ngờ và sấm sét đó đã tiêu diệt gần trọn đơn vị của Cộng quân đang chiếm đóng quận này. Một số đồng bào còn kẹt trong quận Hải Lăng, nay được giải thoát đã vội vã tìm đường chạy ra khỏi vùng lửa đạn.

Rồi những đợt tấn công khác do các đơn vị Dù và Thủy Quân Lục Chiến từ sau phòng tuyến Mỹ Chánh tung ra. Một kế hoạch phản công toàn diện đã được Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư Lệnh Chiến Trường soạn thảo. Và ngày 28 tháng 6 năm 1972, cuộc Hành Quân Lam Sơn 72 bắt đầu. Lực lượng Thủy Quân Lục Chiến có nhiệm vụ càn quét địch quân dọc Quốc Lộ I ra tận ven biển, "đóng nút" Cửa Việt không cho địch tiếp tế vào Quảng Trị bằng đường biển. Lực lượng Dù càn quét theo Quốc Lộ I vào tận chân núi của rừng Trường Sơn, ngăn chặn viện quân của địch từ Lào kéo qua. Và cuối cùng mục tiêu của hai lực lượng là thành phố Quảng Trị. Những chiến sĩ Dù và Thủy Quân Lục Chiến khi vượt qua dòng sông Mỹ Chánh, mặc dù không ai nói với ai, nhưng trong lòng tựa hồ như đã có một lời thề, thề phải dựng lại lá cờ vàng ba sọc đỏ trên Cổ Thành Quảng Trị với bất cứ giá nào!

Trận chiến lần này khốc liệt đến mức những phóng viên chiến trường, kể cả các phóng viên ngoại quốc đều được lệnh phải ở xa các đơn vị đang giao tranh. Nhanh chân nhất là Barney Seibert, phóng viên chiến trường của UPI, đã bám theo các đơn vị Dù, nhưng khi còn cách Quảng Trị 6 cây số nữa thì

các sĩ quan chỉ huy đã bắt ông phải dừng chân, và đó là lệnh chung cho tất cả phóng viên báo chí và truyền hình. Bởi vậy, những ngày đầu cuộc phản công của quân ta, những tin tức chi tiết về chiến trường, giới truyền thông trong và ngoài nước không thu nhận được bao nhiêu.

Các phóng viên chiến trường mỗi người tự mình tìm lấy phương cách riêng để đến sát nơi giao tranh hơn. Anh Nguyễn Tú, phóng viên của báo Chính Luận, quá giang xe jeep của Bác Sĩ Bùi Thế Cầu, Y Sĩ Trưởng của Tiểu Đoàn 5 Dù và Trung Tá Lê Thành Diễm từ Mỹ Chánh đến La Vang. Khi đến cầu Trường Phước, nơi bị pháo kích nhiều nhất, cách La Vang chừng 500 thước, xe jeep bị trúng một quả đại bác 130 ly của Cộng quân. Xe nổ tung, tài xế chết ngay, những người trên xe đều bị thương nặng.

Đồng bào về đây đa số ở xã Lâm Thúy thuộc quận Hải Lăng. Họ họp nhau từng toán, đi bộ suốt đêm, sáng hôm sau mới tìm đến chỗ của Thủy Quân Lục Chiến đang hành quân. Những chiến sĩ Cọp Biển này dang tay đón đồng bào vừa thoát khỏi vùng địch đóng. Tôi hỏi một ông cụ tóc đã bạc phơ, trên khuôn mặt nhăn nheo còn đầy những nét đau đớn xúc động bởi những cảnh tang thương bỗng đâu xảy đến trong những ngày vừa qua, cụ đứng ngơ ngác một mình giữa đám đông:

- Thừa cụ, sao mãi đến bây giờ cụ mới về đây?
- Việt Cộng không cho dân đi. Bỏ đi thì chúng pháo ngay trên đầu, bởi vậy nhiều người chết lắm, cô ơi! Sợ pháo, sợ chết, nhưng không muốn sống trong vùng của chúng, nên nhiều lúc dẫm lên xác chết mà chạy.
- Gia đình, con cháu của cụ có ở đây không?
- Thằng con trai lớn của tôi đi lính, không biết bây giờ đang đánh trận ở đâu. Con dâu và hai cháu bị lạc mất giữa đường, không biết còn sống hay chết. Và cách chỗ tôi đứng chừng 10 mét, hai người lính Thủy Quân Lục Chiến đang thuyết phục một người đàn bà đưa đứa con nhỏ đã chết từ đêm hôm

qua vì trúng mảnh đạn pháo cho họ chôn cất. Người đàn bà ngồi bẹp dưới gốc cây, hai tay ôm chặt xác đứa con trong lòng, hai mắt thất thần nhìn thẳng vào khoảng không, như chẳng nghe ai đang nói gì với mình.

Mấy hôm nay, những đoàn quân Dù và Thủy Quân Lục Chiến đang trên đường tiến về thành phố Quảng Trị. Những người dân ở Huế có bà con còn kẹt lại trong vùng địch đóng theo dõi tin tức chiến sự hằng ngày với hy vọng sớm liên lạc với bà con của mình. Huế và Đà Nẵng đang bị pháo kích dữ dội. Ngày 2 tháng 7, mới sáng hừng đông, Cộng quân đã pháo 20 trái đạn đủ loại vào Huế, ngay đường Tăng Bạt Hổ, là một khu toàn dân cư. Ngày hôm sau lại chịu thêm một trận pháo kích liên tục trong 25 phút làm cho 50 người dân thiệt mạng, hàng chục người bị thương. Ngày 14, Đại Nội lại bị 43 trái hỏa tiễn 122 ly vào buổi sáng. Buổi trưa bị một đợt pháo khác trên đường Lê Văn Duyệt và buổi chiều, trường Nông Lâm Súc bị đạn sơn pháo 130 ly. Một số dân lại bỏ Huế chạy vào Đà Nẵng. Trong lúc đó, đồng bào ở trong các vùng bị địch chiếm phía Bắc sông Mỹ Chánh, thấy quân ta tiến ra đánh lui Cộng quân, đã từng đoàn chạy vào Huế. Lại một lần nữa, họ làm bia cho Cộng quân nhả đạn. Sự tàn nhẫn và vô nhân đạo của người lính Cộng Sản đã được Thiếu Tá Bob Sheridan, cố vấn quân sự của Thủy Quân Lục Chiến viết lại trong tờ trình của ông:

"Đoàn người chạy loạn dài hàng cây số, gồm phần lớn là người già, trẻ em và đàn bà đang tìm cách tránh xa vùng giao tranh để xuôi về hướng Nam, thành phố Huế. Vào khoảng buổi trưa, pháo binh của quân Bắc Việt đã tập trung đủ hỏa lực và bắt đầu pháo như mưa vào đoàn người đang di chuyển. Hàng trăm, hàng trăm người chết và bị thương. Nhưng quân Bắc Việt không thể nào ngăn chặn được, đoàn người vẫn tiếp tục tiến vào phương Nam".

Và Thiếu Tá Sheridan ghi nhận những cảm nghĩ riêng của ông, là nếu trước đây, ông có một chút nào đánh giá người lính Bắc Việt, thì nay sự đánh giá

đó đã mất hết.

Áp lực của Cộng quân đang đè nặng trên thung lũng Ashau, phía Tây của thành phố Huế. Điều lo sợ là trong khi đại quân của ta kéo ra Quảng Trị, thì Cộng quân có thể mưu đồ đánh úp thành phố Huế. Nhưng Tướng Phạm Văn Phú, Tư Lệnh Sư Đoàn I Bộ Binh tuyên bố với các phóng viên tại mặt trận là Sư Đoàn I đã bẻ gãy toàn bộ kế hoạch đánh chiếm thành phố Huế từ mặt Tây Nam, vùng thung lũng Ashau.

Tướng Phú cho biết, Cộng quân đã tung vào mặt trận Tây Nam Huế hai sư đoàn bộ binh nòng cốt với một trung đoàn pháo nặng yểm trợ, đó là Sư Đoàn 324B và Sư Đoàn "Quân Khu Trị Thiên". Riêng Sư Đoàn 324B được tăng cường thêm Trung Đoàn 812 là đơn vị mới, chưa hề tham chiến kể từ ngày Cộng quân tràn qua Bến Hải. Theo Tướng Phú, hai sư đoàn này dự mưu đánh Huế bằng một mũi nhọn chọc thủng phía Tây Nam thành phố. Kế hoạch tấn công Huế đã được Hà Nội toan tính từ trước tháng 7. Tuy nhiên, theo Tướng Phú thì Sư Đoàn I đã bẻ gãy toàn bộ kế hoạch này. Cộng quân chỉ còn thực hiện được các cuộc quấy phá bên ngoài vòng đai và pháo kích vào Huế cũng như các vị trí phòng thủ của quân ta mỗi ngày từ 500 đến 1000 quả đạn và hỏa tiễn mà thôi.

Phòng tuyến Tây Nam Huế dài khoảng 30 cây số. Các chiến sĩ của Sư Đoàn I Bộ Binh trong thời gian này đã tái chiếm lại tất cả các vị trí chiến lược chung quanh Huế. Ngày 15 và 16 tháng 5, quân ta chiếm lại hai căn cứ Bastogne và Checkmate.

Buổi chiều trời đột nhiên đổ xuống một cơn mưa hè. Chúng tôi được tin một số đồng bào từ Quảng Trị mới chạy vào, hiện đang tạm trú tại trường học của quận Hương Điền mà chưa được một cơ quan công hoặc thiện nguyện nào đến giúp đỡ cả. Tôi cùng với người bạn mượn được chiếc xe cũ. Xe không đèn, lái đi trong đêm mưa. Những con đường của thành phố Huế cũng

thiếu ánh đèn, may nhờ xe nổ lớn nên người đi đường nghe mà tránh ra. Đầu tiên chúng tôi đến gõ cửa trụ sở Hồng Thập Tự, nhưng văn phòng đóng cửa, tắt đèn, có lẽ những người làm ở đây đã bỏ vào Đà Nẵng rồi chăng? Lái xe qua gõ cửa Hội Thương Phế Binh, gặp Thiếu Tá Mai đương là Chủ Tịch của Hội. Thiếu Tá Mai sốt sắng gọi điện thoại hỏi nhiều nơi, nhưng chẳng ai chịu bán sữa và thuốc tây vào lúc này, vì lúc đó cũng đã hơn 10 giờ tối Chủ Nhật. Chúng tôi đành trở về.

Sáng hôm sau, mới 6 giờ 30 sáng, chúng tôi vào chùa tìm anh Nguyễn Kinh Châu, đại diện báo Sóng Thần ở Huế. Anh Châu xin vợ 20 ngàn, tôi bỏ thêm 30 ngàn tiền túi cũng mua được một ít sữa hộp. Đến lều báo chí, tôi đã thấy xe của ông Trần Sum, Giám Đốc Đài Truyền Hình Huế. Ông Sum tiễn anh Nguyễn Thanh Liêm, đang làm cho đài này, và chúng tôi ra tận máy bay. Ông Sum cũng chính tay vác dùm một thùng sữa đưa lên sàn máy bay rồi mới trở về.

Trời mưa từ đêm hôm qua, nay vẫn còn mưa và gió lớn. Trực thăng bay thật thấp khi qua phá Tam Giang. Bên dưới nước sông dậy sóng, và trên bờ, những cồn cát trắng xoá chạy dài trông thật đẹp. Máy bay đáp xuống một bãi cỏ hoang gần nơi đồng bào đang tạm trú. Chúng tôi trao sữa tận tay cho những người già, trẻ con và những người bệnh. Các anh Thủy Quân Lục Chiến thì phát lương khô. Chúng tôi muốn ở lại lâu hơn để hỏi han và nghe kể về những hoàn cảnh đau thương của những người vừa thoát khỏi vùng địch đóng, nhưng đành từ giã vì phải quá giang với trực thăng đón Trung Tá Nguyễn Xuân Phúc, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 Thủy Quân Lục Chiến về họp ở Bộ Tư Lệnh.

Người ta còn nhớ, ngày 1 tháng 5 vừa qua, khi tất cả lực lượng phòng thủ Quảng Trị rút lui cùng với đồng bào trên Quốc Lộ I về Huế, địch quân đã truy kích, bám theo sát để đánh thẳng vào Huế. Trong tình huống nguy hiểm

đó, Tiểu Đoàn 2 và Tiểu Đoàn 9 Thủy Quân Lục Chiến đã chờ cho quân ta và đồng bào vượt qua, rồi “đóng cổng” Mỹ Chánh bằng tất cả nỗ lực, quần thảo với Cộng quân suốt một ngày hôm đó, đập tan cái khí thế thừa thắng xông lên của địch và chặn địch ngay bên kia bờ sông Mỹ Chánh.

Khách sạn Hương Giang là khách sạn thanh lịch nhất của thành phố Huế, nằm sát bên bờ sông Hương. Kể từ lúc tình hình chiến sự của Vùng I trở nên sôi động, thì khách sạn này là nơi họp mặt hầu hết những phóng viên của các báo Việt Nam và ngoại quốc. Buổi sáng, tôi ngồi uống cà phê tại khách sạn Hương Giang với một số anh em các báo khác. Sau khi trao đổi những tin tức chiến sự mới mẻ nhất, chúng tôi chia tay nhau lên đường theo chân các đơn vị đang hành quân ngoài Quảng Trị. Tôi đi theo Tiểu Đoàn 6 Dù đang tiến quân qua sông Thạch Hãn. Anh Nguyễn Thanh Liêm đi theo một cánh quân của Thủy Quân Lục Chiến.

Khi tôi đến, Tiểu Đoàn 6 Dù đang giao tranh với địch bên bờ sông Thạch Hãn. Tiếng súng nổ dồn khắp nơi. Pháo của địch dội lên đầu như mưa. Đạn 130 ly và hỏa tiễn nổ lừng bùng cả hai tai. Khói súng như một màn sương mỏng ban mai quện trên mặt nước của dòng sông Thạch Hãn.

Tôi len lỏi theo các giao thông hào để quan sát chiến trường. Vừa dứt một đợt pháo, tôi ló đầu nhìn lên, phía bên kia giao thông hào, anh Trần Khiêm, nhiếp ảnh viên của CBS cũng vừa nhảy lên khỏi hố, quay lại bấm liên cho tôi một tấm hình. Anh Khiêm hiện nay là chủ nhân của Khiêm Photo tại Little Saigon. Cũng lúc đó, một loạt đạn pháo khác đang rít gió bay đến.

Anh Khiêm vừa nhảy xuống hố vừa la:

- Kiều Mỹ Duyên, pháo đó, đừng nhô đầu lên nữa.

Hết pháo, tôi lại nhô đầu lên quan sát. Những chiến sĩ Dù đang tiến về phía quân địch. Tiến rất khó và chậm vì hỏa lực của địch quá mạnh. Tiếng la hét, những lệnh lạc qua máy truyền tin, cùng với tiếng súng nổ không dứt từ hai

bên bờ vang vọng suốt một quãng sông dài. Bên bờ phía Nam là quân ta, những chiến sĩ Dù. Bên bờ phía Bắc là quân địch đang bám chặt. Trên trời, máy bay L19 bay lượn và khu trục A37 đang gầm thét, thả từng loạt bom xuống, nhiều lúc thật mạo hiểm, vì giữa ta và địch, một khoảng cách chẳng có bao nhiêu.

Tôi chưa thấy một chiến sĩ Dù nào lui khỏi vị trí của mình. Người trước ngã, người sau tiến lên. Tất cả những thương binh đều được tải thương bằng mọi cách, không bỏ ai ở lại, đó vẫn là một niềm hãnh diện của binh chủng này từ trước đến nay. Nói đến binh chủng Dù, tôi chợt nhớ đến phóng viên chiến trường Gerald Hebert, ông là người Canada gốc Pháp đã từng có mặt tại nhiều cuộc chiến khắp nơi trên thế giới và ông thường nói:

- Tôi thích nhất và cảm phục nhất là binh chủng Nhảy Dù của Việt Nam Cộng Hoà, họ chiến đấu như sư tử.

Khi trận chiến sắp kết thúc thì trời đã hoàng hôn. Tôi đứng bên bờ sông Thạch Hãn nhìn bao quát khung cảnh của bãi chiến trường. Chiến cụ và xác người vương vãi khắp nơi. Dòng sông Thạch Hãn vẫn lặng lẽ, không biết có phải máu đã đổ xuống hay là những tia nắng quái của lúc hoàng hôn chiếu hắt lên khiến cho mặt nước có màu đỏ thẫm. Những chiến sĩ Dù còn truy kích địch.

Buổi tối trở về Huế, tôi được tin anh Nguyễn Thanh Liêm cùng với hai phóng viên ngoại quốc đã chết khi theo chân một cánh quân của Thủy Quân Lục Chiến đụng trận ở quận Phong Điền. Mới cùng ngồi uống cà phê hồi sáng ở Hương Giang. Mới chia tay và chúc lành cho nhau trước khi đi. Buổi tối trở về đã thiếu ba người. Ba người đã bỏ gia đình, bỏ bạn bè, bỏ nghề và cả cái nghiệp của mình, vĩnh viễn ra đi...

Ngày hôm sau tôi lại được tin có thêm 3 phóng viên chiến trường vừa gục ngã trên mặt trận Hải Lăng. Tin điện của các phóng viên bạn gửi về toà

soạn: Lúc 15 giờ chiều qua, một phóng viên chiến trường Việt Nam và 2 phóng viên của hệ thống truyền hình ABC Hoa Kỳ đã tử thương vì một loạt đạn AK47 của quân Bắc Việt tại khu vực ranh giới quận Hải Lăng và quận Phong Điền. Phóng viên Việt Nam là anh Trần Văn Nghĩa của Đài Truyền Hình Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà và hai phóng viên ngoại quốc khi đứng quan sát chiến trường tại ranh giới hai quận này cách Quốc Lộ I chỉ có 800 thước, thì bị một lính Bắc Việt núp gần đó bắn một loạt AK khiến anh Nghĩa gục xuống bên hồ cá nhân của tên lính Bắc Việt vừa bắn anh chỉ cách có 2 thước.

Hai phóng viên ngoại quốc cũng chết vì loạt đạn AK của Cộng quân. Phóng viên Trần Văn Nghĩa năm nay 37 tuổi, 1 vợ 8 con và mang cấp bậc Trung Sĩ I phục vụ cho đài Truyền Hình Quân Đội từ mấy năm nay. Hai phóng viên hãng ABC tử thương là Sam Kai Faye và Tonykhool. Phóng viên Sam Kai Faye, có quốc tịch Tân Gia Ba, bị trúng đạn khi anh tiến đến để cứu phóng viên Trần Văn Nghĩa.

Chúng tôi đến bệnh xá của Thủy Quân Lục Chiến để thăm anh Liêm. Anh Liêm nằm đó, trong bọc nylon màu trắng. Người lính làm ở chung sự vụ kéo tấm nylon trên đầu anh xuống. Khuôn mặt anh thật thản nhiên. Tóc anh còn ướt và dính cát. Trung Tá Khẩn, Trưởng Khối Chiến Tranh Chính Trị nói với chúng tôi:

- Theo lời của một người lính Thủy Quân Lục Chiến kể lại, anh Liêm đang quay cảnh Thủy Quân Lục Chiến vượt sông tiến về phía Bắc. Anh không mặc áo giáp, không đội nón sắt. Một viên đạn ghim vào ngực và anh gục xuống.

Trên đường về mọi người đều im lặng. Anh Nguyễn Thanh Liêm người quận Quế Sơn, Quảng Nam. Anh Liêm nằm xuống gây xúc động trong lòng những người đã quen biết anh hoặc cùng chung những công việc với anh.

Điện thoại gọi đến đài truyền hình để chia buồn suốt ngày. Người nhiệt tình nhất là Chuẩn Tướng Bùi Thế Lân, Tư Lệnh Thủy Quân Lục Chiến.

Xác anh Liêm được mang về an táng tại Đà Nẵng. Chị Liêm ngồi bên quan tài của anh nghẹn ngào nói với tôi:

- Anh vẫn muốn khi đưa con út của chúng tôi được 15 tuổi thì anh vào chùa xuất gia. Tôi đồng ý với ước nguyện của anh. Nhưng năm nay cháu nó mới có mười hai tuổi thì anh đã bỏ mẹ con tôi mà đi rồi.

Tôi ngỏ ý xin chị một tấm hình của anh để in trên báo. Chị Liêm lắc đầu:

- Mẹ con tôi chạy giặc từ Quảng Trị vào, đâu có mang được cái gì.

Tôi nhớ lại một vài lần đi chung trong toán với anh Liêm đến giúp đồng bào tại các trung tâm tị nạn. Trên đường đi, anh ngồi yên lặng. Hình như từ lúc gặp tôi cho đến khi lên máy bay, anh chưa nói với tôi một lời nào, ngoại trừ cái gật đầu chào khi mới gặp. Dáng người anh cao gầy, có vẻ khắc khổ. Về sau tôi mới biết anh ăn chay trường đã hơn mười năm nay.

Hai hôm sau, ngày 22 tháng 7 năm 1972, phóng viên Gerald Hebert bị một quả đạn pháo của Cộng quân và chết tại Hải Lăng. Còn nhớ ba tháng trước đây, khi trận chiến Bình Long mới khởi đầu, ông đã theo Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân nhảy vào thành phố An Lộc. Buổi trưa ngày 13 tháng 4, ông đang đứng giữa đường để chụp hình xe tăng Cộng quân tiến vào thành phố thì bị trúng đạn vào vai. Ông phải trở về Sài Gòn dưỡng thương và tháng 6, khi vết thương đã bớt, ông lại tìm cách trở vào An Lộc lần nữa. Lần này, trước mắt ông, An Lộc đã là những đồng gạch vụn, những người ông gặp lần trước đa số đã chết và cả một thành phố, chỉ sau một thời gian ngắn, đã thành địa ngục ở trần gian.

Ông ăn nói từ tốn và tính tình rất khiêm nhượng, có vẻ là một giáo sư triết hơn là một phóng viên chiến trường. Ông thường nói với những người quen biết:

- Tôi không sợ nguy hiểm khi làm phóng sự chiến trường, chỉ mong những bài viết và những hình ảnh của tôi thu thập được phổ biến đến những người ngoài nước Việt Nam, cho họ thấy sự phi lý và bi thảm của cuộc chiến này. Máy ai thấy được những sợi dây xích 6 ly đã xích chân người lính Cộng Sản vào những vũ khí nặng hoặc xe tăng của họ? Cuộc chiến tranh nào cũng có sự tàn phá. Nhưng sự tàn phá như ở thành phố An Lộc này là giữa những người cùng dân tộc, khác với sự tàn phá ở thành phố Hiroshima.

Chinh Chiến Điều Linh

Chiều Mưa Trên Đồi Sim

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Đến Huế được vài hôm, tôi nghe tin Trung Tá Võ Nhơn đã gục ngã trên cồn cát trắng trong vùng đất Quảng Trị khi ông chỉ huy đơn vị anh dũng tả xung hữu đột với đoàn chiến xa của Cộng quân.

Nhớ cách đây đã lâu lắm, một lần tôi đến thăm Tiểu Đoàn 34 Biệt Động Quân đang đóng ở Lộc Giang. Tối hôm trước khi tôi đến, một trung đoàn Cộng quân về vây đánh đồn Lộc Giang. Tiểu đoàn bị đánh trong lúc Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng đang đi phép. Thiếu Tá Tiểu Đoàn Phó đang nằm bệnh viện. Hai đại đội Biệt Động Quân đã ra khỏi đồn đi hành quân xa. Chỉ còn hai đại đội mà phải chống cự với một trung đoàn địch quân. Trung Tá Nhơn lúc đó còn là Trung Úy Nhơn, Đại Đội Trưởng, đã điều động đơn vị

thiết giáp yểm trợ bên ngoài vào phối hợp đẩy lui quân địch. Trận chiến kéo dài suốt đêm, đồn Lộc Giang chìm trong lửa đạn. Sáng hôm sau, địch rút lui và để lại hàng trăm xác cùng vũ khí cá nhân ngổn ngang trên các vòng rào phòng thủ của đồn.

Trung Tướng Phan Trọng Chinh, hồi đó là Thiếu Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn 25 Bộ Binh cùng Đại Tá Mã Sanh Nhơn, Tỉnh Trưởng kiêm Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 49 Bộ Binh, đến tận đồn Lộc Giang, Hậu Nghĩa khen thưởng chiến công. Tôi cũng đến thăm đồn đúng vào sáng hôm đó.

Trung Úy Nhơn đội mũ rộng vành ra đón và đưa tôi vào phòng hành quân diễn tả lại chi tiết trận đánh đêm qua. Sau đó hướng dẫn cho tôi đi quan sát chung quanh đồn, chỉ rõ những hướng tấn công của địch, giải thích sự phòng thủ của Biệt Động Quân và hướng tiến công của Thiết Giáp vào địch quân như thế nào.

Buổi trưa hôm đó, chị Nhơn mời tôi ăn cơm với vợ chồng chị tại đồn. Đời lính, mấy khi được ăn bữa cơm ngon hay ngủ một giấc ngủ yên trong căn nhà của mình. Chúng tôi ngồi ăn cơm trong hầm sâu dưới đất, hầm rất kiên cố, vì đây là một nơi được Cộng quân thường xuyên về thăm hỏi. Anh chị Nhơn cùng quê ở xứ Huế. Anh Nhơn xuất thân từ khóa 17 Võ Bị Đà Lạt.

Tôi nghe nói hai khóa 16 và 17 của trường Võ Bị Đà Lạt đã đào tạo nhiều sĩ quan rất anh hùng trên chiến trường hồi đó, và một số cũng đã oanh liệt đền nợ nước khi tuổi đời còn quá trẻ.

Đó là lần đầu tiên cũng là lần cuối cùng tôi gặp anh Nhơn. Sau này có nhiều lần tôi đi làm phóng sự chiến trường với nhiều đơn vị Biệt Động Quân, nhưng không có dịp nào gặp lại anh chị. Thình thoảng gặp những người quen chuyên lời anh chị hỏi thăm tôi. Cho đến hôm nay, hơn 7 năm sau, vừa đặt chân đến Huế, quê hương của anh chị, thì đã nghe tin anh gục ngã một cách anh dũng trên chiến trường Trị Thiên.

Tình cờ gặp Thiếu Tá Bá, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 10 Chiến Tranh Chính Trị mới biết Trung Tá Võ Nhơn là cháu của ông. Thiếu Tá Bá hỏi tôi:
- Võ Nhơn là cháu của tôi, cô muốn đến thăm tiểu đoàn của Nhơn thì tôi đưa cô đi.

Thiếu Tá Bá nhắc lại một vài kỷ niệm với Trung Tá Võ Nhơn trong tình chú cháu một cách xúc động. Cùng với một phóng viên nữa của báo Sóng Thần, chúng tôi theo Thiếu Tá Bá lên Văn Thánh là nơi đang dừng quân của Liên Đoàn I Biệt Động Quân. Từ Huế, con đường dẫn lên Văn Thánh chạy vòng theo bờ tả ngạn của sông Hương, qua làng Kim Long, nơi có những cô gái nổi tiếng đẹp nhất đất Thần Kinh, đủ sức thu hút một vị vua đa tình dám bỏ cả ngai vàng đi theo tiếng gọi của con tim:

Kim Long có gái mỹ miều,

Trăm thương, trăm nhớ, trăm liều, trăm đi.

Qua khỏi Kim Long là chùa Thiên Mụ, nơi mà ngày xưa truyền thuyết cho rằng Chúa Nguyễn đã được một người đàn bà từ trên trời hiện xuống chỉ điểm cho việc lập nên đế nghiệp của mình.

Qua khỏi chùa Thiên Mụ là đã ra ngoại ô của thành phố Huế. Khung cảnh như bỗng nhiên mở rộng với những ngọn đồi tiếp nối nhau, những đồi sim, cùng một màu tím, màu tím hoa sim. Và đây là Văn Thánh, nơi dừng quân của Liên Đoàn I Biệt Động Quân. Bộ Chỉ Huy của Liên Đoàn đóng ở Văn Thánh, còn các tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn đóng dưới chân của một đồi sim. Liên Đoàn I đang dưỡng quân, bổ xung quân số và đặc biệt huấn luyện về kỹ thuật bắn chiến xa để chờ ngày phản công tái chiếm Quảng Trị. Xe chạy vòng vòng qua những ngọn đồi. Tiếng súng từ những toán đang thi tác xạ do Liên Đoàn tổ chức vang vọng một vùng đồi núi. Bóng dáng của những người chiến binh mặc áo hoa rừng di chuyển trên những đồi sim làm cho tôi chợt nhớ đến người chú của tôi. Ngày xưa, lúc chú tôi còn sống, ông cũng

mặc áo hoa rừng, cũng dạy cho tôi bắn súng ở rừng Châu Hiệp.

Chúng tôi đến thẳng nơi Liên Đoàn tranh giải tác xạ. Các đơn vị đang thi tài một cách hào hứng. Tranh giải với đủ mọi loại súng, súng Colt, súng M16, súng M72... Tôi trình bày với Trung Tá Liên Đoàn Trưởng ý định muốn biết thêm chi tiết về cái chết của Trung Tá Võ Nhơn. Trung Tá Liên Đoàn Trưởng cho lệnh các đơn vị tạm ngưng tranh tài để nghỉ ngơi chốc lát.

Trong khoảng thời gian ngắn đó, trên đồi sim này, ngày hôm nay tôi có dịp gặp lại và trò chuyện với nhiều người mà ngày xưa tôi đã quen trong những lần đi ủy lạo với các phái đoàn. Như Thiếu Tá Hoàng Phổ, ngày trước là Đại Úy Hoàng Phổ, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 37 Biệt Động Quân, tiểu đoàn này đã lừng danh với trận đánh ở Khe Sanh hồi năm 1968.

Khe Sanh là một thung lũng nằm về phía cận Bắc của tỉnh Quảng Trị. Từ năm 1962, Hoa Kỳ đã chọn Khe Sanh để lập một căn cứ hỏa lực hầu cắt đứt con đường tiếp tế của Cộng quân từ Bắc vào Nam và qua Lào. Trong những lúc mức độ của cuộc chiến cao nhất, quân số của Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ trấn đóng tại đây đã lên đến 6,000 người và đơn vị chủ lực là Trung Đoàn 26 Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ.

Cộng quân nhất quyết san bằng căn cứ hỏa lực này, cho nên trước Tết Mậu Thân, địch đã điều động Sư Đoàn 304 và Sư Đoàn 325 tổng cộng khoảng 20,000 quân bao vây căn cứ Khe Sanh để tạo ra một Điện Biên Phủ thứ hai. Đồng thời hai Sư Đoàn 320 và Sư Đoàn 324 của Cộng quân cũng sẵn sàng tiếp chiến ở mặt trận này. Ngày 21 tháng 1 năm 1968, Cộng quân bắt đầu cuộc tấn công bằng những trận mưa pháo và xung phong đánh đồi 861 Nam (có hai ngọn đồi 861: đồi 861 Bắc và đồi 861 Nam).

Ngày 27 tháng 1, đúng một tuần sau ngày Cộng quân khởi sự tấn công, Tiểu Đoàn 37 Biệt Động Quân của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa do Đại Úy Hoàng Phổ chỉ huy được chuyển vận tới Khe Sanh và trấn đóng mặt Đông

của phi đạo. Cuộc chiến diễn ra vô cùng khốc liệt. Đại Úy Hoàng Phổ và Tiểu Đoàn 37 Biệt Động Quân đã lập nhiều chiến công trong phần tuyến phòng thủ của mình và khiến cho quân đội đồng minh phải khâm phục trước sự chiến đấu dũng cảm của người lính miền Nam Việt Nam.

Trong trận này, tất cả chiến sĩ của tiểu đoàn đều được lên một cấp, chỉ trừ Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng không những không được lên lon mà còn bị mất chức Tiểu Đoàn Trưởng vì đã cãi lại lệnh của một tướng Mỹ trong cuộc hành quân hỗn hợp Việt-Mỹ.

Sau đó Đại Úy Hoàng Phổ được chuyển về làm huấn luyện viên ở quân trường Dục Mỹ. Tôi biết được điều này vì Tết năm đó, tôi ở trong phái đoàn của nữ sinh viên Sài Gòn đi cùng Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân đến thăm trường Dục Mỹ. Tôi rất ngạc nhiên khi thấy một sĩ quan trẻ, xuất thân từ Võ Bị Đà Lạt, khóa 17, nhiều khả năng trên chiến trận, lại về làm huấn luyện viên ở trường. Hỏi thăm mới biết sự tình như thế.

Một thời gian sau, một lần đi làm phóng sự chiến trường ở Cao Nguyên Trung Phần, từ trực thăng nhảy xuống ngay rừng Benhet, nơi cánh quân của Biệt Động Quân đang lùng địch, tôi gặp lại Đại Úy Hoàng Phổ, lúc đó ông đang cầm một tiểu đoàn. Đúng là cánh chim bằng đã đến ngày gặp gió. Và hôm nay, đứng trên đồi sim này, ông là Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 37 Biệt Động Quân, một đơn vị như có cơ duyên với người sĩ quan nhiều khả năng và đầy nhiệt huyết trong binh nghiệp. Sinh trưởng và lớn lên ở Huế, nay có dịp trở về chiến đấu ngay nơi quê quán của mình thì tinh thần của người chiến sĩ chắc chắn phải mãnh liệt hơn, và đó chỉ là một tình cảm tự nhiên của con người.

Thiếu Tá Hoàng Phổ giới thiệu tôi với một vị sĩ quan:

- Đây là Đại Úy Tập, ở Ban 3 của Tiểu Đoàn 37. Đại Úy Tập có thể cho cô biết rõ về người chỉ huy quá cố của ông. Nếu cô muốn nghe về cái chết của

Trung Tá Nhơn, cô có thể hỏi bất cứ một người nào đã có mặt trong trận đó. Nhưng tốt nhất là gặp Thiếu Úy Hồng, Sĩ Quan Truyền Tin của Trung Tá Nhơn, và Trung Tá Nhơn đã chết trên tay của Thiếu Úy Hồng.

Đại Úy Tập nói:

- Trung Tá Nhơn là người rất đàng hoàng, anh ra anh, em ra em, làm việc rất kỷ lưỡng.

Đại Úy Tập mới nói đến đó thì cuộc thi tác xạ lại tiếp tục, nên câu chuyện phải tạm ngưng. Tôi trở lên Văn Thánh để tìm Thiếu Úy Hồng. Buổi chiều, đứng trên Văn Thánh nhìn ra trước mặt là sông Hương, sau lưng là tượng các ông quan văn đứng thành từng hàng. Nắng buổi chiều chiếu lên những đôi sim tạo nên một khung cảnh thật trữ tình, chỉ tiếc là trong thời chinh chiến nên vắng bóng những đôi tình nhân bên bờ sông Hương.

Đại Tá Nguyễn Đức Khoái, Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân/Quân Khu I cho người mời Thiếu Úy Hồng đến gặp tôi. Chúng tôi mỗi người ngồi trên một thùng đạn. Ngoài chiến tuyến, cái gì cũng đơn giản. Điều quan trọng nhất là còn thấy mặt nhau. Có nhiều người mới gặp hôm nay, ngày mai nghe họ đã hy sinh. Và trong cuộc chiến này, mỗi giờ, mỗi ngày, bao nhiêu người đã đột ngột giã từ gia đình, bạn bè của mình như vậy?

Thiếu Úy Hồng dáng gầy như thư sinh. Ông ngồi yên lặng, đầu cúi xuống như cố nén một sự xúc động trước khi nhắc lại những giờ phút không thể nào quên được. Một lát sau, ông ngước mặt lên, nét mặt thật buồn, kể lại trận đánh đã xảy ra.

Ngày hôm đó, lúc 5 giờ sáng, trực thăng bốc Tiểu Đoàn 37 của chúng tôi đổ xuống vị trí đã định. Chúng tôi vừa tiến vào nhà thờ trong làng thì đụng địch liền, địch khoảng một trung đoàn. Chúng tôi thanh toán xong các mục tiêu thì xe tăng Việt Cộng từ phía Tây Bắc xuất hiện, nhưng bị tuyến trước của mình diệt ngay.

Từ 6 giờ sáng đến 11 giờ trưa, anh em chúng tôi thâm nhập chiến lợi phẩm, hơn 100 cây súng, còn xác địch thì đếm không hết. Lúc đó, Tiểu Đoàn 21 Biệt Động Quân của Thiếu Tá Quách Thường cùng tiến song song với chúng tôi hướng về mục tiêu. Đùng một cái, xe tăng Cộng quân xuất hiện từ phía. Thì ra chúng dấu xe, dựng những vách tre đan có trét đất như nhà của dân để ngụy trang. Xe tăng của chúng vừa xuất hiện liền tiến thẳng vào Bộ Chỉ Huy của Tiểu Đoàn, đặc biệt chúng tìm sĩ quan chỉ huy mà bắn cho gục.

Khi xe tăng địch vừa xông đến, Trung Tá Nhơn ra lệnh bố trí bắn chiến xa. Nhưng xe tăng đã đến quá gần, chiếc đi đầu cán lên mình hai người mang máy truyền tin. Trung Tá Nhơn nhất định không tháo lui. Một mặt ông ra lệnh bắn chiến xa, một mặt gọi máy bay đến xạ kích. Ông đứng sừng sững chỉ huy giữa những làn đạn từ các chiến xa bắn đến như mưa.

Lát sau, Trung Tá Nhơn bị một viên đạn ngay đầu, ngã xuống. Tôi đang đứng sát một bên, nhào tới ôm ông ta và đặt đầu ông lên đùi của tôi. Ông đã chết. Tôi nuốt nước mắt mà vuốt mắt cho ông. Lúc đó tôi mới nhìn thấy mình đang giao chiến trên một cồn cát. Máu từ đầu Trung Tá Nhơn đổ xuống một vũng đỏ thẫm trên màu cát trắng tinh.

Chúng tôi ngồi yên lặng một lúc trước khi Thiếu Úy Hồng kể tiếp trận chiến kết thúc như thế nào. Trời chuyển cơn mưa rất nhanh. Cơn mưa làm dịu ánh nắng của chiều hè. Trời mưa nhưng nắng vàng không tắt. Ánh nắng nhạt dần và màu tím của những cánh hoa sim ngả qua màu tím thẫm. Mưa vẫn rơi trên những đồi sim.

Tôi vào Đà Nẵng, đi với chị Phạm Văn Lương đến thăm gia đình của Trung Tá Nhơn đang ở cư xá Đoàn Kết. Gia đình của anh Nhơn ở đây gồm có cha mẹ già, chị Nhơn và đứa con nhỏ. Chị Nhơn nắm tay tôi thật chặt:

- Cô Kiều Mỹ Duyên phải không?

Đã hơn 7 năm rồi mới gặp lại, đang lúc đau buồn như vậy mà chị cũng nhận

ra tôi ngay. Chị có vẻ bình tĩnh, hay đúng hơn là rất cố gắng để bình tĩnh, bởi vì anh Nhơn là con một, chị là dâu một trong nhà, còn ai gánh vác cho lúc này và cả những chuỗi ngày đằng đằng trước mắt. Hiện chị Nhơn đang dạy học ở trường Văn Hóa Quân Đội. Bà cụ cũng đến nắm tay tôi, ứa nước mắt kể lể:

- Chúng tôi chỉ có một mình nó. Nó đi đâu là tôi đi theo đó. Đóng đồn ở Lộc Giang, tận trong Hậu Nghĩa tôi cũng theo vào. Hành quân ngoài Quảng Trị tôi cũng ra thăm, không sợ bom đạn. Bây giờ thì đi luôn rồi, cô ơi!

Anh là con một, có cha mẹ già, anh có thể khỏi phải đi lính, hoặc làm lính ở văn phòng. Nhưng anh đã chọn con đường binh nghiệp, anh tình nguyện vào Võ Bị, anh tình nguyện đội chiếc Mũ Nâu, mặc áo hoa rừng và hy sinh cả một đời trai cho chiến trận.

Buổi tối tôi ở lại với chị Nhơn để an ủi chị. Tôi xin chị cho xem hình của hai vợ chồng chị. Hai người quen nhau từ lúc còn nhỏ, yêu nhau rồi mới cưới nhau, mà chỉ vốn vẹn có mấy tấm hình, hình thì cũ, đã ngả sang màu vàng. Khi đi ngủ, trong phòng khách, kế nơi bàn thờ, chị Nhơn treo một chiếc áo trận của chồng. Dưới ánh đèn mờ mờ, chiếc áo lung linh như anh Nhơn trở về. Trước mặt mọi người, chị Nhơn không khóc, nhưng nửa đêm chợt thức giấc, tôi thấy chị úp mặt vào gối, cổ dẫn tiếng khóc nức nở, nghẹn ngào.

Cư xá Đoàn Kết gần với phi trường Đà Nẵng và Tổng Y Viện Duy Tân.

Trong đêm vắng, giữa những tiếng phản lực của những chiến đấu cơ xé gió, còn có tiếng cánh quạt ù ù của những chiếc trực thăng tải thương lên xuống liên liên. Trong những chuyến tải thương đó, có những chuyến chở xác chồng về cho những người vợ vừa trở thành góa phụ đêm nay.

Chinh Chiến Điều Linh

Bay Trên Lửa Đạn

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Thường thường những chiến trường càng sôi động, càng có một hấp lực lôi cuốn tôi phải đến, phải ghi nhận và phải viết. Tôi đến chiến trường bằng mọi phương tiện: máy bay, tàu thủy, xe và cả đi bộ. Nhưng thường là đi bằng đường bộ, từ phía sau trận tuyến để tiến dần vào vùng giao tranh theo những hướng tiến quân của các đơn vị đang tham chiến. Như vậy, cái nhìn của người phóng viên chiến trường bị giới hạn bởi những điều kiện tương đối an toàn nên sự ghi nhận sẽ thiếu phần trung thực. Và tôi tâm niệm mình phải có một cái nhìn khái quát hơn, những cảm xúc mạnh mẽ và sống động hơn, từ một độ cao, ngay trên làn đạn, để ngòi bút mô tả thật đúng với những trận đánh đang ở mức khốc liệt nhất của một vùng được mệnh danh là Vùng Hỏa Tuyến. Tôi cố gắng thực hiện điều đó để đạt được cái nhìn cần thiết của một người viết phóng sự chiến trường, và đồng thời mới có cơ hội trực tiếp nhìn thấy sinh mạng của những chiến sĩ Không Quân thật như treo trên sợi chỉ trong những lần đùa với tử thần, bay trên lửa đạn.

Năm 1970, nhìn tình hình chiến sự ngày càng sôi động, tôi nghĩ đến lúc muốn có mặt tại chiến trường để viết, e rằng những phương tiện như xe cộ không còn tiện dụng. Hơn nữa, một phóng viên chiến trường mà không có

mặt tại chiến địa cùng lúc với những đơn vị đang hành quân, thì những bài viết nếu không phải là sản phẩm của tưởng tượng, thì cũng chỉ là nghe kể lại hoặc dự những buổi thuyết trình của phòng hành quân mà thôi. Do đó, tôi nộp đơn xin phép Bộ Tổng Tham Mưu theo học một khóa Dù. Đơn xin của tôi được chấp thuận thì không may, một tai nạn xe cộ khiến tình trạng sức khỏe của tôi không thể theo học được. Cách còn lại duy nhất là bay trên chiến địa để trực tiếp ghi nhận những diễn biến của chiến trường và những đơn vị đang chiến đấu bên dưới.

Từ mặt trận Cao Nguyên vừa về tới Sài Gòn, tôi trở ra lại miền Trung để tiếp tục tham dự chiến trường Trị Thiên. Tôi chọn Huế để viết phóng sự, một phần vì mặt trận phía Bắc của thành phố này đang tới hồi nóng bỏng, một như bị quyến rũ bởi những lời mời mọc âm thầm của đất Thần Kinh, sự cảm phục sức phấn đấu của người dân miền Trung, và cũng tựa hồ như định mệnh.

Với miền Nam và Gia Định, nơi tôi sinh trưởng, thì Huế là một vùng đất xa xôi với nhiều huyền thoại lịch sử. Huế của cung miếu, đền đài. Huế như người tình vừa kiêu sa vừa lãng mạn. Huế như đấng quân vương đến hồi sa cơ thất thế, vẫn kiêu ngạo với một thời vàng son dĩ vãng, và cả những khổ đau mà hiện mình đang gánh chịu.

Vào những ngày đầu của tháng 7, thành phố Huế đã nằm trong tầm pháo của Cộng quân. Mọi đơn vị và kể cả dân chúng đang nỗ lực phòng thủ. Cái nóng của mùa hè ở Huế thật oi nồng. Gió Hạ Lào luôn qua những khe núi của rặng Trường Sơn đưa mùi khói súng về tận sông Hương. Huế đang ở trong vùng hành quân. Xe nhà binh di chuyển vội vàng. Đủ mặt quân binh chủng trên đường phố. Hàng ăn, quán uống rộn ràng với những đoàn xe chuyên quân tạm dừng chân giây lát. Người dân đào hầm trú ẩn ngay trong nhà. Bao cát ở chợ trời Đông Ba bán chạy như tôm tươi.

Sau khi đi thăm những đơn vị có nhiệm vụ giữ vòng đai của Huế, tôi liên lạc với Biệt Đoàn Tiền Phương đóng ở phi trường Phú Bài để xin được tháp tùng theo những phi vụ mà Biệt Đoàn này đang yểm trợ cho mặt trận phía Bắc của Huế. Đó là cách duy nhất mà tôi có thể dự phần và hiểu một cách rõ ràng những giây phút hào hùng và thập phần nguy hiểm của những người đấu từ trên không, của những cánh chim bằng vào ra chiến trận như trò đùa, đem mạng sống của mình treo trên lửa đạn. Những cuộc sống hào hùng đó, tôi đã được nghe nhắc đến trong lần đầu gặp Thiếu Tá Diệm, Biệt Đoàn Trưởng Biệt Đoàn Tiền Phương, một người trầm lặng, ít nói, thường vẫn ngậm ngùi nhắc đến những người bạn, những huynh đệ đã vĩnh viễn ra đi và những người đang làm rạng danh cho binh chủng như Thiếu Úy Nguyễn Xuân Chi của Không Đoàn 41, Thiếu Úy Tạ Nhất Chí của Không Đoàn 5... Buổi sáng, nắng hè đang còn dịu, tôi ngồi nghe vị Sĩ Quan Trưởng Phòng Hành Quân của Biệt Đoàn Tiền Phương tại Phú Bài thuyết trình về tình hình chiến trường và các nhiệm vụ yểm trợ của Biệt Đoàn. Những dặn dò và quy luật mà tôi phải tuân theo, đồng thời phải để lại địa chỉ, điện thoại những nơi sẽ được cấp báo nếu có gì không may xảy ra cho chuyến bay này. Tôi để lại số điện thoại của người chị bà con ở Sài Gòn và của một người mới quen ở Huế.

Người phi công mà tôi tháp tùng là Đại Úy Trần Ngọc Hoàng. Phi cơ L19 có hai chỗ ngồi, tôi ngồi phía sau với mũ nghe và một chiếc ống dòm. Phi cơ cất cánh rời phi trường Phú Bài lúc 10 giờ 24 phút, Đại Úy Hoàng nhắc nhở tôi:

- Đây không phải là một chuyến bay quan sát khơi khơi trên cao, mà là một phi vụ yểm trợ thực sự trong vùng giao tranh.

Tôi hiểu ý người phi công. Không có một sự an toàn nào cho tôi, dù là tôi thiếu như những lần quan sát chiến trường từ sau lưng những đơn vị Bộ

Bình. Tôi nhủ thầm, con người sống chết có số và chuyện sinh nghề tử nghiệp cũng là chuyện thường tình mà thôi. Cũng có thể vì tôi là phái nữ và ở từ một nơi yên ổn như Sài Gòn mới ra đây xa lạ nên được căn dặn kỹ càng. Như hai hôm trước, tôi xin trực thăng đi từ Đà Nẵng ra Huế, nơi đáp sẽ là bãi đáp trực thăng trước Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn I Bộ Binh tại Mang Cá, Huế. Khi trực thăng gần đến Huế, người phi công cũng dặn dò tôi:

- Máy bay đáp xuống là chị phải chạy ngay vào giao thông hào bên cạnh, kiểm một chiếc nón sắt đội lên đầu cho chắc ăn rồi mới di chuyển vào trong doanh trại.

Tôi hồi hộp chờ đợi, và có cảm tưởng những khẩu pháo của Việt Cộng đang im lặng như một cái bẫy chờ đợi con mồi... Nhưng khi trực thăng vừa đáp xuống, tôi thấy người đón tôi vẫn chiếc mũ lưỡi trai trên đầu và điều thuốc cổ hữu trên môi, đứng dựa lưng vào xe Jeep, rất thản nhiên, cái thản nhiên của những người đã quen sống trong vùng lửa đạn.

Hôm nay là ngày 5 tháng 7, năm 1972. Một ngày nắng thật đẹp. Những người phi công không thích sương mù. Bây giờ đang ngồi trên máy bay, tôi mới hiểu điều đó. Trời trong sáng giúp sự quan sát dễ dàng hơn. Dưới chân tôi là núi rừng, đồng ruộng. Trên đầu tôi từng đám mây trắng bay ngược chiều. Chợt nhớ lời một người phi công trẻ nào đó:

- Mỗi ngày chúng tôi bay đi trước khi mặt trời mọc, và trở về sau khi mặt trời đã lặn.

Nhiệm vụ của những người phi công lái L19 là nhiệm vụ có tầm quan trọng trong một cuộc hành quân: hướng dẫn hành quân, quan sát mục tiêu, quan sát những biến chuyển của trận đánh, phối hợp hỏa lực... Nhưng những phi công lái L19 lại là những cánh chim đơn độc, đi một mình, về một mình và đến trận địa thì cũng tự lo lấy thân mình. Nhiệm vụ muốn lo cho hoàn hảo phải bay thật thấp, dưới 2000 bộ, để quan sát cho chính xác, mà SA7 của

Việt Cộng rất nhẹ, như vũ khí cá nhân, có thể mang trên vai, bắn cao đến 9000 bộ. Như B40 biến cải cũng có thể bắn lên tới 4000 bộ rồi...

Đến 11 giờ, dòng sông Mỹ Chánh hiện ra trước mắt. Đây là một con sông nhỏ, như một làn ranh giữa hai thành phố Huế và Quảng Trị. Bên kia bờ phía Bắc sông Mỹ Chánh không thấy bóng dáng một người dân. Đại Úy Hoàng chỉ cho tôi các vị trí của quân bạn bên dưới và một đoàn công voa của mình đang di chuyển. Tôi nhìn thấy rõ những đám bụi đỏ bốc lên mù mịt đằng sau mỗi chiếc xe. Chúng tôi đang cách cầu Mỹ Chánh khoảng 4 cây số về hướng Đông. Tôi biết chỉ trong chốc lát chúng tôi sẽ đến quận Hải Lăng. Hải Lăng đang trước mặt. Chiếc L19 nhẹ nhàng bay vào vùng đang giao tranh bên dưới.

Tiếng của Đại Úy Hoàng trong mũ nghe:

- Chị nghe tôi rõ không?

- Rõ.

- Chị nhìn qua phía bên phải, bên trong Quốc Lộ I, xe tăng của Việt Cộng đó, chụp hình đi.

Người phi công cho máy bay đảo nhiều vòng trên cao để quan sát tổng quát tình hình bạn và địch, đồng thời liên lạc với những đơn vị bên dưới để biết yêu cầu của họ. Tôi vừa quan sát, vừa chụp hình, vừa lắng nghe cuộc đối thoại của những đơn vị Dù và Thủy Quân Lục Chiến với máy bay của tôi:

- Hotel, Hotel, đây Sóng Thần, nghe rõ không, trả lời.

- Tôi nhận bạn 5/5. Có gì cho đi.

- Việt Cộng đang nằm trên gò mả, xem dùm tôi, trả lời.

- Chờ một chút.

- Nhờ bạn quan sát chính về hướng Đông, Tây Bắc điểm đã cho.

- Bảo Phong, đây Chung Sơn gọi.

- Tôi đưa nón sắt đến cho bạn đó. Bạn hướng dẫn tôi, trả lời.

- Tôi đã tới ngay nhà thờ mà chưa thấy bạn.
- Hoa Đào, đây Tiêu Lương gọi.
- Đánh dùm tôi cách 100m, nghe rõ không, trả lời?

Nhiệm vụ của Đại Úy Hoàng thật đơn giản nhưng thập phần nguy hiểm. Nguy hiểm là vì bên dưới gặp khó khăn, mới nhờ trên không giải quyết dùm, và nơi nào mà Dù và Thủy Quân Lục Chiến gặp khó khăn, là nơi đó đang đang đưa một lưỡi hái của tử thần.

Qua ống dòm, tôi thấy một ngôi nhà thờ nhỏ nằm trong vùng giao tranh, trên gác chuông và những cao điểm khác, những ổ súng của Cộng quân đã càm chân các đơn vị Dù và Thủy Quân Lục Chiến một cách hữu hiệu. L19 phải dùng trái khò để đánh dấu những vị trí đó cho phản lực đánh.

Đại Úy Hoàng ra hiệu cho tôi biết phi cơ sẽ xuống thấp để làm nhiệm vụ. Tôi thật sự hồi hộp trong giây phút này, vì đây là lần đầu tiên tôi theo máy bay ra tận giữa hai lần đạn của một cuộc giao tranh mà hai bên đang cố gắng đẩy lui đối thủ và giữ từng tấc đất.

Chiếc L19 xuống thấp rất nhanh bên phần đất của các đơn vị bạn rồi bay thẳng về phía địch. Tôi nhìn rõ bằng mắt những chiến sĩ Dù và Thủy Quân Lục Chiến đang tiến công bên dưới như xem phim trên màn ảnh. Họ tiến tới chậm và khó khăn vì hỏa lực của Cộng quân từ các cao điểm. Chậm nhưng vẫn anh dũng tiến và tiến tới không ngừng. Đại Úy Hoàng đã cho máy bay vào phần đất của địch. Máy bay bay sát trên ngọn cây và những hòng súng phòng không bắt đầu chuyển hướng nhắm vào chiếc L19.

Chiếc máy bay nhỏ bé khi thì lượn lờ trên cao như đùa giỡn, khi thì để thả trái khò cho thật chính xác, đã phải lao xuống thật thấp, xuyên qua những lần đạn, rồi phóng lên cao và lại nhào xuống như vậy nhiều lần. Những giây phút đó mới thấy sự phối hợp nhịp nhàng, hữu hiệu của Không Quân. Trong khi chiếc L19 cố gắng xuống thấp, đến gần để ghi dấu vị trí địch bằng trái

khói, thì đằng xa, những chiếc phản lực đang đảo vòng, gầm thét thị uy. Và khi chiếc L19 vừa cất mình lên cao nhường chỗ, thì những chiếc phản lực như những con diều hâu đã thấy mồi, lao xuống mục tiêu như một mũi tên. Định thừa hiểu L19 chỉ đầu, phản lực đánh đó, nên hầu hết các ổ súng đã châu lại nhả đạn vào chúng tôi cùng một lần.

Đại Úy Hoàng đang cố gắng xuống thấp hơn để ghi dấu một ổ súng phòng không của địch. Đã bao lần tôi thấy rõ là phi cơ sẽ trúng đạn, nhưng rồi vẫn tránh được. Vừa bị một tai nạn xe trầm trọng năm ngoái, sức khỏe của tôi chưa được bình phục, nên sau một hồi phi cơ bay lên, nhào xuống, gan ruột tôi cảm thấy nhộn nhạo. Và lần này, khi tôi vừa kịp thấy một màn lưới lửa từ dưới đất xẹt lên hướng máy bay chúng tôi, Đại Úy Hoàng đã nhanh nhẹn đưa phi cơ ngược lên trời như một mũi tên để tránh. Sự thay đổi độ cao và áp suất bất ngờ đó làm cho tôi không còn cố gắng hơn được nữa.

Trước khi ngắt đi, tôi còn nghe văng vẳng tiếng của người phi công hỏi tôi:

- Chị Duyên, chị Duyên, nghe tôi rõ không, trả lời?

Tôi muốn nói: "Đại Úy cứ tiếp tục phi vụ", nhưng hình như tôi không nói được. Tôi biết lúc đó máy bay của tôi chỉ mới thực hiện được 48 phút bay, và tình hình bên dưới làm cho Đại Úy Hoàng trong một lúc hình như quên mất sự hiện diện của tôi trên máy bay.

Khoảng 15 phút sau, tôi có cảm giác như máy bay đang ở trên một mặt phẳng, không còn nhào xuống rồi vút lên như trước nữa và tiếng người phi công lại vang lên trong mũ nghe:

- Chị Duyên, chị Duyên, chị tỉnh lại rồi phải không? Ngả về đằng sau, nhắm mắt một lát cho khỏe.

Tôi dùng ngón chân ấn nhẹ lên chiếc nút dưới sàn tàu:

- Cứ bay hết giờ nghe Đại Úy.

Tuy nói vậy, nhưng bay đến phút thứ 150 thì tôi lại muốn ngắt đi như trước.

Chiếc mũ bay vẫn chụp trên đầu, nên trong trạng thái mơ màng, tôi còn nghe những lệnh lạc, những lời gọi khẩn cấp, những câu cự nự nhau và cả những tiếng chửi thề. Có những câu nói chưa trọn đã im bật, có lẽ bởi một viên đạn nào đó... Tôi biết mình đã phí mất những giây phút quý báu này. Sau một phi vụ dài hai tiếng rưỡi với L19, những dự tính tháp tùng bay theo khu trục A37 và phản lực F2 của tôi đã tan theo mây khói vì tự hiểu sức khỏe của mình không thể nào theo được.

Phi cơ trở về lại phi trường Phú Bài, một số những người quen biết trong Biệt Đoàn đến chúc mừng tôi bình yên sau những giờ bay nguy hiểm trên chiến trận. Đại Úy Hoàng vừa rời phòng lái là vội vã đi ăn cơm trưa. Ăn xong lại lên máy bay bay tiếp. Một phản lực cơ của ta bắn cháy 3 chiến xa của địch, Đại Úy Hoàng được lệnh bay đến chụp hình. Người phi công lần này vai mang máy ảnh có gắn télé, ông vẫy tay chào và nói:

- Bắn cháy chiến xa thì phải chụp hình chứ để người ta không tin.

Từ phi trường Phú Bài, tôi xin vào Quân Y Viện Nguyễn Tri Phương Huế nằm tĩnh dưỡng một vài hôm trước khi tiếp tục loạt phóng sự cho chiến trường Trị Thiên. Trong quân y viện, đêm đêm không ngủ được, tôi nằm lắng nghe và đếm từng chuyến trực thăng tải thương về. Cứ mỗi giây, mỗi phút, bao nhiêu người đã hy sinh cho đất nước?

Làm một việc gì với tất cả nhiệt tình của mình, thì cuối cùng cũng có một phần thưởng, dưới bất cứ một hình thức nào.

Chinh Chiến Điều Linh

Trên Vùng Trời Trị Thiên

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Những năm trước Tết Mậu Thân, khi dẫu binh lửa chưa tràn vào đất Thần Kinh, thì phi trường Phú Bài nằm về phía Nam của thành phố Huế độ 10 cây số là một phi trường dân sự nhỏ và có một khung cảnh trầm buồn như phi trường Liên Khương của Đà Lạt vậy. Rồi theo nhịp độ của cuộc chiến, khi mà hai tỉnh Trị Thiên trở thành Miền Hoả Tuyến, làng Phú Bài trở thành một căn cứ quân sự lớn của Mỹ và phi trường Phú Bài được tu bổ thêm để có khả năng cung ứng như một phi trường quân sự. Một số dân làng chung quanh, xưa nay vẫn sống bằng nghề chằm nón, chiếc nón bài thơ của người gái Huế, nay bỏ khung, bỏ chỉ, chạy theo mua bán đồ Mỹ từ PX, đôi đồ la xanh, đồ la đỏ, đôi lúc cả cuộc sống bình lặng của một làng quê thuở thanh bình của những người dân hiền hoà.

Biệt Đoàn Tiền Phương đóng ở Phú Bài. Cái tên của đơn vị Không Quân này nghe thật xa lạ với người dân Sài Gòn, nhưng lại rất quen thuộc với những đơn vị của Sư Đoàn I Bộ Binh, Sư Đoàn Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân... Trên chiến trường Trị Thiên, Biệt Đoàn Tiền Phương là đơn vị yểm trợ phương tiện chuyên vận cho tất cả các đơn vị đang hành quân tại đây. Biệt Đoàn gồm có L19 và trực thăng. Tôi đã có dịp đi theo L19

đến tận vùng giao tranh để hiểu rõ nhiệm vụ, thấy rõ những hiểm nguy của họ. Cũng như phía trực thăng, có trực thăng võ trang, trực thăng tải thương, trực thăng đổ quân v.v... và thường họ là những anh hùng bị lãng quên.

Biệt Đoàn Tiền Phương do Thiếu Tá Diệm chỉ huy. Trực thuộc Biệt Đoàn có Không Đoàn 51 Chiến Thuật của Sư Đoàn I Không Quân, do Trung Tá Đặng Văn Phước làm Không Đoàn Trưởng. Nhớ một lần đã lâu lắm rồi, tôi có hẹn đến thăm Không Đoàn 51. Đúng giờ hẹn, tôi đến phòng hành quân đợi một hồi lâu mới thấy Trung Tá Phước đáp trực thăng xuống, tay xách nón bay đi vào. Trung Tá Phước dáng người cao lớn, tính vui vẻ, bộc trực. Vừa gặp tôi, ông nói:

- Tôi vừa bay tải thương về. Hôm nay đánh nhau cả ngày. Mấy em út của tôi vừa mới ra phố ăn cơm thì lại gọi tải thương nữa, tôi phải đi thay. Phải chi cô đến sớm tôi cho cô theo cho biết.

Tôi hiểu ông muốn nói gì. Người ta thường ca tụng những chàng phi công của khu trục A37 hoặc phản lực F5, oai hùng từ trên cao phóng xuống, trút những loạt bom nổ long trời lở đất trên đầu địch, chứ mấy ai nhắc nhở đến những phi công có nhiệm vụ tải thương, mặc dù họ vẫn hằng ngày bay trên những làn đạn của quân ta và quân địch, cố gắng tìm một "lỗ hổng" giữa màn lưới lửa đỏ để lao xuống, giắt lại mạng sống của những thương binh trong tay tử thần.

Tôi nhớ một lần, Tiểu Đoàn I Thủy Quân Lục Chiến được Shinook bốc từ căn cứ và đổ xuống Triệu Phong, một quận nằm về phía Đông Bắc của thành phố Quảng Trị. Theo tin tức tình báo, dân còn kẹt ở đây rất nhiều, và ngay ở quận Triệu Phong này, Cộng quân có lập một bệnh viện dã chiến lớn để chữa trị cho các thương bệnh binh của chúng trong cuộc tiến chiếm Quảng Trị.

Giờ xuất quân, đích thân Tướng Bùi Thế Lân, Tư Lệnh Thủy Quân Lục

Chiến, đến tận nơi tiễn đưa những chiến sĩ Cọp Biển lên đường. Hơn 10 chiếc trực thăng đổ quân hôm đó bay vào vùng đất Quảng Trị. Phòng không của địch tại nơi đổ quân bắn rớt ngay 2 chiếc. Một trong hai chiếc bị bắn rơi đó, có bác sĩ Hoàn, mới ra trường không lâu, tình nguyện vào Thủy Quân Lục Chiến. Hai ngày sau, bác sĩ Hoàn được tải thương về quân y viện, cả người và mặt đều bị cháy. Một cánh tay không cử động được nữa. Lúc tỉnh dậy, bác sĩ Hoàn kể lại, khi trực thăng bốc cháy, mọi người theo cửa nhảy ra, ông thấy phi hành đoàn vẫn còn ngồi yên trên ghế lái. Và trong một cuộc hành quân như vậy, nếu một chiến thắng vẻ vang nào đó đạt được, thì hình như những người chiến sĩ của Không Đoàn 51 này, có dự phần xương xương máu, mà ít được chia phần vinh quang.

Lần này trở lại Vùng I, những ngày tạm rời chiến trường Trị Thiên để vào thăm Tổng Y Viện Duy Tân và các trại tị nạn Cộng Sản ở Đà Nẵng, tình cờ gặp lại Trung Tá Phước. Ông nói:

- Tôi vừa ở Huế về. Có một chiếc trực thăng của Không Đoàn tôi đi đổ quân, bị bắn rớt, phi hành đoàn lội trong rừng mấy ngày đêm và mới về được bình yên.

Tôi ngó ý muốn gặp những người mới về. Trung Tá Phước gật đầu:

- Tôi sẽ cho người đưa cô đi gặp một xạ thủ và một cơ khí viên của phi hành đoàn, hai sĩ quan thì đang nằm trong bệnh viện Mỹ, chúng ta sẽ đến thăm. Buổi chiều tôi được anh em trong Không Đoàn 51 mời ăn cơm ở câu lạc bộ Trần Văn Thọ. Tại đây tôi sẽ được gặp hai người còn sống sót sau khi máy bay bị bắn rơi. Câu lạc bộ Trần Văn Thọ trang hoàng khá đẹp. Trung Úy Bút đưa tôi vào ngồi một bàn gần cửa sổ. Vừa ngồi một lát, Trung Sĩ Võ Ngọc Trác, người cơ khí viên của máy bay bị bắn rớt đến. Trung Sĩ Trác khoảng chừng 20 tuổi, mặc bộ áo bay màu đen đã bạc trông có vẻ phong trần. Trên mặt và tay của Trác đầy những vết trầy trụa do lúc máy bay bị bắn rơi và

trong những ngày vượt rừng trở về. Khu rừng mà phi hành đoàn phải vượt qua là khu rừng sâu về phía Tây của căn cứ Bastogne.

Trung Úy Bút nói:

- Chúng ta đợi thêm hai người nữa. Trung Sĩ Thanh, xạ thủ đại liên và Trung Tá Phước. Không biết Trung Tá Phước có đến được không, vì chiều nay ông có buổi họp.

Trong lúc chờ đợi, tôi ngồi lắng nghe Trung Sĩ Trác kể lại chuyện những ngày qua:

- Buổi sáng, tàu đổ quân từ căn cứ Sally đến. Khoảng 9 giờ 5 phút thì chúng tôi đến ngọn núi BG. Chiếc tàu của tôi dẫn đầu. Lệnh của Trung Úy Hiếu trên tàu chỉ huy bay trên cao: "An toàn thì đáp". Nhìn xuống bãi đáp thấy im lìm, không có triệu chứng gì có địch. Đó là căn cứ Rạng Đông, căn cứ này trước của Mỹ, nay bỏ hoang. Tàu vừa đáp xuống thì nghe nổ cái ầm, cách tàu chừng 3 mét. Phi công cố gắng cho tàu bay lên lại, nhưng bị mất tua, tàu nghiêng về tay trái. Hai chiếc trực thăng võ trang liền nhào xuống bắn phá chung quanh để yểm trợ. Tàu của tôi bay thêm chừng được 5 mét thì đâm đầu xuống rừng. Hai chiếc võ trang bắn chung quanh chúng tôi để bảo vệ và định xuống cứu, nhưng địch bắn lên rất quá không xuống được. Bắn che cho chúng tôi chừng 15 phút thì hai chiếc võ trang bay về căn cứ để kêu tàu khác đến cứu.

Khi tàu nghiêng rồi đâm xuống đất, một số lính chơ trên tàu bị trúng đạn mà chết. Những người còn sống nhảy ra khỏi tàu tìm nơi ẩn nấp. Địch ở trong những lô cốt cũ bắn B40 về phía chúng tôi. Khi tàu rơi xuống, tôi bị ngắt đi một lát, tỉnh dậy thấy tàu vẫn còn nổ máy. Thiếu Úy Nguyễn Thanh Hồng còn bị ngắt trên ghế lái. Thiếu Úy Bành Khắc Đông bị gãy xương sống.

Lúc đó Trung Sĩ Thanh bước vào, một con mắt bị băng lại, một cánh tay bó bột. Trác nói tiếp:

- Anh Thanh đi lính lâu, có kinh nghiệm hơn anh em. Anh lo đi làm dấu hiệu cho máy bay thấy mà đến cứu. Nhưng giữa rừng, máy bay không thấy được. Tất cả chúng tôi đều tuyệt vọng.

Trung Úy Bút ngắt lời:

- Đến giờ rồi, vào thăm không thì bệnh viện Hoa Kỳ khó lắm đó, thăm phải đúng giờ.

Chúng tôi đứng chung quanh giường bệnh của Thiếu Úy Hồng. Một tay của anh đang vào nước biển. Hai chân sưng to và bầm đen từ đầu gối xuống.

Anh nghe có tiếng người, cựa mình rên khe khẽ và mở mắt nhìn chúng tôi.

Thiếu Úy Hồng ra trường khoá 27 Thủ Đức và tình nguyện vào Không Quân. Nét mặt anh vẫn còn thần sắc, mặc dù vừa trải qua 3 ngày 4 đêm đói khát và vừa phải trốn tránh địch quân, vừa tìm đường thoát hiểm trong rừng sâu trở về. Anh vui vẻ kể chuyện cho chúng tôi nghe:

- Khi tôi tỉnh dậy thì tàu vẫn còn nổ máy. Tôi lôi thằng Đông ra khỏi tàu. Đạn bay vèo vèo trên đầu. Đông bị gãy xương sống và kiệt lực, hai tay không còn đủ sức để ôm lấy cổ tôi nữa. Đi được một đoạn, tôi cũng mệt quá, đặt Đông xuống và cho nó uống nước. Nó bảo tôi: "Mày phải bỏ tao lại, không thì hai đứa cùng chết. Mày nên thoát nơi này rồi đem tàu đến cứu tao". Tôi nhìn nó, tôi không nỡ bỏ nó. Việt Cộng bắn vào chỗ chúng tôi không ngừng. Đông cứ nói hoài, bắt tôi phải thoát trước, không thì hai đứa cùng chết. Tôi trở lại tàu gỡ cái đồng hồ đặt trên ngực của Đông, hy vọng tàu tìm đến, thấy ánh dạ quang của đồng hồ mà cứu nó. Rồi tôi ứa nước mắt, quay lưng đi vào rừng.

Thiếu Úy Hồng im lặng một lát vì xúc động. Tôi hỏi:

- Sau đó bao lâu thì Thiếu Úy Đông được cứu?

Đại Úy Banh cùng đi trong nhóm đáp thay Thiếu Úy Hồng:

- Chừng một giờ sau, máy bay Mỹ đến, nhìn thấy ánh dạ quang của đồng hồ

nên cứu được. Việt Cộng vẫn ở trong các lô cốt bắn lên máy bay như mưa nên máy bay không đáp xuống được. Trên tàu thòng xuống một sợi dây, nhưng Thiếu Úy Đông không còn đủ sức để nắm vào. Một người lính Mỹ phải leo xuống bồng Thiếu Úy Đông đưa lên tàu. Đông đã bị ngất đi. Lên đến khung cửa của tàu thì sợi dây bị bắn trúng, suýt chút nữa là hai người rơi xuống. May mấy người trên tàu kéo lên kịp.

Thấy Thiếu Úy Hồng có vẻ mệt, Trung Sĩ Trác thay lời:

- Chúng tôi vội vã rời xa vị trí của địch quân, len lỏi trong rừng để tránh bị vây bắt. Đi đến chiều thì anh em chúng tôi bắt đầu thấy đói khát. Chúng tôi ráng nhịn, không dám ăn những trái cây lạ vì sợ trúng độc. Đêm đến, nằm bên khe suối mà ngủ vì đã quá mệt mỏi. Nửa đêm thức giấc, cả người lạnh cóng. Tôi van vái vong linh ông nội tôi, hỏi còn sống, ông thương tôi lắm. Không phải tôi nhát, từ ngày đi theo Thiếu Úy Hồng, tôi đã quen rồi, vì Thiếu Úy Hồng lì lắm. Có lần anh đáp ngay giữa vùng đất của địch để cứu một phi công L19 bị bắn rơi, và nhiều lần khác tưởng đi luôn rồi.

Cuối cùng, chúng tôi gặp được may mắn. Khi bò lên núi, chúng tôi gặp được đơn vị bạn. Toán đi trước định bắn nhưng tôi la lên kịp. Họ cho bố trí rồi tước lấy súng của chúng tôi, gần hỏi đủ thứ vì sợ Việt Cộng giả dạng, sau đó báo lên cấp chỉ huy. Thì ra chúng tôi gặp được đơn vị Trinh Sát của Sư Đoàn I Bộ Binh. Đơn vị của chúng tôi được báo, liền cho trực thăng đến bốc lên. Ghé qua căn cứ Sally, gặp nhóm anh em trực thăng ai nấy đều mừng cho chúng tôi. Về Phú Bài, gặp Thiếu Tá Chính, Đại Úy Thanh, Trung Tá Phước, ai cũng tỏ vẻ thương mến, nên chúng tôi rất được an ủi.

Những chàng Không Quân lái trực thăng đổ quân hay tải thương đúng là những chiến sĩ âm thầm. Họ cũng dự trận, cũng lăn vào đầu tên mũi đạn, cũng đổ máu trên chiến trường, cũng tan xác giữa không trung, nhưng ít ai nhắc đến họ, lại còn bị nhiều thiệt thòi nữa. Một vài người trong Biệt Đoàn

Tiền Phương than với tôi:

- Làm phi công chết cũng nhanh lắm chị Duyên à. Nếu chết mất xác vậy mà hay, vì nếu bị thương, không đi bay được nữa, sẽ bị trừ tiền bằng bay. Có chán không?

Một Thiếu Úy trẻ lắc đầu cười có vẻ chua chát:

- Chúng tôi cũng ra trận, cũng chịu nguy hiểm như các binh chủng khác, vậy mà đâu có được lãnh 4500 đồng tiền tác chiến. Họ cho rằng chúng tôi chỉ yểm trợ hành quân. Yểm trợ mà bay trên đầu súng của địch!

Trung Úy Kim, một phi công trực thăng chuyên tải thương nói với tôi:

- Sau khi cô đi bay L19 rồi, cô đi tải thương với chúng tôi cho biết. Đi tải thương ban đêm, tắt đèn, nhào xuống bốc thương binh rồi vọt lên lẹ. Hoặc ban ngày thì đang bay, tắt máy rồi hạ cánh... Cũng có nhiều cảm giác mạnh lắm đó.

Trung Úy Kim có thành tích đáng kể nhất ở Biệt Đoàn này, có đêm tải thương được 62 người. Chỉ trong 3 tháng tham dự chiến trường Trị Thiên, Trung Úy Kim được 12 huy chương và được thăng cấp Đại Úy tại mặt trận. Người phi công tải thương không những chỉ đối diện với súng đạn của địch quân, mà còn nhiều sự chịu đựng khác trong nghề nghiệp. Như chiến trường Trị Thiên hôm nay đang xảy ra giữa mùa hè nắng cháy. Có những xác không thể bốc ngay được vì đang giao tranh. Mấy ngày sau đã sinh thúi và bắt đầu có giòi. Xác chỉ được bọc trong ponchos, cột hai đầu lại. Đang bay, nhiều khi ponchos bung ra, mùi hôi bốc lên và giòi bò ra lổm ngổm. Nhiều lúc gặp gió lớn thổi giòi bay cả vào phòng lái, vào cả mặt của phi hành đoàn.

Bởi vậy, có một điều ít ai biết, là xe chữa lửa của phi trường Phú Bài hiếm có dịp chữa cháy, nhưng thường xuyên được Không Đoàn 51 nhờ xịt rửa dùm mấy chiếc trực thăng tải thương.

Chinh Chiến Điều Linh

Trở Lại Cổ Thành

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Mỹ Chánh là con sông nhỏ chảy vắt ngang Quốc Lộ I, làm thành một ranh giới thiên nhiên của hai tỉnh Thừa Thiên và Quảng Trị. Khoảng giữa tháng 5 của mùa hè năm 1972, phòng tuyến Mỹ Chánh đã thật sự vững chắc trên hai phương diện: về mặt bày binh, bố trận của quân lực miền Nam và cả về mặt tinh thần quyết chiến của toàn quân, toàn dân sau khi thành phố Quảng Trị lọt vào tay Cộng quân.

Những ngày đầu của tháng 5, các lực lượng Dù và Thủy Quân Lục Chiến bắt đầu tung ra những đợt phản công bất ngờ, thật sấm sét, đẩy lui quân địch, chiếm lại dần dần những phần đất đã mất. Nếu lấy Quốc Lộ I và sông Mỹ Chánh làm hai trục tọa độ, thì những đơn vị Thủy Quân Lục Chiến có nhiệm vụ quét địch bên phần Đông Bắc, những đơn vị Dù bên phần Tây Bắc. Cứ theo hướng Quốc Lộ I mà tiến quân, và nơi hẹn bắt tay nhau là thành phố Quảng Trị.

Từ phòng tuyến Mỹ Chánh tiến ra, hai đạo quân Dù và Thủy Quân Lục Chiến đụng phải những chốt của Cộng quân bám chặt như Hải Lăng, La Vang, Mai Lĩnh. Đương đầu với một lực lượng gồm 6 sư đoàn nòng cốt của Cộng quân, trong một vùng mà địch đã chiếm đóng gần 3 tháng trời, với

những công sự phòng thủ có sẵn, nay được tu bổ thêm, khiến cho hai mũi tiến quân của lực lượng Dù và Thủy Quân Lục Chiến như chạm vào một khối đá xanh. Nhưng những người chiến sĩ của miền Nam, khi vượt qua sông Mỹ Chánh, trong thâm tâm họ đã có một lời thề: không lấy lại Cổ Thành, không trở về qua con sông này.

Sự quyết tâm đã được thể hiện: một lá cờ vàng ba sọc đỏ xếp sẵn trong ba lô của một anh lính Dù để chuẩn bị treo trên Cổ Thành. Và người ta còn đồn rằng, có một chai champagne cũng nằm sẵn trong ba lô của một anh lính Dù khác, dành để mừng chiến thắng.

Cái chốt đầu tiên mà lực lượng Dù phải nhổ trên đường tiến ra Quảng Trị là Hải Lăng. Muốn vào Hải Lăng, lực lượng Dù tiến dọc theo Quốc Lộ I và qua một đoạn đường mà những phóng viên chiến trường mệnh danh là "con đường của tử thần". Để mở đường cho cánh quân của Dù tiến tới, Liên Đoàn 10 Công Binh Chiến Đấu phải dùng xe ủi để ủi những xác xe cộ và người chết trên mặt đường. Phóng viên của Reuter đã mô tả quang cảnh đoạn đường này như sau:

"Trên một đoạn đường ngắn của Quốc Lộ I, cách phòng tuyến Mỹ Chánh 8 cây số về phía Bắc, có khoảng 300 chiếc vừa là xe vận tải, vừa là xe jeep nhà binh, chiến xa và cả xe hơi của tư nhân, xe Honda... bị phá hủy nằm ngổn ngang với hàng trăm xác người đã rữa nát. Cảnh khủng khiếp này nằm dọc hai bên Quốc Lộ I phía Nam của Hải Lăng. Một chiếc xe cứu thương của quân đội bị trúng đạn, 10 xác thương binh còn nằm trên xe. Có những cánh tay được treo lên để chữa thương, thì nay chỉ còn trơ xương và những ngón tay vẫn còn trong tư thế chỉ lên trời. Những xương cánh tay, ống chân và đầu lâu nằm lăn lóc trên mặt đường. Một xe vận tải bị lật nghiêng trên bãi cát bên đường, xác người còn treo tòng teng. Cách mặt đường vài thước, 3 xe tăng T54 và một xe lội nước PT76 của Bắc Việt bị phá hủy..."

Gần đến Hải Lăng, người ta thấy những xe gắn máy, xe đạp nhiều hơn nằm ngổn ngang trên mặt đường và đã bắt đầu rỉ sét. Những đoạn có nhà cửa hai bên đường, nhiều bộ xương ở trong những tư thế khác nhau: nằm vắt trên xe, nằm sấp giữa mặt đường, ngồi dựa bên tường. Mùi tử khí xông lên nồng nặc. Những toán Công Binh Chiến Đấu dọn dẹp đoạn đường này phải dùng vải để bịt mũi và miệng lại. Một số cũng bị tan xác bởi mìn, đạn chưa nổ và cả pháo của Cộng quân. Trên đoạn đường tử thần này, máu của những người chiến sĩ Công Binh đã đổ ra khá nhiều.

Vào Hải Lăng, quân Dù đụng ngay với Tiểu Đoàn Đặc Công K8 của Cộng quân đang trấn đóng ở thôn Mai ằng. Trận đnh kéo dài cả 8 tiếng đồng hồ. Và cuối cùng, lúc 15 giờ 45 phút ngày Chủ Nhật, mùng 3 tháng 7 năm 1972, quốc kỳ của Việt Nam Cộng Hoà lại tung bay phấp phới tại quận Hải Lăng sau 93 ngày lọt vào tay quân địch.

Sau chót Hải Lăng đến chót La Vang. La Vang là một địa danh nổi tiếng về mặt tôn giáo. La Vang gồm có La Vang Thượng và La Vang Hạ, là một làng thuộc quận Mai Lĩnh. Theo truyền khẩu của nhân gian, La Vang do tên của một cây mọc hoang rất nhiều ở đây, người địa phương gọi là "lá vang".

Truyền thuyết rằng, vào khoảng năm 1789, khi một số giáo dân bị nhà Tây Sơn lùng bắt vì nghi họ theo Linh Mục Bá Đa Lộc giúp Chúa Nguyễn Ánh, họ trốn trong nhà thờ La Vang, bị đói khổ và bệnh tật. Những giáo dân này chỉ biết cầu nguyện và Đức Mẹ hiện ra, dạy hái lá vang nấu nước mà uống sẽ hết bệnh. Từ đó về sau, La Vang được xem là một thánh địa của người Công Giáo và được truyền tụng là nơi có nhiều phép lạ xuất hiện.

Đường vào La Vang, chỉ qua một đoạn đường ngắn, nhưng đó là đoạn đường của tử thần. Đoạn đường này có một cây cầu nhỏ, cầu Trường Phước. Cái tên Trường Phước có nghĩa là phước đức lâu dài, nhưng hôm nay Mai Lĩnh là quận châu thành của Quảng Trị. Vào đến Mai Lĩnh coi như đã đứng

trước cửa ngõ của thành phố này. Mai Lĩnh nằm giữa hai đồi cát trắng, có những lô cốt bê tông xây sẵn từ đời nào, nay trở thành chỗ bố phòng quá tốt của Cộng quân để chờ quân ta tiến vào.

Gõ cửa Mai Lĩnh là hai trung đội Trinh Sát Dù và Biệt Kích Dù 81. Hai trung đội này phải di chuyển một cách thận trọng, có đoạn phải trườn mình theo những rãnh cát, để vượt qua một vùng trống trải dài hơn cây số mà không có một chỗ nào để ẩn nấp dưới những trận pho chặn đường của Cộng quân.

Đến trước Chi Khu Mai Lĩnh, lực lượng này bị Cộng quân từ các lô cốt bắn B40 và AK làm thành một màn lưới lửa chặn ngay tại đây. Những chiến sĩ Trinh Sát và Biệt Kích Dù phải đợi đến tối mới đánh đặc công và chiếm lại Mai Lĩnh vào đêm ngày 5 tháng 7. Tiểu Đoàn 7 và Tiểu Đoàn 9 Dù cũng vừa kéo đến. Như vậy lực lượng của Dù chỉ còn cách thị xã Quảng Trị có 800 thước nữa thôi. Cùng lúc đó, một toán 30 Biệt Kích Dù được trực thăng đổ xuống ngay giữa thành phố Quảng Trị để thăm dò tình hình địch và đồng thời lập một đầu cầu cho đại quân của Dù tiến vào.

Lữ Đoàn II Dù dưới quyền chỉ huy của Đại Tá Trần Quốc Lịch, đang trên đường tiến vào cửa ngõ của thành phố Quảng Trị. Lực lượng này gồm có Tiểu Đoàn 5, Mối, nhà ga và khu phố Thạch Hãn. Họ phải cận chiến với địch quân để chiếm từng căn nhà, dành từng công sự, từng cao ốc, diệt từng ổ khng cự và tiến vào kiểm soát sân vận động của thành phố để lập một đầu cầu. Khoảng 2 giờ chiều ngày 11 tháng 7, Tiểu Đoàn 7 Dù được yểm trợ bởi Thiết Đoàn 17 đã tiến vào theo hướng này và chỉ còn cách trung tâm thành phố chừng vài trăm thước nữa.

Cùng lúc đó về hướng Đông của Quảng Trị, một cánh quân của Thủy Quân Lục Chiến với sự yểm trợ của Thiết Đoàn 15 đã tiến qua thôn Giao Đằng và đang trên đường vào thành phố Quảng Trị. Lực lượng Thủy Quân Lục Chiến

đã dàn quân tạo thành một hành lang dọc bờ biển, canh chừng nhất là Cửa Việt, ngăn chặn đường tiếp tế lương thực và vũ khí từ miền Bắc vào cho các lực lượng của Cộng quân đang chiếm đóng ở vùng này.

Vào khoảng giữa tháng 7, hai đạo quân Dù và Thủy Quân Lục Chiến đã bao vây ba mặt thành phố Quảng Trị, chỉ bỏ ngỏ một mặt tiếp giáp với sông Thạch Hãn. Lực lượng của địch quân đang tử thủ trong các công sự kiên cố trong thành phố Quảng Trị ước lượng chừng 2000 người thuộc Sư Đoàn 320 thường được gọi là Sư Đoàn Thép.

Để ngăn chặn những mũi tiến quân của Dù và Thủy Quân Lục Chiến, Cộng quân đã dùng trọng pháo và dàn Đê ngăn chặn những mũi tiến quân của Dù và Thủy Quân Lục Chiến, Cộng quân đã dùng trọng pháo và dàn trở lại cỗ xe tăng để nghinh chiến. Vào đêm ngày 2 tháng 7, Cộng quân tung một lực lượng chiến xa hùng hậu tấn công vào một cánh quân của Thủy Quân Lục Chiến và Thiết Đoàn 18. Trận đánh kéo dài qua ngày hôm sau, có 5 chiếc T54 và 2 chiếc PTR85 bị hạ. Một chiếc T54 khác bị Thủy Quân Lục Chiến bắt sống.

Hồi 10 giờ sáng ngày 3 tháng 7, trong khi trận chiến vẫn còn tiếp diễn, Trung Tá Lộc, Thiết Đoàn Trưởng Thiết Đoàn 18 trả lời cuộc phỏng vấn của các phóng viên chiến trường cho biết bên ta chỉ tổn thất nhẹ. Ông cũng nhận xét rằng, chiến xa của địch thiếu kinh nghiệm chiến đấu, tiến quân không có đội hình, cứ xếp hàng dọc mà tiến tới, vì vậy, không đến 30 phút, địch đã bị hạ ngay 5 chiếc T54.

Thành phố Quảng Trị chỉ còn là những đồng tro tàn và gạch vụn, hôm nay lại một lần nữa rung chuyển vì những tiếng súng nổ không ngừng khi quân Dù tiến vào hai mặt Bắc và Nam của thành phố. Họ tiến vào từng bước một, nhích lên từng tấc đất, thận trọng đẩy từng cánh cửa của những căn nhà không chủ, bám vào từng góc cây bên đường phố.

Người ta ước lượng còn khoảng chừng 1000 thường dân bị kẹt lại trong thị xã này kể từ ngày Cộng quân chiếm đóng. Từ dưới những hầm trú ẩn, một số liều lĩnh chui lên tại các đường phố mà quân Dù đã kiểm soát được.

Người nào mặt mày cũng hốc hác và gầy ốm vì chỉ ăn uống cảm hơi trong mấy tháng qua.

Những trận giao tranh kịch liệt diễn ra trong thành phố. ịch quân được lệnh tử thủ. Có nhiều bằng chứng cho thấy viện binh của chúng đang được điều động từ Lào đến. Quân ta nhất quyết chiếm lại thành phố bằng bất cứ giá nào. Và buổi trưa ngày 16 tháng 7, Tiểu Đoàn 6 và Tiểu Đoàn 11 Dù đã hiên ngang tiến vào trên đại lộ Lê Hanh như đi diễn hành. Một chiến sĩ Dù dẫn đầu với lá quốc kỳ màu vàng ba sọc đỏ, có hai chiếc M48 gầm gừ hộ tống đằng sau. Đến 13 giờ 30 phút, anh lính Dù mang cờ treo lên một cao ốc còn đứng vững giữa trung tâm thị xã, đó là trụ sở của đảng Cách Mạng Đại Việt trước đây, để treo lá quốc kỳ. Lá cờ đã tung bay trên bầu trời Quảng Trị sau 2 tháng 17 ngày vắng bóng vì địch chiếm.

Những chiến sĩ Dù đã đổ nhiều máu và hy sinh nhiều mạng sống để tái chiếm thành phố Quảng Trị, thành phố ở vùng địa đầu giới tuyến, nhưng thực sự vẫn còn một phần đất ngay trong thành phố này nằm trong tay Cộng quân: đó là Cổ Thành.

Một vài sử liệu cho rằng, Cổ Thành được xây lên từ thời vua Gia Long, thành xây bằng đất, chung quanh có hào sâu. Qua triều vua Minh Mạng, năm 1838, thành được phá đi và xây lại bằng gạch cao 5 mét, dày 5 mét.

Người ta ước lượng có chừng một trung đoàn Cộng quân với lương thực và vũ khí, đạn dược đầy đủ đang ẩn sâu dưới những hầm hố, công sự rất kiên cố trong Cổ Thành. Và chung quanh tường thành, một lực lượng khác đang mai phục để ngăn chặn bất cứ một sự xâm nhập nào của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Tái chiếm thành phố Quảng Trị, nhưng chưa chiếm được Cổ Thành thì chưa kể là một sự chiến thắng hoàn toàn, vì ngoài mặt tâm lý còn là một sự thử thách. Cộng quân đã huênh hoang qua máy truyền tin cho rằng Cổ Thành ở trong tay chúng là nơi bất khả xâm phạm. Các chiến sĩ Dù đang háo hức nhìn về Cổ Thành chờ lệnh.

Và cuối cùng, họ đã đối diện với Cổ Thành. Một cái thành hoang phế, nhưng màu máu vẫn còn tươi thắm. Một cái thành đã đổ nát, nhưng trong những giờ phút sắp tới, họ sẽ đổ thêm máu nữa để chiếm lại với bất cứ giá nào, vì đó là một phần đất của miền Nam, vì đó là danh dự của một quân đội, là niềm tin của cả trăm ngàn người dân đã bỏ nhà cửa ruộng vườn thân yêu đang chờ ngày trở lại, vì đó là một cuộc so tài cho biết tay cao thấp.

Theo phóng viên Chad Huntley của UPI, các vị Tư Lệnh của chiến trường Trị Thiên đang cứu xét 3 kế hoạch khác nhau để Tái chiếm Cổ Thành. Kế hoạch thứ nhất là các lực lượng Dù và Thủy Quân Lục Chiến sẽ tấn công và tràn ngập Cổ Thành. Kế hoạch thứ hai là để cho Không Quân san bằng Cổ Thành ra bình địa. Kế hoạch thứ ba là các lực lượng Dù và Thủy Quân Lục Chiến sẽ bao vây Cổ Thành cho đến khi địch quân chết đói ở trong đó.

Cuối cùng, kế hoạch thứ nhất được chọn. Đôi bên sẽ mặt đối mặt phân tài cao thấp và thử gan anh hùng. Dưới con mắt của hàng chục phóng viên tại chiến trường từ khắp nơi trên thế giới đang có mặt tại đây sẽ cho hàng triệu người khác nhìn thấy trận thử lửa đá vàng này, để một lần nữa đánh giá rõ rệt khả năng và tinh thần chiến đấu giữa những người lính Quốc Gia và Cộng Sản.

Tiểu Đoàn 5 Dù là đơn vị được vinh dự nhận trách nhiệm công phá cổ thành Đình Công Tráng. Trung Tá Nguyễn Chí Hiếu, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 5 Dù, xuất thân khóa 14 Võ Bị Đà Lạt, một trong những sĩ quan xuất sắc và giàu kinh nghiệm chiến trường của binh chủng Dù. Ông đã trải qua

bao nhiêu trận mạc, từ Mậu Thân phản công diệt địch, đến vượt biên nhảy vào Cao Miên truy lùng Cục R, rồi Hạ Lào với Lam Sơn 719. Bây giờ trên chiến trường Trị Thiên, ông và Tiểu Đoàn 5 Dù đang trên đường tiến tới Cổ Thành.

Một trung đoàn Cộng quân đã mai phục sẵn để chào đón những người mới đến. Trung Tá Hiếu xử dụng tất cả những lực lượng pháo binh nào có thể yểm trợ được, nhưng đánh vào là dội ra. Tiểu Đoàn 5 bị địch cắt ra làm ba, mỗi đại đội phải chiến đấu riêng rẽ.

Để đảo ngược tình thế, Trung Tá Hiếu chấp nhận một phương cách rất mạo hiểm, thiên địa đồng ư quy tận: địch và ta cùng chết một lần. Ông ra lệnh cho binh sĩ vừa chiến đấu vừa đào hầm trú ẩn, loại hầm chữ A, rồi gọi Pháo Binh pháo ngay trên đầu mình vì địch và ta, hai bên đang ở trong thế cài răng lược. Pháo Binh không dám bắn. Trung Tá Hiếu gọi máy trình bày với Đại Tá Lịch. Đại Tá Lịch đồng ý và cho lệnh Pháo Binh bắn. Cộng quân không ngờ, tổn thất khá nặng, đành phải bỏ ngõ cho Tiểu Đoàn 5 Dù tiến tới Cổ Thành.

Bây giờ Tiểu Đoàn 5 Dù đã đối diện Cổ Thành. Trung Tá Hiếu lặng lẽ đứng nhìn mục tiêu của mình và nói đùa với các sĩ quan của ông:

- Minh công thành như thời La Mã, nhưng với những khí giới của thế kỷ 20. Và cái thành đã làm cho ông mất ăn mất ngủ là một ngôi thành cổ hình vuông, mỗi bề dài 500 thước, chung quanh có hào sâu rộng chừng 10 thước. Cổ Thành nguyên là doanh trại của Tiểu Khu Quảng Trị, tháng 4 vừa qua, Bộ Tư Lệnh của Sư Đoàn 3 từ căn cứ Ái Tử dời về đây, Tướng Vũ Văn Giai đã cho tu bổ và xây dựng thêm nhiều hệ thống phòng thủ kiên cố mới. Bởi vậy, khi Cổ Thành lọt vào tay địch quân, nơi đây đã trở thành một khối thép được bao bọc bởi màn lửa đạn sơn pho 130 ly, hỏa tiễn 122 ly từ bên kia sông Thạch Hãn và từ những hòng đại bác 57 ly, 75 ly, B40 và thượng liên

đặt trên bờ thành mà những xạ thủ đã bị xích chân vào đế súng.

Những chiến sĩ Dù lấy máu đổi từng tấc đất. Có những ngày tiến lên được mấy chục thước, đến chiều lại phải lui về vị trí cũ. Khi những chiến sĩ Dù tiến lên thì bị pháo của địch như mưa trút xuống mà không có chỗ để ẩn nấp. Còn địch quân ở trong thành, khi máy bay của ta đến ném bom, chúng chui xuống những công sự kiên cố, máy bay rời vùng, chúng lại bò lên một cách an toàn. Và hai tuần trôi qua. Lực lượng Dù chỉ tiến lên được 500 thước, hỏa lực của địch quân đã cầm chân họ ở đây.

Qua đến tuần thứ ba tình hình chưa có gì tiến triển. Trung Tá Hiếu đau lòng khi nhìn thấy quân số của mình mỗi ngày hao hụt khoảng 100 người, vừa chết vừa bị thương. Mặc dù được bổ xung ngay, nhưng đa số là tân binh từ trại Vương Mộng Hồng ở Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung đưa đến. Trước tình huống như vậy thì một sĩ quan tiền sát của tiểu đoàn đến gặp và nói với Trung Tá Hiếu:

- Tôi sinh trưởng và lớn lên ở Cổ Thành. Tôi biết rõ từng ngõ ngách bên trong Cổ Thành.

Trung Tá Hiếu lập tức ra lệnh làm một sa bàn của ngôi thành bằng đất. Ông nghiên cứu rồi họp mặt tất cả đại đội trưởng để trình bày một kế hoạch mới, kế hoạch này gồm hai giai đoạn: giai đoạn một là xâm nhập, thăm dò trên mặt thành, cắm một lá cờ và nằm im đó để làm đầu cầu trước lúc bình minh của ngày 25 tháng 7, giai đoạn hai là rạng sáng hôm sau, một lực lượng sẽ tấn công tiếp và trong vòng 48 tiếng đồng hồ, phải đánh chiếm lại ít nhất phân nửa Cổ Thành.

Cuối cùng, Trung Tá Hiếu kết luận:

- Phải có một toán cảm tử vào thành để lập đầu cầu.

Các đại đội trưởng trở về đơn vị phổ biến kế hoạch và chọn những người tình nguyện cho công tác đặc biệt đêm nay. Rất nhiều người tình nguyện,

nhưng chỉ 8 người được chọn, họ là những tân binh Dù, nhưng trước đây đã ở trong Lực Lượng Đặc Biệt, từng nhảy toán nên "tay nghề" rất già dặn.

Tám người làm thành một toán gọi là toán Quyết Tử.

Trung Tá Hiếu thăng trước cho mỗi người hai cấp. Ông biết đó là điều ngoài quyền hạn của mình, nhưng ông cũng như mọi người đều hiểu rằng, những kẻ ra đi trong đêm nay, chỉ mấy phần trăm hy vọng trở về.

Buổi chiều ngày 24 tháng 7 năm 1972, khi chiếc phản lực cuối cùng rời vùng oanh kích trở về căn cứ, là lúc hoàng hôn cũng vừa phủ xuống trên Cổ Thành và cả một vùng hoang tàn đổ nát chung quanh. Tiếng súng thừa thớt rồi im hẳn, làm cho chiến trường bỗng nhiên chìm vào một khung cảnh tĩnh mịch trong bóng đêm. Nhưng chính trong những giây phút tưởng như người chiến sĩ có thể gác súng nghỉ ngơi được giây lát sau một ngày dài nhích lên từng tấc đất dưới bom đạn, mồ hôi và máu, thì thật ra đây là khoảng thời gian nguy hiểm nhất. Lệnh không được khai hỏa ban đêm, sợ lộ mục tiêu mà bị địch pho. ịch cũng biết điều đó nên thường hay bò đến đnh đặc công. Bởi vậy, khi bóng đêm phủ xuống, đó là thời gian "thân ai nấy lo, hồn ai nấy giữ".

Nhưng buổi chiều hôm nay, khi màn đêm vừa buông xuống, một kế hoạch táo bạo của Tiểu Đoàn 5 Dù bắt đầu khai diễn. Tám người lính Dù trong toán Quyết Tử đã biết rõ công tác của họ đêm nay. Cũng như họ đã biết rất rõ lộ trình mà họ sẽ vượt qua, một đoạn đường ngắn chỉ chừng 300 thước, đoạn đường từ điểm xuất pht đến chân bờ thành. Một đoạn đường mà đã hơn hai tuần nay, ngày nào họ cũng đổ mồ hôi và máu để thâm ngấn lại, nhưng mà bờ tường của ngôi thành cổ kia hình như vẫn còn xa.

Cái khoảng trống rộng có 300 thước đó là vòng đai của tử thần. Một màn lưới hỏa lực dày đặc bao phủ vòng đai này, khiến cho người ta có cảm tưởng nếu có một con thỏ từ ngoài này chạy vào, nó sẽ trúng đạn trước khi đến

dưới bờ thành. Lại thêm những toán đặc công của Cộng quân "độn thổ" chung quanh và bên ngoài bờ thành là những chốt ngăn chặn bất cứ một lực lượng nào mưu toan xâm nhập.

Khi được giao phó cho nhiệm vụ tái chiếm Quảng Trị, lực lượng Dù đã chuẩn bị sẵn một lá cờ để dựng trên Cổ Thành. Lá cờ đó, bất cứ giá nào cũng phải dựng lên. Và đó là công tác của toán đặc nhiệm Dù đêm nay.

Tại điểm xuất phát, toán Quyết Tử đã sẵn sàng. Binh I Trần Tâm được cử làm trưởng toán. Binh I Hồ Khang được chỉ định giữ lá cờ và sẽ cắm lá cờ trên Cổ Thành. Rồi trong bóng đêm, tám người lính Dù lặng lẽ khởi hành. Sau lưng họ, những cấp chỉ huy, những bạn đồng đội dõi mắt nhìn theo, gửi gắm nơi họ một niềm hy vọng. Tám người chiến sĩ ra đi với một lòng quyết tử. Họ ra đi như Kinh Kha ngày trước. Sông Dịch Thủy dù có rộng nhưng vẫn dễ qua hơn 300 thước đất trống trước mặt. Chín bậc thềm rồng của Tần vương tuy có cao nhưng dễ lên hơn 5 thước tường của ngôi thành cổ.

Tám người mất hút vào bóng đêm rất nhanh. Những người đằng sau dõi mắt trông chờ. Họ chỉ mong khung cảnh đêm nay vẫn tiếp tục yên tĩnh như trong giây phút này. Đối với những người đang chờ đợi, thời gian như ngừng lại. Không có tiếng người, không có tiếng súng, không có hỏa châu, chỉ có tiếng côn trùng từ những đồng ruộng chung quanh vọng lên làm cho đêm trở nên hiền hoà như một đêm thanh bình của những ngày chưa xảy ra chiến trận tại đây. Trong bóng đêm dày đặc, các đồng đội của những người ra đi không thấy được gì hơn là bóng đen sừng sững của ngôi cổ thành vươn lên giữa khung trời còn chút ánh sáng mờ mờ. Họ đếm từng giây từng phút, họ lắng tai nghe từng tiếng động. Chưa có tiếng súng là ton Quyết Tử của Dù chưa chạm địch. Nhưng nếu hồi giờ này họ đã tiến vào đến đâu rồi, thì không ai có thể trả lời được. Có thể 50 thước, 100 thước, cũng có thể đã đến dưới chân tường hoặc có thể đã bị địch bắt sống, bị thanh ton bằng cận chiến một

cch âm thầm để gài cho ton khc tiếp tục tiến vào?

Và họ chỉ biết chờ đợi. Thời gian trôi qua. Rồi trong bóng đêm, ngay hướng của toán tám người vừa tiến vào, trên mặt thành, một bóng đen đột nhiên nhô lên giữa bầu trời, bay bay theo chiều gió. Từ ngoài xa, một người tinh mắt nhìn thấy và la lên:

- Lá cờ.

Cùng lúc đó, trong sự tĩnh mịch của đêm trên chiến địa, bên tai của những người đang ghì súng chờ nhau bỗng nghe một tiếng hô đồng dục từ trên bờ thành vang dội:

- Nhảy Dù cố gắng. Nhảy Dù chiến thắng. Việt Nam Cộng Hòa muôn năm.

Tiếng hô lồng lộng trong đêm khuya và vang dội cả Cổ thành.

Khi những người lính Dù đầu tiên đặt chân được trên mặt thành để dựng cờ, một tai nạn thảm khốc xảy ra, ngay trước mắt Trung Tá Hiếu đang đứng theo dõi trận đnh: hai phi tuần của ta, không biết vì một sự lầm lẫn nào, đang chúi xuống trút bom ngay trên đầu Đại Đội 51. Trung T Hiếu nhìn thấy rõ ràng, nhưng làm sao ngăn kịp. Ông nghe tiếng của Đại Úy Sĩ la thất thanh trên máy. Rồi bom nổ. Đại ội 51 Dù gần như tan nát.

Ngày 27 tháng 7 năm 1972, lực lượng Dù được lệnh bàn giao Cổ Thành lại cho Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến. Sự thay đổi nhiệm vụ đột ngột này làm cho một số người thắc mắc. Sau này tôi có hỏi Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, Tướng Trưởng xác nhận rằng, việc điều động là do tình hình của chiến trường. Lúc bấy giờ p lực của Cộng quân ở vùng núi rất nặng nề. Ông đã hội ý với các vị Tư Lệnh của các lực lượng và cân nhắc rất kỹ trước khi quyết định.

Có lẽ Tướng Trưởng muốn ám chỉ lúc đó, những tin tức tình báo cho thấy Cộng quân đang điều động viện binh từ Lào qua. Lực lượng này có thể là toàn bộ Sư oàn 316 và hai trung đoàn thuộc Sư oàn 312 đã rút khỏi Lào hiện

đang ẩn nấp giữa vùng biên giới Lào-Việt và có thể tham chiến tại Quảng Trị bất cứ lúc nào.

Cuộc bàn giao vùng trạch nhiệm giữa hai lực lượng Dù và Thủy Quân Lục Chiến hoàn tất vào ngày 28 tháng 7.

Một cổ vấn Mỹ của Thủy Quân Lục Chiến đã tuyên bố với báo chí:

- Trận Quảng Trị mới bắt đầu.

Đó có nghĩa là từ giờ phút này, những chiến sĩ Mũ Xanh sẽ "trầy vi, tróc vảy" để dứt từng chốt một của địch đang cố thủ trên đường tiến vào Cổ Thành. Những người quan tâm đến trận chiến này đều cùng chung một nhận định: Cổ Thành chỉ có thể tái chiếm, khi quân ta khóa được họng pháo của địch, cắt đứt đường tiếp tế từ Bắc vào và không lực phải yểm trợ tối đa cho các lực lượng trên bộ.

Và trận chiến lại tiếp diễn.

Lực lượng Thủy Quân Lục Chiến dưới quyền chỉ huy của Đại Tá Ngô Văn Định, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 258 bắt đầu đếm từng tấc đất tiến lên được, từng đồng đội đã gục ngã và từng viên gạch trên tường Cổ Thành rơi xuống vì sức công phá của quân ta. Trận chiến không phải chỉ trong một giờ, một ngày hay một tháng. Trận chiến tiếp diễn không ngừng. Tiếng súng không một giây phút nào dứt. Ta và địch, dành nhau từng tấc đất. Trên bầu trời của thành phố Quảng Trị, không bao giờ vắng bóng những chiếc phản lực cơ gầm thét, phóng lên, nhào xuống để trút hàng tấn bom đạn. Khắp cả một vùng, không có một thước đất nào là không có dấu vết của sự tàn phá. Nhà cửa, phố xá hoang tàn. Chỉ còn Cổ Thành là vẫn đứng vững. Và cuộc chiến vẫn tiếp diễn... Rồi 80 ngày trôi qua. Đã bao nhiêu bom đạn trút xuống, đã bao nhiêu chiến sĩ Thủy Quân Lục Chiến hy sinh, mà điểm tiến đến gần nhất cũng còn cách bờ thành 200 thước. Cuối cùng, một kế hoạch mới được thực hiện: muốn nắm được cái đầu rắn trong Cổ Thành thì phải đập cái đuôi rắn

bên kia bờ Bắc của sông Thạch Hãn. Không Quân và Pháo Binh được giao cho nhiệm vụ khóa họng những khẩu pháo của địch trong một thời gian đủ để cho lực lượng Thủy Quân Lục Chiến xung phong tràn lên mặt thành đánh cận chiến bằng lựu đạn và súng M79 với địch. Kế hoạch này đã có kết quả. Và một ngày giữa tháng 9, ngày 14 tháng 9 năm 1972, Tướng Bùi Thế Lân, Tư Lệnh Thủy Quân Lục Chiến, tuyên bố với phóng viên báo chí tại chiến trường:

- Tôi tin tưởng rằng, trong vài hôm nữa, ngọn cờ vàng ba sọc đỏ sẽ tung bay trên Cỏ Thành Quảng Trị.

Và ông mời các phóng viên lúc đó sẽ cùng ông vào Cỏ Thành nhậu ly rượu để mừng chiến thắng. Chỉ vài hôm nữa. Nghe thật đơn giản và quá dễ dàng. Nhưng muốn uống ly rượu để của Tướng Lân, hãy nghe tin điện của phóng viên AFP đang có mặt ở Cỏ Thành mô tả: "Thật là một cảnh địa ngục trần gian. Ác chiến diễn tiến không ngừng một giây. Trong tiếng đạn đại bác, tiếng bom oanh tạc của Không Quân và những tràng đạn súng tự động là những tiếng la xung phong. Quang cảnh đồ nát điêu tàn".

Phóng viên người Ý, Ennio Iacobucci, là phóng viên cuối cùng rời Quảng Trị, chỉ vài giờ trước khi các lực lượng của miền Nam di tản khỏi thành phố này hồi tháng 5 vừa qua, và ông cũng là phóng viên ngoại quốc đầu tiên leo lên Cỏ Thành, ngay nơi Thủy Quân Lục Chiến và Cộng quân đang giao tranh ác liệt.

Trong thời điểm quyết liệt đó, một trận đánh to bạo và thần tốc ngay buổi sáng ngày 14 tháng 9. Những chiến sĩ của Tiểu oàn 3 và Tiểu Đoàn 6 Thủy Quân Lục Chiến dùng lựu đạn và chĩa nòng súng lớn trực xạ vào các công sự phòng thủ của Cộng quân để tiến chiếm thêm một phần tường phía Nam Cỏ Thành.

Cuộc tấn công bất ngờ này có sự yểm trợ của 5 chiến xa M48 của Thiết

Đoàn 20. Những chiến xa M48 đã tiến sát tường thành, bắn đại bác lên đầu các công sự, bắt địch quân phải nằm im dưới hầm, trong lúc đó, Thủy Quân Lục Chiến bò lên tung lựu đạn và bắn trực xạ vào các nơi ẩn nấp của Cộng quân.

Khi tiếng súng từ dưới những hầm của địch quân đã im bật, toán Thủy Quân Lục Chiến đứng thẳng lên reo hò vì đã chiếm xong một đoạn tường thành nữa. Phóng viên của UPI là Ted Kurrus đã leo lên tường thành cùng một lúc với toán 50 Thủy Quân Lục Chiến dự cuộc tấn công này tường thuật:

"Khoảng 250 thước tường thành, tức là phân nửa vòng thành phía Nam đã nằm trong tay của Thủy Quân Lục Chiến".

Trên mặt một đoạn thành khác, một lực lượng Thủy Quân Lục Chiến bố trí để yểm trợ cho một lực lượng bạn đã vào trong thành từ mấy hôm trước, nay tiếp tục tiến lên một cách thận trọng từng bước. Cộng quân vẫn tiếp tục bắn súng cối và đại bác không giạt vào các lực lượng đang xâm nhập Cổ Thành. Những phản lực cơ của Không Quân ta trả đũa không ngừng, cố gắng khóa hòng các khẩu pháo này để tránh thiệt hại cho quân bạn. Có những lúc các chiến sĩ Mũ Xanh mạo hiểm, chấp nhận cho đội bom sát bên cạnh, chỉ cách vài chục thước, để mong sớm dứt điểm chiến trường.

Có lẽ còn chừng 500 Cộng quân bị vây hãm trong thành nên tiếp tục kháng cự. Các đơn vị của ta đã bố trí sẵn sàng ở mặt Tây và Đông của thành phố Quảng Trị để ngăn không cho địch rút lui. Địch quân bị tiêu diệt dần dần, cuối cùng phải phân tán thành từng toán chống cự nhỏ rải rác trong các công sự. Nhưng pháo kích vẫn còn tiếp tục, từ phía bên bờ Bắc sông Thạch Hãn. Cho đến ngày 15 tháng 9, đại quân của ta từ ba mặt kéo vào, hoàn tất cuộc tái chiếm Cổ Thành lúc 5 giờ 15 phút. Cùng trong ngày, mặc dù Cộng quân vẫn còn bắn sẻ và pháo đạn súng cối vào liên tục và trời thì đang mưa bão, nhưng Thủy Quân Lục Chiến vẫn làm lễ dựng lại quốc kỳ trên Cổ Thành

Quảng Trị. Lá cờ mà toàn thể người dân miền Nam đã bao ngày mong đợi. Lá cờ mà máu của bao nhiêu chiến sĩ đã đổ xuống để dựng lại ngày hôm nay.

Một tiểu đội Thủy Quân Lục Chiến, quần áo đầy đất bụi, mệt nhọc sau những ngày kịch chiến, đã buộc lá cờ màu vàng ba sọc đỏ lên một cây cột cao chừng 7 thước và cắm trên đỉnh tường về phía Tây của Cổ Thành. Gió bão thổi lá cờ bay phấp phật một cách oai hùng và ngạo nghễ giữa cảnh chiến trường chưa im tiếng súng. Chéo dưới của lá quốc kỳ có gắn dây biểu chương hai màu xanh và vàng của Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến, là lực lượng đã chiến đấu suốt thời gian qua để chiếm lại Cổ Thành.

Phóng viên Ted Kurrus của hãng thông tấn UPI, chứng kiến cảnh dựng cờ trên Cổ Thành Quảng Trị đã cho rằng thật hùng tráng không khác gì cảnh dựng cờ của quân đội Mỹ trên đảo Iwo Jima hồi Đệ Nhị Thế Chiến.

Chinh Chiến Điều Linh

Đằng Sau Cuộc Chiến

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Gio Linh là một thị trấn nhỏ nằm ở tuyến đầu của miền Nam, sát với dòng sông Bến Hải. Từ thời tiền chiến, Gio Linh đã thành một địa danh nổi tiếng qua bản nhạc "Bà Mẹ Gio Linh" của nhạc sĩ Phạm Duy. Gio Linh là một thị trấn trên cát, cát trắng chạy dài. Những mái nhà tranh trên những cồn cát do

gió đùn lên, nhấp nhô trong ánh nắng hoàng hôn, khiến cho nơi đây còn giữ được chút sinh khí chứ không hoang vu tĩnh mịch như miền đại mạc.

Những căn nhà, gọi là nhà nghe thật tội nghiệp, vì nó chẳng có hình dáng của một căn nhà bình thường, được dựng lên trên cát bằng tất cả những vật liệu gì kiếm được. Trên một vùng toàn cát trắng, sự trồng trọt là điều không thể thực hiện được. Ngay cả con người, sống ở miền gió cát, con người cũng cần khô. Trên miền đất này, quanh năm chỉ có thiên tai, bom đạn và sự đói khổ. Những đứa trẻ bảy, tám tuổi, chưa biết đọc, nhưng nghe tiếng đạn nổ là biết loại súng gì rồi.

Hôm nay là ngày 7 tháng 2 năm 1972, tôi ra thăm thị trấn Gio Linh và ghé đến giáo xứ của Linh Mục Trương Công Giáo vào lúc xế trưa. Cha đã lớn tuổi nhưng vẫn còn rắn rỏi khỏe mạnh. Trên khuôn mặt của cha, cũng như những người dân đã sinh trưởng và lớn lên ở đây, nét mặt đều khắc khổ và có vẻ chịu đựng vì quen sống với một cuộc sống quá nhiều bất trắc.

Tôi mở lời hỏi thăm cha Giáo:

- Thưa cha, giáo dân của cha ở đây có chừng bao nhiêu người? Họ từ đâu đến đây? Hiện tại họ làm gì để sinh sống?

- Chúng tôi có 1,600 giáo dân. Họ đến từ Bát phường (Nam Đông, Nam Tây, Cồn Tiên...) . Tại đây không trồng trọt được, nên đa số sống với nghề làm củi. Họ bán mạng sống mà đi lên núi lấy củi, hái măng, vì lên núi, thường bị pháo kích, đập mìn hoặc đạn M79 thì tan xác.

- Thưa cha, Việt Cộng có về đây quấy phá không?

- Việt Cộng vẫn về. Cách đây hai tuần, có trận đánh ở đây. Việt Cộng chết 20 người, bên mình chết 2, 3 người. Có lần Việt Cộng vào tận giáo xứ đặt chất nổ làm sập phòng khách mà chúng ta đang ngồi đây. Khi rút đi, lấy hết quần áo, một cái radio và 17 ngàn tiền quỹ của giáo xứ.

Trong khi chúng tôi ngồi nói chuyện, thì ngoài sân đã vang rộn tiếng la hét,

cười nói của học trò vì đã đến giờ ra chơi. Tôi nhìn các em đang nô đùa ngoài sân, em nào nước da cũng đen vì nắng cháy và có vẻ già hơn trước tuổi. Tuổi trẻ trong chiến tranh là thế đấy!

- Thừa cha, cha có bao nhiêu học trò và chính quyền ở đây có giúp đỡ gì cho giáo xứ của cha không?

- Tôi có tất cả chừng 600 học trò. Đa số là con em của giáo xứ. Còn một số là từ các gia đình ở ngoài vào học. Phần chính quyền thì cũng chẳng giúp đỡ gì. Vừa rồi quận có cho hai xách áo quần cũ, nhưng hơi hám quá. Cho như vậy thật làm mất phẩm cách của con người, thà đừng cho còn hơn!

- Thừa cha, còn vấn đề di dân?

- Có mấy ngàn gia đình vào Phước Tuy rồi cũng không có việc làm, họ lâm vào tình trạng khốn khổ. Những gia đình khác muốn đi cũng hoang mang. Trời ngả về chiều rất nhanh. Gió và khí lạnh bắt đầu kéo đến. Gió thổi giật từng cơn rất mạnh. Tôi vừa du học ở Úc về, sống quen trong một vùng tuyết phủ suốt mùa đông, mà cũng không chịu được cái lạnh ở đây. Cái lạnh của rừng núi, mặc bao nhiêu áo vẫn thấy lạnh, lạnh từ trong xương lạnh ra. Trời mưa dờ lạnh hơn, nhưng trời đã mưa thì mưa như trút nước, mưa mở mắt không ra. Như tháng mười hai vừa qua, cha Giáo kể, mưa suốt cả tháng trời, chỉ tạnh đúng vào hai ngày lễ Noel. Mùa hè, gió Hạ Lào thổi lửa qua rừng Trường Sơn, nóng nứt đất, nóng nê đầu! Nhưng mà đó là nơi chôn nhau cắt rốn. Tình quê hương vô hình nhưng buộc chặt.

Tôi theo chân cha Giáo lên sân thượng của trường học để xem những dấu vết tàn phá của trận bão lụt vừa qua, nhưng vẫn chưa tu sửa được vì không có tiền. Từ trên sân thượng, đôi mắt nhìn ra một vùng rộng lớn, trời đã sắp hoàng hôn, những tia nắng quái còn tô màu trên những cồn cát. Quang cảnh của Gio Linh trong lúc này nhuốm một vẻ hoang sơ và tiêu điều trước cái nhìn của người từ xa đến. Những ngôi nhà xiêu vẹo dựng trên cát trắng. Nói

là nhà, thật ra chẳng phải là nhà. Tôi không biết dùng danh từ gì để diễn tả những căn nhà của người dân ở vùng giới tuyến này. Như những căn lều, vừa thấp vừa hẹp, lại vừa xiêu vẹo. Mái nhà nào lợp bằng rơm thì đã bay theo trận bão lụt vừa rồi. Cả chục người sống trong một căn nhà chiều ngang chừng hơn 1 mét, chiều dài hơn 2 mét. Có muốn xây rộng hơn cũng không có vật liệu. Miếng ăn là điều quan trọng hàng đầu, sau đó mới là chỗ ở. Cứ thử nghĩ, một người, một ngày lên núi kiếm củi về bán được bao nhiêu tiền? Những đứa bé ở nhà cũng biết rằng cha mẹ mình ngày ngày lên núi bán mạng sống để kiếm tiền độ nhật cho cả gia đình, nên buổi chiều khi trông thấy cha mẹ trở về, chúng mới yên chí là mình chưa mồ côi.

Buổi tối tôi trở về Đông Hà và tạm trú qua đêm trong một cô nhi viện do các nữ tu trông coi. Cô nhi viện này có 130 em, đa số là mồ côi cha mẹ, số còn lại thì cha mẹ không đủ khả năng nuôi con nên đành gửi vào đây. Thị trấn Đông Hà trước năm 1972 là một trong những căn cứ quân sự lớn của Mỹ, nên đa số dân ở đây làm việc trong các cơ sở của Mỹ. Sau khi Mỹ rút về, họ lâm vào tình trạng thất nghiệp, cuộc sống thật bấp bênh.

Tình trạng bi thảm nhất là cô nhi viện của cha Hoan. Cô nhi viện ngày càng đông, mà một mình cha Hoan không thể xoay xở cho đầy đủ được. Tình hình an ninh ngày càng căng thẳng. Trường Đắc Lộ của cha Hoan đã bị pháo kích vào 4 lần trong tháng vừa qua. Một lần vào buổi sáng Chủ Nhật, dân đang dự lễ trong nhà thờ thì Việt Cộng pháo vào 60, 70 trái hỏa tiễn, làm 25 người vừa chết vừa bị thương.

Cha Hoan chỉ cho tôi ba nắm mộ trước sân nhà thờ, một mộ lớn ở giữa và hai mộ nhỏ hai bên. Cha nói:

- Đó là mộ của một cha người Pháp qua giúp giáo dân Việt Nam. Cha lo về vấn đề xã hội. Cha nói tiếng Việt rất hay. Còn hai mộ nhỏ là của hai em học sinh. Một hôm cha cùng hai em học sinh vào làng để săn sóc cho các bệnh

nhân nghèo, trên đường đi vào ấp thì bị Việt Cộng bắn chết. Để nhớ ơn cha, tôi chôn cất cha ở sân nhà thờ, dưới những hàng cây dương liễu.

Niềm lo âu lớn nhất của cha Hoan là làm sao có tiền để nuôi các em cô nhi và duy trì trường Đắc Lộ cho các em có nơi để học hành. Cha có dự án tự túc kinh tế là làm dầu tràm để tạo công ăn việc làm cho nhiều người, nhưng không thành công.

Tôi được Thiếu Tá Diệu, Trưởng Khối Chiến Tranh Chính Trị của Tiểu Khu Quảng Ngãi hướng dẫn đi thăm các làng mới bị Việt Cộng tàn phá. Đầu tiên chúng tôi đến thăm quận Sơn Tịnh. Những làng bị Việt Cộng đốt cháy tan hoang như Phú Hoà, Vạn Lộc và Sơn Kim. Thiếu Tá Diệu chỉ cho tôi xem một Niệm Phật Đường nay chỉ còn là một đồng tro tàn, ông nói:

- Cô xem, Việt Cộng đâu có chùa chùa hay nhà thờ. Lát nữa chúng ta đến thăm một làng Phật Giáo và một làng Công Giáo.

Chúng tôi đến thăm làng Phú Hoà. Cả làng chỉ còn trơ lại những nền nhà cháy đen với tro than mà thôi. Một ông cụ ngồi cửa cây. Bà cụ già lưng đã còng đang quét dọn. Tôi hỏi ông cụ:

- Việt Cộng về hai cụ có chạy không?

Ông cụ vừa cười vừa đáp:

- Ai cũng phải chạy chứ. Đàn ông, đàn bà, trẻ em chạy trước, không chạy thì chúng bắt vào trong khu. Già quá như tôi thì liều mà ở lại để năn nỉ chúng đừng đốt nhà. Nhưng cô thấy đó, chúng đốt hết. Có được mấy thùng lúa để dành ăn cũng bị đốt cháy. Vậy là năm nay phải ăn khoai, ăn sắn rồi cô ơi.

Tôi hỏi bà cụ:

- Cụ có gặp Việt Cộng không?

- Có chứ. Tụi nó nhỏ nhỏ chừng 17, 18 tuổi thôi. Mấy đứa con gái cũng mang súng.

Tôi nhớ hôm trước có dịp đi thăm một sở tù binh. Có mấy cô cũng khoảng

17, 18 tuổi ở quận Mộ Đức, Đức Phổ và Nghĩa Thành. Khi tôi gọi chuyện hỏi thăm, các cô nói với tôi họ là y tá, chị nuôi, tức là chuyên nấu ăn cho bộ đội. Các cô bảo bị dụ mãi thì đi theo lên núi. Đến khi đụng trận, bị thương, bị bắt và được đưa về bệnh viện điều trị mới thấy làm tù binh bên này được nằm giường nệm, ăn ngày ba bữa, còn sướng hơn mấy lâu nay đói khổ, ngày đêm gì cũng ở dưới hầm, lúc nào cũng lo sợ.

Một anh cán bộ áo đen hướng dẫn chúng tôi đi thăm từng xóm, anh nói:

- Chúng tôi muốn giúp dân nhưng đâu có gì để cho dân. Dân ở đây nghèo lắm, không có công ăn việc làm. Tôi hỏi anh cán bộ:

- Chính quyền không trợ cấp vật liệu gì cho dân dựng lại nhà sao?

- Một phần nào thôi. Việt Cộng đốt nhà hoại. Một năm đốt 3, 4 lần thì lấy vật liệu đâu mà phát cho đủ.

Biết vậy mới thông cảm cho nỗi khó khăn của chính quyền. Tôi đã nhiều lần đến thăm những thôn xóm xa xôi hẻo lánh, ngồi nghe mấy ông bà già tâm sự:

- Nhà bị đốt rồi thì gắng cất lại. Mồ mả của ông bà còn đó, chúng tôi không muốn bỏ làng, bỏ xóm mà đi. Nếu có đi, cũng chẳng biết làm gì để sinh sống.

Như quận Ba Tơ, trước đây gồm có 24 xã, nhưng sau bị Việt Cộng về đốt phá hoại, dân chúng gom về những xã tương đối an ninh hơn, nên bây giờ còn có 7 xã.

Người cán bộ áo đen chỉ một căn nhà đã cháy còn trơ lại cái nền, anh nói:

- Căn nhà này là của dì tôi. Dì đã ở trong căn nhà đó gần cả một đời rồi, bây giờ bị đốt, dì khóc đến phát bệnh.

Tôi thấy hàng tre xanh chung quanh lá cũng bị cháy sém vì lửa từ căn nhà hắt ra. Tôi hỏi:

- Còn những căn nhà có người đi theo Việt Cộng thì sao, có bị đốt không?

- Việt Cộng đi đốt từng nhà. Nhà có người đi theo chúng cũng bị đốt luôn. Chúng thù nhất là những nhà có người làm cán bộ Xây Dựng Nông Thôn. Hôm vừa rồi, có hai Nghĩa Quân bị thương rồi bị bắt, chúng trói lại ném vào lửa. Vợ của một anh Xây Dựng Nông Thôn có thai 8 tháng, bị chúng bắt được, trói lại và xô vào căn nhà lửa đang cháy bùng bùng.

Khi đã yên, dân làng trở về, nhìn thấy những đống tro tàn và xác người đàn bà sắp sanh bị cháy cong queo, họ thật thấm thía với những lời tuyên truyền của những người vẫn thường về đây xưng là chiến sĩ giải phóng.

Thành phố Quảng Ngãi về đêm có vẻ yên tĩnh và tình hình an ninh tương đối khả quan so với các thành phố lớn khác như Đà Nẵng. Buổi sáng đi theo Trung Tướng Thi và Đại Tá Lợi đến thăm Chi Khu Ba Tơ sau một trận đánh khốc liệt kéo dài 4 ngày đêm. Khung cảnh của bãi chiến trường và sự hy sinh của người lính chiến cùng cuộc sống điêu linh của người dân vùng quê còn ám ảnh trong tâm trí. Tôi thả bộ một mình dọc theo phố chính của Quảng Ngãi. Đây là xứ của núi ...n, sông Trà, của những ruộng mía mênh mông. Ban đêm tiếng súng vọng về nghe rất gần, những người lính chiến giờ này còn lặn lội hành quân trong rừng sâu núi thẳm. Và ở ngay thành phố, những quán nhạc đèn màu vẫn rực rỡ, tiếng nhạc vẫn mời gọi và người dân thành phố vẫn đến đây như đang sống trong một cuộc sống thật thanh bình. Mimosa, Diễm Xưa, Anh Đào... với những chàng trai cô đơn ngồi trầm ngâm bên tách cà phê, với những đôi nhân tình đang vui vẻ, hạnh phúc bên nhau.

Tôi ghé vào quán Mimosa uống cà phê. Một em bé chống nạng đứng thập thò ngoài cửa, đầu cúi thấp. Bàn tay em gầy gò run run vì vui mừng mỗi khi có người khách ném vào chiếc nón rách vành vài đồng bạc.

Một chân của em bị cưa lên khỏi đầu gối, khúc chân còn lại ồm tong teo và đen đúa. Em bé đứng đó thật kiên nhẫn, chiếc nón rách vẫn chìa ra phía

trước. Đa số khách thân nhiên đi qua như không nhìn thấy. Tôi bước ra dẫn em vào ngồi cùng bàn và hỏi:

- Em muốn uống gì, ăn kem không?

Tôi gọi cho em bé một ly kem. Em ngồi một cách rụt rè, đầu vẫn cúi thấp xuống. Tôi gọi chuyện, hỏi em:

- Em tên gì, bao nhiêu tuổi?

- Dạ, em tên Cương, 15 tuổi.

Tôi không nghĩ em đã 15 tuổi, vì người em nhỏ bé, trông như mới 7, 8 tuổi. Em đen gầy, chỉ có da bọc xương, khuôn mặt nhỏ, ánh mắt buồn và ảm đạm.

- Em có bao nhiêu anh chị em, cha mẹ em ở đâu, chân em sao bị như vậy?

- Em có 3 đứa em, cha mẹ chết hết rồi, chết vì bị pháo kích. Chân em bị cưa cũng vì đạn pháo kích ở Bình Đức, quận Bình Sơn. Em được đưa vào nhà thương Mỹ, bác sĩ Mỹ cưa chân em.

Em cúi đầu xuống thấp, nước mắt trào ra, tôi không dám hỏi nữa. Tôi đẩy ly kem trước mặt em, lúc em đưa tay ra đón ly kem, tôi mới thấy bàn tay em bị cong quặt lại, chỉ còn bốn ngón.

- Các em của em bây giờ ở đâu?

- Dạ ở với bà bác em. Em đi xin mỗi ngày đem tiền về cho bà bác nuôi chúng nó. Mùa đông vừa rồi, em đi xin dành dụm cả tháng mới đủ tiền mua cho tụi nó một cái mền cũ.

Trời Quảng Ngãi buổi tối mùa hè mà vẫn thấy lạnh. Chiếc áo của em mặc quá mỏng manh nhưng có lẽ em đã quen như vậy rồi. Sự chịu đựng cũng như miếng ăn đều cần để mà sống.

- Bà bác em nghèo lắm cô ơi. Mỗi ngày bà lên núi kiếm củi về chợ bán đâu được bao nhiêu tiền.

- Ban ngày em đi xin như vậy, buổi tối em ở đâu?

- Tụi em ngủ ở các sạp ngoài chợ, có một chú nữa, thương phết binh mù mắt,

ban ngày cũng đi xin như tụi em, tối về chợ ngủ. Nhiều buổi sáng ngủ quên, bị mấy bà chủ sạp dựng đầu dậy chửi cho một trận.

Tôi nhìn ra cửa, ba bốn em khác cũng vừa kéo đến đứng thập thò nhìn vào có vẻ ngạc nhiên khi thấy một "đồng nghiệp" của mình đang chễm chệ ngồi trong tiệm ăn kem. Mimosa là quán cà phê có cà phê ngon và nhạc hay nhất ở đây, nên cuối tuần thường là nơi họp mặt của những người tai mắt trong thành phố này.

Ngay trên cùng một mảnh đất, cùng trong một giây phút, có những người đang chờ đợi, người thanh niên ngồi chờ những giọt cà phê nhỏ xuống đầy tách cho hết những giờ rảnh rỗi, người lính chiến đang ghì mũi súng chờ dấu quân thù trong đêm đi kích, người đàn bà vừa thành góa phụ đang chờ ngày mai đi nhận xác chồng và đứa bé đang chờ một vài đồng bạc ném vào chiếc nón rách...

Chinh Chiến Điều Linh

Cao Nguyên: Sương Mù Hay Khói Súng?

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Ngày 15 tháng giêng năm 1972, tại bãi đáp trực thăng Ba Gi, cách thị xã Qui Nhơn 12 cây số về hướng Tây Bắc, Tư Lệnh Quân Đoàn II/Quân Khu II, Trung Tướng Ngô Dzu trả lời cuộc phỏng vấn của báo chí trong và ngoài nước một cách khẳng định là Cộng quân sẽ đánh lớn tại Quân Khu II.

Tướng Ngô Dzu cũng cho biết, hiện nay Trung Đoàn 21 thuộc Sư Đoàn 2 Sao Vàng của Bắc Việt đang thiết lập các căn cứ trong vùng thung lũng An Lão, nằm về phía Bắc của Qui Nhơn. Và cũng theo tin tình báo mới đây thì Bộ Chỉ Huy Quân Khu 5 của Cộng quân được ghi nhận đã xuất hiện trong quận Hoài An, tỉnh Bình Định, làm cho tình hình của vùng này trở nên nghiêm trọng.

Trung Tướng Ngô Dzu còn cho biết thêm, quân số của Cộng quân xâm nhập vào Quân Khu II đã lên đến 60 ngàn người, ông cũng tiên đoán chừng một tháng nữa, địch quân sẽ di chuyển các cơ sở đến vùng Tam Biên, sẽ dùng chiến thuật "công đồn dã viện" để đánh Cao Nguyên và biến Kontum thành một Điện Biên Phủ.

Một cố vấn dân sự cao cấp Mỹ của Quân Khu II, ông John Paul Vann tin rằng Cộng quân sẵn sàng hy sinh 10 ngàn quân để chiếm cho được vùng Cao Nguyên. Cuộc chiến sẽ trải rộng từ thành phố Kontum đến Pleiku và Bình Định. Ông cũng tiên đoán là chiến xa của Cộng quân sẽ tấn công vào Benhet và Tân Cảnh đầu tiên.

Cùng lúc với Tướng Trần Nam Trung của Bắc Việt đọc nhật lệnh kêu gọi Cộng quân đánh lớn, đánh mạnh khắp nơi, thì báo Washington Star của Mỹ, số ra ngày 10 tháng 4 năm 1972 loan tin sư đoàn cuối cùng của Bắc Việt đã lên đường tiến vào miền Nam để tăng cường cho 120 ngàn Cộng quân đang rải dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh.

Những tin tức chiến sự như vậy là một hứa hẹn những tháng ngày đầy máu và nước mắt cho cuộc sống đang yên vui bình lặng của người dân miền Nam.

Rồi những gì mọi người chờ đợi cũng sẽ đến. Mùa xuân đến và mùa xuân đã qua. Khi những tia nắng của một sớm mai hè vừa đủ ấm để ửng hồng đôi má của người con gái Cao Nguyên thì tiếng súng bắt đầu nổ.

Theo tài liệu bắt được trong mình của một Chuẩn Úy Việt Cộng tên Khổng Thanh Hiền thì lệnh tấn công tại mặt trận Tam Biên được ấn định vào ngày 13 tháng 3 năm 1972. Đó cũng là ngày mà lực lượng Dù đựng độ ác liệt với các đơn vị của Sư Đoàn Thép 320 Cộng quân chung quanh căn cứ hỏa lực 5. Sư Đoàn Thép là sư đoàn đã từng chiến thắng tại Điện Biên Phủ trước đây và hiện là một trong những đơn vị nòng cốt của Bắc Việt. Lần ra quân này, chỉ sau 3 ngày đụng trận với một vài đơn vị của Lữ Đoàn II Dù, Sư Đoàn Thép đã phải để lại nhiều tổn thất. Một trong những xác Cộng quân bỏ lại chiến trường, có xác của Chuẩn Úy Khổng Thanh Hiền thuộc Tiểu Đoàn Phòng Không của Trung Đoàn 64, Sư Đoàn 320. Những tài liệu tịch thu được trên mình của sĩ quan này là do Tướng Phạm Ngọc Mậu ký ngày 20 tháng 10 năm 1971. Các nguồn tin tình báo của Quân Khu II cho rằng Tướng Phạm Ngọc Mậu đã thay thế Tướng Hoàng Minh Thảo, chỉ huy mặt trận Cao Nguyên Trung Phần mà Hà Nội gọi là Mặt Trận B3.

Đúng như sự dự đoán của những giới chức thẩm quyền của Quân Khu II, Tân Cảnh là nơi đầu tiên mà chiến trận bùng nổ. Cuộc chiến diễn ra khốc liệt không thua gì cuộc chiến tại vùng Trị Thiên, chỉ khác nhau về mặt địa thế: một bên là đồng bằng, một bên là rừng núi, và điều này ảnh hưởng phần nào đến sự yểm trợ của chiến xa và không lực.

Vào lúc 6 giờ 30 chiều ngày 23 tháng 4 năm 1972, Nông Trường 2 Cộng quân được yểm trợ bởi nhiều chiến xa T54 đã ào ạt tấn công vào căn cứ hỏa lực Tân Cảnh, nơi trú đóng của Bộ Tư Lệnh Tiên Phương của Sư Đoàn 22 Bộ Binh do Đại Tá Lê Đức Đạt làm Tư Lệnh, và đây cũng là bản doanh của Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn 42 Bộ Binh do Trung Tá Nguyễn Thông làm Trung Đoàn Trưởng. Thoạt tiên Cộng quân dội xuống Tân Cảnh cả ngàn quả đạn đại bác 82 ly và hỏa tiễn 122 ly. Trận mưa pháo kéo dài hơn 3 tiếng đồng hồ. Lúc 22 giờ 30 phút cùng ngày, Trung Tâm Hành Quân của căn cứ Tân Cảnh

bị hư hại hoàn toàn vì một hỏa tiễn điều khiển chống chiến xa của Cộng quân chui ngay vào cửa hầm. Hầu hết những người trong Bộ Tham Mưu của Đại Tá Đạt và trong Ban Chỉ Huy của Trung Tá Thông đều bị thương. Chỉ có Đại Tá Đạt và Trung Tá Thông là thoát nạn vì đã rời hầm chỉ huy trước đó để đi đón đốc binh sĩ của mình. Trung Tâm Hành Quân phải dõng qua một hầm kế bên.

Đến 23 giờ, cánh quân tiền phương của Cộng quân được phát hiện cách quận Dakto chừng một cây số về hướng Tây với sự yểm trợ của 3 chiếc T54. Lập tức phi cơ AC130 cất cánh từ phi trường Nha Trang bay đến oanh kích và bắn cháy ngay 3 chiến xa này khi còn cách Dakto chừng 500 mét, nhưng không ngăn được bước tiến của toán tiền phương địch. Đúng nửa đêm, Cộng quân ào ạt tấn công tiền đồn Tân Cảnh.

Sau khi đạo quân tiền phương với quân số chừng một trung đoàn tấn công vào Tân Cảnh, một trung đoàn Cộng quân thứ hai xuất hiện cách Tân Cảnh 3 cây số về hướng Tây Bắc, kéo ra Quốc Lộ 14 và cắt đoạn đường Dakto-Tân Cảnh ra làm bốn đoạn, khiến cho sự liên lạc giữa hai nơi chỉ còn qua máy vô tuyến mà thôi.

Ngay sau khi phát giác sự xuất hiện của cánh quân thứ hai này, mặc dầu thời tiết được loan báo là xấu, các toán Skyraider thuộc Phi Đoàn 530 của Không Đoàn 72 Chiến Thuật và các khu trục A37 của Không Đoàn 62 Chiến Thuật biệt phái cho Pleiku đã nhất loạt cất cánh từ phi trường Cù Hanh để bay lên oanh kích cánh quân này.

Khoảng 2 giờ 30 sáng, vừa pháo kích vừa xung phong, hai trung đoàn Cộng quân cố gắng tràn ngập căn cứ Tân Cảnh, nhưng gặp phải sự kháng cự quá ư mãnh liệt của các chiến sĩ Trung Đoàn 42, nên trận chiến kéo dài cho đến lúc trời sáng, Tân Cảnh vẫn còn đứng vững. Trời vừa sáng thì thời tiết trở thành bất lợi cho những người đang tử thủ trong Tân Cảnh. Sương mù xuống thấp

làm cho Không Quân bị bó tay, không thể yểm trợ được.

Vào lúc 7 giờ sáng ngày 24 tháng 3, Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II hoàn toàn mất liên lạc vô tuyến với căn cứ hỏa lực Tân Cảnh. Cả Bộ Tham Mưu của Tướng Ngô Dzu như ngồi trên lửa. Không ai dám mở lời tiên đoán số phận của Tân Cảnh như thế nào. Đích thân Tướng Dzu gọi cho các đơn vị yểm trợ như Không Quân, Thiết Giáp, Pháo Binh... để hỏi, không ai biết số phận của Tân Cảnh bây giờ ra sao.

Cho đến 10 giờ sáng, một sĩ quan Truyền Tin la lên: "Liên lạc được rồi".

Tướng Dzu chụp lấy máy hỏi dồn. Đại Tá Đạt báo cáo đã đẩy lui được địch quân. Mọi người trong Trung Tâm Hành Quân đều thở phào và nét mặt người nào cũng lộ vẻ phấn khởi. Cũng vào lúc này, thời tiết đã trở nên quang đãng hơn, các phi cơ chiến đấu của Không Đoàn 72 Chiến Thuật bắt đầu cất cánh và máy chiếc trực thăng tiếp tế đạn dược đã lọt được màn lưới lửa phòng không của địch, đáp an toàn xuống căn cứ Tân Cảnh.

Mặc dù vẫn còn đứng vững trước đợt tấn công thứ nhất, nhưng với sự tăng cường thêm một sư đoàn thứ hai của địch quân từ căn cứ hậu cần 609 nằm bên kia biên giới tiến qua, Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II đã cho căn cứ Tân Cảnh và một số các căn cứ hỏa lực khác dọc theo dòng sông Poko ở phía Tây Quốc Lộ 14 di tản chiến thuật, rút về lập một phòng tuyến mới ở ngang căn cứ Bravo, cách Kontum 20 cây số về phía Bắc.

Cùng với kế hoạch di tản chiến thuật một số các căn cứ hỏa lực ở mạn Bắc thành phố Kontum, Tướng Ngô Dzu đã thành lập một ủy ban có tên là Ủy Ban Di Tản Đồng Bào Kontum và Pleiku. Ủy ban này do Đại Tá Hồ Hồng Nam, Tham Mưu Phó Chiến Tranh Chính Trị của Quân Đoàn II làm chủ tịch. Phương tiện di tản sẽ bằng máy bay C130 của Hoa Kỳ và C123 của Việt Nam Cộng Hoà. Một nguồn tin cho biết bệnh tim của Tướng Ngô Dzu bị tái phát, nhưng ông bất chấp, dồn nỗ lực vào hai việc là di tản đồng bào ra

khỏi vùng lửa đạn và tái chiếm các căn cứ mà quân ta đã di tản chiến thuật trong những ngày vừa qua.

Người dân của hai thành phố Pleiku và Kontum đã sống trong lo sợ phập phồng từ những ngày trước Tết Nguyên Đán vì những tin tức chiến sự ngày càng nặng nề. Con ác mộng đó cứ chập chờn trong mọi sinh hoạt của người dân Tây Nguyên cho đến hôm nay, chiến trận đã thực sự bùng nổ.

Tôi đến Pleiku trong những ngày thành phố này đang di tản. Thành phố có lệnh giới nghiêm lúc 7 giờ tối, nhưng mới 5 giờ chiều trên các đường phố đã không thấy bóng dáng một người dân. Chỉ có những chiếc xe nhà binh chạy hết tốc lực. Những người ngồi trên xe, ai cũng mặc áo giáp, đội nón sắt cẩn thận. Trong thành phố, nhà nào cũng làm hầm nấp pháo kích. Đa số đều làm hầm nổi. Gia đình của các quân nhân, công chức được lệnh di tản khỏi Pleiku để cho người chiến sĩ rảnh tay chiến đấu. Các công chức chuẩn bị nhận súng khi có lệnh.

Vẻ kinh hoàng hiện trên nét mặt mọi người. Nỗi lo âu chồng chất bởi nhiều vấn đề. Di tản: đến đâu, ăn đâu, ở đâu? Nhà cửa, tài sản để lại, ai trông coi? Lâu mau mới về? Bà vợ của một giáo sư buồn rầu tâm sự với tôi:

- Tôi bụng mang dạ chửa. Cả tuần lễ nay tôi lo quá, chẳng ăn uống gì được. Nhà nào cũng làm hầm, nhưng ăn thua gì cô. Chồng tôi nhất định ở lại đây. Tôi và các cháu tính về Sài Gòn, nhưng giá máy bay đắt quá, cả gia đình phải mấy chục ngàn tiền vé, tiền đâu mà đi!

Giá vé máy bay Pleiku-Sài Gòn ngày thường là 3,800 đồng. Nhưng lúc này giá chợ đen khoảng 10 ngàn một vé. Nếu muốn mua giá chính thức thì phải chờ hơn nửa tháng. Súng đạn đã nổ sát một bên rồi, có ai kiên nhẫn chờ hơn nửa tháng nữa mới rời thành phố?

Một khu chợ trời thành hình dọc theo đường Hoàng Diệu. Đồ đạc bán rất nhiều và rất rẻ. Người bán nhiều hơn người mua. Những nhu yếu phẩm như

gạo, nước mắm, dầu hôi... giá tăng lên vùn vụt. Những người nghèo dành dụm được ít vàng phải đem bán để lấy tiền di chuyển. Vàng xuống giá rất nhanh. Các tiệm vàng đều bán ra mà không mua vào. Vàng y giá 20 ngàn đồng một lượng, trong khi gạo 20 ngàn một tạ. Ai cũng cố bán ti vi, tủ lạnh, radio... để bọc tiền mà chạy. Nhưng ai dám bỏ tiền ra mua mấy thứ đó lúc này. Có người treo bảng bán cả nhà, bán thật rẻ mà đã 3 tuần nay không có một người nào hỏi đến.

Lệnh di tản được ban ra. Dân Kontum di tản về Pleiku. Các trường học ở Pleiku được trưng dụng để làm trại tiếp cư. Trong khi đó, gia đình quân nhân, công chức ở Pleiku lại di tản đi nơi khác. Tôi nêu lên sự thắc mắc này, một giới chức thẩm quyền ở Pleiku giải thích: dân Kontum tạm thời di tản về đây để chờ lập cầu không vận chuyển đi các nơi khác như Nha Trang, Sài Gòn...

Hôm qua, ngày 27 tháng 4, quân đội của ta tiếp tế từ Qui Nhơn lên Pleiku 400 tấn gạo. Người dân Pleiku mỗi ngày tiêu thụ 30 ngàn tấn. Tỉnh Pleiku chưa có kế hoạch nào về việc phân phối số gạo nói trên. Cho tới hôm nay, kho gạo an toàn của Pleiku chưa hề đụng tới. Kho gạo này có thể nuôi toàn thể dân Pleiku trong vòng một tháng.

Gạo và những nhu yếu phẩm khác vẫn tăng giá vùn vụt. Mua được một ký gạo là một chuyện rất khó khăn, vì trong hoàn cảnh này, có tiền chưa chắc đã mua được. Tất cả tiệm ăn trong thành phố đều đóng cửa. Khoảng 50 phóng viên Việt Nam và ngoại quốc đang có mặt ở đây phải ăn hủ tiếu hoặc phở thay cơm và bánh mì.

Những gia đình giàu có vội vàng ra đi. Những người khác lần lượt tiếp nôi. Và thành phố Pleiku ngày càng hoang vắng.

Sau khi bắt lại liên lạc vô tuyến với Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II, suốt ngày hôm đó tại căn cứ Tân Cảnh, các chiến sĩ của Trung Đoàn 42 Bộ Binh đã

anh dũng đẩy lui nhiều đợt xung phong mãnh liệt của Cộng quân có quân số đông gấp ba lần và được yểm trợ bởi 60 chiến xa T54 cùng với một trung đoàn pháo. Cuộc chiến đấu hào hùng này đã kéo dài suốt 24 tiếng đồng hồ không ngừng một giây phút. Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II theo dõi những diễn tiến tại Tân Cảnh cho đến 19 giờ 45 phút ngày 24 tháng 4 thì một lần nữa mất liên lạc với căn cứ này. Và theo tin của một số binh sĩ và đồng bào vừa thoát khỏi quận Dakto thì Cộng quân đã tràn vào căn cứ Tân Cảnh vào lúc tối ngày 24.

Trong lúc đó, tại quận Dakto, Trung Tá Lò Văn Bảo chỉ huy lực lượng Địa Phương Quân vẫn tiếp tục kháng cự với Cộng quân, mặc dù đã có lệnh di tản chiến thuật khỏi nơi này. Trung Tá Bảo gốc người Thái vùng Bắc Việt, ông gọi máy vô tuyến về Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu nói rằng ông sẽ quyết chiến với địch quân, chết chứ không lùi bước. Rồi sau đó cũng như Đại Tá Đạt, người ta không biết số phận của Trung Tá Bảo như thế nào vì mọi liên lạc đều bị gián đoạn.

Chờ hai ngày ở phi trường Pleiku dưới trời nắng cháy và cát bụi, đến ngày thứ ba tôi mới được theo máy bay quan sát lên Kontum. Máy bay bay giữa những cụm mây trắng, bên dưới là núi rừng trùng trùng điệp điệp. Pleiku cách Kontum chừng 45 cây số đường bộ.

Sau khi Tân Cảnh và Dakto di tản chiến thuật, thành phố Kontum ngày càng chịu áp lực nặng nề của Cộng quân. Con đường duy nhất nối liền Kontum và Pleiku đã bị cắt đứt. Phi trường Kontum bị pháo kích vào mỗi ngày. Phương tiện còn lại duy nhất là máy bay quân sự. Hôm trước đến Phòng Báo Chí của Quân Đoàn để xin phương tiện, gặp mấy người từ Kontum về, một anh nói với tôi:

- Cô nên mặc áo giáp, đội nón sắt vì trên Kontum Việt Cộng pháo kích dữ lắm, pháo như mưa. Xuống máy bay là phải chạy tìm chỗ nấp liền. Nên kiểm

cái ba lô để mang theo thức ăn. Các tiệm ăn trên Kontum đều đóng cửa hết. Tôi nghĩ chết sống có số. Với tôi, nhiều khi mang áo giáp, đội nón sắt rồi nặng quá chạy không nổi thì cũng chết. Ngày đầu chờ máy bay, tôi còn mang theo bánh mì và một bộ quần áo. Nhưng chờ đợi mãi, đến ngày thứ ba, khi leo lên máy bay, tôi chỉ mang cái máy ảnh, ít thuốc cần thiết và băng cá nhân. Người nữ phóng viên chiến trường không cần mang son phấn nên hành trang cũng nhẹ bớt phần nào.

Có những đoạn máy bay bay thật thấp. Tiếng người phi công nói qua ống nghe:

- Cô nhìn xuống mặt đường, có mấy chiếc xe đồ bị Việt Cộng giựt mình còn xác nằm bên đường đó.

Con đường ngoằn ngoèo bên dưới thật vắng, không có bóng một chiếc xe nào đang di chuyển. Thình thoảng thấy một vài chiếc xe hàng bị lật. Trước đây vài ngày, nghe nói có nhiều xe hàng liệu mạng chở người tị nạn từ Kontum về Pleiku, giữa đường bị Việt Cộng giựt mình hoặc từ trên núi bắn B40 xuống.

Máy bay bay ngang một làng nào đó. Khắp làng không thấy bóng dáng một người dân. Tôi hỏi người phi công:

- Sao không thấy một người dân nào cả? Đây cách Kontum chừng bao nhiêu cây số và đang ở về hướng nào?

Người phi công chấm một dấu đỏ trên bản đồ ghi dấu vị trí hiện tại của máy bay và đưa tấm bản đồ về phía tôi:

- Dân đã được di tản rồi. Cô không nhìn thấy những hố bom B52 dưới kia sao? Còn cách Kontum 20 cây số về hướng Nam.

Hai người xạ thủ đại liên nói đùa với tôi:

- Nếu thấy Việt Cộng, tụi tôi nhường súng cho cô bắn.

Tôi nhìn xuống bên dưới, có 3 chiếc xe mang cờ Công giáo, chiếc đi giữa

chở một cái hòm, hình như là một đám tang. Về sau tôi được biết người chết là một thanh niên, một trong những người đang ngồi ở phi trường đợi máy bay để rời Kontum, rồi bị pháo kích mà chết.

Hôm đến Phòng Báo Chí của Quân Đoàn II, gặp Đại Úy Vượng, ông khuyên:

- Cô lên Kontum thì nên chuẩn bị sẵn cho một cuộc chạy bộ. Hãy mang giày nào cho dễ chạy. Trên đó không có xe cho cô di chuyển. Có mượn được xe cũng không có xăng. Xuống phi trường, cô phải chạy bộ vào thành phố, chỉ chừng 3 cây số thôi. Tại Kontum, bây giờ, một giọt xăng quý như một giọt máu.

Vậy là tối hôm đó tôi tìm mua một đôi giày ba ta để chuẩn bị cho một cuộc chạy bộ từ phi trường vào thành phố. Nhưng rồi cũng may, trực thăng hạ cánh cách toà hành chánh tỉnh chừng một cây số. Thế là tôi chỉ đi bộ vào phố chứ khỏi chạy bộ. Lúc đó Việt Cộng đang pháo vào phi trường. Những đoàn người trên đường ra phi trường phải dừng lại. Một người trong nhóm đó thở dài:

- Trời ơi, Việt Cộng pháo vào phi trường mãi. Không biết bà con của mình đợi ở đó có sao không!

Tôi đến đây nhằm ngày Chủ Nhật, chỉ có con đường ra phi trường là còn có người di chuyển. Hàng ngàn người, đa số là vợ con của quân nhân và công chức tụ tập trước MACV để xin máy bay di chuyển. Phải có giấy của Đại Tá Tỉnh Trưởng ký trước, rồi đến xin giấy của Đại Tá Mỹ ở MACV. Bao giờ cầm được giấy lên máy bay mới biết chắc mình được đi. Giấy được đi phải là giấy ưu tiên một. Đối với máy bay Mỹ, mọi người giữ được kỷ luật như vậy, còn với máy bay Việt Nam, dân cứ ào lên, ào lên. Không có cách gì để giữ cho được trật tự.

Cách đây vài hôm ở phi trường Cù Hanh, hơn 10 ngàn người tràn lên một

chiếc máy bay. An Ninh, Quân Cảnh không thể nào ngăn cản được. Một ông Trung Tá rút súng bắn dọa một phát, viên đạn vô tình lại trúng vào cánh máy bay sao đó mà máy bay không cất cánh được. Và người ta lại kiên nhẫn ăn, ngủ ngay tại phi trường để chờ. Tội nhất là những đứa bé sơ sanh, phải dầm mưa dãi nắng và chịu đói khát, đau ốm đã bao nhiêu lâu rồi. Vấn đề tiếp tế cho Kontum ngày càng trở nên khó khăn, tất cả chỉ còn trông chờ vào Chinook. Những nhu yếu phẩm cần thiết làm sao có đủ cho đồng bào tị nạn chạy về từ Dakto, Tân Cảnh.

Tôi đến toà hành chánh tỉnh Kontum vào lúc 10 giờ sáng. Quân nhân, công chức tụ họp từ từng dưới lên cả trên lầu. Họ chia ra từng nhóm, người nào cũng nói về chuyện di tản. Họ đến đây để xin giấy di chuyển cho gia đình. Tôi đang đứng ở cầu thang hỏi thăm mấy người ở đây thì Đại Tá Nguyễn Bá Thìn, Tỉnh Trưởng Kontum đi ra, thấy tôi ông chào hỏi và nói:

- Bây giờ tôi đi thăm các trại tạm cư, cô có đi không? Cô nên viết đề kêu gọi giúp đỡ cho hoàn cảnh này.

Tôi lên xe của Trung Tá Đỗ, Tiểu Khu Phó, hướng về các trại tạm cư.

Trường học và các cô nhi viện được trưng dụng để làm trại tiếp cư. Chúng tôi ghé lại một trường học. Trên sân trường, người Thượng nằm, ngồi dưới các gốc cây, họ vừa chạy về từ Dakto, Tân Cảnh. Nét mặt người nào cũng có vẻ ngơ ngác trông thật tội nghiệp.

Trong khi Đại Tá Thìn hỏi thăm những cán bộ Bình Định Nông Thôn về vấn đề phân phát gạo cho đồng bào tị nạn, thì tôi đi chụp hình và tìm những người Thượng biết nói tiếng Việt để hỏi thăm. Mấy người này đến từ làng Konkring. Tôi nghe tiếng Đại Tá Thìn hỏi:

- Ty Y Tế có rắc thuốc không?

Gần 10 năm làm báo, đây là lần đầu tiên tôi thấy một ông Đại Tá Tỉnh Trưởng đi kiểm soát nhà cầu của một trại tị nạn. Vấn đề giữ được vệ sinh ở

trại này thật là khó khăn. Cán bộ thì ít, người tị nạn thì đông. Tất cả nhân lực đang dồn vào chiến trận, vào việc di tản dân Kontum đi nơi khác và tiếp cư dân nơi khác về Kontum. Mỗi người được lãnh 500 gram gạo một ngày, nhưng không dám ăn hết, để dành lại một ít phòng hờ ngày mai không được phát gạo nữa. Thời chiến chinh, ai mà biết được những gì sẽ đến trong ngày mai.

Vào lúc 16 giờ ngày 29 tháng 4, một phi cơ quan sát trong lúc bay trên không phận Dakto, bỗng nhiên thấy ánh sáng của một tấm kiếng từ dưới đất chiếu lên. Phi công liền xuống thấp để quan sát thì thấy một đám đông đang tụ họp quanh khu chợ Dakto và ra dấu hiệu cấp cứu. Khi phi cơ xuống thấp hơn nữa, thấy đám đông đó là khoảng 200 binh sĩ của ta. Những người này đang làm dấu hiệu cho phi cơ đáp xuống. Phi công định đáp xuống một bãi trống phía Tây của chợ, nhưng địch biết được ý định đó nên bắn lên máy bay như mưa và đồng thời mở đợt tấn công vào đám binh sĩ của ta đang bị vây. Được tin báo của máy bay quan sát, Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II tin rằng nhóm 200 binh sĩ đang bị vây khốn ở chợ Dakto gồm có Bộ Tham Mưu của Đại Tá Đạt và binh sĩ của Trung Đoàn 42 Bộ Binh trên đường di tản khỏi căn cứ Tân Cảnh. Vì vậy, cuộc giải vây cho nhóm 200 người đang cầm cự với địch đã được thực hiện với ưu tiên một.

Ngày hôm sau, Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II đưa được Đại Tá Lê Đức Đạt, Tư Lệnh Sư Đoàn 22 Bộ Binh cùng với 200 binh sĩ từ chợ Dakto về căn cứ của Quân Đoàn. Cùng đi với Đại Tá Đạt, có Trung Tá Nghiêm Kế, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 22 Công Binh Chiến Đấu, một đơn vị yểm trợ của Sư Đoàn 22.

Ký nhi viện Vincent cũng là một trong những trại tạm cư. Chúng tôi đến thăm vào buổi trưa, các dì phước đều mặc áo màu xanh, lúp màu xanh và đang làm việc rất bận rộn. Có mấy dì phước ngồi ghi tên những người mới

đến vào danh sách. Người tị nạn ở đây đa số là người Thượng từ các buôn ở mạn Bắc của Kontum chạy về.

Tôi ngồi xuống bên cạnh một dì phước rất trẻ, nói được tiếng Barna. Sinh hoạt chung với họ rồi nói được tiếng của họ. Ký nhi viện này ở bên cạnh trường trung học Quenot của cha Trường. Trường học thật khang trang đẹp đẽ. Những cây phượng trong sân nở hoa đỏ rực. Xác hoa phượng phủ đầy các lối đi.

Đại Tá Thìn hỏi các dì phước:

- Vấn đề vệ sinh ở đây làm cho các sơ vất vả lắm phải không?

Một dì phước trả lời:

- Người Thượng họ tắm cả ngày, tắm nhiều hơn mình nữa, nhưng họ không có quần áo để thay. Có một bộ đồ là họ mặc cho đến khi rách, chứ không giặt giữ gì cả. Mà muốn giặt cũng không có đồ để thay.

Tôi hỏi dì phước:

- Thừa sơ, trại này hiện có bao nhiêu người?

- Đã tiếp nhận hai ngày nay là 950 người. Số người mới đến còn đang lập danh sách.

Một dì phước quay lại hỏi tôi:

- Cô có nghe tin gì về Konkring không? Có mấy sơ ở Konkring cũng thuộc về Vincent de Paul, ở đây chúng tôi không được tin tức gì hết, chắc bị Việt Cộng bắt giữ lại hết rồi.

Các dì phước ở đây nhắc đến những người ở Konkring một cách quan tâm và thương mến. Buổi loạn ly bom đạn đâu có tránh ai, Việt Cộng đâu có chừa ai.

Rời trại tạm cư ở ký nhi viện Vincent, chúng tôi đến thăm một trại tạm cư khác tại một trường trung học. Chúng tôi đến lúc đồng bào đang ăn cơm.

Thức ăn thật đơn giản: rau luộc và một món mặn. Vợ chồng, con cái ngồi

bếp xuống nền của lớp học. Họ ăn một cách ngon lành, nhưng trên mặt vẫn còn những nét sợ hãi vì đoạn đường họ đã vượt qua và những hiểm nguy họ đã gặp.

Tôi hỏi một người đàn bà ngồi gần cửa:

- Chị chạy mấy ngày mới tới đây?

Người đàn bà đặt chén cơm xuống, nhìn tôi rồi trả lời:

- Đi 4 ngày trong rừng, mới ló đầu ra là gặp ngay Việt Cộng. Chạy đến chảy máu chân cũng không hay. Về tới đây mới biết mình còn sống.

Một ông cụ ngồi nhìn chén cơm mà không ăn, nước mắt rung rung:

- Mấy đứa con tôi thất lạc hết rồi. Không biết chúng còn sống hay đã chết.

Ngày nào tôi cũng đi tìm chúng nó. Có ai thấy chỉ dùm tôi.

Tỉnh Kontum có khoảng 50 ngàn dân, gồm 30 ngàn người ở thành phố và 20 ngàn người rải rác các quận chung quanh. Người Thượng ở trong những làng mạc xa xôi hẻo lánh. Trong khi dân Kontum di tản về Pleiku hoặc Sài Gòn, dân ở các làng, các quận lại đổ về Kontum tị nạn. Những gia đình giàu có đã đi hết rồi, bây giờ còn lại đa số là gia đình của quân nhân và công chức. Phía bên Mỹ thông báo rằng, đến ngày 1 tháng 5, họ không cấp phương tiện để di tản đồng bào nữa.

Ngày 29 tháng 4, một vị thượng tọa dẫn 5 ngàn tín đồ đi bộ từ Kontum về Pleiku. Đoàn người ngày đi đêm nghỉ, cuối cùng cũng về tới Biển Hồ. Nhà cầm quyền Kontum lo lắng rất nhiều về việc di tản, nhưng không đủ phương tiện. Tướng Ngô Dzu cũng rất khổ tâm về việc này. Một ngày chỉ có 4 chiếc Chinook tiếp tế.

Sự tiếp tế nhỏ giọt nên cũng đến ngày thành phố Kontum không có điện vì thiếu dầu, một số dân trong các làng đói vì thiếu gạo. Bây giờ Kontum đã bị cô lập, cuộc sống của những người còn lại ở đây chỉ mong vào sự tiếp tế của máy bay mỗi ngày.

Thành phố Kontum chỉ mới hoang vắng, nhưng vẫn còn nguyên vẹn. Nguyên vẹn với nét đẹp của một thành phố miền Cao Nguyên. Dòng sông Dabla vẫn lặng lẽ uốn khúc quanh co, và trên bờ, màu hoa phượng vĩ vẫn rực rỡ trong khói lửa chiến tranh đang bao trùm thành phố.

Buổi sáng tôi ra phi trường để gửi bài về toà soạn thì chợt bắt gặp một tà áo xanh, màu áo xanh đồng phục của những nữ tiếp viên hàng không Air Việt Nam. Người con gái có đôi mắt to và đen, nét mặt buồn như muốn khóc. Nàng có vẻ lạc lõng giữa một rừng người đang chờ di tản ở phi trường và hình như đang tìm kiếm một người nào đó. Khi đi ngang qua chỗ Đại Úy Hoà và tôi đang đứng nói chuyện với nhau, người con gái dừng lại ấp úng hỏi vị sĩ quan:

- Thưa Đại Úy, Đại Úy có thể cho tôi biết trong số thương binh mà Đại Úy đã di tản về các bệnh viện có Thiếu Úy Nguyễn... không?

Đại Úy Hoà, Quân Y, nhìn người con gái một lát rồi chậm rãi trả lời:

- Tôi làm sao nhớ hết được. Nếu cô cho tôi thêm số quân, đơn vị của người đó, tôi sẽ tìm dùm cho cô. Chừng nào cô mới có chuyến bay trở lại đây?

Người nữ tiếp viên có vẻ mừng rỡ:

- Thiếu Úy Nguyễn..., thuộc Trung Đoàn 42, tôi không nhớ số quân của anh ấy. Sau khi Tân Cảnh di tản, tôi không được tin tức gì của anh ấy nữa. Tôi tình nguyện bay đường Sài Gòn-Kontum mỗi ngày hai chuyến, sáng và chiều, để lên đây mong kiếm được tin tức của anh. Nhưng mỗi lần máy bay hạ cánh có một tiếng đồng hồ, nên tôi chỉ lẩn quẩn hỏi thăm ở trong phi trường này mà thôi.

Đại Úy Hoà hứa với người nữ tiếp viên hàng không:

- Tôi sẽ hỏi phòng hành quân dùm cô. Đồng thời tôi sẽ dò xem danh sách của thương binh. Trưa nay, lúc máy bay của cô đáp xuống, tôi sẽ ra đây trả lời cho cô. Hiện nay, những người sống sót của Bộ Tư Lệnh Tiền Phương

của Sư Đoàn 22 và Bộ Chỉ Huy của Trung Đoàn 42 đóng ở Tân Cảnh đã về đây hết, tôi cũng sẽ hỏi thăm dùm cô.

Sau khi người nữ tiếp viên trở lại máy bay về Sài Gòn, Đại Úy Hoà làm đúng lời hứa, đã đi nhiều nơi để dò thăm tin tức. Nhưng tên của người sĩ quan này không có trong danh sách những thương binh, cũng không có mặt trong số những người về từ Tân Cảnh. Vậy chỉ còn một là thất lạc trong rừng, hai là bị lọt vào tay địch, ba là đã chết mất xác.

Tôi thấy Đại Úy Hoà có vẻ ái ngại khi đến giờ phải ra phi trường gặp lại người nữ tiếp viên hồi sáng. Các phi trường Kontum và Pleiku bị pháo mỗi ngày, nhưng nàng vẫn tình nguyện bay lên đây ngày hai chuyến, với hy vọng có chút tin tức hay được gặp lại người yêu.

Buổi trưa tôi từ chối không đi cùng Đại Úy Hoà ra phi trường. Tôi sợ phải nhìn thấy những giọt nước mắt và nét tuyệt vọng trên khuôn mặt hiền lành của người con gái đó. Tôi sợ một câu trả lời từ miệng mình thốt ra là một sự thật phũ phàng dập tắt hết mọi niềm hy vọng. Tình yêu của người con gái đó quá đẹp và quá hiếm trong những ngày ly loạn như hôm nay.

Chinh Chiến Điều Linh

Bên Dòng Sông Dabla

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Buổi chiều đầu tiên ở Kontum, tôi đến bên bờ sông Dabla thăm một đoàn

người vừa mới về từ quận Dakto đang tạm dừng chân tại đây. Sau khi căn cứ Tân Cảnh bị Cộng quân tràn ngập, Dakto được lệnh di tản chiến thuật. Trung Tá Lò Văn Bảo, Quận Trưởng Dakto, gọi máy về tiểu khu nói ông sẽ tử chiến chứ không chịu lùi bước. Nhưng dù sao lệnh vẫn là lệnh. Trung Tá Bảo và Bộ Tham Mưu của ông là những người di tản sau cùng vì còn phải phá hủy những thứ gì không thể để lọt vào tay địch.

Rút ra khỏi quận Dakto, Trung Tá Bảo chỉ huy một đoàn khoảng 500 người gồm có sĩ quan, binh sĩ, gia đình binh sĩ và thường dân. Một đoàn nhắm vào rừng mở đường máu mà về Kontum. Đoàn người vượt rừng, vượt suối, vừa đi vừa đấu nhau vừa chống cự với địch quân đang truy đuổi. Họ đi suốt 4 ngày và 3 đêm liên tiếp trong rừng với bao nhiêu hiểm nguy chờ chực.

Khi tới đến, Trung Tá Bảo đang họp Bộ Tham Mưu của ông dưới những gốc phượng bên dòng sông Dabla. Trung Úy Nhiên, một bên tai bị băng vì trúng mảnh B40, kể với tôi:

- Ngay ngày đầu, cố vấn Mỹ cho máy bay đến bốc Trung Tá Bảo, nhưng ông nhất định không bỏ anh em. Ngày hôm sau cố vấn Mỹ lại cho thêm trực thăng đến bốc hết cả Bộ Tham Mưu, nhưng Trung Tá Bảo nhất định không bỏ đồng bào lại.

Trung Tá Lò Văn Bảo gốc người Thái ở Bắc Việt, xuất thân từ khóa 8 Võ Bị Đà Lạt. Dáng người cao lớn và đôi mắt rất sắc, biểu lộ một ý chí mãnh liệt. Khi đoàn người di tản vào rừng, chiến xa của Cộng quân rượt theo truy kích, nhưng không vượt qua một con suối sâu được nên phải dừng lại. Trung Tá Bảo di tản khỏi căn cứ mà dẫn theo được một đoàn 500 người gồm cả đàn bà con nít và bảo vệ cho họ được an toàn quả là một điều đáng khâm phục. Các phóng viên chiến trường có mặt tại Kontum, khi đánh tin điện về, đều gọi Trung Tá Bảo là người hùng của Dakto.

Trung Úy Nhiên kể tiếp:

- Ban đêm, con nít bị vắt cắn khóc quá, thành ra chúng tôi bị lộ mục tiêu, nên lại bị Cộng quân đuổi theo sát. Có một đoạn, chúng tôi chạy xuyên qua mật khu của địch, may mà không bị phát giác. Tối đến, đoàn người phải dừng chân cho đàn bà, trẻ con nghỉ lấy sức. Sĩ quan và binh sĩ rải ra thành một vòng tròn chung quanh dân để bảo vệ cho họ. Dừng lại ở đâu là phải đào hố ngay tại đó. Nếu không đào hố để nấp đạn thì chắc chết khá nhiều. Cũng may gặp rừng rậm, cây chẳng chịt, nên ngăn cản đạn cho chúng tôi được phần nào.

Một ông Trung Úy khác tiếp lời:

- Chúng tôi liên lạc với Tiểu Khu, và mỗi lần nghe tiếng máy bay trên trời là mắt người nào cũng sáng lên một niềm hy vọng. Nhưng rồi máy bay chưa đủ để bóc chúng tôi. Ban đêm, có một lần, nằm ngủ ngay trên dây điện thoại của địch thả trong rừng, nhưng vẫn để nguyên, vì sợ cắt ngay thì lộ mục tiêu. Sáng hôm sau khi tiếp tục lên đường mới cắt dây.

Ngày đầu, chúng tôi thiếu nước, phải nhịn khát một ngày, không dám ra suối vì sợ Việt Cộng đợi sẵn. May quá, chiều hôm đó trời mưa, chúng tôi hứng nước mưa từ các lá cây mà uống. Tuy có nước uống, nhưng lại bị ướm mèm. Chỉ tội cho đàn bà và trẻ con. Trẻ con chịu lạnh không được khóc cả buổi.

Đi xuyên rừng như vậy cho đến ngày thứ tư thì đàn bà và trẻ con bắt đầu kiệt lực. Trong giây phút tuyệt vọng đó thì chúng tôi bỗng nghe tiếng máy bay.

Từ dưới đất nhìn xuyên qua những tàng cây trên cao, chúng tôi hơi thất vọng vì thấy chỉ có một chiếc máy bay thôi. Nhưng liền sau đó, những chiếc khác nối đuôi nhau bay đến. Chiếc bay dẫn đầu định đáp xuống liền bị Cộng quân bắn cháy. May mà phi hành đoàn xuống đất được an toàn. Trung Úy Nhiên chạy ra dẫn phi hành đoàn vào rừng, anh bị trúng miêng của một trái B40 ở bên tai. Phi hành đoàn gồm 4 người Mỹ, tất cả đều bị thương, nhưng không nặng lắm. Những chiếc còn lại thấy tình hình không thể đáp xuống được bèn

ngiên mình bay trở về. Làn mưa đạn của Cộng quân còn bắn theo dữ dội. Chúng tôi lại mong ngóng từng giây, từng phút.

Trung Tá Đỗ có mặt tại đó, bây giờ mới góp chuyện:

- Từ lúc bắt được vô tuyến, biết được các cậu bị vây khốn trong rừng, tôi tự hứa bất cứ giá nào cũng phải bốc cho được các cậu về an toàn. Mỗi lần đi họp mà nghe chưa có đủ máy bay để tiếp cứu là tôi thất vọng. Suốt mấy ngày mấy đêm tôi không ăn, không ngủ với các cậu.

Trung Tá Đỗ đã suýt chết một lần vì lo cứu đoàn người này. Ngày nào ông cũng bay trên trời để liên lạc và trấn an anh em bên dưới. Một hôm máy bay trúng đạn rớt gần khu vực của Việt Cộng, dưới làn mưa đạn của địch, Trung Tá Đỗ và phi hành đoàn chạy thoát được vào một đồn của Nghĩa Quân gần đó.

Ngày sau, được yểm trợ đầy đủ, 19 chiếc trực thăng đáp xuống một bãi trống gần nơi đoàn người đang chờ đợi. Đàn bà, trẻ con được bốc đi trước. Trung Tá Bảo là người về sau cùng. Về Kontum, ông và các sĩ quan cùng binh sĩ của ông tạm đóng quân bên bờ sông Dabla.

Sáng hôm sau tôi lại gặp Trung Tá Bảo ở các trại tạm cư, ông đi thăm đồng bào ở Dakto chạy về. Một sĩ quan đi với Trung Tá Bảo nói với tôi:

- Bây giờ chúng tôi không có cách gì liên lạc được với gia đình, nhờ cô viết dùm lên báo là tất cả sĩ quan của Chi Khu Dakto đã về tới Kontum đầy đủ và đang tiếp tục chiến đấu. Như vậy gia đình của chúng tôi được yên lòng.

Tôi hứa sẽ làm điều đó. Hy vọng gia đình các anh sẽ đọc được những dòng này trên nhật báo Hoà Bình trong những số tới. Đến hôm nay, không còn phương cách nào để liên lạc giữa Kontum và Pleiku, ngoại trừ đường dây điện thoại quân sự, đường dây duy nhất phải để ưu tiên cho việc hành quân. Buổi chiều tôi ra bãi đáp trực thăng để về Pleiku. Chưa kịp lên máy bay thì bị một trận pháo như mưa. Quân nhân vào hầm sẵn sàng chiến đấu. Những

người đang chờ máy bay ngồi đông nghẹt cả phi trường chạy tán loạn như một đàn ong vỡ tổ. Có người chạy bỏ quên cả con dãi đang nằm bên mấy xách hành lý. Có người trúng đạn đổ ruột vẫn còn cố lết trên mặt đất. Một quả pháo trúng ngay ngôi nhà thờ mà đêm qua tôi xin các sơ tạm trú. Một quả khác trúng ngay cô nhi viện, nơi mới chiều hôm qua, cũng vào giờ này, tôi đến thăm đồng bào tị nạn ở đó. Bởi vậy, tôi nghĩ mọi người đều có số. Tôi nhớ một người lính đã nói: "Nếu viên đạn đã khắc tên tôi, viên đạn sẽ tìm đến tôi". Thời gian gần đây, tôi thường xuyên có mặt từ chiến trường này qua chiến trường khác, biết bao lần thoát chết trong đường tơ kẽ tóc, cho nên tôi vẫn có niềm tin như vậy.

Chinh Chiến Điều Linh

Polei Kleng

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Polei Kleng là tên của một ngọn đồi lớn nằm về phía Tây Bắc của thành phố Kontum khoảng 22 cây số. Chung quanh Polei Kleng có những đồi đại đội nòng cốt của tiểu đoàn do Thiếu Úy Kchong làm Đại Đội Trưởng. Thiếu Úy Kchong từ lực lượng Dân Sự Chiến Đấu do Hoa Kỳ thành lập và huấn luyện, sau chuyển qua Tiểu Đoàn 62 Biệt Động Quân Biên Phòng. Kchong mới 22 tuổi, anh là một sĩ quan can trường và hành quân rất giỏi. Chỉ huy Tiểu Đoàn 62 là Đại Úy Bửu Chuyên, dáng người cao lớn, nước da

trắng hồng. Một lần Tướng Lam Sơn đến thăm trại, gọi ông theo kiểu Huế: "Mệ Chuyền". Tiểu Đoàn Phó là Trung Úy Phan Thá, dáng người dong dong cao, rần rỏi, đôi mắt linh động, và các sĩ quan khác của tiểu đoàn như Thiếu Úy Lê Văn Anh, Thiếu Úy Nguyễn Văn Tám... đều là những sĩ quan trẻ rất kiên cường.

Lệ Khánh được tổ chức như một làng nhỏ, có bệnh xá khám bệnh cho các gia đình Thượng ở chung quanh trại. Có trường học, thầy giáo là người Thượng. Có trại gia binh, không phải nhà, mà là những căn hầm như những công sự phòng thủ, nhưng rộng rãi cho vợ con của những quân nhân Thượng. Trại cũng có những vườn rau xanh, có câu lạc bộ nằm trên đồi rất thơ mộng, người trong trại gọi là câu lạc bộ Mây Trên Đồi.

Trong những ngày làm phóng sự chiến trường ở Cao Nguyên, hôm qua tôi xin tháp tùng theo một chuyến bay nào đó để nhảy xuống Lệ Khánh nhưng bị từ chối.

Lý do từ chối là vì sau khi bị đẩy lui trong một cuộc tấn công đẫm máu vào Lệ Khánh, Cộng quân nhất định muốn san bằng căn cứ này, nên mỗi ngày tiếp tục pháo vào từ 3 đến 4 ngàn quả đạn đủ loại. Bởi vậy, trực thăng khó có thể đáp xuống được.

Tôi xin thẳng với Trung Tướng Ngô Dzu, đương kim Tư Lệnh Quân Đoàn II, nhưng ông cũng từ chối và hứa đợi đến lúc nào tình hình khả quan hơn. Tôi cảm ơn hảo ý của ông và trong lòng tự hứa, không đến được hôm nay, thì cũng sẽ đến một ngày nào đó để gặp và viết về những người chiến sĩ đã đánh những trận đánh đẫm máu trong Quân Sử Việt Nam Cộng Hòa.

Cộng quân đã pháo vào trại Lệ Khánh suốt tuần nay với hàng ngàn đạn 82 ly và hỏa tiễn 122 ly. Vào lúc 20 giờ 15 phút ngày 7 tháng 5, sau một đợt pháo dữ dội hơn những ngày vừa qua và kéo dài đến nửa đêm, liền sau đó Cộng quân đã ào ạt xung phong vào ba mặt: Đông, Đông Bắc và Đông Nam.

Ngay lúc trận chiến khởi đầu, Đại Tá Nguyễn Văn Dương, Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân của Quân Khu II bay trực thăng vòng vòng trên trời, vừa để quan sát trận đánh vừa để khích lệ tinh thần binh sĩ. Sau khi liên lạc với Tướng Ngô Dzu, Đại Tá Dương gọi máy cho Đại Úy Bửu Chuyên, Chỉ Huy Trưởng trại Lệ Khánh, đang chỉ huy trận đánh bên dưới:

- Tất cả Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn đang theo dõi sự chiến đấu của anh em. Kể từ giờ phút này, anh đã được Quân Đoàn thăng cấp Thiếu Tá.

Suốt đêm đó, Tướng Dzu, Đại Tá Lê Quang Bình, Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn II và ông John Paul Vann, Cố Vấn Trưởng Quân Đoàn II bay trực thăng trên căn cứ để quan sát những diễn biến của trận đánh.

Từ nửa đêm cho đến 6 giờ sáng, Cộng quân xung phong trên 10 lần, quyết tâm tràn ngập căn cứ này, nhưng cuối cùng phải rút lui, bỏ lại hơn 300 xác rải rác trên khắp các hàng rào phòng thủ. Đến 7 giờ sáng, Cộng quân đội tiếp vào một trận mưa pháo kéo dài hơn một tiếng đồng hồ để mở đầu cho đợt xung phong lần thứ hai. Lần này có 20 chiến xa T54 dẫn đầu tràn vào các công sự phòng thủ của những chiến sĩ Biệt Động Quân Biên Phòng đang anh dũng chống trả từ lúc nửa đêm đến giờ chưa một giây ngừng nghỉ.

Một toán 5 chiếc T54 tiến vào từ hướng Tây Bắc đã lọt vào bãi mìn chống chiến xa. Cuối cùng, đợt tấn công thứ hai này, Cộng quân cũng bị thiệt hại nặng nề nên phải rút lui. Và theo những tài liệu tịch thu được tại chiến trường, Cộng quân đã chọn Lệ Khánh để đánh chiếm làm quà kỷ niệm cho ngày chiến thắng Điện Biên Phủ. Bởi vậy một tuần trước đây, địch quân đã gia tăng áp lực chung quanh căn cứ này một cách rõ rệt.

Buổi chiều cùng ngày, lúc 18 giờ 20 phút, Trung Tướng Ngô Dzu bay trực thăng trên trại Lệ Khánh để "gắn lon" cho Đại Úy Bửu Chuyên, Chỉ Huy Trưởng trại Lệ Khánh. Cặp lon Thiếu Tá mới toanh và hai chai rượu champagne được thả từ phi cơ xuống. Trung Úy Phan Thái Bình, Tiểu Đoàn

Phó cùng 20 chiến sĩ Biệt Động Quân Biên Phòng khác cũng được thăng cấp và tưởng thưởng tại mặt trận.

Tôi nghĩ rằng trong lịch sử chiến tranh của nhiều quốc gia, chắc chưa bao giờ có một cảnh "gấn lon" độc đáo như vậy. Hai bông mai bạc từ trên trời rơi xuống, xuyên qua làn mưa pháo của địch quân, nở trên vai áo của người hùng biên trấn Tây Nguyên.

Ông John Paul Vann là cố vấn quân sự Hoa Kỳ của Quân Đoàn II. Ông mang cấp bậc Đại Tá, nhưng vì giữ chức vụ cố vấn bên cạnh Tư Lệnh Quân Đoàn, nên Bộ Quốc Phòng Mỹ cho ông giải ngũ để khỏi trở ngại về vấn đề cấp bậc. Ông Vann là một cố vấn quân sự có một vị thế và cuộc sống riêng tư rất đặc biệt. Người ta đồn rằng ông là bạn thân của Tổng Thống Nixon, có uy tín ngang hàng với Kissinger, cho nên ông là cố vấn quân sự có nhiều quyền hạn đặc biệt trong những quyết định về sự yểm trợ của quân đội Hoa Kỳ.

Nhưng miền Nam Việt Nam và cả Hoa Kỳ nói nhiều đến ông, không phải vì chức vụ cố vấn, mà vì đời sống tình cảm riêng tư của ông nhiều hơn. Trong thời gian ở Cao Nguyên này, một người con gái má đỏ, môi hồng đã thay đổi cuộc đời của ông. Sóng gió của môi tình muộn và đầy ngang trái này đã âm hưởng mạnh mẽ tận Hoa Thịnh Đốn, vì ông là nhân vật quyền thế đương thời.

Và một ngày, giữa lúc Cao Nguyên khói lửa ngút trời, ông Vann đã nói lên tâm sự của mình, sự thổ lộ cũng xem như là một chọn lựa:

- Sau khi tình hình của Cao Nguyên sáng sủa, tôi sẽ làm đám cưới với nàng. Tôi sẽ ở lại đây với nàng cho hết cuộc đời và Việt Nam sẽ là quê hương thứ hai của tôi.

Bởi vậy, bạn bè của ông thường nói rằng, ông đang phục vụ một cách hăng say cho quê hương Việt Nam của ông, chứ không phải đang làm cố vấn cho

một quốc gia bạn. Tôi gặp ông John Paul Vann trong một buổi sáng tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II khi đến đây cùng với một ký giả người Anh của tờ Sunday Times để xin phương tiện ra chiến trường.

Ông Vann khoảng chừng 50 tuổi, dáng người cao lớn, ông không nói tiếng Việt nhưng hình như hiểu tiếng Việt, bởi vì khi nghe một sĩ quan của Phòng Báo Chí nói với tôi sáng nay không còn chiếc trực thăng nào cho báo chí, ông Vann đã vui vẻ hỏi tôi có muốn dùng chiếc trực thăng của ông không. Ông vẫn được tiếng là người rất niềm nở với giới ký giả. Tôi đã có lần nhìn thấy chiếc trực thăng riêng của ông Vann trên bãi đáp, chiếc trực thăng này sơn màu trắng, mũi nhọn, thân dài, có hình dạng khác hẳn với những chiếc trực thăng của quân đội thường dùng. Chưa quen biết nhiều, nên tôi không muốn nhận sự giúp đỡ của ông, cũng một phần tôi nghĩ rằng, một chiếc máy bay đặc biệt như vậy, chắc súng và hỏa tiễn phòng không của địch thích nhắm vào để lập chiến công.

Sau này, một lần về Sài Gòn, ông có đến toà soạn báo Hòa Bình thăm tôi, nhưng lúc đó tôi đang về làm phóng sự ở miền Tây. Ông Vann trước là cố vấn quân sự của Vùng IV, nên ông gọi điện thoại về Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn IV để nhờ những người quen tìm đến gặp và chuyển lời thăm tôi. Một thời gian sau, tôi nghe tin ông tử nạn vì máy bay bị bắn trong lúc bay thị sát mặt trận ở Cao Nguyên.

Trại Lệ Khánh vẫn anh dũng chống trả trước bao nhiêu đợt tấn công của địch quân ròng rã gần một tháng trời. Lần lượt Charlie, Tân Cảnh rồi Dakto thất thủ. Muốn tiến vào Kontum, địch quân phải san bằng Lệ Khánh. Khi mở đầu cuộc tổng công kích vào toàn vùng Cao Nguyên, giai đoạn đầu tiên là một chiến dịch mà Cộng quân đặt tên có tính cách kích động tâm lý là chiến dịch "Poko Dậy Sóng". Poko là một dòng sông nằm phía Tây Quốc Lộ 14, cách Lệ Khánh khoảng 7 cây số và cách Kontum chừng 20 cây số. "Poko

Dậy Sóng" là chiến dịch đánh chiếm một loạt các căn cứ trong vùng Tam Biên, mà Lệ Khánh là điểm cuối cùng.

Một buổi sáng, khi nắng ban mai chưa đủ ấm để làm tan hết sương mù của miền rừng núi, trại Lệ Khánh lại một lần nữa rung chuyển vừa bởi đạn pháo, vừa bởi tiếng động cơ của một đoàn chiến xa T54 của địch quân. Pháo phủ đầu rồi khinh binh của địch theo chiến xa tiến vào như thác lũ. Địch quân dùng cả những đại pháo của ta mà chúng lấy được ở Dakto như đại bác 105 ly, 155 ly để bắn vào Lệ Khánh.

Thiếu Tá Bửu Chuyên và tất cả chiến sĩ của Tiểu đoàn 62 Biệt Động Quân không hề nao núng. Đã đội lên đầu chiếc Mũ Nâu, mặc bộ đồ trận màu hoa rừng là đã sẵn sàng chờ đợi những giây phút như ngày hôm nay. Và tiểu đoàn đã anh dũng chiến đấu, chiến đấu cho đến giây phút mà người chiến sĩ còn có thể chiến đấu.

Những ngày mở đầu, địch chỉ pháo từ 500 đến 1,000 quả 82 ly và 105 ly. Những ngày về sau, cường độ pháo kích tăng lên đến mức khủng khiếp, từ 10 ngàn đến 15 ngàn quả. Đại Tá Nguyễn Văn Dương, Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân của Quân Khu II, Đại Tá Nguyễn Bá Thìn, Tỉnh Trưởng Kontum và Tướng Lý Tòng Bá, Tư Lệnh Sư Đoàn 22 Bộ Binh đã thường xuyên bay trên Lệ Khánh, cố gắng đáp xuống nhưng không thể nào thực hiện được. Nhất là Đại Tá Dương, ông lo lắng cho các binh sĩ của mình đang ngày đêm chịu từng đợt tấn công nặng nề của địch.

Ngày thứ 20, tính từ ngày đẩy lui địch quân đợt đầu, pháo của địch dội vào tới mức không thể đếm được nữa. Kho đạn đã bị cháy. Trung Tâm Hành Quân bị đạn 155 ly phá sập. Đạn dược, lương thực và nước chỉ dự trữ đủ dùng trong 3 tháng. Lệ Khánh hoàn toàn bị cô lập. Không tiếp tế, không tải thương được. Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn hỏi trên máy:

- Các anh còn chịu được không?

Thiếu Tá Chuyển trả lời:

- Chúng tôi vẫn chiến đấu.

Một tuần sau, toán cố vấn quân sự liên lạc về Kontum. Một cuộc oanh kích dữ dội do máy bay của Không Quân Mỹ đảm trách để dọn một bãi đáp khẩn cấp ngay trong trại. Hai chiếc trực thăng loại nhỏ, từ bên ngoài lượn vào Lệ Khánh với một độ bay thật thấp để tránh pháo, và không một lời giả từ, toán cố vấn vội vã lên trực thăng ra khỏi trại.

Tiểu Đoàn 62 Biệt Động Quân vẫn tiếp tục chiến đấu. Những người bị thương nặng thì nằm ở bệnh xá. Những người bị thương nhẹ được băng bó rồi tiếp tục cầm súng trở lại phòng tuyến của mình. Vợ con của các binh sĩ cũng được phát súng, phụ giúp quan sát, canh phòng, tải đạn, tải thương... Có thể nói gần một tháng trời, Lệ Khánh không có ban đêm. Mỗi ngày khi mặt trời khuất bóng, những trái hỏa châu được máy bay thả xuống liên tục soi sáng cả một vùng chung quanh trại. Tướng Lý Tòng Bá đưa một tiểu đoàn Pháo Binh nằm tại hướng Đông Lệ Khánh, bên kia sông Poko, để yểm trợ cho căn cứ này.

Pháo yểm trợ bắn trùm chỉ cách quân trú phòng có 20 thước. Xác của địch quân rải đầy chung quanh hàng rào phòng thủ đã hơn 20 ngày nay. Thây người chết sinh thối và mùi thuốc súng pha trộn với nhau làm cho Lệ Khánh đầy đặc cả tử khí.

Từ ngày thứ 20 về sau, Quân Đoàn II cho lệnh Lệ Khánh được xử trí tùy theo tình hình. Liên lạc truyền tin khó khăn vì ăng ten dù không căng lên được. Các cao điểm chung quanh Lệ Khánh đã bị chiếm và đặt súng lớn. ăng ten dù căng lên là bị pháo trúng ngay.

Ngày thứ 25, Thiếu Tá Bửu Chuyển và Đại Úy Phan Thái Bình bàn thảo với nhau. Cuối cùng Thiếu Tá Chuyển quyết định rút. Đại Úy Bình đồng ý nhưng cảnh giác:

- Ra là đụng nặng lắm.

Trong suốt thời gian này, Đại Úy Bình đã nhận xét kỹ và thấy rằng, trong 13 lô cốt chung quanh trại, chỉ có lô cốt số 13 là khu vực tương đối ít bị pháo nhất. Bởi vậy anh đề nghị, nếu có ra, nên ra hướng này.

Một hạ sĩ quan thủ kho đạn được được lệnh kiểm xem còn có bao nhiêu đoạn Bangalo. Còn đúng 13 đoạn. Tất cả tiểu đoàn được lệnh chuẩn bị sẵn sàng, kể cả gia đình binh sĩ. Hành trang gọn và nhẹ, chủ yếu là súng đạn. Tất cả những tài liệu cần thiết đều được hủy.

Đúng 4 giờ sáng, 13 đoạn Bangalo nối thành một ống dài xuyên qua những lớp hàng rào kẽm gai chằng chịt ở hướng lô cốt số 13. Địch vẫn pháo như mưa vào trại.

Thiếu Tá Chuyển ra lệnh. Tiếng nổ của Bangalo chìm mất trong tiếng pháo âm âm của địch. Một ánh lửa xanh biếc chói mắt bùng lên, cả chục lớp hàng rào kẽm gai đã bị Bangalo xé ra một đường dài.

Thiếu Úy Kchong, Đại Đội Trưởng Đại Đội I được lệnh dẫn đại đội mở đường máu tiến ra trước. Thiếu Tá Chuyển cùng Bộ Chỉ Huy theo sau, tiến về hướng Đông. Đại Úy Bình dẫn một cánh với gia đình binh sĩ vừa tiến ra là đánh chiếm ngay một ngọn đồi nhỏ gần đó, phá được ổ đại liên của địch để yểm trợ cho cánh của Thiếu Tá Chuyển. Sau đó, hai bên tách ra, cánh của Đại Úy Bình đi về hướng Bắc.

L19 vẫn bay quan sát trên cao. Người phi công gọi:

- Nam Bình, anh ở đâu trả lời.

Đại Úy Bình:

- Tôi vừa ra khỏi trại.

Máy bay L19:

- Tăng địch đã vào trại, đông như kiến.

Đại Úy Bình hét lên:

- Cho bom đập xuống.

Máy bay L19:

- Nhận rõ. Chờ xem.

Từng chiếc phản lực theo nhau bay đến. Lượn trên cao vì phòng không của địch như đan lưới. Những cánh chim bằng của Không Đoàn Biên Trấn đã từng vào sanh ra tử nên biết bao kinh nghiệm. Những chiếc phản lực nối đuôi nhau chúi xuống. Những tiếng nổ rung chuyển cả một vùng đồi núi. Lệ Khánh chìm trong biển lửa.

Đại Úy Bình gọi L19 nhờ dẫn đường. Không nghe trả lời, nhìn lên, thấy máy bay đã trúng đạn đang bốc cháy. Một cánh dù bung ra. Cầu cho anh đừng rơi vào tay địch. Ngày hôm sau, khoảng 4 giờ chiều, cánh của Thiếu Tá Chuyển và cánh của Đại Úy Bình gặp nhau. Họ mới rời Lệ Khánh được chừng 5 cây số. Địch bám theo sát, vừa đi vừa đánh. Đàn bà và trẻ con di chuyển rất chậm. Trẻ con khóc la nên bị địch theo hoài. Còn chừng hai cây số nữa mới đến sông Poko. Thiếu Tá Chuyển ra lệnh đi tiếp và nói với Đại Úy Bình:

- Anh vẫn theo hướng Bắc và giữ mặt Bắc cho tôi.

Hai cánh chia tay. Vừa đi chừng 500 thước thì Đại Úy Bình nghe bên cánh của Thiếu Tá Chuyển có tiếng súng nổ rền. Đại Úy Bình chụp máy hỏi:

- Anh đạn nặng không?

Thiếu Tá Chuyển:

- Tôi bị tụi nó vây rồi.

Đại Úy Bình:

- Cần tôi tiếp không?

Thiếu Tá Chuyển:

- Không. Dẫn anh em đi đi.

Sau đó Đại Úy Bình không còn liên lạc được với Thiếu Tá Chuyển nữa. Và bây giờ cánh của anh bị chặn đánh. Hình như ở đâu cũng có địch. Anh dàn

quân, vừa đánh vừa di chuyển. Ra tới bờ sông Poko, gặp lúc mùa khô, nước cạn ngang ngực. Cả đoàn người cố băng qua sông. Đại Úy Bình cùng với một toán còn đứng lại trên bờ đánh cản hậu. Một người đàn bà Thượng đai đưa con trước ngực trúng đạn nằm chết bên bờ sông, đứa bé vẫn còn ngậm vú mẹ mà bú sữa. Cái hình ảnh đó làm cho người chiến sĩ kiên cường như Đại Úy Phan Thái Bình cũng thấy tim mình se lại. Anh ra lệnh cho một người lính Thượng ẵm đứa bé đưa qua sông, tìm cách gửi vào một làng Thượng gần đó. Địch đuổi tới, dàn súng cối 61 ly trên bờ bắn như mưa xuống đoàn người đang vượt qua. Sông Poko không dậy sóng, mà nước sông Poko chỉ nhuộm đỏ bởi máu của đàn bà và trẻ con vô tội.

Bờ bên kia có căn cứ của Liên Đội 385 Địa Phương Quân. Đơn vị này yểm trợ cho đoàn người qua sông. Khi ra đi, cánh của Đại Úy Bình gồm có 360 người. Qua khỏi sông Poko, chỉ còn 97 người. Phần thất lạc, phần chết, phần bị địch bắt. Đại Tá Dương, Đại Tá Thìn và Tướng Bá đã đợi sẵn. Đại Tá Dương ôm chầm Đại Úy Bình an ủi và ngạc nhiên khi thấy anh vẫn mang lon Trung Úy. Đại Úy Bình giải thích:

- Cặp lon rơi giữa hàng rào nên không ra lấy được.

Đại Tá Thìn đích thân mở một lon nước ngọt cho Đại Úy Bình, và mọi người vào Trung Tâm Hành Quân nghe Đại Úy Bình thuyết trình diễn tiến trận đánh Lệ Khánh, cùng chỉ rõ những đường nào mà chiến xa của địch có thể tiến vào Kontum. Sau đó Đại Tá Dương gắn lon cho Đại Úy Bình và ra lệnh cho xe đưa 97 người về Kontum, nhưng Đại Úy Bình thỉnh cầu:

- Tôi và các anh em xin ở lại đây thêm vài hôm nữa để chờ đón những người thất lạc. Tôi tin tưởng thế nào cũng có người trở về được.

Những ngày kể đó, bên bờ sông Poko, từ sáng khi trời còn mờ sương cho đến tối khi sương mù lại xuống dày đặc, một người đứng bên này nhìn qua bờ bên kia để mong ngóng, mặc cho pháo của địch từ bên kia bắn qua. Đại

Úy Phan Thái Bình vẫn kiên nhẫn đứng chờ trong sương lạnh. Đã ba ngày qua, nhưng anh tin rằng thế nào cũng đón được anh em. Khi bóng đêm buông xuống, Đại Úy Bình nghe có tiếng nước khua động, có người đang lội qua sông. Một, hai, rồi ba, rồi bốn... Đại Úy Bình nép mình sau gốc cây, chờ cho mấy bóng người vừa lên bờ, hỏi nhỏ:

- Biệt Động Quân?

Mấy cây súng châu lại định bắn, nhưng tiếng nói quen quá, một người hỏi lại:

- Đại Úy hả?

Đại Úy Bình bước ra. Hai bên chạy ào đến ôm nhau. Một người với giọng còn xúc động:

- Em tưởng Đại Úy chết rồi. Núp trong rừng, nghe tụi nó đi ngang nói chuyện với nhau: "Đã giết được tiểu đoàn trưởng và tiểu đoàn phó ác ôn rồi".

Người này là hạ sĩ quan Truyền Tin của Thiếu Tá Bửu Chuyển, anh kể:

- Thiếu Tá bị thương. Chúng bắt dẫn đi, ông không chịu đi, bị chúng bắn chết tại chỗ.

Khi địch lục ba lô trên xác một người lính, thấy bộ đồ trận có gắn lon và bảng tên của Đại Úy Bình và khuôn dấu của tiểu đoàn, nên tưởng tiểu đoàn phó cũng đã tử thương.

Gọi báo tin cho Đại Tá Dương ở Kontum, Đại Úy Bình nghẹn ngào:

- Bửu Chuyển chết rồi.

Đại Tá Dương sững sờ, ông hy vọng Bửu Chuyển sẽ về. Nhưng bây giờ ông biết, ông đã mất đi một sĩ quan ưu tú, gan lì nhất trong binh chủng.

Tháng 4 năm 1975, Đại Tá Nguyễn Văn Dương chung số phận với những đồng đội của mình. Sau 13 năm tù cải tạo, ông cùng gia đình đến Hoa Kỳ ngày 26 tháng 5 năm 1992 trong đợt HO10, hai tuần trước ngày tác phẩm

"Dai Uy" đưa đến nhà in. "Dai Uy" là cuốn hồi ký dày gần 300 trang của Trung Tá hồi hưu James E. Behnke, viết về cuộc chiến đấu anh dũng của Tiểu Đoàn 33 Biệt Động Quân của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, mà hồi đó, Đại Úy Nguyễn Văn Dương là Tiểu Đoàn Trưởng và Đại Úy James E. Behnke là cố vấn của tiểu đoàn. Cho đến năm 1992, hai người bạn cũ mới gặp lại nhau, hai người vẫn gọi nhau một cách thân mật là Đại Úy như ngày nào còn bên nhau, cùng vào sinh ra tử.

Chinh Chiến Điều Linh

Trên Đỉnh Chu Pao

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Cao Nguyên là một phần đất thật đẹp của quê hương. Nếu không phải vì tình trạng chiến tranh, Cao Nguyên quả là một nơi tuyệt vời cho những người muốn sống gần với thiên nhiên. Kontum được xem như là một thị trấn tiêu biểu của vùng này. Kontum có những ngôi nhà xưa, xây từ lúc người Pháp mới đến đây khai phá, có những đồn điền cà phê xanh mướt, có dòng sông Dabla nước chảy lững lờ, có những con đường phố với hai hàng phượng vĩ, mùa hè hoa đỏ rực một màu, có những quán cà phê của những cô Thái trắng, cả cà phê và chủ nhân đều làm say lòng khách ghé đến. Nhưng hôm nay, Cao Nguyên lửa đạn ngút trời, tôi đến đây mỗi ngày ăn gạo sấy và đi thăm các trại tạm cư của đồng bào tị nạn, đi thăm các căn cứ hỏa lực đang ngày

đêm chiến đấu với địch quân để giữ cho Kontum, thành phố được nguyên vẹn, cuộc sống được yên lành.

Từ Kontum, tôi trở về Pleiku bằng trực thăng vì nghe tin một trận đánh dữ dội vừa xảy ra trên đỉnh núi Chu Pao và quân ta đã hoàn toàn làm chủ tình hình tại hai căn cứ hỏa lực 41 và 42 cách thành phố Pleiku 15 cây số về hướng Bắc, ở vị trí trấn đóng ngay ngõ vào thành phố. Nếu hai căn cứ này phải di tản chiến thuật, thì Pleiku sẽ một sớm một chiều rơi vào tay địch. Vì vậy, trong hai ngày qua, những trận đánh đẫm máu đã diễn ra tại đây, khiến cho tất cả phóng viên chiến trường trong và ngoài nước đều dồn hết về hai căn cứ này.

Chúng tôi đi bằng đường bộ dưới sự hướng dẫn của Trung Tá Nghiêm thuộc Khối Chiến Tranh Chính Trị Quân Đoàn II. Những phóng viên ngoại quốc người nào cũng mặc áo giáp, đội nón sắt và mang ba lô trên vai như những người lính chiến, chỉ khác là những chiếc máy hình trên tay thay thế cho súng cá nhân mà thôi. Ba lô của họ đầy đủ lương khô và nước uống. Họ cẩn thận cũng phải, vì đây là xứ lạ quê người, và đang đi vào một vùng rừng núi, một vùng đang giao tranh, bom đạn có thể chụp xuống bất cứ lúc nào.

Đại Úy Hồ Đắc Tùng, Tiểu Đoàn Trưởng của Tiểu Đoàn 3/44 thuộc Sư Đoàn 23 Bộ Binh được yêu cầu thuyết trình về trận đánh khốc liệt vừa xảy ra ngày hôm qua tại đây. Đại Úy Tùng xuất thân khóa 20 Võ Bị Đà Lạt.

Dáng người nhỏ, gầy, mắt sáng, nói tiếng Anh lưu loát.

Chúng tôi được mời xuống hầm chỉ huy của căn cứ hỏa lực 42. Đại Úy Tùng bắt đầu trình bày những diễn tiến:

- Cộng quân thừa hiểu rằng, muốn tiến vào Pleiku, chúng phải đánh chiếm hai cửa ải là căn cứ 41 và căn cứ 42 trước tiên. Vào lúc 1 giờ 30 đêm hôm trước, Cộng quân pháo chừng 500 quả vào căn cứ rồi một đại đội đặc công của Sư Đoàn 2 Sao Vàng và một trung đoàn trợ chiến, Trung Đoàn 9P, có

thêm trung đoàn pháo yểm trợ đã mở một cuộc tấn công đẫm máu vào căn cứ này. Cộng quân tiến vào từ hướng Đông. Lúc đó cánh quân của tôi ở phía Tây đánh dạt chúng qua.

Đặc công của Việt Cộng còn trẻ, chừng 15, 16 tuổi, nhưng đã chích thuốc kích thích nên rất liều mạng. Chúng mang vào khoảng 50 kí lô chất nổ để phá căn cứ. Chúng tôi được Pháo Binh Dù yểm trợ, bắn rất chính xác. Trên không còn có L19 và C7 thả hỏa châu soi sáng cả một vùng cho F105 oanh kích địch.

Lúc đó áp lực của Cộng quân thật quá nặng, tôi nhờ tần số của Dù liên lạc với Mỹ xin tia laser. Đến 2 giờ kém mười phút, một chiếc C130 bay đến lượn vòng vòng trên trời ở hướng của địch. Khoảng 6 giờ sáng, phía bên địch tiếng súng thưa thớt dần rồi im bật. Sáng hôm đó, chúng tôi phải chôn 160 xác Việt Cộng ở chung quanh căn cứ, lát sau tìm thấy thêm 40 xác bên bờ suối đằng kia cùng với những vết máu rải rác trên mặt đất từ đây vào trong rừng.

Ngừng một lát, giọng Đại Úy Tùng có vẻ buồn ngủ:

- Đại Úy Lịch thuộc Sư Đoàn Dù chết ngay trên hầm này. Một xạ thủ giữ cây đại liên trên nóc hầm vừa trúng đạn gục xuống, ông nhào tới ôm cây đại liên quạt tiếp vào toán đặc công đang xung phong vào cho đến khi ông trúng đạn quy xuống.

Tôi hỏi Đại Úy Tùng:

- Đại Úy có thể cho biết tác dụng của tia laser? Loại máy bay nào được trang bị tia sáng này?

Đại Úy Tùng giải thích:

- Tia laser bắn gần thì cháy, xa thì bị mù mắt. Lúc đó, chính tôi cũng lấy làm lạ, vì đây là lần đầu tiên, tôi thấy máy bay C130 cứ lượn qua, lượn lại về hướng quân địch mà không thấy động tĩnh gì hết. Sáng ra chôn xác mới

hiểu, địch bị bắn mù mắt, cứ đi luẩn quẩn một chỗ. Tia laser hiểm lăm, chỉ trang bị cho phi cơ Mỹ.

Tôi được mời ở lại căn cứ ăn cơm lính, gạo sấy với đồ hộp. Cơm chưa kịp ăn thì ầm, ầm... những tiếng nổ long trời lở đất. Tôi nhìn thấy những bao cát trên nóc hầm rung rinh như muốn sập xuống. Máy truyền tin trong hầm chỉ huy làm việc không ngừng: căn cứ 41 đang bị pháo kích. Tôi nghĩ rằng có thể mình sẽ được chứng kiến tại chỗ một trận đánh ác liệt sắp diễn ra, vì cái chiến thuật cổ điển của Cộng quân, "tiền pháo hậu xung". Pháo chừng vài trăm quả là có thể có màn xung phong vào căn cứ. Tôi chuẩn bị máy hình và chờ đợi. Nhưng rồi trận pháo kích chấm dứt mà không thấy địch tấn công. Chúng tôi rời hầm chỉ huy. Những cây cột gần miệng hầm bị trúng đạn cháy còn vết đen. Mùi máu vẫn còn phảng phất trong không khí. Những vũng máu đã khô rải rác trên mặt đất. Máu của địch và của những chiến sĩ đã giữ vững căn cứ này.

Chúng tôi ăn cơm bên cạnh miệng hầm. Đại Úy Tùng nói:

- Ngồi đây nếu có gì cô chạy xuống hầm cho tiện. Dưa chuột, cà chua, các thức ăn tươi này là của lính tôi mua lại trong các buôn Thượng gần đây. Chừng nào kiếm không có chút rau trái mới phải ăn toàn đồ hộp.

Sau bữa cơm, tôi đề nghị với Đại Úy Tùng và sĩ quan tùy viên của Trung Tướng Ngô Dzu là cho tôi đi thăm căn cứ 42. Đại Úy Tùng nói:

- Lên trên đó pháo kích dữ lắm. Áo giáp, nón sắt tôi chỉ còn một cái, tôi cho cô mượn.

Tôi ngỏ ý cảm ơn:

- Xin nhường cho tùy viên của ông Tướng. Tôi mang những thứ đó nặng quá chạy không nổi đâu. Lỡ bị Việt Cộng bắt thì còn khổ hơn là trúng đạn nữa. Đi làm phóng sự từ chiến trường này qua chiến trường khác, lâu ngày tôi mới nghiệm thấy một điều: thường ở trong những hoàn cảnh cận kề với sự

hiểm nguy, người ta hay đùa cợt để cho tinh thần bớt căng thẳng, cho quên đi những lo âu đè nặng trong tâm hồn, hoặc là thoát ra khỏi hiện tại bằng những mộng mơ nào đó. Cũng như hồi nãy khi vừa dứt pháo kích, đi ra khỏi hầm chỉ huy, tôi thấy một người lính từ hố cá nhân nhảy lên ngòi bên miệng hầm, nhìn trời ngâm thơ tựa hồ như sinh hoạt ở đây vốn rất bình lặng:

Bây giờ em ở Pleiku

Cỏ xanh là núi mây mù là sương

Tôi không biết có phải hai câu thơ này là của chính anh sáng tác hay không, nhưng chắc chắn trong giờ phút ấy, anh đang nghĩ đến một người con gái nào đó. Và những giây phút lãng mạn trong tình huống này có lẽ giúp cho người lính chiến thoải mái hơn là ngòi lo âu không biết là địch sẽ trở lại tấn công lúc nào.

Chúng tôi đến căn cứ hỏa lực 42 khi căn cứ này cũng vừa bị một trận pháo dữ dội. Mọi người đang bận rộn với công việc của mình. Người thì đang ăn cơm, người thì đang tu bổ lại những hầm mới bị pháo làm hư hại. Tôi ngó ý với Đại Úy Tùng muốn gặp một chiến sĩ nào xuất sắc nhất của đơn vị. Đại Úy Tùng chấp thuận ngay.

Mọi người kéo vào hầm chỉ huy. Cứ mỗi lần vào hầm chỉ huy là mỗi lần tôi suýt bị bể trán vì lo quan sát chung quanh mà quên khom mình xuống chui qua cửa hầm. Trung sĩ Nguyễn Văn Tà đứng nghiêm chào ông Tiểu Đoàn Trưởng của mình và ngòi đối diện với tôi.

Anh đánh giặc lì nhất đơn vị nhưng lại có vẻ lúng túng khi ngòi nói chuyện với một nữ phóng viên. Tôi mở lời ngay cho anh được tự nhiên:

- Anh làm ơn kể lại cho tôi nghe trận đánh hào hùng của các anh vừa rồi trên núi Chu Pao.

Anh Tà có vẻ vui vẻ khi nghe tôi hỏi về chuyện đánh nhau, anh vừa nói vừa diễn tả bằng bộ điệu:

- Hôm đó, lực lượng Dù đã chiếm được nửa đỉnh đồi. Trên cao, tụi Việt Cộng còn giữ trên đó, và đồi bên kia có khoảng cấp một trung đoàn của tụi nó chiếm giữ. Sáng hôm sau, Đại Đội Trưởng của tôi cho một trung đội kéo qua đánh đồi bên kia. Việt Cộng cách chúng tôi khoảng 700 mét. Vừa lên lưng chừng đồi là đụng ngay tụi nó. Tôi cho cánh quân bên trái ép qua, cây đại liên đi giữa hai tiểu đội...

Anh Tạ diễn tả lại trận đánh trên núi Chu Pao một cách hào hứng như người đang kể lại một trận cầu quốc tế. Nhưng đây không phải là kết quả tranh tài của một trận cầu, mà những gì đạt được đều phải đổi bằng xương máu và cả sinh mạng của mình.

Anh kể đến lúc trận chiến đã tàn:

- Sáng ra, chúng tôi không thấy Việt Cộng nữa. Chúng bỏ lại rất nhiều xác trong các hầm và trên hai đỉnh đồi mình đã chiếm được.

Tôi hỏi anh Tạ:

- Nghe nói anh đã bị thương bốn lần mà vẫn xin đi tác chiến. Những vết thương của anh đã lành hẳn chưa?

- Đã lành rồi. Tôi bị thương một lần ở đầu, một lần ở ngực, một lần ở tay và mới đây là ở sau lưng. Một lần tôi bị thương rồi mà còn bắt được một tên Việt Cộng dẫn về và lấy được một cây CKC nữa.

Anh Tạ đúng là mẫu một người lính chiến. Cuộc đời anh như đã gắn liền với binh nghiệp. Anh xem đơn vị cũng như gia đình thứ hai của mình. Những vết thương trên người anh là những huy chương có giá trị thực sự, tạo cho anh niềm kiêu hãnh và sức chiến đấu bền bỉ như đỉnh Chu Pao đã qua bao tháng ngày mưa gió.

Núi Chu Pao có đỉnh cao 1,059 mét, nằm về phía Bắc và cách Pleiku chừng 17 cây số. Đỉnh Chu Pao cũng giống như một vọng gác trên cao nhìn xuống, canh chừng Quốc Lộ 14, con đường nối liền giữa hai thành phố Pleiku và

Kontum. Nếu địch chiếm được đỉnh Chu Pao là nắm được con đường huyết mạch 14 trong tay và cô lập thành phố Kontum một cách dễ dàng. Bởi vậy, đã có nhiều trận đánh ác liệt xảy ra tại đây giữa ta và địch để giành quyền kiểm soát đỉnh núi này.

Tháng 6 năm 1972, quyền kiểm soát đỉnh Chu Pao lại rơi vào tay quân địch. Khởi đầu là Trung Đoàn 53 thuộc Sư Đoàn 23 Bộ Binh tăng viện cho Kontum bị phục kích trên một tuyến đường dài 5 cây số, từ Sở Trà cho đến Chu Pao. Cả một đoàn xe vận chuyển của Sư Đoàn 23 cùng các đơn vị Thiết Giáp đều bị kẹt lại ở đây.

Liên Đoàn 2 Biệt Động Quân được tăng cường để giải tỏa cũng bị vây trên một ngọn đồi. Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân từ Pleiku lên, rồi Liên Đoàn 22 Biệt Động Quân kéo đến tăng cường.

Khoảng giữa tháng 6, Tiểu Đoàn 62 Biệt Động Quân lên nhận 3 vị trí của Liên Đoàn 7. Bàn giao xong, sáng hôm sau được lệnh tổ chức lại các vị trí phòng thủ. Buổi chiều, Tướng Trần Văn Hai, trước là Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân, hiện là Tư Lệnh Phó Quân Đoàn II đến thị sát chiến trường bằng đường bộ.

Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 62 là Đại Úy Lê Thanh Phong, khóa 20 Võ Bị Đà Lạt, thay thế Thiếu Tá Bửu Chuyển chết trong trận Lệ Khánh. Tiểu Đoàn Phó vẫn là Đại Úy Phan Thái Bình.

Tướng Hai cho gọi Đại Úy Phong đến:

- Anh Hai, với tư cách là đàn anh trong binh chủng Biệt Động Quân đến thăm. Anh Hai muốn lên căn cứ 41, phải đi bằng cách nào?

Đại Úy Phong trình bày:

- Chỉ có cách đi bọc trong rừng.

Một toán mở đường, hộ tống Tướng Hai lên căn cứ 41 gặp Đại Tá Lại Đức Dung đang chỉ huy căn cứ 41 để bàn cách giải tỏa Chu Pao. Từ căn cứ 41 trở

về, Tướng Hai đến Bộ Chỉ Huy của Tiểu Đoàn 62 nói với Đại Úy Phong:

- Ngày mai, Tiểu Đoàn 62 bắt đầu từ vị trí này, đánh dọc theo Quốc Lộ 14, làm sạch sẽ, bắt tay với căn cứ 41. Anh Hai muốn đi bằng xe đến căn cứ 41 chứ không phải đi trong rừng nữa.

Lời nói nhỏ nhẹ của "anh Hai" cũng như quân lệnh.

Vị trí của Tiểu Đoàn 62 Biệt Động Quân đến căn cứ 41, đi theo Quốc Lộ 14 chỉ có một cây số thôi, nhưng những đơn vị đến đây trước, cũng như Tiểu Đoàn 62 bây giờ, đã gọi đoạn đường này là "khúc xương khó nuốt".

Đại Úy Phong và Đại Úy Bình bàn thảo kế hoạch. Cuối cùng Đại Úy Bình nhận lãnh chỉ huy trận đánh này. Anh họp tất cả cấp chỉ huy trong tiểu đoàn lại:

- Dọc Quốc Lộ 14, cỏ mọc cao và rậm rạp. Địch đào hố nấp ở dưới làm thành những chốt yểm trợ cho nhau. Cái khó là mình không thấy địch, cứ ló lên là bị bắn. Tôi sẽ cho một trung đội đi về phía trái giả đánh. Hai trung đội khác nấp để quan sát và ghi nhận vị trí địch. Sau đó sẽ cho pháo tập trung đập vào các chốt chừng 20 đến 30 phút, rồi chuyển pháo về các cây 82 ly của địch trong rừng để khóa họng, không cho yểm trợ chốt ngoài này. Chỉ trang bị súng, lựu đạn. Bò lên. Ném lựu đạn vào hố. Nhảy xuống, bóc xác quăng ra. Chiếm hố. Đánh chốt kế. Đạn dược dưới này sẽ tiếp lên.

Trận đánh diễn ra đúng như kế hoạch, phá được chốt đầu cũng là chốt chính, lấy được một cây 61 ly và gây cho 6 Cộng quân tử thương, trong đó có một C trưởng (đại đội trưởng). Đại Úy Phan Thái Bình đọc cho tôi nghe mấy câu thơ đề sau tâm hình một người con gái trong túi áo của C trưởng:

Ngày nào trái đất ngừng xoay

Trái tim ngừng đập, tình này vẫn yêu

Chốt đầu tiên là chốt chỉ huy, có dây điện thoại thả dài vào trong rừng để gọi pháo. Chiếm được chốt này cũng như đập được đầu rắn, Tiểu Đoàn 62 tiếp

tục một cách hữu hiệu, toán đi trước đánh chốt, chiếm chốt, toán đi sau đến giữ chốt cho toán trước đánh tiếp lên. Và như con sâu đo, những chiến sĩ gan lì của Tiểu Đoàn 62 Biệt Động Quân đã làm sạch sẽ "khúc xương khó nuốt" trong vòng 2 ngày, bắt tay với căn cứ hỏa lực 41.

Tướng Trần Văn Hai từ Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II gọi xuống khen:

- Anh Hai cho 3 ngày, mấy em làm có 2 ngày. Giỏi.

Những ngày sau đó, trận chiến bắt đầu chuyển động. Với sự yểm trợ của Không Quân, 3 ngày sau, Tiểu Đoàn 62 bắt tay được với Tiểu Đoàn 96.

Quốc Lộ 14 bắt đầu khai thông. Các đơn vị ở dưới đánh lên, trên Chu Pao đánh xuống, nắm lại được cái đòn gánh, mà hai gánh hai đầu là Pleiku và Kontum.

Chinh Chiến Điều Linh

Biên Trấn

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Căn cứ hỏa lực 5 nằm ngay ngã ba tam biên Việt Miên Lào, cách căn cứ Tân Cảnh chừng 5 cây số về phía Tây. Cũng trong những ngày chiến trường Cao Nguyên sôi động, tôi theo trực thăng từ Pleiku đến thăm Bộ Chỉ Huy của Liên Đoàn 81 Biệt Kích Dù đang đóng ở căn cứ này. Cùng đi trên chuyến trực thăng, có một sĩ quan Chiến Tranh Chính Trị và Bác Sĩ Lê Thành Ý thuộc Bệnh Xá Biệt Động Quân của Quân Khu II.

Căn cứ hỏa lực 5 nằm trên một đỉnh đồi, khi trực thăng sắp đáp xuống, người phi công ân cần căn dặn tôi:

- Xuống máy bay là phải chạy vào giao thông hào ngay tức khắc. Việt Cộng thích chỗ này lắm, chúng pháo suốt ngày suốt đêm.

Trực thăng đáp xuống, người phi công nhìn thấy mấy vị sĩ quan đứng đón ở bãi đáp không ai mặc áo giáp, đội nón sắt gì cả, anh lắc đầu:

- Nguy lắm, nguy lắm!

Người phi công cười dòn, vẫy tay chào rồi cất cánh. Anh mới trở về Việt Nam sau hai năm du học ở Hoa Kỳ. Anh em trong Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn 81 Biệt Kích Dù nghe có khách đến thăm đều ra chào hỏi vui vẻ. Những người tôi được gặp mặt hôm nay gồm có Trung Tá Phan Văn Huân, Liên Đoàn Trưởng, Bác Sĩ Ngô Thế Vinh, Y Sĩ Trưởng của liên đoàn, Thiếu Tá Lân, Thiếu Tá Vũ Xuân Thông (tài tử trong phim Người Tình Không Chân Dung) và những sĩ quan trẻ như Đại Úy Đào Minh Hùng, Đại Úy Trần Văn Thọ, Đại Úy Nguyễn Sơn... Các anh em trong lực lượng này đội mũ xanh, mặc quần áo trằn màu hoa rừng. Sống ở rừng núi quanh năm nên người nào tóc cũng dài, nước da ngăm đen và ai cũng hiểu khách.

Trung Tá Phan Văn Huân và Bác Sĩ Ngô Thế Vinh hướng dẫn tôi đi thăm bệnh viện của liên đoàn. Bệnh viện xây kiên cố. Nghe một người bạn nói là Bác Sĩ Vinh được đề cử đi du học ở Hoa Kỳ nhưng anh từ chối không đi.

Anh nói với bạn bè:

- Trong lúc chiến trường còn khốc liệt như thế này, mình đâu thể bỏ anh em mà đi.

Trung Tá Phan Văn Huân là một người Huế trầm lặng. Anh nói giọng Huế đặc. Xuất thân khóa 10 Võ Bị Đà Lạt, lên đến cấp bậc và chức vụ này, hẳn đã trải qua bao nhiêu là trận mạc. Anh nói cho tôi nghe tình hình chiến sự của vùng Tam Biên và đưa tôi đi thăm một vòng chung quanh căn cứ.

Liên Đoàn 81 đóng quân rải rác ở sườn đồi, trong rừng và dưới chân núi.

Trung Tá Huân kể lại một chiến công của anh em Biệt Kích Dù:

- Cộng quân đã chuẩn bị đánh Cao Nguyên từ lâu rồi. Trước khi chiến trường này bùng nổ, vào đầu tháng hai năm 1972, liên đoàn hành quân ở vùng Tam Biên, Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn đóng ở căn cứ Tân Cảnh. Liên đoàn thả quân lục soát dọc một vùng biên giới Việt Miên Lào và khám phá quân đã mở sẵn một con đường từ Tam Biên, xuyên qua núi phía Nam căn cứ Tân Cảnh, cách Quốc Lộ 14 chừng hai cây số để tiến quân đánh thẳng về Quân Đoàn II. Con đường này được Cộng quân chuẩn bị rất khéo, chúng đốn hết cây lớn để mở đường, chừa lại những cây nhỏ dùng ngụy trang. Những cây nhỏ không trở ngại gì cho chiến xa, bởi vậy dù cho trực thăng có bay thật thấp ở trên ngọn cây cũng không thể nào thấy được một con đường đã chuẩn bị sẵn. Con đường như một lưỡi dao dí thẳng vào yết hầu của Quân Đoàn II. Sau đó Liên Đoàn 81 Biệt Kích Dù giao lại căn cứ 5, căn cứ 6 và căn cứ Charlie cho Sư Đoàn 22 Bộ Binh, vì lúc đó mặt trận phía Bắc Tây Ninh bị áp lực của địch quân khá nặng. Việt Cộng chiếm Lộc Ninh và di chuyển rất nhanh về bao vây An Lộc. Liên Đoàn 81 Biệt Kích Dù được lệnh rời Tân Cảnh về giải vây cho An Lộc. Trung Tướng Ngô Dzu, Tư Lệnh Quân Đoàn II xin Dù tiếp viện. Sư Đoàn Dù đưa Tiểu Đoàn 11 Dù lên trấn đóng tại Charlie, dưới quyền chỉ huy của Trung Tá Nguyễn Đình Bảo (nhân vật trong bài "Người ở lại Charlie" của nhạc sĩ Trần Thiện Thanh), và đánh một trận lầy lùng khi căn cứ này bị địch quân dùng biển người tràn ngập.

Khác với Bác Sĩ Vinh và Trung Tá Huân là những người trầm lặng, Trung Úy Y Sĩ Lê Thành Ý tính tình vui vẻ, phóng khoáng. Ông có dáng người cao lớn, giống như một lực sĩ hơn là một họa sĩ. Vậy mà bàn tay cầm dao mổ của ông cũng là bàn tay cầm cây cọ để sáng tác nhiều bức sơn dầu không thua gì những họa sĩ chuyên nghiệp. Nhưng nói đến Bác Sĩ Lê Thành Ý,

những người quen biết không ai quên được một ca mổ gay cấn nổi tiếng của ông tại chiến trường Tây Nguyên này.

Người ta còn nhớ trận Pleime của những người hùng biên trấn Biệt Động Quân Biên Phòng vào mùa hè năm 1971. Sau khi Cộng quân bị đẩy lui bởi sức kháng cự mãnh liệt của các chiến sĩ Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân Biên Phòng dưới quyền chỉ huy của Đại Úy Giác, bên ta có một người lính trẻ mới 28 tuổi, gốc người thiểu số, bị một trái M79 ghim vào bắp chân. Tiểu đoàn không dám tản thương về Quân Y Viện Pleiku vì sợ trái đạn phát nổ bất cứ lúc nào trong khi di chuyển.

Được điện thoại cấp báo, Bác Sĩ Lê Thành Ý đang có mặt tại Pleiku, không một chút do dự, ông mời một bác sĩ Mỹ cùng đi, nhưng bác sĩ này từ chối. Bác Sĩ Ý gọi cho các bác sĩ ở Quân Y Viện Pleiku là Bác Sĩ Bùi Thế Khải, Bác Sĩ Nguyễn Huy Đạt, Bác Sĩ Nguyễn Thúc Cường và Bác Sĩ Phong để nhờ các vị này sẵn sàng cấp cứu cho mình, nếu cuộc giải phẫu của ông không thành công. Các bác sĩ này sẽ túc trực tại Quân Y Viện Pleiku và chờ tin: bệnh nhân sống là bác sĩ sống, nếu trái đạn nổ, bệnh nhân chết đã đành, bác sĩ giải phẫu sẽ mất hai cánh tay và bị trọng thương từ cổ lên toàn mặt. Vừa đến trại Pleime, Bác Sĩ Lê Thành Ý cho làm một phòng mổ dã chiến bằng bao cát vây chung quanh giường của thương binh, chỉ chừa một cửa sổ hình chữ L. Cùng đến Pleime với Bác Sĩ Ý, có Bác Sĩ Xuân thuộc Tiểu Đoàn 50 Chiến Tranh Chính Trị. Bác Sĩ Xuân đi theo để phòng cấp cứu Bác Sĩ Ý nếu cuộc giải phẫu thất bại và sẵn sóc cho Bác Sĩ Ý trên đường chuyển về Quân Y Viện Pleiku.

Phòng mổ dã chiến đã sửa soạn xong. Máy chuyên viên đạn dược đang đứng chờ. Trục thẳng tải thương đậu sẵn trên bãi đất. Bác Sĩ Lê Thành Ý đi tới, đi lui ngoài sân, hút thuốc không ngừng. Một lát, ông dừng lại nói với một ông cha người Mỹ:

- Xin cha hãy cầu nguyện cho tôi.

Cha vỗ vai ông và nói:

- Tất cả mọi người ở đây sẽ cầu nguyện cho bác sĩ khi bác sĩ bắt đầu mổ.

Bác Sĩ Lê Thành Ý bước vào phòng, mặc áo giáp, đội nón sắt, đưa hai cánh tay qua khung cửa nhỏ của bức tường làm bằng bao cát. Nét mặt của Bác Sĩ Ý lúc này rất thản nhiên, tay cầm cây dao mổ, ông bắt đầu đùa với tử thần. Trong phòng yên lặng đến nghẹt thở. Ngoài hành lang, mọi người đều cầu nguyện theo tôn giáo của mình. Mười lăm phút sau, viên đạn M79 đã nằm gọn trong bàn tay khéo léo của Bác Sĩ Lê Thành Ý. Máy chuyên viên đạn được lập tức mang viên đạn ra ngoài. Một lát sau, những người đang chờ đợi đằng trước nghe một tiếng nổ lớn, cửa phòng mở và Bác Sĩ Ý bước ra. Đám đông ào tới, người bắt tay, người ôm vai... để bày tỏ sự vui mừng của mình cùng với sự cảm kích lòng can đảm và vị tha của một người y sĩ.

Hiện nay Bác Sĩ Khải ở Pháp, Bác Sĩ Đạt ở New York, Bác Sĩ Cường ở Seattle, Bác Sĩ Phong ở Úc. Dù có dịp nào gặp lại nhau hay là không, nhưng chắc chắn họ không thể nào quên được những kỷ niệm của những ngày ở Cao Nguyên khói lửa mịt mờ.

Trong số những người này, Bác Sĩ Ngô Thế Vinh hiện ở tại miền Nam California, là người có nhiều tình cảm gắn bó với miền núi rừng này nhất. Lúc còn đi học, anh là chủ bút tờ Tình Thương của Đại Học Y Khoa Sài Gòn. Sau khi ra trường, anh sáng tác đều đặn trong những năm đầu: Mây Bão (1963), Bóng Đêm (1964), Gió Mùa (1965) và Vòng Đai Xanh (1971). Tác phẩm Vòng Đai Xanh được thành hình trong khoảng thời gian ở Cao Nguyên, anh là Y Sĩ Trưởng của Liên Đoàn 81 Biệt Kích Dù. Núi rừng và sinh hoạt của những sắc dân thiểu số là những đề tài ít người nhìn đến với một tình cảm sâu sắc như anh. Bởi vậy, với tôi, Vòng Đai Xanh là một âm bản tuyệt hảo của một nhiếp ảnh gia yêu mến thiên nhiên và là một bản cáo

trạng danh thép lên án sự chà đạp quyền bình đẳng của con người.

Sau khi đi thăm một vài nơi đóng quân của Liên Đoàn 81 Biệt Kích Dù, tôi theo chân Trung Tá Huấn trở về doanh trại và được anh em mời ăn cơm trưa. Bữa cơm dã chiến thật đặc biệt với món thịt rừng, gồm thịt nai, thịt thỏ, do anh em săn về phơi khô làm lương thực. Mọi người vừa ăn vừa nói chuyện vui vẻ. Thiếu Tá Thông nói chuyện vui nhất, làm mọi người quên mất những trận pháo kích có thể chụp xuống căn cứ bất kể lúc nào.

Buổi tối tôi trở về Kontum, tạm trú trong một chủng viện. Các dì phước ở đây dặn dò:

- Nếu nghe pháo kích thì chạy xuống hầm. Hầm ở đằng kia kia.

Chủng viện ở xa trung tâm thành phố, ban đêm khung cảnh tĩnh mịch và khí hậu thật trong lành. Tôi mở cửa sổ, mùi thơm của hoa bưởi, hoa trà từ ngoài vườn theo gió vào tận trong phòng. Rồi một giấc ngủ thật ngon lành trong gió mát và hương hoa của miền rừng núi. Nửa đêm, chợt tỉnh giấc vì những tiếng nổ long trời hình như ngay ngoài cửa sổ. Tôi biết là mình đang bị pháo kích. Chừng nửa giờ sau, tiếng pháo im bật. Bên ngoài ánh trăng vẫn chiếu sáng trên những chùm hoa bưởi trắng ngần, hương thơm của hoa càng về đêm càng ngát ngào trong gió. Cái chết chỉ trong đường tơ kẽ tóc. Và tôi thấy mình thích mùi hoa bưởi từ dạo đó.

Sáng hôm sau, tôi dậy thật sớm, ra sân đứng nhìn những mảnh đạn vương vãi khắp nơi. Dấu tích một quả đạn pháo nổ gần nhất chỉ cách nơi tôi ngủ không quá 10 mét. Các anh em trong Liên Đoàn 81 lái xe từ căn cứ 5 đến chủng viện mời tôi đi uống cà phê. Một anh nói:

- Đêm qua nghe pháo kích, xem tọa độ, thấy đạn rơi vào chủng viện, anh em chúng tôi lo cho cô lắm.

Tôi cười:

- Cám ơn anh em. Ông thầy tử vi nói tôi sống lâu lắm.

Chúng tôi uống cà phê tại một quán cà phê nhỏ nằm bên dòng sông Dabla. Người ta nói con sông này đặc biệt là nước chảy ngược dòng. Khi chưa đến Kontum tôi nghe nói như vậy, trong lòng nghĩ khi đến đây, phải ra đứng bên bờ sông Dabla để nhìn xem nước có chảy ngược dòng hay không. Nhưng đến đây bao nhiêu lần rồi cũng quên mất chuyện đó.

Chủ nhân của quán cà phê nhỏ này là một cô Thái trắng. Bàn tay bung tách cà phê có những ngón thật nõn nà. Các cô Thái trắng có một vẻ đẹp đặc biệt, nét đẹp của một bông hoa rừng, đẹp tự nhiên và có một chút gì man dại, dễ thu hút và gây ngất lòng người. Chủ quán đẹp, cà phê Kontum ngon tuyệt vời, khách đến đây là những chàng trai chiến trường đi chẳng tiếc ngày xanh. Hôm nay ngồi đây uống một ly cà phê, nhìn nhau, nếu có một chút tình cảm nào đó, thì cũng chỉ là bèo nước tương phùng. Rồi quán rồi, có thể vĩnh viễn không bao giờ gặp lại.

Vừa trở về Pleiku, tôi sững sờ khi nghe tin Đại Úy Ngô Tùng Lam, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 72 Biệt Động Quân Biên Phòng vừa tử trận tại Benhet. Căn cứ Benhet là một trong những căn cứ hỏa lực trấn đóng dọc vùng Tam Biên, là một trong những cái chốt làm gai mắt Cộng quân nhất trong mưu đồ tiến chiếm Kontum.

Đại Úy Ngô Tùng Lam trước ở bên Lực Lượng Delta và năm 1968 đã nổi tiếng là người hùng trong lần giải tỏa mặt trận Cây Thị. Đại Úy Lam là bạn rất thân của Bác Sĩ Lê Thành Ý.

Tôi chỉ gặp Đại Úy Lam có một lần cách đây hai tháng. Hôm đó Bác Sĩ Ý đưa tôi đi thăm Liên Đoàn 81 Biệt Kích Dù bằng đường bộ, nhưng đường mất an ninh nên phải trở về Pleiku. Chạy ngang qua phố thì gặp xe của Đại Úy Lam. Đại Úy Lam ngừng xe và nhảy qua xe của chúng tôi. Bác Sĩ Ý giới thiệu:

- Đại Úy Ngô Tùng Lam, người hùng đang trấn đóng ở Benhet.

Đại Úy Lam dánh gậy, để ria mép. Tôi định nhường cho ông ngồi ở ghế trước, nhưng ông đã nhanh nhẹn phóng lên ngồi ở đằng sau. Đại Úy Lam có nụ cười thật tươi và nói chuyện vui như pháo nổ. Chúng tôi ghé lại uống cà phê ở một quán bên bờ hồ, cạnh doanh trại của Đại Đội 2 Quân Y. Chúng tôi nói chuyện về chiến tranh, về văn nghệ. Đại Úy Lam lắng tai nghe bản "Tắm Thờ Bại". Tiếng hát của Thanh Thúy từ một máy cassette nhỏ của quán cà phê. Ông nói ông rất thích bài này, mà phải là Thanh Thúy hát mới thấm. Và ông kể chuyện tình của ông mới đến hồi chấm dứt gần đây:

- Tôi yêu một người con gái đã 5 năm mà chưa một lần nắm tay. Khi nghe tin nàng sắp lấy chồng, tôi một mình từ Pleiku lái xe về Đà Lạt để gặp nhau lần cuối. Tôi ngồi lặng lẽ nhìn nàng, uống một ly cà phê, chúc phúc cho nàng rồi trở về căn cứ.

Đại Úy Lam nhìn ra mặt hồ, thở dài:

- Nàng đi lấy chồng, nhưng tôi vẫn yêu nàng.

Bác Sĩ Ý là người thích cười đùa vui vẻ nhất, mà lúc đó cũng ngồi im lặng nhìn những ánh đèn của nhà ai bên kia đồi. Những ánh đèn mờ mờ ảo ảo, chập chờn trong sương đêm của miền rừng núi.

Từ hôm về nhìn mặt người yêu lần cuối, vài tuần sau, Đại Úy Lam tử trận tại Benhet trong một lần tấn công ác liệt của Cộng quân. Đêm chúng tôi ngồi uống cà phê và nghe ông kể chuyện tình buồn của người lính chiến, đó là lần thứ nhất cũng là lần cuối tôi gặp ông.

Một Đại Úy Ngô Tùng Lam với những chiến sĩ anh hùng của Tiểu Đoàn 72 Biệt Động Quân Biên Phòng ở Benhet; một Thiếu Tá Bửu Chuyển, một Đại Úy Phan Thái Bình, với những anh em dũng cảm của Tiểu Đoàn 62 Biệt Động Quân Biên Phòng ở trại Lệ Khánh; một Trung Tá Lò Văn Bảo với những người lính Địa Phương Quân can trường của Chi Khu Dakto; một Trung Sĩ Nguyễn Văn Tà, chiến sĩ xuất sắc của Tiểu Đoàn 3/44 của Sư Đoàn

23 Bộ Binh ở căn cứ hỏa lực 41 và 42; một Trung Tá Nguyễn Đình Bảo với những chiến sĩ Dù oai hùng ở Charlie; một Trung Tá Phan Văn Huân với anh em Biệt Kích Dù 81 ngạo nghễ ở căn cứ hỏa lực 5; một Y Sĩ Trung Úy Lê Thành Ý xả thân vì người ở Pleime... là những chất liệu sống động đã tạo nên một chuỗi huyền thoại về những người hùng biên trấn Tây Nguyên của một thời chinh chiến.

Chinh Chiến Điều Linh

Qua Cơn Bão Lửa

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Khi Cộng quân mở cuộc tổng công kích toàn diện vào miền Nam Việt Nam mùa hè năm 1972, người ta nói rằng, Tướng Võ Nguyên Giáp đang làm một cuộc phiêu lưu bằng xương máu của 13 sư đoàn quân Bắc Việt. Sau khi lửa đạn đã ngút trời từ Bến Hải chạy dọc theo rặng Trường Sơn vào tận miền Cao Nguyên Trung Phần, một thị trấn nhỏ bé nằm về hướng Bắc của Sài Gòn và cách Sài Gòn khoảng 95 cây số được những bàn tay máu của Bắc Việt khoanh tròn trên bản đồ quân sự: An Lộc.

Ký giả Joseph Alson của báo Los Angeles Times, người đã theo dõi trận An Lộc từ ngày khởi đầu, đã tuyên bố:

- So với Khe Sanh năm 1968, An Lộc còn ghê gớm hơn nhiều, ngay như Thiếu Tướng Hollingsworth, Cố Vấn Trưởng Quân Đoàn 3, một vị cố vấn

quân sự nổi tiếng gan dạ như thế mà vẫn chưa dám đặt chân xuống An Lộc. Không như Khe Sanh hồi đó, ngày nào cũng có vài vị khách đến thăm. Báo Los Angeles Times cũng viết: "Cường độ pháo kích tại Khe Sanh còn quá nhẹ so với An Lộc. Khi lực lượng phòng thủ ở Khe Sanh năm 1968 là Thủy Quân Lục Chiến Mỹ thì chúng ta đau khổ gọi nơi đây là "Địa Ngục Khe Sanh". Nhưng khi chúng ta biết đang có một cuộc tử thủ tại An Lộc còn ghê gớm hơn cả Khe Sanh, thì chúng ta lại thờ ơ, lãnh đạm, nói đến với một giọng điệu kẻ cả. Giả sử như quân đội Mỹ đang tử thủ tại đây, thì chắc cả nước Mỹ phải khóc nức nở chứ không phải thờ ơ lãnh đạm như đối với những chiến sĩ của Việt Nam Cộng Hòa đang chiến đấu tại An Lộc bây giờ." Đầu tháng 4 năm 1972, một cuộc hội thảo về Bình Định Phát Triển cho các cấp từ Tư Lệnh Quân Khu, Tỉnh Trưởng, Quận Trưởng, Ty Sở Trưởng của toàn miền Nam được tổ chức tại Trung Tâm Huấn Luyện Cán Bộ Vũng Tàu. Ngày khai mạc có Tổng Thống, Thủ Tướng và toàn thể nội các tham dự. Sau ngày khai mạc, tình hình chiến sự tại Quảng Trị và Kontum đã trở nên nghiêm trọng. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh cho các Tư Lệnh Quân Khu I và Quân Khu II, cùng các vị tỉnh trưởng của hai vùng này trở về ngay tức khắc. Như vậy cuộc hội thảo chỉ còn các cấp chỉ huy hành chánh và quân sự của Vùng III và Vùng IV.

Sáng ngày 5 tháng 4, Đại Tá Trần Văn Nhựt, Tỉnh Trưởng Bình Long đang dự hội thảo thì Trung Tướng Cao Hảo Hớn, Trung Tâm Trưởng Trung Tâm Bình Định Phát Triển Trung Ương cho người mời Đại Tá Qua cơn bão lửa Nhựt đến, ông nói:

- Tổng Thống chỉ thị anh trở về Bình Long gấp. Bình Long đang bị đánh nặng.

Lúc đó là 10 giờ sáng. Vì đã có hẹn với mấy ty, sở trưởng chờ ở Bãi Sau để ăn cơm trưa, Đại Tá Nhựt ghé qua báo tin và ăn vội chén cơm trước khi lên

xe trở về. Cơm dọn ra, không ai muốn cầm đũa. Nét mặt người nào cũng nặng nề lo âu. Tin từ Trị Thiên, tin từ Cao Nguyên, chiến cuộc thế nào họ đã biết. Bây giờ trong lúc họ đang ở đây, Bình Long bắt đầu những ngày lửa đạn.

Bình Long ngày trước là quận Hớn Quản. Năm 1960 được mở rộng và đổi thành tỉnh Bình Long. Dân số khoảng 80 ngàn người, sống rải rác trên 102 ấp, 22 xã của 3 quận Lộc Ninh, Chơn Thành và thị trấn An Lộc. Một phần ba đồng bào ở đây làm trong các đồn điền cao su, họ sống trong những căn nhà gạch do đồn điền xây cất. Một phần ba sống bằng nghề buôn bán, làm cây và một phần ba còn lại là đồng bào Thượng và Miên, họ sống trong các buôn, chung quanh có những hàng rào thiên nhiên do họ tạo lên và được bảo vệ bởi các trung đội Địa Phương Quân, Nghĩa Quân tuyển mộ tại chỗ, vì vậy họ quyết tâm sống chết với làng mạc của họ. Dưới con mắt của một tỉnh trưởng, Đại Tá Nhựt cho rằng đây là nơi lý tưởng để áp dụng chính sách Ấp Chiến Lược của thời Đệ Nhất Cộng Hòa.

Từ các căn cứ hậu cần nằm trong lãnh thổ của Cao Miên, một lực lượng khoảng 30 ngàn quân gồm các đơn vị chủ lực là Công Trường 5, Công Trường 7, và Công Trường 9, được yểm trợ bởi 100 chiến xa, 2 trung đoàn pháo binh và một tiểu đoàn đặc công tràn qua biên giới Việt-Miên mà mục tiêu là tỉnh Bình Long. Muốn tiến vào Bình Long, Cộng quân phải san bằng Lộc Ninh, một tiền đồn sát ngay biên giới, một tấm bình phong che chở cho Bình Long. Mặc dù với một quân số quá nhỏ bé so với lực lượng của địch, 2 đại đội Địa Phương Quân, 2 tiểu đoàn Bộ Binh, 1 tiểu đoàn Biệt Động Quân và 30 thiết giáp, nhưng Lộc Ninh đã anh dũng chống cự. Đại Úy William Smith, cố vấn quân sự của quận này, trong ba ngày liên tiếp sau đó đã nỗ lực xin phi pháo yểm trợ tối đa để cầm chân địch hầu có thời gian di tản dân chúng. Những người đã chứng kiến sự chống trả dũng mãnh của các chiến sĩ

Địa Phương Quân và Nghĩa Quân tại Lộc Ninh đều ca ngợi tinh thần chiến đấu của họ không thua gì những binh chủng chủ lực khác của miền Nam.

Đại Úy Jeff Gaynor, một cố vấn quân sự, tuyên bố:

- Địa Phương Quân và Nghĩa Quân chỉ được huấn luyện và trang bị để đánh lại với du kích quân Việt Cộng nằm vùng mà thôi. Nay đánh với quân chính quy của Bắc Việt, họ đã tỏ ra cố gắng rất nhiều.

Vừa lên xe, Đại Tá Nhựt thúc tài xế chạy như bay trên đường về Bình Long. Qua Bình Dương, tới Lai Khê, khi qua trạm đỗ xăng dành cho trực thăng, Đại Tá Nhựt thấy có hai người đứng ở trước trạm vẫy tay về phía xe của mình. Ra lệnh cho tài xế quẹo vào, ông thấy Trung Tá Nguyễn Thống Thành, Tiểu Khu Phó và Trung Tá Corley, cố vấn quân sự của Tiểu Khu đứng đó. Hai người này nhận ra ông vì lá cờ đuôi nheo màu xanh nón beret của Thủy Quân Lục Chiến cột trên cần ăng ten xe jeep của ông. Trung Tá Thành nói:

- Quốc Lộ 13 bị đứt tại Tân Khai rồi, không đi đường bộ được đâu.

Đại Tá Nhựt hỏi qua tình hình, rồi cho tài xế mang xe về Chơn Thành. Ông vào bãi đáp lấy trực thăng vừa bay vừa liên lạc về Bình Long, biết Lộc Ninh đang bị độn nặng. Ông cùng Trung Tá Corley bay lên Lộc Ninh, liên lạc với Thiếu Tá Nguyễn Văn Thịnh, Quận Trưởng kiêm Chi Khu Trưởng, đồng thời liên lạc với Đại Tá Nguyễn Công Vĩnh, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 9 Bộ Binh để nắm vững tình hình rồi bay tuốt qua biên giới, lên tận Snoul quan sát xem địch có chuyển vận chiến xa và pháo binh đồ thêm vào mặt trận hay không. Đại Tá Nhựt không nhìn thấy một dấu hiệu chuyển quân nào của địch ở vùng này, chỉ thấy một đoàn thiết giáp của mình đang trên đường về giải cứu cho Lộc Ninh. Giữa Snoul và Lộc Ninh có một căn cứ của Sư Đoàn 5 Bộ Binh và Thiết Đoàn I Kỵ Binh trấn đóng. Trên đường về tiếp viện cho Lộc Ninh, thiết đoàn này đã bị chặn đánh giữa đường.

Khi từ Snoul bay về, ở trên cao nhìn xuống, Đại Tá Nhựt đau lòng khi thấy Lộc Ninh và Trung Đoàn 9 chìm trong khói lửa vì pháo của địch. Cũng nhờ chính đích thân bay quan sát qua tận Snoul, nên chiều hôm đó, máy bay trinh sát của Mỹ thấy một đoàn xe be của dân đi lấy cây về, xe be nào cũng có một cán trực đằng sau để chuyển cây lên xuống, máy bay Mỹ tưởng là Cộng quân kéo thêm pháo đánh Bình Long nên xin lệnh oanh kích. Đại Tá Nhựt can thiệp kịp thời, cứu một số dân khỏi chết oan ức.

Tối hôm đó, Đại Tá Nhựt bay xuống Chơn Thành. Tình hình của Chơn Thành vẫn còn yên ổn. Tại đây, gặp lại các vị ty, sở trưởng vừa từ Vũng Tàu về tới, ông hỏi:

- Sao không họp nữa mà về?

Một trưởng ty đáp:

- Sau khi Đại Tá về rồi, Tổng Thống cho lệnh hủy bỏ cuộc hội thảo, mọi người ai về nhiệm sở và đơn vị của mình.

Sẵn trực thăng, Đại Tá Nhựt bốc luôn mấy vị này về An Lộc và cùng chịu trận với nhau trong suốt thời gian bị Cộng quân vây hãm sau này.

Cuối cùng thì một tiền đồn nhỏ bé như Lộc Ninh không chịu nổi những trận mưa pháo khủng khiếp và một cuộc xung phong biển người của địch nên đành di tản. Ngày 7 tháng 4, Công Trường 5 tràn ngập Lộc Ninh. Tiếp theo là Bồ Đức, Katum, Thiện Ngôn và Tổng Lê Chân, một chuỗi tiền đồn nằm dọc biên giới Cao Miên của ba tỉnh địa đầu Quân Khu 3 là Phước Long, Bình Long và Tây Ninh đều phải di tản chiến thuật.

Sau khi chọc thủng phòng tuyến thứ nhất của quân trú phòng, Cộng quân tiến thẳng về mục tiêu: Bình Long. Chúng chia ra, Công Trường 9 từ Lộc Ninh kéo về, có nhiệm vụ "công đồn", Công Trường 7 mai phục trên Quốc Lộ 13, chặn đường từ Chơn Thành đến Bình Long để "đã viện". Còn Công Trường 5 vẫn ở lại Lộc Ninh chờ xa luân chiến với Công Trường 9.

Và An Lộc đã sẵn sàng ứng chiến. Bộ Tư Lệnh Tiền Phương Sư Đoàn 5 Bộ Binh do Tướng Lê Văn Hưng làm Tư Lệnh đã dời về đóng trong doanh trại cũ của Tiểu Khu Bình Long để chứng tỏ quyết tâm của miền Nam sẽ giữ Bình Long với bất cứ giá nào. Trái đạn pháo kích đầu tiên phóng vào thị xã An Lộc lúc 9 giờ sáng ngày 5 tháng 4, làm chết ông già gác cổng bệnh viện. Đó là người chết đầu tiên vì pháo kích tại đây.

Cả thị trấn bỗng nhiên như một đàn ong vỡ tổ. Học trò bỏ lớp chạy về nhà. Hàng quán, tiệm buôn, chợ búa đều thu xếp dọn hàng, đóng cửa. Đến khoảng trưa thì thị trấn trở nên vắng vẻ và mọi người bắt đầu nghĩ tới chuyện làm hầm trú ẩn. Qua hôm sau, ngày 6 tháng 4, từng đoàn người từ các làng xóm chung quanh An Lộc kéo về thị trấn tị nạn. Đa số là người Thượng từ các buôn ở xa. Ấp Nhà Bò có khoảng 200 gia đình Thượng, chỉ còn một người sống sót, người đàn ông Thượng bỗng đưa con trai đang bị thương nặng cố gắng chạy về tới bệnh viện An Lộc.

Những trận mưa pháo đã bắt đầu dội vào thị trấn, phần lớn là hỏa tiễn 122 ly. Quân số của Tiểu Khu Bình Long lúc đó có khoảng 700 Địa Phương Quân và Nghĩa Quân. Chủ lực là Trung Đoàn 9 thuộc Sư Đoàn 5 Bộ Binh của Đại Tá Nguyễn Công Vĩnh và Thiết Đoàn I Kỵ Binh đã bị hao hụt nặng sau trận Lộc Ninh, Trung Đoàn 52 thuộc Sư Đoàn 18 Bộ Binh của Trung Tá Nguyễn Văn Thịnh đóng ở cầu Cần Lê, rút về còn chừng 300 người và Trung Đoàn 7 Bộ Binh của Trung Tá Lại Đức Quân.

Trước tình hình ngặt nghèo đó, Trung Tướng Nguyễn Văn Minh, Tư Lệnh Quân Đoàn 3, ra lệnh rút Trung Đoàn 8 thuộc Sư Đoàn 5 Bộ Binh do Trung Tá Mạch Văn Trường chỉ huy để tăng cường cho An Lộc. Đồng thời buổi trưa ngày 6 tháng 4, Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân dưới quyền chỉ huy của Trung Tá Nguyễn Văn Biết, được trực thăng vận đổ xuống phi trường Bình Long. Các chiến sĩ Biệt Động Quân chia làm hai cánh tiến vào thành phố.

Dân chúng đứng hai bên đường đón chào một cách vui mừng và mang nước, thức ăn ra cho những người mới đến. Cái thị trấn nhỏ bé bỗng chốc tràn đầy cả lính.

Ngày 9 tháng 4, lần lượt các đồn Quăn Lơi, Xa Cam, Xa Cát và Xa Trạch, nằm trong vòng từ 1 đến 7 cây số chung quanh An Lộc đã lần lượt thất thủ. Cường độ pháo kích ngày càng tăng và số thương dân, binh sĩ bị thương đưa vào bệnh viện đã đến mức đáng lo ngại. Ngoài phố, dân chúng canh chừng những lúc ngưng pháo kích, vội vàng mua sắm những thứ cần dùng để dự trữ. Những người ở nhà lo làm hầm trú ẩn. Các cao ốc đều được các đơn vị chia ra trấn đóng. Công viên Tao Phùng trở nên một căn cứ hỏa lực của pháo đội thuộc Sư Đoàn 5 Bộ Binh.

Những trận pháo đầu tiên làm cho người dân An Lộc khiếp đảm. Nhưng mấy ngày sau thì họ đã bắt đầu có kinh nghiệm và "lì đòn" rồi. Họ đã bắt đầu nghe được tiếng "đề pa" từ hướng nào và phân biệt loại đạn gì. Một bà khoe, đạn của Việt Cộng dễ biết lắm, cứ nghe tiếng rít gió là đạn bích kích pháo 82 ly, tiếng xèo xèo như chiên trên chảo nóng là đạn 105 ly, có tiếng hú như còi xe cứu thương là hỏa tiễn 122 ly... Mọi sinh hoạt đều bị giới hạn. Mặc dù có nhiều người nhún vai cho rằng "trời kêu ai nấy dạ", nhưng họ cũng chỉ dám rời khỏi hầm những lúc cần thiết và không xa quá. Cái hầm bây giờ gắn liền với mọi người như cái mai của con rùa.

Từ ba ngày nay, những người bị thương vì pháo kích tràn ngập cả bệnh viện. Những người chở vào trước được nằm trên giường. Những người vào sau thì nằm la liệt trên nền nhà, tràn ra cả ngoài hành lang. Một người đàn bà Thượng có thai hơn 8 tháng, bị thương ở bụng, cố gắng sanh, nhưng đứa con chỉ mới ra được cái đầu thì chết ngộp vì người mẹ đã kiệt sức tắt thở. Những người tị nạn từ các nơi khác chạy về, họ không có phương tiện gì để làm hầm hố trú ẩn cho được chắc chắn như người trong thị trấn.

Tội nhất là những người Thượng. Khi chạy đến đây, một số chỉ quần cái khố trên người. Những vết thương của họ được cột lại sơ sài bằng một miếng vải hay bằng lá chuối. Họ đi bộ, khiêng nhau, dìu nhau, đói khát và một số gục ngã giữa đường. Những người đến được bệnh viện thì vết thương đã làm mủ, hôi hám. Những người bị thương nằm trong bệnh viện trúng pháo một lần rồi, nên mỗi lần có pháo kích, họ như một đàn ong bị lửa, chạy như điên từ phòng này qua phòng khác để tìm nơi trú ẩn, nhưng đến đâu cũng nghe đạn rít trên đầu.

Khoảng 4 giờ sáng ngày 13 tháng 4 năm 1972, cả thị trấn An Lộc, quân cũng như dân, đều co mình lại dưới hầm trú ẩn vì một loạt pháo khủng khiếp với chừng 500 trái toàn là hỏa tiễn 122 ly phóng liên tục vào thị trấn. Quân phòng thủ biết ngay đó là dấu hiệu địch sắp tấn công. Sau trận pháo kích, khoảng 6 giờ 45 phút, một đoàn chiến xa từ 3 mặt xông thẳng vào thành phố. Chúng chia ra mỗi toán chừng 15 chiếc, trong đó có cả M41 và M113 của ta mà địch lấy được ở Lộc Ninh.

Bị tấn công bất ngờ bằng chiến xa, tuyến phòng thủ phía Bắc của An Lộc đã bị thủng. Một số chiến xa lọt vào trên các đường phố, hạ nòng súng đại bác 100 ly bắn phá dữ dội. Nói đến chuyện bắn hạ chiến xa địch, một người có công trạng đầu tiên mà ít ai biết đến đó là một anh Nhân Dân Tự Vệ. Khi thấy chiến xa địch nghênh ngang tiến vào, anh này giận quá, chĩa cây M72 bắn một phát cho đỡ tức, không ngờ phá thủng một lỗ bên hông chiếc T54 và xe bốc cháy. Tin được báo lên, Đại Tá Nhựt liền ra lệnh xuất kho, mang hết M72 ra phát cho các đơn vị. Niềm tin tăng lên nhanh, và những người được trang bị M72 bắt đầu hào hứng lùng bắn tăng của địch.

Một điều làm cho chính những lực lượng phòng thủ ở An Lộc cũng ngạc nhiên về chiến thuật của địch quân, những chiếc chiến xa đầu tiên hùng hổ xông vào thị trấn rồi ngơ ngác, lạng lạng, chạy khơi khơi giữa đường để 15

chiếc vừa T54 vừa PT76 bị quân ta bắn hạ, sau đó, khoảng 3 ngàn khinh binh từng thiết mới tràn vào tấn công. Người ta nói sự thiếu phối hợp này của địch là một may mắn cho An Lộc, nếu không, cái thị trấn nhỏ bé này với một quân số phòng thủ quá chênh lệch, chưa chắc đã qua khỏi đợt tấn công đầu tiên. Nhưng nếu xét cho cùng, thì đây là kết quả một kinh nghiệm làm việc của Đại Tá Nhựt. Khi được báo cáo đầy đủ danh sách những tên nằm vùng, ông để yên không đụng tới. Giờ phút cuộc chiến bắt đầu căng thẳng, mới ra lệnh bắt trọn. Bởi vậy, khi chiến xa địch tiến vào, chúng không có người hướng dẫn. Một phần những lực lượng từng thiết của địch bị trực thăng võ trang làm cho chậm lại, một phần nhờ sử dụng loại đại bác 105 ly gắn trên máy bay AC130, trực xạ xuống mục tiêu rất chính xác. Theo kinh nghiệm, Đại Tá Nhựt cho rằng Cộng quân rất sợ loại đại bác này.

Tuy vậy, với lực lượng hùng hậu, khoảng gần trưa, địch đã chiếm được một phần ba thành phố về phía Bắc. Đó cũng là khu vực đông dân cư và khu vực buôn bán chính của thị trấn. Dân chúng trong vùng vừa bị địch chiếm đã bắt chấp bom nổ trên đầu, đạn bay dưới đất, bông bế, dắt nhau chạy ụa qua phần đất còn lại của quân ta.

Mặc cho súng phòng không đan thành một màn lưới lửa trên bầu trời An Lộc, Không Quân can thiệp tối đa. Bom nổ từng chuỗi dọc theo những đường tiến quân của địch. Những cao ốc vừa bị địch chiếm bị trúng bom, gạch ngói tan tành, chôn vùi luôn những người không chạy ra kịp.

Mấy chiến xa T54 bốc cháy, làm thành những cột khói đen mờ mịt. Từng đoàn người già trẻ, lớn bé, máu me bê bết, người chạy, người lết vào bệnh viện. Tiếng la, tiếng khóc, tiếng kêu gọi nhau bị chìm mất trong tiếng bom đạn nổ không dứt. Và chỉ trong buổi sáng hôm nay, một thị trấn bé nhỏ với 15 ngàn người dân hiền hòa, đang sống yên ổn bình lặng bỗng chốc biến thành một địa ngục giữa chốn trần gian.

Buổi chiều cùng ngày, khi tiếng súng đã thưa dần, một vài người dân từ dưới hầm bò lên, chỉ mới sau một buổi, họ không còn nhìn ra thành phố thân yêu của họ nữa. Nhưng hai phần ba thành phố vẫn còn đứng vững. Niềm tự hào là mặc dù lực lượng của hai bên quá chênh lệch, phía địch quân, vòng trong, vòng ngoài gồm một lực lượng 30 ngàn quân chính quy, với chiến xa và trọng pháo đủ các loại, từ bích kích pháo 82 ly, đến hỏa tiễn 122 ly, quân ta chống trả một cách anh dũng, với quân số chưa đến 8 ngàn, không chiến xa, không trọng pháo, chỉ nhờ vào tinh thần quyết chiến và sự yểm trợ của Không Quân để kéo lại thăng bằng.

Bây giờ An Lộc đã trở thành một địa ngục, và cái trung tâm của địa ngục này là bệnh viện của thành phố. Những người còn nguyên vẹn sau bao nhiêu đợt mưa pháo thì cuộn mình lại như con cuốn chiếu nắp kỹ dưới hầm.

Những kẻ bị thương đều tìm cách lết vào bệnh viện. Nhưng họ đến đây để được gì hơn? Thuốc men đã cạn, người sống, người chết nằm chen lấn nhau từ phòng này qua phòng khác. Những xác chết sinh lên, những vết thương làm mủ hôi hám, máu me, tiêu tiểu lai láng giữa nền nhà. Điều quan trọng nhất mà họ quên là bom đạn đâu có phân biệt được nhà thương hay trại lính. Các bác sĩ làm việc ngày đêm trong bệnh viện với một tình trạng thiếu thốn và khổ cực. Y Sĩ Đại Úy Nguyễn Văn Quý phải dùng những sợi nylon của bao cát, sát trùng bằng nước sôi để thay chỉ may vết thương khi giải phẫu.

Buổi sáng ngày 16 tháng 4, giữa lúc tình hình căng thẳng như vậy, một niềm vui chợt đến với mọi người. Tin Lữ Đoàn I Dù, dưới quyền chỉ huy của Đại Tá Lê Quang Lưỡng và Liên Đoàn 81 Biệt Kích Dù, dưới quyền chỉ huy của Trung Tá Phan Văn Huân đang được trực thăng vận đổ xuống tiếp viện cho An Lộc. Hai lực lượng cùng đổ quân xuống Đồi Gió và tiến vào thị trấn.

Mặc dù đồi này đã được một đại đội Địa Phương Quân và một đại đội Biệt Động Quân trấn giữ, nhưng Tiểu Đoàn 6 Dù của Trung Tá Nguyễn Văn

Đỉnh vừa nhảy xuống là trúng pháo của địch, tổn thương khá nặng. Nhìn những chiến sĩ Dù và Biệt Kích Dù thận trọng từng bước di chuyển, người dân ở đây thấy vững niềm tin hơn. Bộ Chỉ Huy của Lữ Đoàn I Dù đóng chung với Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu của Đại Tá Nhựt, và trấn giữ mặt Nam. Liên Đoàn 81 Biệt Kích Dù trấn ở mặt Bắc của thành phố, tiếp giáp với phần mới bị địch quân chiếm giữ.

Sau đợt tấn công thứ nhất, những trận pháo kích dữ dội lại tiếp tục, ngày cũng như đêm, với số lượng cỡ 3, 4 ngàn trái pháo mỗi ngày. Nhưng chuyện pháo kích đã trở nên bình thường, bởi vì đến hôm nay, lo sợ vì pháo kích đã tuột xuống hàng thứ hai, thứ ba. Những điều lo sợ trước mắt là lương thực, nước uống và có thể một trận dịch nào đó sẽ xảy ra bởi tình trạng cuộc sống thê thảm như thế này. Tội nhất là những đứa bé sơ sanh, người mẹ vì lo sợ quá đã tắt sữa, mà sữa hộp thì tìm đâu cho ra trong giây phút này. Quốc Lộ 13 vẫn bị Công Trường 7 đắp mô, đóng chốt, kiểm soát trên một đoạn dài 20 cây số, giữa Chợ Thành và An Lộc. Việc tiếp viện bằng đường bộ không thể thực hiện được một sớm, một chiều. Mọi người trông chờ một con đường khác: thả dù. Và những điều mong chờ đã đến. Một buổi sáng đẹp trời, những bành dù từ trên máy bay C130 thả xuống. Những bành dù đầu tiên là súng đạn. Những bành sau mới có lương khô. Tinh thần từ dân đến quân lên rất cao. Sự phấn khởi không phải chỉ đơn thuần vì súng đạn và thực phẩm được tiếp tế, mà những người đang tính tuổi đời của mình từng giây từng phút trong cái địa ngục trần gian này biết rằng những người ở ngoài không quên họ.

Những ngày sau đó, pháo của địch vẫn đều đặn rót vào thành phố, Cộng quân không mở một cuộc tấn công nào đáng kể. Người ta đoán rằng sau đợt tấn công thứ nhất, Công Trường 9 đã bị nát, nên rút ra để chặn chính trước khi tung vào một đợt tấn công khác hầu dứt điểm An Lộc để kịp có một thủ

đô hầu ra mắt chánh phủ lâm thời của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đúng vào ngày 20 tháng 4 năm 1972 như kế hoạch địch đã vạch ra.

Người dân An Lộc không vui vẻ tí nào khi nghe cái thị trấn nhỏ bé của mình được chọn làm thủ đô. Và giả sử như những bàn tay đạo diễn đầy máu kia có thể chiếm An Lộc để ra mắt một chính phủ trên đồng gạch vụn điêu tàn này, thì làm sao xác của hàng trăm người dân vô tội còn nằm vất vưởng nơi đây có thể vỗ tay chào mừng chính phủ cách mạng của những người đến đây giải phóng họ?

Đó là theo cung từ của một số tù binh mà ta bắt được và trong ba lô của mỗi tù binh đều có một bộ quần phục mới toanh, họ cho biết được phát để dành mặc vào ngày ra mắt chính phủ lâm thời.

Suốt đêm ngày 10 và rạng ngày 11 tháng 5 năm 1972, một trận pháo kích tưởng chừng như thành phố An Lộc sẽ sụp luôn xuống lòng đất. Có lẽ cả trung đoàn pháo của địch cùng nhắm vào đây mà khai hỏa một lần. Đại Tá Nhựt đã thức giấc từ hồi nào, tiếng của ông điều quân qua máy truyền tin lớn hơn mọi khi vì tiếng pháo nổ ầm ầm không dứt. Phòng tuyến của quân ta đã chia sẵn: hướng Bắc An Lộc, trong khu phố đã bị đổ nát vì đợt tấn công lần đầu được trấn giữ bởi Liên Đoàn 81 Biệt Kích Dù, hướng Đông Bắc do Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân. Hướng Đông do hai đại đội Địa Phương Quân cùng mấy trung đội Nghĩa Quân và Nhân Dân Tự Vệ, hướng Tây có Trung Đoàn 8 và Trung Đoàn 9 của Sư Đoàn 5 Bộ Binh và Trung Đoàn 52 của Sư Đoàn 18 Bộ Binh, hướng Nam có Lữ Đoàn I Dù trấn đóng. Các đơn vị này, tính đến hôm nay, không có đơn vị nào còn nguyên vẹn. Trung Đoàn 9 nặng nhất ở trận Lộc Ninh. Trung Đoàn 52 tổn thất lớn khi rút lui khỏi căn cứ Hồng Tâm. Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân cũng thiệt hại sau khi đổ quân vào An Lộc. Lữ Đoàn I Dù có Tiểu Đoàn 6 bị trúng pháo nặng khi vừa đổ quân xuống Đồi Gió và bị chặn đánh trên đường vào thị trấn, nhưng lực lượng này

đã lập nhiều chiến công nhất. Chỉ có Liên Đoàn 81 Biệt Kích Dù là ít bị thiệt hại, vì họ có một lối đánh rất đặc biệt. Những chiến sĩ Biệt Kích Dù đục tường, đánh luồn từ nhà này qua nhà khác, dùng kỹ thuật giao chiến trong thành phố, đánh cận chiến, lười lê và lựu đạn, lấy độc trị độc: đánh đặc công, đánh du kích.

Khoảng 4 giờ 30 sáng thì cường độ pháo kích đã tăng lên đến mức cực điểm. Có thể nói trong cái thành phố này, không có tác đất nào là không bị đạn pháo rơi xuống. Khoảng 4 giờ 45 phút, Đại Tá Nhứt tập họp các ty sở trưởng của các cơ sở hành chánh và bằng một giọng bình tĩnh, nhưng ai cũng hiểu là đã đến lúc rồi, ông ra lệnh cho mọi người sẵn sàng chiến đấu.

Khoảng 5 giờ thì tiếng pháo thưa dần, báo hiệu một đợt tấn công sẽ bắt đầu. Xe tăng của địch từ hướng Nam và Tây Nam tiến vào. Bộ Binh địch tấn công ào ạt ở hướng Tây và Đông Bắc. Công Trường 5 đã từ Lộc Ninh kéo về phối hợp với Công Trường 9 quyết chiếm An Lộc. Không Quân yểm trợ tối đa. Tiếng mini-gun và tiếng của đại bác 105 ly từ trên các trực thăng và máy bay AC130 tạo nên một chuỗi âm thanh kỳ quái giữa lưng trời. Tiếng bom nổ át hẳn tiếng đạn pháo kích. Từ một anh Nhân Dân Tự Vệ đến một chiến sĩ Dù, mọi người đều chiến đấu một cách quyết liệt. Họ biết sự sống còn là trong giây phút hiện tại. Cả thế giới đang nhìn về cái thành phố bé nhỏ này. An Lộc còn hay mất là một ảnh hưởng chính trị lớn lao cho cả hai bên.

Khoảng 5 giờ 30 sáng, mọi người nghe những tiếng gió rít từ trên trời, khác hẳn với tiếng pháo, đầu còn nhỏ, sau tiếng rít lớn dần và một chuỗi những tiếng nổ long trời lở đất. Cả thành phố An Lộc rung rinh như muốn vỡ ra từng mảnh. B52 đang "trải thảm". Loạt bom đầu tiên thả xuống sát vào tuyến phòng thủ của quân ta. Rồi những loạt bom khác tiếp nối, tạo thành một vòng khói lửa bao quanh thành phố An Lộc.

Khi trời hừng sáng tiếng pháo gần như đã dứt. Tuyến phòng thủ của Dù vẫn y nguyên, 5 chiếc T54 nằm như 5 đồng sắt trước phòng tuyến. Điều đáng nói là Ty Cảnh Sát Bình Long đã bị 4 chiếc T54 tiến vào trước Bộ Chỉ Huy rồi mà vẫn bắn hạ được 2 chiếc, 2 chiếc còn lại phải tháo lui. Phòng tuyến của Địa Phương Quân, Nghĩa Quân và Nhân Dân Tự Vệ vẫn giữ được nguyên vẹn, mặc dù quân số bị tổn thất. Địch quân chiếm thêm được Ty Công Chánh và Ty Chiêu Hồi. Một sĩ quan cố vấn quân sự Mỹ cho biết, để yểm trợ cho An Lộc trong ngày hôm qua, đã có tất cả 26 phi vụ B52 được thực hiện. Có những phi vụ yểm trợ cho chiến trường Trị Thiên và Cao Nguyên, đang giữa đường, phải đổi hướng bay về An Lộc. Mỗi phi vụ có 3 chiếc B52, mỗi chiếc mang 54 ngàn cân bom. Có thể nói đây là một ngày "trải thảm" lớn nhất trong lịch sử pháo đài bay B52. Đại Tá Trần Văn Nhựt cho rằng, B52 vốn là không quân chiến lược. Nhưng đã xử dụng ở An Lộc như không quân chiến thuật.

Trước ngày Cộng quân tấn công đợt này, Tiểu Khu Bình Long bắt sống được Thiếu Úy Nguyễn Thế Hòa, thuộc Tiểu Đoàn Đặc Công 228 của Công Trường 5, nên đã biết rõ kế hoạch tấn công của địch.

Cuộc chiến tạm lắng dịu. Mức độ pháo kích ngày nào nhẹ thì chừng một hoặc hơn một ngàn quả. Có ngày cũng 3, 4 ngàn quả. Ngày nào pháo kích nhẹ, Đại Tá Nhựt đi vòng vòng thăm hỏi và kiểm soát từng công sự phòng thủ. Bởi vậy ông nắm vững tình hình, nên khi có chuyện gì, lệnh lạc của ông rất hợp tình, hợp lý. Ngoài việc lo phòng thủ, trên cương vị một tỉnh trưởng, ông còn phải lo cho dân chúng trong thị trấn. Vấn đề lương thực, thuốc men và bệnh tật trong những điều kiện như thế này, quả thực là một gánh nặng trên vai ông.

Những ngày đầu, sự lo sợ vì pháo kích và chờ đợi địch tấn công làm cho người ta quên đi những vấn đề khác. Bây giờ cuộc chiến thật là quái lạ. Địch

và ta có nơi chỉ cách nhau một con đường. Bên ta có ai buồn buồn xách súng M79 bắn qua bên kia vài phát, địch bắn trả lại vài phát, cũng bằng M79. Các khu trục A37 của ta dội vài chục trái bom xuống vòng vây bên ngoài, địch phóng vào thành phố vài chục trái hỏa tiễn trả đũa.

Mọi sinh hoạt không xa quá cái hầm trên 10 thước. Tiền bạc không dùng trong việc mua bán nữa, mà thuốc lá trở thành một loại tiền tệ mới. Thuốc lá có thể đổi lấy gạo, thức ăn, máy móc, đồng hồ... Điều mà người ta lo sợ đã thấy trước mắt: địch tả. Hàng chục trẻ em hai mắt trũng sâu, người gầy như bộ xương rồi lả đi mà chết. Một người đàn ông Thượng vạm vỡ, chỉ mới ới mưa và tiêu chảy một ngày là chết. Địch thân Đại Tá Nhứt phải liên lạc với Sài Gòn để xin tiếp tế thuốc.

Địch vẫn pháo kích đều đặn vào An Lộc. So với những ngày trước, có ngày cường độ pháo kích lên đến 10 ngàn quả, bây giờ chỉ còn trên một ngàn.

Người dân An Lộc nay cũng như người sống trong một miền mưa dầm, nếu đợi tạnh mưa rồi mới ra khỏi nhà thì đợi đến bao giờ, cho nên đến hôm nay, thành phố đã thấy một vài sinh hoạt. Cứ "đội pháo" mà đi, trời kêu ai nấy dạ.

Chinh Chiến Điều Linh

Mơ Chút Ánh Mặt Trời

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Tôi đứng bên giường bệnh của Trung Tá Dương ở trại sĩ quan cao cấp tại

Tổng Y Viện Cộng Hoà. Hôm nay trông ông đã khỏe hơn. Trung Tá Dương có hứa với tôi lúc nào khỏe, ông sẽ kể cho tôi nghe một niềm ước mơ của ông, một ước mơ thật là nhỏ, gần như vô nghĩa và đã hơn nửa đời người, chưa bao giờ ông nghĩ có lúc mình lại ước mơ một điều như vậy. Trung Tá Dương châm một điếu Bastos Quân Tiếp Vụ, rồi bằng một giọng rất linh động, ông kể lại cho tôi nghe những ngày khốn khổ đã qua.

Lúc 3 giờ 30 sáng hôm đó, tôi ra lệnh cho Chi Đoàn 3/1 Thiết Kỵ di chuyển về phía Nam của Lộc Ninh. Còn tôi thì vẫn nằm tại ngã ba Bó Đức. Khoảng 4 giờ sáng Chi Đoàn 3/1 còn cách Lộc Ninh chừng 2 cây số, đến cua Chùm Bao thì bị mìn. Hai thiết giáp bị hư. Địch mới chôn mìn hồi đêm. Trời vừa sáng thì thêm một chiếc M41 bị Việt Cộng bắn cháy ngay trên bãi mìn.

Cùng lúc đó, tôi được lệnh của Tướng Hưng phải về tiếp viện cho Lộc Ninh gấp. Tôi lên xe để thúc chi đoàn cố gắng vượt qua khỏi chỗ đó.

Tôi ngồi trên thiết quân vận để đốc chiến và định đi theo về hướng của Chi Đoàn 3. Di chuyển được 2 cây số, tôi nghi thế nào cũng bị phục kích, nên ra lệnh đi vòng vào rừng cao su về phía Tây. Khi còn cách sau lưng Chi Đoàn 3 chừng một cây số rưỡi, tôi thấy đằng trước nhiều bóng người lố nhố, chưa biết là địch hay bạn. Tôi lấy ống nhòm để quan sát thì Việt Cộng núp trong rừng, một bên hông của đoàn xe, bắn một trái vào ngay xe tôi làm tài xế bị thương nặng, xe bốc cháy ngay. Tôi vừa nhảy ra khỏi xe, chúng bồi thêm một phát nữa bay nắp pháo tháp. Hai xe đằng sau tiến tới, vừa dập lửa vừa dàn ra bắn yểm trợ. Việt Cộng không dám xông ra. Chiếc thiết quân vận sau khi dập tắt lửa rồi vẫn sử dụng được. Tôi trở lại xe điều động chi đoàn phía Bắc kéo về. Lúc đó trên mặt tôi đã bị những mảnh đạn nhỏ ghim vào.

Trung Tá Dương ngừng lại một lát, đưa tay sờ lên má, tưởng như những mảnh đạn còn ghim trên mặt. Ạng lại châm thêm một điếu thuốc Bastos nữa. Chúng tôi được lệnh tấn công để chiếm đồi Lộc Tấn.

Lúc đó pháo binh ở Lộc Ninh đã hết yểm trợ cho chúng tôi rồi. Máy cày 105 quy hết vì pháo của địch. Tiểu Đoàn 74 Biệt Động Quân đã bỏ căn cứ Alpha. Chúng tôi tấn công và chiếm được hai phần ba ngọn đồi. Địch vẫn bám chặt. Chúng rất đông, trùng trùng, điệp điệp. Lúc đó tôi thấy đóng quân ban đêm trong rừng cao su không lợi, nhưng không thể nào theo Quốc Lộ 13 mà về Lộc Ninh được. Nhìn tình hình, tôi biết mình đã bị vây. Sau này mới biết các đơn vị của địch lúc đó gồm Công Trường 5, Công Trường 7, Công Trường 9, một trung đoàn pháo và một trung đoàn thiết giáp.

Xe tăng của chúng không dám đương đầu với chúng tôi, chỉ dàn ra ở phía Tây Nam Lộc Ninh. Việt Cộng sợ mang chiến xa đương đầu sẽ bị bên mình có Không Quân yểm trợ tiêu diệt. Cho nên địch chỉ dùng bộ binh chặn thiết giáp của mình ở phía Bắc, không cho về cứu Lộc Ninh.

Bởi vậy, khi chiếm xong hơn phân nửa ngọn đồi, tôi thấy không thể đóng quân ở đây được, nên cho lệnh rút về ngã ba Bó Đức. Chúng tôi còn 4 khẩu 105 ly, sau khi bắn hết đạn, tôi xin lệnh phá hủy rồi đi bọc về hướng Đông, định đến đêm sẽ băng qua Quốc Lộ 13 để tiến về xã Lộc Thiện.

Chiều hôm trước, Đại Úy Chi Đoàn Trưởng bị thương ở mặt, tôi chỉ định Đại Úy Mai Đình Thành làm Chi Đoàn Trưởng. Chi Đoàn Phó lại tử thương, Trung Úy Chu Văn Tần thay thế. Chi Đoàn của Đại Úy Thành băng qua Quốc Lộ 13, chiếm một ngọn đồi nhìn xuống xã Lộc Thiện, nhưng sau đó bị Cộng quân chặn lại. Địch quân tràn ngập các ngọn đồi và vây chặt một chi đoàn thiết giáp vào giữa.

Tôi hướng dẫn Bộ Chỉ Huy Thiết Đoàn đi theo tôi về hướng Tây Nam, qua các hàng phòng thủ, địch bắn vào xe tôi nhiều phát nhưng không trúng. Anh xạ thủ của tôi bị một băng AK hót đứt 3 ngón tay. Máy xe đi đằng sau bắt đầu bị rối loạn hàng ngũ và sau đó thì bị thất tán. Tôi tiến về hướng Tây Nam, ở đây thấy rất nhiều hầm hố phòng thủ, hình như là hậu tuyến của địch

quân. Tôi thấy dưới chân một ngọn đồi, có một tên đang nằm văng và một tên khác đang nấu nước. Hai tên này có lẽ là bệnh binh, thấy chúng tôi xuất hiện bất ngờ, mặt mày tái xanh, vừa chạy vừa té bò càng.

Lúc đó tôi chỉ còn hai xe. Quan sát các đồi chung quanh, tôi thấy địch đã bố trí xong cả rồi, nên tôi phải đi vòng qua hướng Tây, sát với khu rừng Cẩm. Gọi là rừng Cẩm vì Việt Cộng cấm dân đến đây đốn cây làm củi. Tôi liên lạc với L19, xác định vị trí của tôi, để nhờ dẫn dùm mấy chi đoàn thất tán về vị trí tôi, nhưng không có xe nào ra khỏi vòng vây được.

Tôi định tìm đường chạy vòng qua Lộc Thiện để hướng về phía Nam của sân bay Lộc Ninh, nhưng đi được một đoạn thì đã thấy Cộng quân giăng hàng đón chúng tôi và vây lại. Tôi cho lệnh phá máy truyền tin, lấy gạo sấy mang theo, tập trung lại còn 24 người cả Biệt Động Quân và Thiết Giáp. Chúng tôi bỏ xe, hướng vào rừng tìm đường mà tránh sự truy kích của quân địch. Chúng tôi lẩn tránh trong rừng một ngày, một đêm. Đến 6 giờ sáng ngày 7 tháng 4 thì bị lọt vào lực lượng trừ bị của Cộng quân cách Lộc Ninh chừng 3 cây số, và bị chúng bắt giữ.

Trung Tá Dương kể chuyện rất mạch lạc, như những sự việc vừa mới xảy ra ngày hôm qua. Thỉnh thoảng ông dừng lại, châm diều thuốc rồi kể tiếp.

Chúng tôi bị trói hai tay đằng sau lưng bằng dây kẽm. Chúng thẩm vấn qua loa rồi bảo tôi gọi Đại Tá Vĩnh ra đầu hàng. Một lát sau chúng bảo với tôi là Đại Tá Vĩnh cũng đã bị bắt rồi. Chúng mở dây kẽm cột tay cho tôi, hai cổ tay đã sưng húp. Chúng bắt tôi cởi giày ra, tôi nói không có giày, tôi không đi chân trần được. Chúng cho tôi mang giày nhưng tháo giày buộc giày ra. Như vậy lại càng khó đi hơn nữa.

Đi mất một ngày và một đêm, chúng đưa tôi đến một trại giam gần Quốc Lộ 7, cách Snoul chừng 10 cây số về phía Tây Nam. Đến trại này, tôi bị cùm hai chân vào một cái cùm gỗ. Cùm làm bằng hai tấm gỗ dày, mỗi tấm có khoét

hai hình bán nguyệt. Tôi và một anh lính Biệt Động Quân khánh thành bộ cùm của trại đầu tiên. Anh lính này nói với tôi, chúng nghi em là sĩ quan nên nhốt chung với Trung Tá.

Mỗi ngày chúng lôi tôi lên một cái chòi nhỏ để thẩm vấn về tình hình Lộc Ninh. Bị thẩm vấn suốt ngày từ sáng tới chiều, nên tối đến, khi trở về trại, xỏ chân vào cùm xong, nằm ngã xuống đất là ngủ thiếp đi, mặc cho muỗi rừng và kiến cắn đầy cả mặt mũi, chân tay.

Hai hôm sau có một toán khác bị dẫn đến nhốt chung. Sáng ngày mùng 10, chúng đưa Đại Úy Trúc, Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 74 Biệt Động Quân Biên Phòng và tôi ra Quốc Lộ 7, ngay Mimot, và đưa vào doanh trại của Bộ Tư Lệnh Dã Chiến của Công Trường 5. Chúng lại thẩm vấn về tình hình quân sự và bắt tôi đi trong rừng cao su để quay phim.

Ngày hôm sau thì Đại Tá Vĩnh được giải tới. Bốn hôm sau nữa, chúng đưa Đại Tá Vĩnh, Đại Úy Trúc và tôi lên xe jeep, xe của Trung Cộng, giải về trại giam phía Tây Bắc Mimot. Chúng dùng dây xích, xích cổ ba chúng tôi lại với nhau.

Bị xích ở trong trại này chừng một tuần lễ, chúng bắt đầu tuyên truyền và dụ hàng. Dụ chúng tôi vào Phong Trào Liên Minh Dân Chủ của Luật Sư Trịnh Đình Thảo thì sẽ cho làm thành viên và đời sống sẽ khá hơn. Chúng tôi chẳng có ai đáp ứng, nên sau đó, cứ chừng 2, 3 giờ sáng, chúng lại kêu lên thẩm vấn. Hai ba tên cán bộ thay nhau thẩm vấn một người. Thẩm vấn xong lại dụ hàng, nhưng không có kết quả.

Chúng thay đổi phương pháp tuyên truyền. Mỗi ngày, vào buổi trưa, chúng bắt tất cả anh em chúng tôi tập trung lại ngồi nghe đài của Việt Cộng khoảng 45 phút. Chúng tôi ngồi nghe mà đầu óc thì cứ nghĩ chuyện đâu đâu, nên chúng bắt nghe hôm nay, ngày mai phải tóm tắt lại. Nhưng rồi chẳng ai nhớ gì để mà trả bài.

Một cánh tay của Trung Tá Dương không cử động theo ý muốn được vì đang chuyền Dextrose. Khi kể lại những ngày tháng bị đày ải trong lao tù, đôi mày của ông nhú lại vì vẫn còn xúc động.

Đến tháng 7 chúng mới cho mỗi người một cái võng. Tối ngày 26 tháng 7, tới giờ đi ngủ, tôi lấy ống tre, chổi quét nhà và mấy khúc gỗ bỏ vào võng, đập chặn lại, để khi lính gác đi kiểm soát, chúng tưởng tôi đang ngủ. Ngay trang xong, tôi bò ra khỏi trại và tìm đường vượt ngục. Mới đi vòng vòng chừng được 400 mét, thì đụng đầu với một toán đi họp hội đâu về và bị chúng bắt lại, xích chân nhốt thêm 3 tháng 2 ngày nữa.

Tôi phải nhiều lần xác nhận việc vượt ngục là chỉ một mình tôi làm, không có liên hệ đến người khác. Nhưng sau đó, chúng giải Đại Tá Vĩnh và Trung Tá Nguyễn Văn Thông, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 53 Pháo Binh, mới đến sau này đi qua làng khác. Còn lại một mình tôi, tôi nghĩ thầm, chắc không bao giờ có ngày về nữa.

Những ngày bị xích và nằm một mình trên võng trong trại giam giữa rừng núi âm u, bệnh sốt rét hành hạ từng cơn. Những lần thức giấc giữa đêm khuya, chung quanh chỉ toàn một màu đen tối và những âm thanh ghê rợn của núi rừng, làm cho tôi cảm thấy mình đang sống trong một địa ngục. Tôi sợ nhất là những chiều mưa rừng. Rừng núi đã âm u, lạnh lẽo, khi một cơn mưa đổ xuống, ánh sáng chỉ còn là những vệt mờ phản chiếu trên màu xanh của lá rừng, gây nên một cảm giác như chung quanh mình cái gì cũng xanh xao, lạnh lẽo và có vẻ ma quái...

Suốt một thời gian dài sống trong cảnh âm u của rừng núi như thế, bỗng nhiên tôi thấy ánh mặt trời thật là quý. Tôi ao ước buổi sáng được đứng giữa cánh đồng trống, nhìn mặt trời đang lên, sưởi ấm mình trong ánh nắng ban mai. Và đó là một ước mơ nhỏ của một người tù như tôi.

Tháng 8 năm 1972, những người bị bắt được hướng dẫn làm phiếu tù binh,

lăn tay và chụp hình. Chúng tôi đoán chắc có biến chuyển gì đây. Ai cũng hy vọng vì mọi người đã kiệt quệ vì bệnh sốt rét rừng, phù thũng và ghẻ lở.

Nhưng những hy vọng của chúng tôi dần dần trôi đi theo ngày tháng.

Mãi đến chiều ngày 20 tháng 3 năm 1973, trại giam ra lệnh cho chúng tôi gom đồ đạc cá nhân, tập trung lại để di chuyển đi nơi khác, trại biên phòng số 27. Sau đó lại dẫn về gần Mimot, phía Bắc của Thiện Ngôn, cách Tây Ninh khoảng 8 cây số, trong một khu rừng tre, có làm sẵn một cái chòi để tạm trú.

Trong số 35 người, Đại Tá Vĩnh bị bệnh nặng, đi không nổi, cũng chẳng ăn cơm cháo gì được. Đến lúc này, Việt Cộng mới cho chúng tôi biết là chúng tôi sẽ được trao trả vào ngày 23 tháng 3. Ngày 21 lại di chuyển sang một trạm khác. Ngày 22, chúng tôi được xe của chúng chở về Thiện Ngôn lúc 2 giờ đêm. Vì di chuyển lui tới cực khổ, đến hôm đó Đại Tá Vĩnh bị mê man. Chúng sợ ông chết, nên cho nằm trên băng ca.

Đến Thiện Ngôn, toán chúng tôi được dẫn vào một cái chòi mới cất lên cách đường cái chừng 50 mét. Lúc thì chúng bảo các anh sẽ được trao trả vào ngày 24, lúc thì nói là ngày 25. Chúng tôi nôn nóng, đếm từng giây từng phút, cầu mong cho mọi chuyện suông sẻ, đừng có gì trục trặc để sớm về với anh em đồng đội, với gia đình, vợ con.

Nhưng sáng ngày 23, chúng bảo các anh chuẩn bị để đến sân bay Thiện Ngôn. Khi đến sân bay, chúng bắt toán của tôi đi chậm chậm để dàn cảnh quay phim. Băng ca của Đại Tá Vĩnh được đưa lên trực thăng trước. Còn tôi với Trung Tá Thông thì chúng bắt đứng ở dưới để chụp hình. Bỗng có ai kéo mạnh tay tôi và đẩy lên trực thăng. Anh Thông cũng được đẩy lên và trực thăng cất cánh ngay. Tôi chưa biết ai đã đẩy hai anh em tôi lên máy bay như thế cướp người vậy, khi quay lại mới thấy Đại Tá Đắc đã ngồi sẵn đó, vừa thấy chúng tôi là ông cho bốc lên ngay.

Trực thăng hạ xuống Tây Ninh chừng 10 phút. Đại Tá Tỉnh Trưởng hướng dẫn các phái đoàn xã hội và tôn giáo của tỉnh Tây Ninh ra đón mừng tại phi trường. Vì Đại Tá Vĩnh vẫn mê man, nên chúng tôi không rời trực thăng. Sau đó chúng tôi được đưa thẳng vào Tổng Y Viện Cộng Hoà để điều trị. Kết thúc câu chuyện, Trung Tá Dương thở dài một cái như muốn chấm dứt sự xúc động. Đôi mày của ông cũng hết nhíu lại để hồi tưởng. Tôi hỏi:

- Bây giờ Trung Tá có những ước vọng gì cho đời sống cá nhân của mình không?

Trung Tá Dương lắc đầu:

- Thật tôi chẳng có ước vọng gì. Bây giờ vẫn muốn tiếp tục ở trong binh chủng Thiết Giáp. Tôi có vợ với 4 con. Con lớn nhất 15 tuổi, nhỏ nhất là 5 tuổi. Gia đình tôi hiện vẫn ở trong trại gia binh ở Long Xuyên. Suốt những năm trong quân ngũ, tôi đã phục vụ khắp bốn vùng chiến thuật, tôi vẫn ao ước gom được chút tiền còm mua cái nhà nhỏ ở Sài Gòn cho vợ con về đây sinh sống, nhưng đã bao năm nay, tôi chưa lo gì được cho vợ con tôi hết. Một hôm sau tôi trở lại thăm Đại Tá Vĩnh, Trung Tá Thông và Trung Tá Dương để tặng báo thì các vị này đang sửa soạn để chuyển qua trại An Dưỡng ở Gia Định. Riêng Trung Tá Dương lại trở bệnh nặng, nên vẫn nằm ở trại cũ và tiếp tục chuyền Dextrose.

Chinh Chiến Điều Linh

Nhớ Rừng

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Buổi sáng ngày 16 tháng 5 năm 1973, một buổi lễ kỷ niệm 8 năm thành lập Sư Đoàn 18 Bộ Binh được tổ chức trọng thể dưới sự chủ tọa của Trung Tướng Trần Văn Minh, Tư Lệnh Quân Đoàn III/Quân Khu III. Các đơn vị kết nghĩa, các vị Mạnh Thường Quân của Sư Đoàn 18, các đại diện của các quân binh chủng Hải, Lục, Không quân, các đại diện của ngoại giao đoàn... đến tham dự rất đông đảo.

Sau 8 năm trưởng thành trong khói lửa, Sư Đoàn 18 Bộ Binh đã lập được nhiều chiến công lẫy lừng. Tính đến ngày hôm nay, Sư Đoàn 18 Bộ Binh đã được 4 lần tuyên dương công trạng trước Quân Lục Việt Nam Cộng Hoà, mang dây biểu chương màu Quân Công Bội Tinh. Đặc biệt hai năm gần đây, Sư Đoàn 18 đã tạo thêm được nhiều chiến tích đáng kể và được thêm 3 lần tuyên dương công trạng nữa.

Trong dịp này, Tư Lệnh Quân Đoàn III/Quân Khu III, Trung Tướng Trần Văn Minh trả lời các câu hỏi của báo chí về vụ tiền đồn Tổng Lê Chân đang bị địch quân vây hãm như sau:

- Tổng Lê Chân là một tiền đồn khó chiếm được trước ngày ngưng bắn. Việt Cộng lợi dụng sau ngày ngưng chiến đã trắng trợn tấn công căn cứ này. Ta

có nhiều biện pháp để giải tỏa Tổng Lê Chân, như tiếp tế bằng thả dù, nhưng lương thực ở đây đã dự trữ đủ ăn 3 tháng. Việt Cộng mong cắt đường tiếp tế của ta, ta chỉ phản ứng tự vệ, không vi phạm hiệp định ngưng bắn. Sức pháo của Việt Cộng đã giảm hai phần ba. Mình thả bom chung quanh để tiêu diệt pháo của địch và giải tỏa lần lần. Tóm lại, Tổng Lê Chân bây giờ không có gì trầm trọng lắm.

Tướng Minh cũng cho biết, đến hôm nay chưa thấy triệu chứng gì để nói là Cộng quân sẽ đánh lớn ở Quân Khu 3 trong mùa mưa này.

Tổng Lê Chân là điểm sôi động nhất sau ngày ký kết hiệp ước ngưng bắn. Căn cứ này đang bị bao vây bởi một trung đoàn Cộng quân. Địch pháo vào như mưa, ngày này tiếp ngày khác. Gia đình binh sĩ trú đóng ở Tổng Lê Chân đã được di tản ra khỏi vùng lửa đạn. Một số được đưa về trại gia binh Phan Hạnh. Một số được đưa về làng cô nhi Long Thành. Những người vợ, những người mẹ vừa hân diện với sự chiến đấu của chồng, của con mình tại tiền đồn Tổng Lê Chân, nhưng đồng thời họ cũng phập phồng lo sợ từng giây, từng phút cho sự an nguy của những người thân yêu nhất đời mình đang tử thủ tại một tiền đồn xa xôi hẻo lánh, ngày đêm chịu từng cơn mưa pháo long trời, từng đợt tấn công lở đất của địch quân. Trán đóng tiền đồn Tổng Lê Chân là Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân Biên Phòng, đa số binh sĩ của tiểu đoàn này là người Thượng.

Khi chúng tôi đến trại Phan Hạnh, trong hội trường đã đầy những gia đình binh sĩ từ Tổng Lê Chân di tản về, Áo quần còn lem luốc bụi đường. Trẻ con đông hơn người lớn. Những em còn bé được các bà mẹ đai sau lưng, các bà ngồi bẹp trên nền nhà nói chuyện với nhau, nét mặt người nào cũng có vẻ âu sầu. Tôi chợt thấy một người đàn bà trẻ đứng dựa tường khóc rưng rức một mình. Người đàn bà có nước da thật trắng, nổi bật trong bộ bà ba màu đen, tóc đen mượt xõa dài. Người thiếu phụ này có dáng dấp của một nữ sinh vừa

rời ghé nhà trường. Tôi đến bên cạnh chị hỏi thăm, chị cắn môi cho khỏi khóc nữa và tâm sự:

- Ba má tôi bị kẹt ở Bình Thạnh, Bình Long rồi không biết sống chết ra sao. Chị là vợ của Hạ Sĩ Nguyễn Văn Nhơn đang đóng ở Tổng Lê Chân. Chị nói tiếp:

- Tôi còn bốn đứa em ở đó, không đứa nào chạy thoát. Việt Cộng giữ lại hơn một năm rồi mà không có tin tức gì. Bây giờ tôi ở đây có một mình với đứa con nhỏ 4 tuổi, không có thân nhân nào hết.

Chị Nhơn vừa khóc vừa kể, hai mắt chị đỏ hoe:

- Chồng tôi đang đánh nhau ở Tổng Lê Chân, tôi không nỡ bỏ anh mà đi, nhưng bị pháo quá, chồng tôi bảo tôi bồng con đi cho anh an tâm chiến đấu. Tất cả gia đình binh sĩ đều phải đi. Ngày đầu lên một chiếc C130, ngày sau có 4 chiếc Chinook đến chở tiếp. Hô đi là lên máy bay đi liền, chỉ kịp bồng con và mang theo mấy bộ quần áo.

Chị Út, vợ của Thượng Sĩ Mai Văn Út thấy đồng tình, đồng cảnh, góp chuyện:

- Ba má chồng tôi cũng vậy, bị kẹt hết rồi. Việt Cộng nó giữ lại, không cho ai đi hết. Tôi dọ hỏi hoài mà không được tin tức nào cả.

Một bà khác than:

- Về đây khổ quá cô ơi. Thứ gì cũng phải mua. Không có điện, buổi tối phải thắp đèn cầy hoặc đèn dầu. Nước đi gánh từng đôi mà phải trả tiền cho chủ giếng nữa, 40 đồng một phi. Nếu nước chuyên đến nhà thì 70 đồng một phi. Tôi ở núi rừng quen rồi, muốn dùng bao nhiêu nước cứ ra suối, đâu có tốn đồng nào, về đây thứ gì cũng tốn.

Các bà tụ lại từng nhóm nhỏ, tâm sự với nhau về mỗi hoàn cảnh riêng của gia đình, hỏi thăm nhau về những thắc mắc trong cuộc sống tạm hôm nay.

Những người đàn bà Thượng không nói được tiếng Việt ngồi với nhau thành

một nhóm, họ ít nói, nét mặt người nào cũng có một vẻ buồn sâu kín. Họ lạc lõng giữa đám đông trong hội trường.

Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân Biên Phòng có trại gia binh ở ngay trong căn cứ Tổng Lê Chân. Khi căn cứ này bị pháo kích dữ dội, Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng phải cho di tản các gia đình binh sĩ đi nơi khác để cho anh em binh sĩ rảnh tay và yên tâm mà chiến đấu với quân thù.

Các gia đình ở Tổng Lê Chân được đưa về ở nhờ trong trại gia binh Phan Hạnh của Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân. Trại Phan Hạnh có điện nước, nhưng không đủ cho những gia đình mới đến. Trại Phan Hạnh ở trên một ngọn đồi cao, nên vấn đề dẫn nước lên thật là một việc rất khó khăn. Nếu không đào giếng trong trại, thì nước sẽ rất khan hiếm.

Trong đám mây bà đang đứng góp chuyện với nhau, tôi chợt thấy một em bé đứng cạnh đó lắng tai nghe người lớn nói chuyện. Em đứng một mình, có vẻ bơ vơ giữa đám đông. Tôi đến bên em hỏi thăm:

- Em nói được tiếng Việt không?

- Dạ được, cháu là người Việt.

Tôi thấy mến em ngay vì cách ăn nói lễ phép của em:

- Em bao nhiêu tuổi rồi? Em tên gì và ba má em ở đâu?

Đứa bé có đôi mắt thật to, nói chuyện rất chững chạc:

- Cháu tên Lan, 13 tuổi. Ba má cháu chết rồi. Ba cháu chết ở Tổng Lê Chân.

Cháu có 6 đứa em nhỏ, má cháu dẫn các em cháu chạy trước, cháu chạy theo sau, rồi bị lạc. Sau nghe nói má cháu bị pháo kích chết. Còn các em cháu bây giờ không biết ở đâu.

Tôi xoa nhẹ lên mái tóc em và muốn nói với em một lời an ủi, nhưng rồi tôi không nói được một câu nào. Tôi nghĩ khi tôi mở miệng nói ra một lời an ủi nào đó, thì không biết là em bé Lan này, hay chính tôi, ai sẽ là người khóc trước. Tôi nhìn em, giữa đám người chạy loạn đó, em thật quá nhỏ bé và tuổi

đời của em còn quá sớm để phải gánh chịu một sự bất hạnh lớn lao như thế.

- Bây giờ em ở với ai?

- Cô áo đen kia nuôi em.

Người đàn bà mặc áo đen mà em bé chỉ cho tôi là vợ của Thượng Sĩ Danh Quang. Chồng chị vẫn đang chiến đấu ở Tổng Lê Chân. Ngày đêm chị van vái Trời Phật cho chồng chị được bình yên trước làn tên, mũi đạn.

Những người đàn bà Thượng có vẻ buồn bã hơn, hình như họ không hoà hợp được với khung cảnh ở đây. Một bà nói với tôi:

- Chồng tôi chết trận rồi. Hai đứa con, một đứa chết, còn một đứa này.

Bà chỉ vào đứa con đang dai trước ngực. Hình như đứa nhỏ đang bệnh. Tôi đặt tay lên trán em, thấy nóng hừng hực. Tôi hỏi:

- Sao chị không đưa cháu đi bác sĩ?

- Nó không đau gì, vì nó nhớ rừng đó. Chúng tôi ở đây bệnh quá.

Những người Thượng ở đây, qua câu chuyện, ai cũng nhắc đến rừng xanh. Họ mới xa rừng mấy ngày mà đã thấy nhớ rừng đến bệnh rồi. Rừng xanh gắn liền với cuộc sống của họ. Biệt Động Quân Biên Phòng là hậu thân của Lực Lượng Đặc Biệt. Đa số người Thượng thích vào Lực Lượng Đặc Biệt, vì vào lực lượng này, họ được sống tại quê cha đất tổ của họ, được sống với rừng xanh, với thiên nhiên và với đồng bào của họ.

Phu nhân của Trung Tướng Trần Văn Trung cùng quý vị phu nhân, là những Mạnh Thường Quân của Sư Đoàn 18 Bộ Binh, bắt đầu phát quà cho các gia đình binh sĩ từ Tổng Lê Chân về đây tạm cư. Mỗi gia đình được một phần quà gồm có một ngàn đồng tiền mặt và chiếu, soong, nồi, chén bát... Phu nhân của Trung Tướng Trần Văn Trung nói:

- Bao giờ Việt Cộng còn ý định xâm lăng miền Nam, các anh chiến sĩ tử thủ Tổng Lê Chân còn hăng say chiến đấu, là chúng tôi còn chia xẻ niềm kiêu hãnh và lo âu với các chị em.

Sau khi phát quà xong, các bà ngồi lại thảo luận để tìm cách giúp đỡ cho 80 gia đình cũng từ Tổng Lê Chân được đưa về tạm trú tại làng cô nhi Long Thành. Những gia đình người Thượng về đây, hầu hết đều cảm thấy bơ vơ, lạc lõng. Họ khó lòng hoà hợp được với cuộc sống của những người ở thành phố. Họ nhớ mái nhà sàn, họ nhớ miếng rẫy, họ nhớ rừng xanh, họ nhớ chồng, nhớ cha, nhớ con của họ đang ngày đêm chiến đấu ở Tổng Lê Chân. Họ mong sớm được trở về. Chúng ta chia sẻ với họ những tâm sự đó, và mong có thể mang đến cho họ những nụ cười.

Đó là những mong muốn đơn giản mà phu nhân của Trung Tướng Trần Văn Trung bày tỏ và đang cố gắng thực hiện. Từ lâu nay, bà vẫn âm thầm nhưng rất tích cực trong các công tác xã hội và từ thiện. Một người có tâm hồn đẹp như phương danh của mình: Nguyễn Hoài Nam. Nghe nói ngày xưa bà cũng là một trong những người đẹp của đất Thần Kinh.

Chinh Chiến Điều Linh

Giữa Vùng Đất Đỏ

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Tôi đến thăm Sư Đoàn 18 Bộ Binh vào những ngày đầu của tháng 4 năm 1973. Chuẩn Tướng Lê Minh Đảo, Tư Lệnh Sư Đoàn là một người rất hiếu khách, bất cứ một nhà báo hay phái đoàn nào đến thăm sư đoàn đều được tiếp đón rất niềm nở. Trong câu chuyện, Tướng Lê Minh Đảo nhấn mạnh

niềm hãnh diện của sư đoàn là người lính của Sư Đoàn 18 Bộ Binh được trang bị bằng bốn ưu điểm: quân sự, tinh thần, khả năng và hoàn thành nhiệm vụ.

Điều tôi thấy ngoài bốn điểm tốt mà Tướng Lê Minh Đảo vừa nêu lên, Sư Đoàn 18 còn nhiều vấn đề khác rất đáng khoan thêm mấy điểm son nữa, đó là tinh thần xã hội, vấn đề cô nhi quả phụ và tử sĩ, vấn đề lương bổng của anh em thương bệnh binh đang nằm điều trị tại bệnh xá của sư đoàn, vấn đề nhà thương, trường học cho gia đình binh sĩ... đều được những giới chức thẩm quyền của sư đoàn lo lắng rất chu đáo.

Tôi được Trung Tá Trung, Tham Mưu Phó Chiến Tranh Chính Trị hướng dẫn đi thăm bệnh xá của sư đoàn. Bệnh xá của Sư Đoàn 18 Bộ Binh nằm giữa một vùng đèo heo hút gió, một vùng đất đỏ nắng bụi mưa bùn của tỉnh Long Khánh. Theo cấp số thì bệnh xá này chỉ có 40 giường, nhưng trên thực tế, con số đã lên đến 150 giường. Trong những khoảng thời gian cuộc chiến gia tăng, như hồi mặt trận An Lộc còn sôi động, thương binh chuyển về đây tràn ngập, bệnh xá phải để hai người nằm chung một giường.

Tôi đã đi thăm nhiều bệnh xá của các sư đoàn khác, thường thường sự tổ chức chỉ đúng như bảng cấp số đã ấn định, còn bệnh xá của Sư Đoàn 18 lại giống như một bệnh viện dã chiến cấp vùng. Sự phát triển đã gấp bốn lần của bảng cấp số, nghĩa là có khả năng tiếp nhận một lúc khoảng 300 thương bệnh binh để điều trị.

Bệnh xá này có được thành quả như ngày hôm nay là do công lao của Y Sĩ Thiếu Tá Thân Trọng Đàm. Ông phục vụ tại bệnh xá này từ ngày còn mang cấp Trung Úy. Theo nguyên tắc, một y sĩ ra trường phục vụ ở đơn vị hai năm là có thể xin về tổng y viện hoặc một nơi nào đó gần Sài Gòn, nhưng bác sĩ Đàm vẫn gắn bó với bệnh xá nằm giữa một vùng đất đỏ cát bụi mịt mờ.

Bệnh xá của Sư Đoàn 18 đặc biệt thực hiện thêm được một trại sĩ quan, một trại giải phẫu và hồi sinh và một trại hộ sinh. Trung bình mỗi tháng khu ngoại chẩn khám trên một ngàn bệnh nhân. Mỗi ngày trung bình chụp hình phổi cho 100 tân binh quân dịch của sư đoàn. Phòng điện tuyến có thể chụp hình phổi, bao tử, tiết niệu, ngang với khả năng của một quân y viện.

Mức độ bệnh nhân lên xuống tùy theo mùa và theo tình hình chiến trường. Ngoài khả năng, bệnh xá sẽ chuyển bệnh nhân về quân Y Viện Trần Ngọc Minh hay Tổng Y Viện Cộng Hoà. Nhưng bệnh xá rất cố gắng giới hạn trong vấn đề chuyển bệnh.

Các trại bệnh đều khang trang sạch sẽ. Hiện có khoảng 100 bệnh nhân đang điều trị. Giường nào ra cũng được giặt trắng tinh, đồng phục của bệnh nhân đều sạch sẽ. Bệnh xá này hầu như tự túc đến mức tối đa. Không có máy giặt, nhân viên phụ trách giặt 300 bộ quần áo và hàng trăm tấm ra trải giường mà giặt bằng tay, thì đó quả là một sự cố gắng đáng khâm phục. Bệnh xá chỉ có 34 nhân viên phục vụ cho cả trăm bệnh nhân mỗi ngày trong tình trạng thiếu thốn, cái gì cũng phải tự túc.

Đất Long Khánh mùa mưa không thể mang dép được, mà phải dùng guốc gỗ. Bệnh xá cung cấp guốc cho anh em thương bệnh binh. Trung Tá Trưởng Khôi Chiến Tranh Chính Trị nói:

- Guốc rất cần trong mùa mưa. Chúng tôi xin thùng đạn về đẽo guốc. Quai guốc làm bằng dây dù.

Anh em cũng xin thùng đạn về đóng thành tủ sách. Tủ sách đã sẵn sàng, nhưng sách thì chưa có cuốn nào. Một bệnh nhân nói với tôi:

- Nằm dưỡng bệnh ở đây buồn lắm cô ơi. Nhìn ra bên ngoài là cát bụi và núi rừng, nếu có sách đọc thì đỡ buồn lắm. Sách là món ăn tinh thần của tụi tôi đó.

Tôi hỏi thăm anh:

- Anh thích đọc loại sách gì?

- Tiểu thuyết tình cảm, kiếm hiệp hay là sách gì cũng được. Miễn là có sách đọc cho đỡ buồn.

Tôi hỏi Trung Tá Trung:

- Thưa Trung Tá, không có cách gì để lập tủ sách cho anh em thương bệnh binh sao?

Trung Tá Trung lắc đầu:

- Chỉ có cách đi xin, chứ sư đoàn đâu có ngân khoản để mua sách.

Sách báo quả thật là một nhu cầu cần thiết cho những người đang nằm trên giường bệnh. Thời gian nằm dưỡng bệnh, chữa thương tại bệnh xá là thời gian người lính tạm quên chiến trường, nhưng họ lại chuyển hướng suy nghĩ về gia đình nhiều hơn. Không phải bất cứ người thương bệnh binh nào cũng có gia đình ở gần để được thân nhân thường xuyên đến săn sóc, thăm viếng. Có nhiều người gia đình ở tận Vùng I, Vùng II, với mẹ già, vợ đại, con thơ, lương lính nuôi cả gia đình, có dư được đồng nào đâu để chi phí cho tiền xe, tiền ăn, tiền ở khi vào thăm người thân.

Bệnh xá nằm trong một vùng gần rừng núi nên có khung cảnh thật vắng lặng, nhất là những buổi chiều mưa, bệnh nhân ngồi trên giường nếu không nhìn ra cửa sổ thì chỉ nhìn nhau. Màu áo xanh, khuôn mặt người nào cũng xanh mướt, những tiếng rên la vì đau đớn. Tất cả những màu sắc, âm thanh và sinh hoạt buồn nản đó ngày lại ngày, khiến cho tinh thần của thương bệnh binh dễ bị sa sút. Và sách báo có thể giúp cho họ qua được những khoảng thời gian buồn nản đó.

Hướng dẫn đi thăm các trại bệnh, Thiếu Tá Y Sĩ Thân Trọng Đàm nói với tôi:

- Chúng tôi có 5 trại bệnh, nhưng chỉ 2 trại có ti vi. Tội nghiệp bệnh nhân nào nằm điều trị tại các trại không có ti vi, buổi tối buồn lắm.

Các trại bệnh cách nhau khá xa, nếu gặp mùa mưa, đất đỏ biến thành bùn rất lầy lội. Vì vậy ban đêm, thà bó gối ngồi trên giường tán gẫu với nhau còn hơn lặn lội qua xem ké ti vi, bước nhằm vũng bùn thì chỉ dõ được bàn chân lên, còn đôi guốc đã dính sâu dưới lớp bùn, không thấy đâu mà moi lên được.

Đến trại bệnh có ti vi, tôi thấy một cái ti vi nhỏ đặt trong một chiếc hộp bằng gỗ gắn trên tường, nắp hộp có ổ khoá. Tới giờ xem ti vi, phải có nhân viên trách nhiệm mở khoá. Xem xong đóng nắp hộp và khoá lại cẩn thận. Khi trở về phòng khách của Bộ Tư Lệnh, tôi nói về chiếc hộp đựng ti vi cho Chuẩn Tướng Lê Minh Đảo nghe. Ông nói:

- Ai cho bất cứ gì cũng quý lắm. Tôi vẫn nói với anh em trong sư đoàn là ai cho gì cũng nhận. Một chai xì dầu cũng hữu ích cho một gia đình binh sĩ vậy.

Sư Đoàn 18 Bộ Binh có một nghĩa trang nằm ở An Lộc. Những ngôi mộ ở đây chôn không ngay hàng thẳng lối. Nghĩa trang này không chỉ riêng cho những tử sĩ của Sư Đoàn 18, mà còn có các đơn vị khác nữa. Trước khi Sư Đoàn 18 rút đi, anh em trong sư đoàn lấy ván của thùng đạn, dùng sơn viết tên họ, đơn vị của những người đã vĩnh viễn đi vào lòng đất mẹ để làm mộ bia, những tấm mộ bia thô sơ được dựng lên bởi tình đồng đội rất là thấm thiết của những người còn tiếp tục chiến đấu.

Chuẩn Tướng Lê Minh Đảo nhắc chuyện An Lộc với giọng thật ngậm ngùi:

- Anh em chết ở An Lộc được bọc trong ponchos. Tôi nhớ chuyện anh lính Dù đang đào hố chôn bạn thì trúng đạn pháo kích gục ngay xuống hố của mình vừa đào xong. Bác sĩ Châu chạy xe ngang qua, thấy anh này còn thoi thóp, ông ngừng xe lại để cấp cứu, rồi ông cũng bị trúng đạn pháo mà chết bên cạnh xác anh lính Dù.

Tôi cho anh em trong sư đoàn sửa sang lại nghĩa trang này trước ngày rút đi.

Và hôm sau, trên đường di chuyển, khi đi ngang qua nghĩa trang, mọi người đều cúi đầu, nhớ đến ngày nào còn bạn bè đùa giỡn bên nhau, còn chiến đấu bên nhau, bây giờ rút đi, để lại một số nằm đây yên nghỉ. Mọi người, từ lính đến quan, ai cũng cúi đầu lặng lẽ bước đi. Ba lô và súng đạn không làm nặng đôi vai của người chiến sĩ, mà một sự mát mát nào đó làm tâm hồn họ chịu nặng.

Tôi được xem mấy tấm hình của nghĩa trang này. Nghĩa trang rất rộng, những ngôi mộ nằm không thành hàng lối, mộ bia tấm lớn, tấm nhỏ. Tướng Lê Minh Đảo nói tiếp:

- Tôi có vẽ sơ đồ của nghĩa trang và lập danh sách của tử sĩ gửi về Bộ Tổng Tham Mưu, Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị và một bản lưu ở sư đoàn để sau này khi đã yên, đường bộ đi được, thân nhân của các tử sĩ muốn đến thăm viếng hay cải táng có thể tìm được dễ dàng.

Chinh Chiến Điều Linh

Cuộc Chiến Miền Tây

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Mỗi toà soạn của báo dân sự được Bộ Tổng Tham Mưu cấp cho hai thẻ "phóng viên chiến trường". Những người do toà soạn đưa tên đều được An Ninh Quân Đội điều tra lý lịch rất kỹ càng trước khi trình lên Bộ Tổng Tham Mưu. Thẻ của phóng viên chiến trường có hai mặt, một mặt tiếng Việt, và

một mặt tiếng Anh, cùng nghĩa: "Các đơn vị quân đội kể cả quân đội đồng minh giúp đỡ mọi phương tiện di chuyển, thực phẩm cũng như chỗ ăn, chỗ ở cho phóng viên này".

Trên nguyên tắc là vậy, nhưng không phải bất cứ lúc nào và ở đâu, cứ chìa thẻ báo chí ra là có phương tiện ngay cho mình. Phương tiện di chuyển, nhất là máy bay quân sự, lúc nào cũng ưu tiên cho hành quân, tải thương, tiếp tế... còn dư ra mới có chỗ cho phóng viên. Phương tiện của quân đội mình lại eo hẹp, nhiều lúc phải nhờ vả bên quân đội đồng minh, hoặc là những người mình quen biết thì dễ dàng hơn.

Tháng 3 năm 1971, tôi xin trực thăng từ Sài Gòn về Cần Thơ. Đây là lần thứ tư tôi về làm phóng sự ở miền Tây, một miền trù phú và có cuộc sống tương đối bình yên nhất ở miền Nam trong suốt mấy mươi năm chiến chinh đằng đẵng. Kể từ ngày Cộng Sản Bắc Việt đưa quân vào xâm lấn miền Nam, họ thừa hiểu rằng, miền Tây là kho lương thực trời cho vô tận, vậy mà họ không thể đụng đến, không thể xâm nhập, quấy rối nhiều như các vùng khác. Và đó cũng là một trong những câu hỏi chính của tôi trong lần về miền Tây này.

Đến phi trường Cần Thơ, có xe đón và đưa tôi đi thăm một vài nơi đã định trước. Xe jeep mượn của Thiếu Tướng Nguyễn Văn Chức, Cục Trưởng Cục Công Binh. Tướng Chức đang có mặt ở Vùng IV, nên tôi liên lạc trước từ Sài Gòn để nhờ phương tiện. Tôi quen biết Tướng Chức từ lúc ông còn là Thiếu Tá Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 30 Công Binh Chiến Đấu đóng ở Hóc Môn. Lúc đó tôi là Hội Trưởng Hội Sinh Viên Học Sinh Hóc Môn, hội đã thăm viếng và ủy lạo các gia đình binh sĩ của Liên Đoàn 30 khi trại gia binh của liên đoàn bị pháo kích.

Tôi đi theo một đại đội Chiến Tranh Chính Trị vào những làng xã nằm xa thành phố, những nơi mà người ta gọi là vùng xôi đậu để quan sát tình hình

sinh hoạt, trong lúc các cán bộ Chiến Tranh Chính Trị khám bệnh, phát thuốc và quà cho đồng bào.

Buổi chiều trở về Cần Thơ, tôi nhờ tùy viên của Tướng Chức đưa vào Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn IV để xin phỏng vấn Trung Tướng Ngô Quang Trưởng. Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn IV có vẻ trầm lặng hơn các Quân Đoàn khác. Không có cảnh phóng viên chiến trường trong và ngoài nước vô ra Phòng Báo Chí một cách tấp nập để xin phương tiện ra trận tuyến hoặc thu lượm tin tức chiến sự. Cũng không có những cuộc hội họp tham mưu khẩn cấp bởi tình hình chiến sự trong vùng. Có thể nói người ta nhìn thấy ở đây cái vẻ thanh bình của những năm đầu thập niên 60.

Trung Tướng Ngô Quang Trưởng vừa bay thị sát mặt trận trở về. Đó là một trong những việc làm đều đặn mỗi ngày, khi còn ở Vùng I đầy sôi động cho đến lúc đổi về Vùng IV, ông cũng không thay đổi phương thức làm việc của ông chút nào. Mặc dù mới trở về sau một ngày mệt nhọc, Tướng Trưởng vẫn ngồi lắng nghe từng câu hỏi của người đối diện.

Tôi đi thẳng vào vấn đề:

- Thưa Trung Tướng, hôm nay tôi xin được phỏng vấn Trung Tướng về vấn đề bình định và phát triển ở Vùng IV.

Khi mở đầu để xin phỏng vấn một lãnh vực thuộc về hành chánh dân sự với một vị tướng mà danh tiếng có được bằng vào những chiến công trên trận mạc, tôi nghĩ rằng ông sẽ buồn nản khi trả lời những câu hỏi về vấn đề này.

Nhưng ngược lại, ngoài điều dự đoán của tôi, Tướng Trưởng cười vui vẻ:

- Nhà báo nào, kể cả nhà báo ngoại quốc, khi gặp tôi ai cũng hỏi về chiến trận, cô là người duy nhất quan tâm và hỏi về vấn đề bình định phát triển.

Tôi khởi đi từ nguyên nhân:

- Thưa Trung Tướng, Cộng Sản Bắc Việt biết miền Tây là một kho lương thực đầy ắp và rất thềm muốn nguồn tiếp liệu này, nhưng tại sao họ không

thành công ở miền Tây?

Giọng của Tướng Trưởng trầm ấm, rõ ràng và nhỏ nhẹ. Những người làm việc với ông qua một thời gian lâu, chưa bao giờ nghe ông lớn tiếng dù là ngay những lúc có điều gì không vừa ý:

- Chiến tranh Việt Nam phải lấy xã ấp làm nền tảng. Xã ấp vững thì ở trên mới vững. Xã ấp là nền móng, nền móng chắc thì những xây dựng ở trên mới bền.

- Thừa Trung Tướng, muốn giữ yên xã ấp phải có một lực lượng quân đội mạnh để hỗ trợ. So với các vùng khác, Vùng IV không có nhiều đơn vị chủ lực trấn đóng, nhưng tình hình lại yên ổn hơn các vùng khác?

- Miền Nam có 1 triệu 100 ngàn quân, trong đó có 500 ngàn Địa Phương Quân, Nghĩa Quân. Thường thường người ta đề cao đến chủ lực quân mà quên lãng Địa Phương Quân và Nghĩa Quân là một lực lượng đã góp sức rất nhiều trong việc bảo vệ lãnh thổ. Người lính Nghĩa Quân, Địa Phương Quân chiến đấu trong âm thầm, những công lao của họ ít người biết đến. Quyền lợi của họ cũng chẳng được bao nhiêu so với chủ lực quân, nhưng họ đã góp phần rất nhiều trong cuộc chiến. Để trả lời một phần nào câu hỏi vừa rồi, tôi kể cho cô nghe chuyện này.

Lúc mới về nhậm chức Tư Lệnh Vùng IV, liên tiếp trong mấy tháng liền, mỗi buổi sáng Trung Tướng Ngô Quang Trưởng đọc báo cáo về tình hình và kết quả chiến trận trong đêm qua, đều thấy báo cáo của quận Chương Mỹ, tỉnh Chương Thiện là tỉnh có nhiều Việt Cộng xâm nhập quấy phá. Những báo cáo của quận này đều ghi chiến công bắt được Việt Cộng, lấy được vũ khí, và đêm nào cũng vậy.

Trung Tướng Trưởng kể lại chuyện đó cho Thiếu Tướng Macown, Cố Vấn Trưởng của Quân Đoàn IV. Và một ngày không báo trước, hai vị tướng lãnh cùng bay xuống thăm quận Chương Mỹ. Tướng Trưởng nói với viên quận

trưởng là ông muốn gặp người đã lập nhiều chiến công như trong báo cáo của quận.

Trung Đội Trưởng Nghĩa Quân Nguyễn Văn Mới được lệnh trình diện.

Trước mặt hai vị tướng, một ông già quắc thước, tóc bạc phơ, râu cũng bạc trắng và dài xuống ngực. Dáng người khỏe mạnh, nhanh nhẹn, hai mắt còn tinh anh, mặc một bộ đồ trận cũ đã bạc màu và gần sờn rách. Ông cụ khoảng 65 tuổi, chỉ huy một toán Nghĩa Quân 20 người đã lập nhiều chiến công nhất trong tỉnh Chương Thiện. Việt Cộng nghe đến tên là phải gờm và đã nhiều lần lên án ông.

Trung Tướng Trưởng rất ngạc nhiên lẫn cảm phục. Ạng chân thành khen ngợi và gắn huy chương cho ông Mới. Tiếp theo, Thiếu Tướng Macown cũng gắn huy chương của quân đội Hoa Kỳ cho ông, với sự kính trọng lòng yêu quê hương và tinh thần anh dũng của một chiến sĩ lão thành như người Trung Đội Trưởng Nghĩa Quân quận Chương Mỹ này.

Tôi không bao giờ có thể nghĩ rằng, một vị Tư Lệnh Quân Đoàn lại chịu khó ngồi đọc những tờ báo cáo hàng ngày từ một quận lỵ nhỏ bé trong vùng của mình. Không những đọc và còn ghi nhận để theo dõi và tưởng thưởng những người có công một cách xứng đáng. Tôi đã nhiều lần theo chân Tướng Trưởng đi thăm những tiền đồn heo hút ngoài Vùng I, và cũng đã nhiều lần phỏng vấn ông, nhưng cho đến hôm nay tôi mới hiểu thêm một điều: Tướng Trưởng không phải đơn thuần là một viên tướng của trận mạc, ông còn là một nhà tâm lý, một chính trị gia và một nhà lãnh đạo giỏi.

Có lẽ Tướng Trưởng cũng biết tôi đang ngạc nhiên vì câu chuyện ông vừa kể, ông nói tiếp:

- Ngày sau đó, tôi gọi cho Thiếu Tướng Trần Văn Trung, Cục Trưởng Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị để đề nghị đăng hình ông Nguyễn Văn Mới vào bìa của báo Chiến Sĩ Cộng Hoà số tới và đề cử ông vào phái đoàn chiến sĩ

xuất sắc được đi thăm Đài Loan.

Nếu cô muốn biết chi tiết về việc phái đoàn chiến sĩ xuất sắc đi Đài Loan, cô nên gặp Thiếu Tướng Nguyễn Duy Hình, ông là trưởng phái đoàn trong chuyến đi thăm Đài Loan.

Tướng Trưởng trở lại vấn đề và nhấn mạnh:

- Từ trước đến nay, tôi vẫn đặc biệt chú ý đến thành phần Nghĩa Quân, Địa Phương Quân, họ rất can đảm, hy sinh âm thầm, là những người hết sức nhiệt tình với đất nước, như ông Mới, một anh hùng mà mấy người biết đến.
- Thừa Trung Tướng, ai là người đặc trách về vấn đề bình định và phát triển ở Vùng IV?

- Thiếu Tướng Hình, Tư Lệnh Phó Quân Đoàn. Tướng Hình là một người tham mưu giỏi, kế hoạch rất hay. Ông hết sức nhiệt tình với đất nước. Mười sáu tỉnh miền Tây này được yên ổn là nhờ có Tướng Hình. Những kết quả về chương trình bình định và phát triển có được hôm nay là của ông.

Hôm đó tôi không được gặp Thiếu Tướng Nguyễn Duy Hình ở Cần Thơ.

Sau này mới có dịp hỏi thêm chuyện người Trung Đội Trưởng Nghĩa Quân của quận Chương Mỹ và chương trình Bình Định Phát Triển của Vùng IV.

Tướng Hình vui vẻ kể lại chuyện ông hướng dẫn phái đoàn chiến sĩ xuất sắc của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa qua thăm viếng Đài Loan:

- Đến Đài Loan, phái đoàn được tiếp đón rất nồng hậu. Mọi người được chào mừng vòng hoa tại phi trường và được nhiều nhân vật như Tổng Trưởng Quốc Phòng Tưởng Kinh Quốc, Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị của Đài Loan tiếp đón. Phái đoàn được đi thăm viếng các cơ sở quân sự, thắng cảnh và dự nhiều buổi thuyết trình. Ngày hôm sau, Đại Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng của Quân Đội Đài Loan tiếp đón và nói chuyện. Từ bàn chủ tọa trong hội trường nhìn xuống, vị Đại Tướng thấy ở hàng ghế của những chiến sĩ xuất sắc, có một chiến sĩ già râu tóc bạc phơ,

liền bước xuống đến trước mặt chào hỏi và nắm tay đưa lên ngồi bên cạnh ghế của Đại Tướng. Người được cái vinh dự đó chính là ông Trung Đội Trưởng Nghĩa Quân Nguyễn Văn Mới. Phái đoàn có 10 người. Vùng IV chỉ có Thiếu Tướng Tư Lệnh Phó Quân Đoàn Nguyễn Duy Hình và Trung Đội Trưởng Nghĩa Quân Nguyễn Văn Mới.

Khi trở về, ông Mới có xin vào gặp Tướng Trưởng để cảm ơn. Tướng Trưởng nói với ông:

- Tôi không ban ân huệ gì cho ông cả. Tất cả những gì ông được ngày hôm nay là do chính ông làm ra.

Người lính già rất xúc động, ông nói:

- Tôi xin hứa với Trung Tướng, từ nay sẽ không có một tên Việt Cộng nào trong xã của tôi nữa.

Thiếu Tướng Nguyễn Duy Hình vào Nam năm 1951. Ông xuất thân từ khóa I Nam Định. Với chức vụ Tư Lệnh Phó Quân Đoàn IV, ông đặc trách về vấn đề Bình Định Phát Triển của miền Tây. Người ta nói Tướng Trưởng và Tướng Hình làm việc với nhau rất ăn ý. Tôi hỏi Thiếu Tướng Hình:

- Thưa Thiếu Tướng, yếu tố nào làm cho Thiếu Tướng đạt được kết quả tốt đẹp trong chương trình Bình Định Phát Triển của Vùng IV?

Thiếu Tướng Hình đáp:

- Sau biến cố Mậu Thân 1968, Việt Cộng bị tổn thất nặng nề, nên khi mình phát động chiến dịch Bình Định Phát Triển, các xã ấp được yên ổn, mình nắm được tình hình, dân theo mình và địch bị đánh lui qua biên giới. Lúc ở ngoài Bắc, tôi đã biết rõ Cộng Sản, có kinh nghiệm với Cộng Sản thời chống Pháp, đã thấy rõ cách tổ chức và đường lối của Cộng Sản. Một điều khác nữa là Tướng Trưởng và tôi làm việc với nhau rất hợp. Bởi vậy, kế hoạch nào cũng không gặp trở ngại.

- Thưa Thiếu Tướng, người lính Địa Phương Quân, Nghĩa Quân đóng một

vai trò như thế nào trong chương trình Bình Định Phát Triển ở miền Tây này?

- Miền Tây không có những trận đánh lớn vì những đơn vị lớn của Cộng quân không xâm nhập được và đó chính là công lao của những người lính Địa Phương Quân, Nghĩa Quân. Họ chiến đấu cho quê hương và bảo vệ cho chính gia đình của họ đang sinh sống tại đó. Như ông Nguyễn Văn Mới, không phải chính mình ông là chiến sĩ, mà cả gia đình ông đều là những chiến sĩ chống Cộng.

Tại miền Tây, Địa Phương Quân lập được nhiều chiến công lớn, như mặt trận U Minh, mặt trận Đồng Tháp. Và đặc biệt, ở miền Tây, Địa Phương Quân không phải chỉ hoạt động tại địa phương theo nguyên tắc, mà đã được tăng cường từ tỉnh này qua tỉnh khác, đôi lúc gánh vác, trám chỗ cho các đơn vị chủ lực phải tăng viện đến những nơi chiến trường đang sôi động.

Người ta thường nói, có 3 yếu tố để thành công: thiên thời, địa lợi và nhân hoà. Theo như những điều mà Trung Tướng Ngô Quang Trưởng và Thiếu Tướng Nguyễn Duy Hình cho biết, thì rõ ràng Vùng IV đã đạt được hai:

Miền Tây là đồng bằng, không có rừng núi, nên dễ kiểm soát, đó là địa lợi. Người dân tin tưởng vào chính quyền, nghe và làm theo chính quyền, đó là nhân hoà. Cuộc chiến miền Tây là cuộc chiến nặng về chính trị hơn là quân sự.

Chinh Chiến Điều Linh

Chiều Dừng Quân Bên Biên Giới

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Buổi sáng ở thành phố Huế không ồn ào, náo nhiệt như Sài Gòn. Thời tiết đầu mùa hè vẫn còn dịu mát. Mặc cho tình hình quân sự ngày càng căng thẳng và Huế bị pháo kích dữ dội, những lớp hè của bậc trung học đệ nhất cấp đã bắt đầu khai giảng. Trung Úy Hưng ngồi uống cà phê ở một quán cà phê trong thành nội. Cà phê ở đây nổi tiếng nhất Huế. Không biết có phải tại cà phê ngon hay vì mấy chị em cô chủ quán xinh đẹp, và quán lại tọa lạc trong một khung cảnh trữ tình của Đại Nội, vừa trang nghiêm vừa thơ mộng. Hưng không biết đơn vị của mình sẽ dừng quân ở đây bao lâu, cứ với tình hình này, chắc không thể lâu được. Thây kệ, được ngày nào hay ngày đó. Đã bao năm chinh chiến miệt mài! con người, bất kể tuổi tác, rồi cũng có một lúc nào đó, thấy thèm một sự yên nghỉ. Có những buổi chiều hành quân qua những buôn Thượng, nhìn làn khói trắng từ trong bếp của mấy căn nhà sàn bay lên giữa bầu trời lúc hoàng hôn, Hưng chợt muốn được dừng chân ở đây, cưới một cô sơn nữ nào đó, sống bình yên, phẳng lặng dưới mái nhà sàn, rồi sinh con đẻ cái.

Sinh trưởng tại miền Nam và lớn lên nơi đó, đây là lần đầu tiên Hưng theo đơn vị ra hành quân tận miền Trung. Tháng 5 năm 1972, sau khi thành phố

Quảng Trị lọt vào tay Cộng quân, đơn vị của Hưng, Pháo Đội F thuộc Tiểu Đoàn 2 Pháo Binh Thủy Quân Lục Chiến được lệnh rút về Huế dưỡng quân để chờ ngày phản công quân địch. Pháo Đội của Hưng đóng trong cửa Thượng Tứ và mới về đây được vài hôm.

Tôi tình cờ gặp lại Trung Úy Hưng trong quán cà phê này. Anh đang ngồi uống cà phê với mấy người sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến, có lẽ cùng đơn vị. Khi đi ngang qua bàn, tôi dừng lại chào hỏi:

- Chào Trung Úy Hưng. Cũng lâu lắm rồi mới gặp lại anh.

Trung Úy Hưng quay lại, thấy tôi, anh rất ngạc nhiên:

- Chị Duyên, chị mạnh khỏe?

Tôi chào mấy người bạn của anh và đáp:

- Cảm ơn, vẫn bình thường. Anh ra đây lâu chưa?

- Lâu rồi, từ Quảng Trị rút về. Đơn vị đang dưỡng quân gần cửa Thượng Tứ, chờ tái chiếm Quảng Trị.

- Nhớ lần gặp anh hành quân ở Cao Miên, mới đó mà đã gần hai năm.

Hưng gật đầu tán đồng:

- Phải, mới đó mà đã gần hai năm rồi!

Thời gian qua thật nhanh. Hồi đó Hưng còn là Thiếu Úy, sĩ quan tiền sát của tiểu đoàn. Tôi gặp anh đang dừng quân bên trấn Neak Leung trong một cuộc hành quân quy mô cấp quân đoàn của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa qua biên giới và đánh sâu vào trong lãnh thổ Cao Miên để tiêu diệt những căn cứ hậu cần của Cộng quân và đón cả trăm ngàn đồng bào về nước để tránh khỏi sự tàn sát của người Miên, trả thù vì Việt Cộng ngang nhiên xâm chiếm lãnh thổ của họ.

Tháng 11 năm 1969, Bắc Việt đưa khoảng 40 ngàn quân xâm nhập và đồn trú trong lãnh thổ Cao Miên, dọc theo biên giới. Đầu năm 1970, lực lượng này đã tăng lên đến 60 ngàn người. Theo hãng thông tấn UPI, quân Bắc Việt

đang di chuyển những số lượng quan trọng gạo và các loại thực phẩm khác xuyên qua lãnh thổ Cao Miên. Ngày 8 tháng 3, khoảng 1500 dân của tỉnh Sray Rieng, một tỉnh sát biên giới miền Nam Việt Nam đã biểu tình phản đối kịch liệt quân Bắc Việt ngang nhiên chiếm đóng nhiều nơi trên lãnh thổ của họ. Cộng quân nổ súng bắn vào đoàn người biểu tình. Dân Miên giận cá chém thớt, họ phát động phong trào tàn sát người Việt đang sinh sống trên xứ này.

Ngày 12 tháng 4 năm 1970, Tướng Lon Nol sau khi đảo chánh lật đổ Thái Tử Sihanouk, đã tuyên cáo một chế độ Cộng Hòa đồng thời phát động chiến dịch chống quân đội Bắc Việt chiếm đóng lãnh thổ và chống luôn cả mọi người Việt ở Cao Miên. Hiện nay có khoảng 600 ngàn người Việt sinh sống trên đất Cao Miên đang bị đe dọa, vì Việt Cộng càng mở rộng các cuộc tấn công vào các đơn vị của Cao Miên thì người Miên lại càng căm thù Việt kiều bấy nhiêu. Hàng ngàn người Việt đã bị quân đội Miên tập trung lại để canh phòng và tra hỏi. Một số tỉnh nghi có liên hệ với Bắc Việt bị bắt giữ. Chính quyền Nam Vang đã ban bố tình trạng giới nghiêm riêng cho Việt kiều và bắt làm căn cước đặc biệt.

Ngày 10 tháng 4, hãng Reuter loan tin: “Khoảng 100 người Việt gồm đàn ông, đàn bà và trẻ con đã bị thiệt mạng và khoảng 200 người khác bị thương giữa hai lần đạn giao tranh ác liệt của quân Bắc Việt và quân Cao Miên”.

Ngày 16 tháng 4, cảnh sát Miên ập vào một ngôi làng gọi là Xóm Biên bắt hết đàn ông con trai Việt từ 14 tuổi trở lên đưa đến một nơi nào không ai biết. Nhưng những ngày sau đó, một vài phóng viên ngoại quốc và một vài vị tu sĩ Công Giáo đã nhìn thấy cả ngàn Việt kiều bị lừa lên tàu chở đi. Hai hôm sau, người ta đếm được khoảng 500 xác bập bênh trôi dọc theo dòng sông. Những người này bị giết và thả xuống sông từ nhiều nơi khác nhau, đa số đều bị trói hai tay.

Ngày 17 tháng 4, tại thị xã Takeo, lính Miên đã 4 lần xả súng bắn vào trại tập trung Việt kiều làm cho hơn 100 người thiệt mạng. Hằng đêm, tàu Hải Quân Cao Miên chở từng loạt người Việt đến cù lao rồi xả súng bắn bỏ. Những người còn lại sống trong tình trạng kinh hoàng, họ tìm cách trốn tránh, tìm đường trở về nước và một số bỏ theo Việt Cộng. Chính quyền Nam Vang không hề lưu ý đến sự can thiệp của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Giữa hai nước chưa có sự bang giao chính thức.

Trong lúc đó, vùng tam biên bắt đầu dậy sóng. Quân Bắc Việt từ Lào kéo xuống dốc Cao Miên, và miền Nam cũng đã dàn quân dọc biên giới.

Ngày 29 tháng tư năm 1970, một lực lượng đặc nhiệm gồm hơn 100 chiến xa và khoảng 15 ngàn quân của Việt Nam Cộng Hòa vượt biên giới tiến sâu vào trong đất Cao Miên. Lực lượng này đã kiểm soát được hai thị trấn Chipou và Prasaut mà quân Bắc Việt đánh chiếm hồi đầu tháng 4 vừa qua. Lực lượng đặc nhiệm từ ba mặt tiến vào. Cánh quân thứ nhất không gặp một sự kháng cự nào. Cánh quân thứ hai phải chạm súng dữ dội khi tiến chiếm một dãy những căn cứ tiếp liệu, trung tâm huấn luyện của địch. Cánh quân thứ ba xuất phát từ Kiến Tường và đánh qua biên giới.

Cánh quân chiếm Chipou và Prasaut là một tiểu đoàn Biệt Kích người Việt gốc Miên, di chuyển theo 40 chiến xa M48 và được một tiểu đoàn Bộ Binh yểm trợ. Đơn vị Bộ Binh này đã tập trung người Việt trong vùng lại và hộ tống họ đến nơi đóng quân của bộ chỉ huy trung đoàn. Đồng bào được phát lương thực và chờ phương tiện đưa về nước.

Tư Lệnh Hành Quân, Trung Tướng Đỗ Cao Trí đã tuyên bố với các phóng viên tại Svey Tiep, một nơi cách biên giới Việt-Miên 24 cây số:

- Mục đích cuộc hành quân là tiêu diệt Việt Cộng, phá hủy các cơ sở tiếp liệu để vô hiệu hóa hoạt động của chúng trong một thời gian dài.

Về địa lý, lãnh thổ của Cao Miên có một giải đất nằm lọt vào sâu trong lãnh

thỏ của miền Nam và có hình dáng giống mỏ của con chim vẹt, nên vùng này có tên là vùng Mỏ Vẹt. Cái mỏ vẹt chỉ cách Hòn Ngọc Viễn Đông chưa đến 60 cây số, cho nên nếu không kiểm soát được Mỏ Vẹt, thì Hòn Ngọc Viễn Đông có thể bị “mỏ” bất cứ lúc nào.

Ngày 3 tháng 5, một cánh quân gồm Bộ Binh, Biệt Động Quân và Thiết Kỵ đã ác chiến dữ dội khi tiến vào mật khu Ba Thu trong vùng Mỏ Vẹt. Ba Thu là một trong những mật khu lớn và quan trọng của Cộng quân. Chiếm mật khu này, quân ta tịch thu được nhiều kho vũ khí, đạn dược của địch tích trữ bấy lâu nay.

Sát với Mỏ Vẹt là vùng Lưỡi Câu, vì hình dạng giải đất này giống hình lưỡi câu. Người ta nghi ngờ đây là nơi trú đóng bản doanh của Trung Ương Cục Miền Nam hay cục R. Một lực lượng đặc nhiệm thứ hai gồm khoảng 9 ngàn quân với sự yểm trợ của Không Quân, Pháo Binh và Thiết Giáp đã tiến vào càn quét vùng Lưỡi Câu để lùng bắt Cục R.

Tin tình báo cho rằng, bản doanh của Cục R cũng là bản doanh của Công Trường 7, và Trung Đoàn 66 là một trung đoàn chính quy tinh nhuệ nhất của Bắc Việt có nhiệm vụ bảo vệ Cục R. Nhưng khi lực lượng đặc nhiệm này tiến vào, có những dấu hiệu cho thấy địch quân đã rút ra khỏi vùng trước đó một, hai ngày. Cũng có giả thuyết cho rằng, bản doanh của Cục R có những hệ thống địa đạo dẫn vào những khu rừng rậm nằm sâu trong đất Miên.

Ngày 10 tháng 5, một lực lượng thủy bộ gồm có 140 chiếc tàu của Hải Quân đủ loại, 300 chiến xa của Thiết Giáp và 5 trung đoàn Pháo Binh yểm trợ cho 8 ngàn Thủy Quân Lục Chiến và Bộ Binh tiến vào đất Miên dọc theo sông Cửu Long. Lực lượng này được chia ra làm hai mũi tiến công: một cánh trên bộ và một cánh trên sông. Cuộc hành quân có tên là Hành Quân Cửu Long và do Tư Lệnh Quân Đoàn IV, Thiếu Tướng Ngô Dzu chỉ huy.

Hơn 300 chiến xa đã mở đầu cho cuộc hành quân xuất phát từ Kiên Phong

ào ạt tràn qua biên giới. Khi băng qua những cánh đồng đất khô, đoàn chiến xa đã tạo một màn bụi mờ rộng lớn che phủ cả một vùng. Một lực lượng Thủy Quân Lục Chiến được trực thăng vận đổ xuống Neak Leung và đánh vào thị trấn này.

Buổi sáng ngày 12 tháng 5 năm 1970, tôi đi từ Sài Gòn về Cần Thơ, rồi từ Cần Thơ đến Châu Đốc bằng đường bộ. Buổi tối tôi ở lại Châu Đốc tại nhà của một người bạn gái học cùng trường. Sáng hôm sau, ra bãi đáp ở tòa hành chánh Châu Đốc thật sớm để theo trực thăng qua Neak Leung.

Neak Leung là một thị trấn nhỏ nằm gần biên giới Việt Miên. Hai dãy phố nằm dọc theo con đường chính chạy xuyên qua thị trấn và bên cạnh một dòng sông nhỏ, hai bên bờ sông trồng toàn cây thốt nốt. Khi tôi đến, lực lượng Thủy Quân Lục Chiến của Việt Nam Cộng Hòa đã đẩy lui Việt Cộng và hoàn toàn kiểm soát thị trấn này. Nhưng Neak Leung đã bỏ ngỏ kể từ ngày Việt Cộng tràn vào xâm chiếm. Dân chúng, đa số là người Việt và người Hoa, đã trốn đi nơi khác để tị nạn. Lực lượng Thủy Quân Lục Chiến trấn giữ ở đây đóng rải rác khắp thị trấn. Mỗi toán nhỏ vài người trong một căn nhà hay phố trống. Có toán đóng trong các vườn cây. Một nhóm Thủy Quân Lục Chiến đang đá banh giữa đường phố một cách thoải mái. Một vài căn nhà kế đó, có mấy gia đình người Miên vẫn liêu ở lại trong thị trấn, họ nằm du đưa trên võng căng trước nhà và thản nhiên nhìn mấy người lính Việt Nam đá banh.

Trong lúc đó, các cấp chỉ huy của những đơn vị này đang nóng lòng chờ các cánh quân của Cao Miên đến bắt tay để bàn kế hoạch hành quân sắp tới, nhưng họ tiến quá chậm và rời rạc làm mất nhiều thời giờ.

Một Thiếu Úy đến chào và ngỏ ý nhờ tôi mang dùm thư và một món quà nhỏ về Sài Gòn cho gia đình của anh. Tôi nhìn bảng tên và hỏi:

- Thiếu Úy tên Hùng hay tên Hưng?

- Tôi tên Hưng, Nguyễn Phục Hưng.
- Tôi sẽ đưa tận nhà cho anh. Anh thấy tình hình ở đây như thế nào?
- Chưa thấy đụng nặng, chỉ có pháo kích thôi.
- Anh gặp đồng bào mình không?
- Không thấy ai nhiều. Một số đã bỏ trốn từ ngày bị người Miên cấp duồn, một số bị bắt vào các trại tập trung hoặc đem đi nơi nào chẳng ai biết.
- Khi quân mình đến đây, người Miên họ có thái độ như thế nào?
- Người Miên đang thù Việt Cộng, mình vào đánh Việt Cộng, thì họ có cảm tình với mình hơn.

Buổi trưa, anh em Thủy Quân Lục Chiến mời tôi ăn cơm gạo sảy. Sau bữa cơm, tôi rời Neak Leung đến Kompong Trach. Ngang qua một con sông, cây cầu đã bị Việt Cộng giựt sập khi rút lui cho khỏi bị truy kích. Một đơn vị Công Binh Chiến Đấu đang nối lại cầu. Xe phải dừng để chờ. Một vị sĩ quan Công Binh nói với tôi:

- Có ông xếp lớn chỉ huy dưới sông.

Tôi ngạc nhiên, xuống xe đến gần xem, nhưng nhìn mãi không thấy ông xếp lớn nào cả. Một lúc sau, tôi mới thấy Tướng Nguyễn Văn Chức, Cục Trưởng Cục Công Binh, mặc bộ đồ đen, đang đứng dưới sông, phụ nâng một cây đà lên cùng với anh em Công Binh làm cầu. Tướng Chức tóc hớt thật cao, nắng gió Cao Miên làm cho da ông đen sạm. Tôi biết ông từ hồi ông còn là Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 30 Công Binh Chiến Đấu mà chiều hôm nay suýt chút nữa không nhìn ra ông. Nắng và gió của Cao Miên nhuộm màu da người rất nhanh, tôi mới qua đây chưa đầy một ngày, nhìn xuống hai cánh tay, thấy đã đổi màu rõ rệt.

Tiếng gió thổi, tiếng búa đập, tiếng người lao xao... khiến nơi đây ồn ào như một công trường. Tôi đứng trên bờ la lớn:

- Chào Thiếu Tướng.

Tướng Chức nhìn lên, thấy tôi cũng có mặt ở đây, ông có vẻ ngạc nhiên:

- Chào cô Kiều Mỹ Duyên.

Tôi cũng ngạc nhiên và cảm phục khi thấy một vị tướng đang xắn tay áo, lội xuống dưới sông làm việc với những người lính của mình giữa chiến trường. Từ Kompong Trach, tôi trở lại Neak Leung để phỏng vấn một số chiến sĩ trong lực lượng Hải Quân của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Lực lượng hành quân này gồm khoảng 30 chiến hạm đã ngược dòng sông Cửu Long, dừng lại ở bến Neak Leung trước khi tiến lên Nam Vang. Từ Neak Leung, một chiếc tuần giang đình đi trước mở đường, dẫn đầu là chiến hạm Vũng Tàu, và lực lượng Hải Quân này tiến vào thủ đô Nam Vang trước sự hâm mộ của hàng ngàn dân Miên đứng đầy bên bến tàu. Trong lúc đó, hàng ngàn người Việt đang ở trong các trại tập trung của Miên, vô cùng xúc động và hân hoan khi nghe tin này. Họ mất mát quá nhiều: tài sản, sinh mạng, cả nơi sinh sống của họ. Nhưng nay đã được chút an ủi, được bù đắp bởi tình đồng bào và vòng tay che chở của quê hương.

Khi Hải Quân Đại Tá Nguyễn Thanh Châu, chỉ huy trưởng cuộc hành quân, từ chiến hạm Vũng Tàu bước lên bờ, một phái đoàn của chính quyền Nam Vang đã chờ sẵn để đón tiếp. Ngày hôm sau, đoàn tàu tách ra một toán đi Kompong Cham, cách Nam Vang chừng 120 cây số, là một tỉnh có nhiều người Việt sinh sống, nằm ở thượng lưu sông Cửu Long. Đoàn tàu này gồm một chiến hạm 400 tấn, 10 giang đình yểm trợ, và 10 giang vận hạm để chở đồng bào về. Trên đường đi, đoàn tàu phải giao chiến với các lực lượng Việt Cộng hai bên bờ, cho nên không thể ở lại Nam Vang cùng ngày được. Đoàn tàu đón được 4 ngàn người từ Kompong Cham và ở Nam Vang, 5 ngàn người sẵn sàng để hồi hương. Hàng ngàn người Việt đã sinh sống lập nghiệp ở đây, cũng có người sinh ra và lớn lên, xem mảnh đất này như một quê hương thứ hai, nhưng buổi sáng hôm nay, họ bỏ lại nhà cửa, cơ sở làm ăn, từ

trong những trại tập trung ở Nam Vang, lúc sáng sớm tinh sương, đã khăn gói, bồng bế nhau sắp hàng trên bờ sông chờ xuống tàu. Những người lính Hải Quân đứng thành hàng dài để chuyển dùm đồ đạc, trẻ con, giúp những người tàn phế, già cả xuống tàu và phát thực phẩm.

Khoảng xế trưa, Phó Đề Đốc Trần Văn Chơn, Tư Lệnh Hải Quân, đáp trực thăng ngay ở bến tàu và bước xuống chiến hạm Vũng Tàu thăm hỏi đồng bào tị nạn.

Đúng 1 giờ chiều, đoàn tàu rời bến Nam Vang, mang theo hơn 9 ngàn đồng bào trở về quê nhà. Lực lượng Hải Quân đã hoàn thành cuộc hành quân ngược dòng Cửu Long để đón đồng bào về nước đợt đầu như một cuộc biểu dương thật rầm rộ, hào hùng và đẹp mắt chưa từng thấy từ trước đến nay trên dòng Cửu Long giang.

Và tiếp theo, còn nhiều đợt khác sẽ được thực hiện để đón khoảng 100 ngàn đồng bào rải rác trên đất Miên về nước. Hiện nay, chính quyền Nam Vang đang còn giam giữ khoảng 30 ngàn người Việt sống một cách thiếu thốn, khổ cực và bị ngược đãi trong các trại tập trung. Hồng Thập Tự quốc tế phải cảnh cáo chính quyền Nam Vang là coi chừng một trận dịch sẽ lan tràn. Như một lời phúc đáp, những người đi lại trên phố Nam Vang đều thấy những tấm bích chương dán đầy đường, với nội dung bằng hai thứ tiếng, Pháp và Miên: “Việt Cộng còn đáng sợ hơn cả bệnh dịch nữa”.

Chinh Chiến Điều Linh

Chàng Từ Khi Vào Nơi Gió Cát

Phóng sự chiến trường của nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên

Đà Lạt đó, đất của những rừng thông ngàn năm thì thâm với gió. Đất của suối, của hoa và của những người con gái hai má đỏ hồng. Và ở đó, cũng là nơi xuất thân của những người trai luôn luôn tâm niệm nam nhi chí tại bốn phương, lấy hình ảnh oai hùng của kẻ gác ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo làm biểu tượng. Nhắc đến Đà Lạt là có cả ngàn điều để nhớ, trăm điều để thương.

Con đường dốc quanh co, với hai hàng thông trồng dọc hai bên đường, một đầu là khu phố Hoà Bình, trái tim của Đà Lạt, một đầu là quân trường nổi tiếng, trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, nơi đào tạo những người luôn lấy hình ảnh của bốn chữ Tang Bồng Hồ Thỉ làm lý tưởng, cái biểu tượng hào hùng đó cũng là một trong những nghi thức không thể thiếu trong ngày mãn khóa: sinh viên thủ khoa của khóa, trước lễ đài, một chân quỳ gối, một tay cầm cung, một tay giương tên, bắn đi bốn hướng. Những mũi tên bắn đi từ những người trai Võ Bị đó, đã có nhiều mũi bắn vào tim giai nhân bốn phương. Gần nhất là những người con gái đôi má đỏ hồng của Đà Lạt. Người đến, đến từ muôn phương, người đi, đi về vạn nẻo, để lại nhiều thiên tình sử trong cái thành phố nhỏ bé này...

Con đường từ phố Hoà Bình, một khu phố nhỏ, dễ thương, lúc nào cũng có hình ảnh của những đôi tình nhân khắp nơi đến. Đến tìm cái lạnh co ro, tìm sự gần gũi nhau hơn trong bầu trời sương mù của Đà Lạt. Con đường đổ xuống bên dưới chân phố, bọc theo hồ Xuân Hương, với cà phê Thủy Tạ, với những chiếc Pédalo lượn lờ trên mặt nước, đưa đôi tình nhân vào cõi mộng mơ. Qua khỏi hồ Xuân Hương, con đường bắt đầu có độ dốc cao dần, rồi đến nhà ga, cũng là Trạm Hàng Không Dân Sự. Qua khỏi nhà ga, một đường rẽ lên Trại Hàm, vùng đất của những trái mận no tròn, chỉ nhìn qua là muốn cắn ngay. Một đường cứ đi tiếp, sau chừng bốn, năm cây số đã vào địa phận của trường Võ Bị Đà Lạt. Quanh co qua những khu trồng rau xanh mướt, bên phải là hồ Than Thở. Chỉ nghe tên thôi cũng đủ tưởng tượng được cảnh hồ đẹp và buồn đến đâu. Qua khỏi hồ Than Thở, với những khúc lượn vòng trên những đồi thông là đến cổng trường. Một mối tình nào đó, bắt đầu sự gặp gỡ có thể trong quán cà phê, hay tại một gian hàng hoa trong chợ Hoà Bình, hoặc ngay trên những con đường phố Đà Lạt, để hẹn hò bên hồ Xuân Hương, đưa nhau đến đỗ lệ bên hồ Than Thở, rồi chia tay nhau tại nhà ga, và biệt ly, nhớ nhung từ đây... Tất cả diễn ra trên con đường đó, và con đường có thể giản dị mà đặt tên: Con Đường Tình Sử.

Đoạn đường từ hồ Than Thở đến cổng chính của trường là một đoạn đường rất đẹp. Đường tráng nhựa êm ái, chạy quanh co trong những đồi thông thật thơ mộng. Một trạm kiểm soát trước khi vào cổng chính mang tên cổng Thái Phiên. Cổng chính của trường nhìn ra đồi núi chập chùng. Cổng sau của trường, cổng Lý Thường Kiệt, ngõ ra khu phố Catina, một khu phố nhỏ mang tên một khách sạn lớn ở đây, khách sạn có từ thời Pháp thuộc. Một cổng phụ nối liền với trại gia binh của trường là cổng Mê Linh. Trường Võ Bị nằm trên một khuôn viên rất rộng. Từ cổng Thái Phiên đi vòng qua cổng Lý Thường Kiệt cũng phải mất gần mười lăm phút lái xe. Ngoài ba cổng

chính trường còn có nhiều cổng không tên khác mà chỉ có sinh viên sĩ quan và Quân Cảnh 302 của trường biết mà thôi. Từ những cổng không tên đó, trong một đêm sương mù phủ xuống dày đặc, có những sinh viên sĩ quan đa tình, liêu lĩnh lén rời trường để đến một nơi nào dưới phố, dưới một mái nhà, có người con gái đang ngồi trong khung cửa chờ mong. Những sinh viên sĩ quan dám đi qua những cổng không tên đó, thường thường đã là niên trưởng. Chứ các Cùi mới năm thứ nhất thì còn "cùi" lắm, khó lọt mắt xanh của người đẹp. Mà không có người đẹp chờ mong, thì chẳng lẽ liêu lĩnh trốn ra khỏi trường chỉ đến dốc Duy Tân uống một ly sữa đậu nành nóng rồi lại trở vào hay sao? Và để tiếp nối truyền thống đó, khi các niên trưởng gần đến ngày ra trường, cũng vui vẻ bàn giao lại cho đàn em những cổng không tên này, để rồi bao nhiêu mối tình đã nở và biết bao con tim đã héo mòn. Một người con gái kể cho tôi nghe chuyện tình của nàng, một Chinh Phụ Ngâm Khúc của người con gái mới hai mươi hai tuổi tròn.

.....

Buổi chiều từ trường về, Quyên nhận được thư Nguyên. Phong bì đóng dấu Bưu Điện Nha Trang, chứ không gửi qua Quân Bưu. Anh chàng lại trốn ra phố Nha Trang chơi rồi, Quyên nhủ thầm.

“Quyên của anh,

Ngày mai, thứ hai, anh làm lễ mãn khóa ở trường Dù. Đúng ra còn nợ trường này một saut nữa, nhưng saut cuối cùng để dành nhảy về trường mẹ. Sáng thứ ba, lúc 10 giờ, em đến ngoài cổng Mê Linh, nhớ mang theo ống dòm. Người nhảy xuống đầu tiên là Trung Tướng Chỉ Huy Trưởng. Người thứ nhì là anh: Thủ Khoa Khóa Dù. Em đứng chỗ nào cho dễ thấy, anh sẽ đáp ngay trước mặt em. Gặp nhau sau. Thương nhiều.”

Thư Nguyên lúc nào cũng vậy, ngắn gọn và đùa cợt. Thủ khoa của khóa Dù! Thật là cứng đầu, nói mãi không chịu nghe. Ba mẹ đã hăm rồi, ra trường mà

chọn mấy cái binh chủng đồ bông, đồ rằn để miệt mài ngoài chiến trận là đừng hòng gả con gái cho. Ba đã có lần nói thẳng với Nguyên: "Sống ở đời, khôn ngoan là ai sao mình vậy. Học đủ để ra trường là được rồi. Ra trường sẽ gửi gắm về làm ở thành phố cho an nhàn tẩm thân, lại có thì giờ lo cho vợ con sau này". Nguyên cười, dạ dạ, rồi những lời khuyên bảo cũng như nước chảy qua đá trên thác Cam Ly.

Nhớ lần đầu tiên gặp Nguyên, Quyên không hiểu tại sao sau này mình lại thương được người đã làm mình tức đến khóc được. Buổi sáng thứ bảy đó, Quyên và em trai đi phố mua sắm mấy thứ lặt vặt, rồi hai chị em vào Mê Kông uống nước. Buổi sáng cuối tuần nào khu phố Hoà Bình cũng đầy bóng dáng những sinh viên sĩ quan Võ Bị trong bộ đại lễ bốn túi mùa đông, dáng người thẳng, bước chân vững chãi, nụ cười, ánh mắt tự tin. Buổi sáng hôm nay trời Đà Lạt thật đẹp, nắng rực rỡ trên những cành Mimosa đang bắt đầu nở hoa vàng. Khu phố nhỏ bé này có vẻ ồn ào hơn, vì hôm nay là ngày được ra phép đầu tiên của một khóa Võ Bị vừa xong thời gian huấn luyện, mới làm lễ gắn Alpha tối hôm qua. Lần ra phép đầu tiên cứ như là cộp sút chuồng, mấy anh chàng sinh viên sĩ quan vừa hung hăng, phá phách, vừa mang cái nét thật ngố trong bộ đại lễ mặc lần đầu. Tóc của mấy chàng còn ngắn đúng kiểu mẫu, cử chỉ cứng nhắc, nét mặt nửa ba gai, nửa còn khóp vì bị hành tận mạng trong những ngày huấn luyện vừa qua. Họ phá phách như là một truyền thống. Trường dễ dãi cho lần ra phép đầu tiên sau ngày lễ gắn Alpha, miễn là không quá trớn. Nguyên ngồi bàn kế bàn Quyên, cùng với mấy người bạn đồng khóa. Họ ăn uống, cười nói có vẻ thỏa thích với những giây phút tự do ngắn ngủi, rồi bắt đầu tìm những mục tiêu để phá. Mục tiêu của họ là những chàng trai híp-py, tóc để dài như con gái. Thanh niên Đà Lạt đã quen với truyền thống này rồi. Hết cuối tuần mà có khóa Võ Bị nào vừa làm lễ gắn Alpha, ngày mai được ra phép là họ tránh không xuống phố, để "văn" và

"vô" khỏi đụng nhau lời thôi. Hoàng kệt đi với chị nên đành chịu trận.

Quyên ngồi im không nói gì, cho đến khi một người trong bàn của Nguyên đòi qua cắt tóc Hoàng thì Quyên phản ứng ngay. Quyên lấy bút, nhìn bằng tên trên ngực áo của anh chàng này, giọng thách thức:

- Anh dám làm không?

Nguyên nãy giờ chưa dự phần, vội đứng lên ngăn lại:

- Thôi thôi, mình đi phở chơi, đừng chọc bà chàng này nữa.

Quyên tức muốn phát khóc, trợn mắt nhìn thẳng mặt người vừa gọi mình là bà chàng. Vàng trán rộng, nét mặt cương nghị lẫn chút bướng bỉnh, dáng người dong dỏng cao và thẳng. Vài tuần nữa bớt cái nét ngố của một anh Cùi vừa mới gấn Alpha thì coi cũng được, Quyên nhủ thầm, nguýt dài một cái, đuôi mắt quét rưng cả mấy búp hoa của cành Mimosa chung trên quầy.

Làm như có duyên có nợ gì đó, những tuần kế tiếp họ lại đụng đầu nhau trong phở Tùng, trong cà phê Thủy Tạ... Và một buổi sáng thứ Bảy, mẹ bảo Quyên ra chợ mua vài ký mận để về Sài Gòn biếu bà con. Lựa mận xong, Quyên đang loay hoay không biết thế nào để bê mấy bao mận nặng trĩu này ra xe lam, thì một bàn tay đỡ nhẹ:

- Tôi mang dùm cô về tận nhà.

Và không cần biết Quyên có đồng ý hay không, Nguyên vẫy taxi. Quyên cũng không hiểu sao lúc đó mình lại thụ động như vậy. Riu riu lên xe và để cho Nguyên mang mấy bao mận vào tận nhà, chào bác trai, chào bác gái, tự nhiên như quen biết đã lâu ngày.

Bốn năm trôi qua. Đối với những người con gái đã yêu người trai Võ Bị, bốn năm, mỗi ngày tính bằng một tuần. Như vậy, bốn năm rút lại còn được bao nhiêu ngày? Và mỗi ngày gặp nhau được bao nhiêu giờ?

Rồi Nguyên làm lễ mãn khóa. Chàng vẫn là thủ khoa của khóa. Vẫn giữ truyền thống của người theo nghiệp võ tự ngàn xưa. Trong lễ mãn khóa,

chàng đã giương cây cung bắn bốn mũi tên ra bốn hướng, để biểu tượng chỉ tang bồng hồ thủy của kẻ nam nhi. Rồi chàng rời Đà Lạt như một mũi tên rời dây cung, để lại cho Quyên khắp mọi nơi, mọi ngõ trong cái thành phố nhỏ bé lạnh lẽo đầy sương mù này, đâu đâu cũng là kỷ niệm...

Những gì Quyên mong đợi bây giờ là những bức thư ngắn ngủi, từ những địa danh xa lạ gửi về. Thư mới nhận hôm qua cũng ngắn như một bức điện tín:

“Quyên của anh,

Vừa chiếm lại Quảng Trị. Trận đánh thật khốc liệt, dành nhau từng tấc đất. Xong rồi. Ngày mai xin 12 giờ phép, phóng xe vào Huế ăn tô bún bò cho biết cay đến đâu và nhìn xem nữ sinh Đồng Khánh đi học qua cầu Trường Tiền đẹp như thế nào. Mong em luôn luôn vui vẻ.

Thương nhiều.”

Nguyên đi biệt. Gót giày hành quân của chàng dẫm qua không biết bao nhiêu là địa danh. Mỗi năm được về phép mấy ngày, chia ra cho gia đình ở Sài Gòn vài ngày, cho Quyên ở Đà Lạt vài ngày, còn lại cho bạn bè. Nguyên được thăng cấp rất nhanh bởi những chiến công vẻ vang. Những hoa mai trên cổ áo của Nguyên là do chính tay Quyên thêu trong những lần Nguyên về phép. Cứ mỗi lần thêu thêm một hoa mai cho Nguyên là lòng Quyên lại trĩu nặng thêm một ít. Một câu nói nửa đùa nửa thật của người bạn học cùng lớp, mà mỗi lần nhớ đến, đã làm cho Quyên cảm thấy chói với như người mất đà vì bắt hụt vào chiếc bóng:

- Lấy chồng Võ Bị thì chớ có lấy thủ khoa. Thủ khoa nào của Võ Bị cũng sớm được tổ quốc ghi ơn...

Bước vào Võ Bị là Nguyên đã chọn con đường binh nghiệp. Suốt bốn năm miệt mài rèn luyện cả văn lẫn võ. Nguyên hãnh diện với sáu chữ: Sinh Viên Võ Bị Đà Lạt. Nguyên muốn mình xứng đáng với niềm hãnh diện đó, trong

trường, ngoài quân sự và văn hoá, Nguyên học quyền thuật, kiếm thuật, học cưỡi ngựa, chơi đàn, nhảy đầm rất đẹp, pha cocktail rất ngon. Ra trận, Nguyên đánh giặc rất gan lì. Tất cả để giữ cái truyền thống của hai chữ "Đa Hiệu" mang trên vai. Và luật của tạo hoá là như vậy: truyền thống càng hào hùng, định mệnh càng khắc nghiệt.

Quyên biết mình chỉ là sợi tơ, không thể nào buộc nổi một cánh chim bằng với hào khí đang còn ngất trời. Chỉ còn biết chờ, chỉ còn biết đợi. Đợi chờ cho đến ngày chim bằng mỗi cánh, hoặc là...

Quyên không dám nghĩ đến. Không dám ích kỷ mong muốn Nguyên dừng chân bằng một sự hy sinh quá lớn. Mà thật sự thì Nguyên đã hy sinh, hy sinh cả một tuổi thanh xuân của chàng cho chiến trận, hy sinh cả một tình yêu như mật ngọt trong khung trời Đà Lạt mộng mơ này, để lăn mình vào nơi gió cát...

HẾT

Đánh máy : lethy44

Nguồn: thuvientoancau

Được bạn: NHDT đưa lên

vào ngày: 4 tháng 6 năm 2007